BỘ THƯƠNG MẠI

ĐỀ TÀI KHOA HỌC CẤP BỘ

Mã số: 2004-78-008

Báo cáo tổng hợp

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI TRONG QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH NỀN KINH TẾ TRI THỨC CỦA VIỆT NAM

5897
21/6/2006

HÀ NỘI 12/2005

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Lời nói đầu	4
Phần thứ nhất	
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI TRONG NỀN KINH TẾ TRI THỨC	7
I. Khái niệm, đặc trưng và vai trò của kinh tế tri thức đối với phát triển kinh tế - xã hội.	7
1. Khái niệm và đặc trưng của kinh tế tri thức	7
2. Vai trò của kinh tế tri thức đối với phát triển kinh tế - xã hội	13
2.1. Tri thức và tăng trưởng kinh tế	13
2.2. Kinh tế tri thức thúc đẩy qúa trình toàn cầu hóa kinh tế	14
II. Vai trò và mối quan hệ giữa phát triển thương mại và kinh tế tri thức	18
1. Tác động của kinh tế tri thức đối với phát triển thương mại	18
2. Vai trò của thương mại đối với phát triển kinh tế tri thức	22
III. Đặc trưng của thương mại trong nền kinh tế tri thức	26
IV. Kinh nghiệm phát triển thương mại trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức ở một số nước và bài học cho Việt Nam	33
1. Kinh nghiệm của một số nước	33
2. Bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam	38
Phần thứ hai	
THỰC TRẠNG TRÌNH ĐỘ VÀ KHẢ NĂNG ĐÁP ỨNG CỦA THƯƠNG MẠI VIỆT NAM TRONG QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH NỀN KINH TẾ TRI THỨC Ở VIỆT NAM	42
I. Khái quát thực trạng phát triển kinh tế và khả năng hình thành nền kinh tế tri thức ở Việt Nam	42

II. Thực trạng trình độ và khả năng đáp ứng của thương mại Việt Nam trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức ở Việt Nam	53
Phần thứ ba	
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI TRONG QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH NỀN KINH TẾ TRI THỨC Ở VIỆT NAM VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN	70
I. Dự báo bối cảnh và các nhân tố tác động đến phát triển thương mại trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức ở Việt Nam thời kỳ đến năm 2010, 2020.	70
1. Bối cảnh trong nước:	70
2. Bối cảnh quốc tế :	71
II. Mục tiêu, quan điểm phát triển thương mại trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức ở Việt Nam thời kỳ đến năm 2010, 2020	74
1. Mục tiêu	74
2. Các quan điểm	74
III. Định hướng phát triển thương mại trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức ở Việt Nam thời kỳ đến năm 2010, 2020.	76
1. Phát triển thương mại Việt Nam dựa trên nền tảng của sự phát triển tri thức, tăng cường hàm lượng tri thức trong mỗi hoạt động của ngành.	76
2. Phát triển thương mại điện tử là trọng tâm của các hoạt động thương mại trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức ở Việt Nam	81
3. Phát triển thương mại Việt Nam theo hướng ngày càng hội nhập sâu, rộng vào nền thương mại thế giới	84
4. Phát triển mạnh thương mại dịch vụ trong mối quan hệ với phát triển thương mại hàng hóa và vấn đề về quyền sở hữu trí tuệ	87
5. Phát triển thương mại theo hướng văn minh hiện đại, chú trọng đến bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng và bảo vệ môi trường	89

6. Quản lý Nhà nước về thương mại phải dựa vào và gắn kết chặt chẽ với xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử	92
IV. Các giải pháp chủ yếu nhằm phát triển thương mại trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức ở Việt Nam thời kỳ đến năm 2010, 2020.	95
1. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực cho ngành thương mại Việt Nam	95
2. Giải pháp về đầu tư hiện đại hóa hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại	101
3. Giải pháp đổi mới quản lý Nhà nước về thương mại	103
4. Giải pháp hợp tác quốc tế về thương mại	105
V. Một số kiến nghị	109
Kiến nghị với Chính phủ	109
Kiến nghị với Bộ Thương mại	110
Một số khuyến nghị với hiệp hội, các doanh nghiệp	111
Kết luận	112
Tài liệu tham khảo	113

Lời nói đầu

Từ cuối thế kỷ XX và sang thế kỷ XXI, với sự hình thành nền kinh tế tri thức đã đưa nhân loại bước sang thời đại văn minh mới - văn minh trí tuệ; trong đó việc sáng tạo và khai thác tri thức sẽ là phần chủ đạo trong quá trình tạo ra của cải, nâng cao chất lượng cuộc sống; trí thức đã trở thành nhân tố quan trọng nhất, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội của các quốc gia. Bằng sử dụng tri thức mới đã đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo giá trị gia tăng cao, nâng cao chất lượng, hiệu quả, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và bảo đảm sự phát triển bền vững. Ở các nước thuộc tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD), kinh tế tri thức đã chiếm hơn 50% GDP, công nhân trí thức chiếm hơn 60% lực lượng lao động; đối với một số nước đang phát triển, kinh tế tri thức cũng mang lại nhiều thành quả đáng kể.

Để rút ngắn khoảng cách, con đường tất yếu của Việt Nam cũng như các nước đang phát triển là phải ra sức tranh thủ tiếp thu các thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến, từng bước xây dựng và phát triển các yếu tố của nền kinh tế tri thức trong mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi địa phương để tạo đòn bẩy trong phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước với thời gian ngắn nhất. Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX đã chỉ rõ: "phát huy những lợi thế của đất nước, tận dụng mọi khả năng để đạt được trình độ công nghệ tiên tiến, đặc biệt là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học, tranh thủ ứng dụng ngày càng nhiều hơn, ở mức độ cao hơn và phổ biến hơn những thành tựu mới về khoa học và công nghệ, từng bước phát triển kinh tế tri thức".

Hiện nay, ở nước ta tuy kinh tế tri thức mới ở thời kỳ đầu trong quá trình hình thành và phát triển, nhưng đã đạt được những thành tựu đáng kể và ngày càng đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. Là một bộ phận cấu thành trọng yếu của nền kinh tế quốc dân, lĩnh vực thương mại nước ta cũng đang bước đầu chuyển động từ lưu thông, trao đổi và phân phối các hàng hoá là sản phẩm của nền kinh tế tài nguyên sang lưu thông, trao đổi và phân phối các sản phẩm của nền kinh tế tri thức. Thương mại, nhất là thương mại điện tử đang vừa là tác nhân vừa là hệ quả tất yếu của nền kinh tế tri thức. Một mặt, thương mại góp phần thúc đẩy hình thành và phát triển nền kinh tế tri thức. Mặt khác, sự hình thành và phát triển của kinh tế tri thức cũng đặt ra những yêu cầu mới đối với sự phát triển của thương mại nhằm đáp ứng các yêu cầu của nền kinh tế tri thức. Việc nghiên cứu đề tài **"Định hướng phát triển**

thương mại trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức ở Việt Nam" là hết sức cần thiết và có ý nghĩa rất quan trọng mang tính chiến lược.

*** Mục tiêu nghiên cứu của đề tài:**

- Làm rõ một số vấn đề lý luận về kinh tế tri thức và phát triển thương mại trong nền kinh tế tri thức.

- Đánh giá thực trạng trình độ và khả năng đáp ứng của thương mại Việt Nam trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức ở Việt Nam.

- Đề xuất định hướng phát triển thương mại trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức ở Việt Nam thời kỳ đến năm 2010, 2020 và các giải pháp để thực hiện các định hướng đó.

*** Đối tượng và phạm vi nghiên cứu :**

- Đối tượng nghiên cứu

Là các hoạt động thương mại và định hướng phát triển thương mại trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức ở Việt Nam thời kỳ đến năm 2010, 2020 cùng với các giải pháp thực hiện các định hướng đó.

- Giới hạn phạm vi nghiên cứu:

+ Lĩnh vực nghiên cứu: Thương mại hàng hoá, thương mại dịch vụ và sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức ở Việt Nam

+ Về không gian: Trên phạm vi toàn quốc, trong đó trọng tâm là Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Về thời gian: Số liệu đánh giá hiện trạng từ 1990 và định hướng phát triển thương mại thời kỳ đến năm 2010, 2020

*** Phương pháp nghiên cứu:**

- Khảo sát thực tế tại một số đơn vị hoạt động thương mại điển hình trên phạm vi cả nước, đặc biệt là ở Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

- Phương pháp hệ thống hoá và khái quát hoá

- Phương pháp tổng hợp và phân tích

- Phương pháp so sánh

- Phương pháp chuyên gia

- Các phương pháp khác

***Nội dung nghiên cứu:** Ngoài phần mở đầu, kết luận, nội dung báo cáo tổng hợp gồm 3 phần chính:

PHẦN THỨ NHẤT: Một số vấn đề lý luận về phát triển thương mại trong nền kinh tế tri thức.

PHẦN THỨ HAI: Thực trạng trình độ và khả năng đáp ứng của thương mại Việt Nam trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức ở Việt Nam.

PHẦN THỨ BA: Định hướng phát triển thương mại trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức ở Việt Nam và các giải pháp thực hiện.

PHẦN THỨ NHẤT

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI TRONG NỀN KINH TẾ TRI THỨC

I. Khái niệm, đặc trưng và vai trò của kinh tế tri thức đối với phát triển kinh tế - xã hội.

1. Khái niệm và đặc trưng của kinh tế tri thức

Theo quan niệm truyền thống, tri thức là "những điều hiểu biết có hệ thống về sự vật, hiện tượng tự nhiên hoặc xã hội". Tri thức hình thành và phát triển cùng với sự phát triển của nền sản xuất xã hội. Sự phát triển của tri thức luôn gắn liền với sự phát triển của khoa học và công nghệ. Trong nền sản xuất xã hội, dù ở trình độ phát triển nào, sản phẩm do con người tạo ra ít nhiều đều chứa đựng những yếu tố của tri thức. Sự biến đổi ý nghĩa của tri thức đã trải qua ba giai đoạn:

- Cách mạng công nghiệp:

Trong khoảng 100 năm, thời kỳ 1700 - 1800, tri thức được áp dụng vào các công cụ sản xuất, phương thức sản xuất và cho các sản phẩm. Qua đó đã tạo ra cuộc cách mạng công nghiệp.

- Cách mạng về năng suất:

Giai đoạn từ cuối thế kỷ XIX, kết thúc vào thời kỳ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, tri thức được áp dụng trong tổ chức lao động đã làm tăng nhanh năng suất lao động. Giai đoạn này tạo ra cuộc cách mạng về năng suất kéo dài trong suốt 75 năm, năng suất lao động đã tăng khoảng 50 lần ở các nước đang phát triển.

- Cách mạng về quản lý:

Giai đoạn cuối cùng, tri thức được áp dụng cho chính bản thân tri thức. Đó là cuộc cách mạng về quản lý, tri thức trở thành một nhân tố sản xuất, làm giảm vai trò của cả vốn và sức lao động.

Định nghĩa về quản lý được thay đổi từ quan niệm đơn giản là chịu trách nhiệm với cấp dưới chuyển thành quan niệm chịu trách nhiệm vận dụng tri thức sao cho hiệu quả. Sự thay đổi đó làm cho loài người nhận thức tri thức là nguồn lực cơ bản. Tất nhiên đất đai, lao động và vốn là rất quan trọng, nhất thiết phải có, bởi vì nếu không có chúng, tri thức chẳng có nghĩa gì. Nhưng khi công việc quản lý có hiệu quả bằng việc vận dụng tri thức vào tri thức thì chúng được coi là một nguồn lực khác có sức mạnh quan trọng.

Ba cuộc cách mạng trên đã làm thay đổi ý nghĩa của tri thức. Đó là quá trình chuyển từ số ít sang số nhiều, từ chỗ được ứng dụng trong phạm vi nhỏ hẹp sang việc ứng dụng trong các hoạt động sản xuất và kinh doanh trên quy mô toàn cầu.

Khái niệm "kinh tế tri thức" được Liên hợp quốc chính thức sử dụng từ đầu những năm 1990. Đó là nền kinh tế chủ yếu dựa vào khoa học và tri thức, cốt lõi của nền kinh tế tri thức chính là công nghệ cao. Trong thực tế khái niệm này còn được gọi bằng nhiều tên khác nhau như " nền kinh tế số", "nền kinh tế thông tin", "nền kinh tế mới"... với những cách giải thích khác nhau, nhưng về cơ bản đều nhấn mạnh vai trò của tri thức đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Năm 1995, Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) đã đưa ra khái niệm tổng hợp về kinh tế tri thức, đó là những nền kinh tế dựa trực tiếp vào việc sản xuất, phân phối và sử dụng tri thức thông tin. Đến năm 2000, theo định nghĩa của tổ chức OECD và APEC đã điều chỉnh lại " Kinh tế tri thức là nền kinh tế trong đó có sự sản sinh ra, truyền bá và sử dụng tri thức là động lực chủ yếu nhất của sự tăng trưởng, tạo ra của cải, tạo việc làm trong tất cả các ngành kinh tế ". Đây là khái niệm được sử dụng phổ biến nhất hiện nay ở các nước trên thế giới. Đối với Việt Nam, cho đến nay qua nhiều cuộc hội thảo quốc gia vẫn chưa đi đến khái niệm thống nhất về kinh tế tri thức, nhưng nhiều nhà kinh tế học nước ta đều cho rằng sử dụng khái niệm về kinh tế tri thức của tổ chức OECD và APEC là hợp lý và đang bắt đầu tiếp cận, nghiên cứu các giải pháp để làm thế nào xây dựng và phát triển nền kinh tế tri thức ở Việt Nam.

Dựa trên cơ sở trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, nhiều nhà khoa học đã chia sự phát triển nền sản xuất xã hội thành ba trình độ phát triển với những đặc trưng rất khác nhau:

- Nền kinh tế nông nghiệp

- Nền kinh tế công nghiệp và nền kinh tế tri thức.

Nền kinh tế nông nghiệp có đặc trưng chủ yếu là sức lao động cơ bắp của con người và tài nguyên thiên nhiên là cơ sở chủ yếu tạo ra của cải vật chất để đáp ứng nhu cầu đơn giản và thấp kém của con người. Còn trong nền kinh tế công nghiệp, vai trò của tri thức đã chiếm vị trí quan trọng hơn từ những kinh nghiệm hoạt động thực tế đến sự khám phá những quy luật vận động của tự nhiên, xã hội và tư duy để đưa ra những sáng chế, phát minh nhằm tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả ...

Nền kinh tế tri thức có những đặc trưng sau:

Thứ nhất, tri thức khoa học và công nghệ, kỹ năng của con người trở thành lực lượng sản xuất quan trọng hàng đầu.

Trong nền kinh tế tri thức, tri thức khoa học và công nghệ của con người đã phát triển đến mức trở thành nguyên nhân trực tiếp của mọi biến đổi trong đời sống kinh tế - xã hội thông qua việc tạo ra những ngành sản xuất mới đóng vai trò mũi nhọn trong cơ cấu kinh tế, tạo ra những phương pháp sản xuất mới, những vật liệu và năng lượng mới với những ưu thế vượt trội so với những công cụ, nguyên liệu, năng lượng và phương pháp truyền thống do cuộc cách mạng công nghiệp tạo ra. Sự cống hiến của tri thức công nghệ đối với tăng trưởng kinh tế ngày càng lớn. Nếu như thập kỷ 50, đóng góp của khoa học, công nghệ cho nền kinh tế chiếm tỷ trọng 30% thì bước sang nền kinh tế tri thức, tỷ lệ đóng góp của nó tới 80%. Điều đó nói lên rằng, phần lớn các sản phẩm của xã hội đều do khoa học công nghệ mang lại, nếu không muốn nói rằng tất cả các sản phẩm đó đều đã có sự tác động ở mức độ nhất định bởi các yếu tố khoa học công nghệ. Trong nền kinh tế mới, tăng trưởng kinh tế chủ yếu do quá trình chuyển hoá từ tiêu hao của cải vật chất sang tiêu hao tri thức và giá trị gia tăng của các sản phẩm hàng hoá, dịch vụ do tri thức tạo ra không ngừng được nâng lên. Rất nhiều ngành trong nông nghiệp và công nghiệp đang trở thành những ngành hoạt động cần có tri thức. Do đó phần đông lao động trong các nước công nghiệp có trình độ chuyên môn và nghề nghiệp cao. Ở Hoa Kỳ, đến 60% công nhân là công nhân tri thức và 80% số nghề mới xuất hiện là do tri thức tạo ra. Nếu như trước đây các nền kinh tế cố gắng duy trì các ngành nghề truyền thống thì nền kinh tế tri thức hướng đến tạo ra các nghề mới ứng dụng tri thức và công nghệ. Do đó uy quyền và vị trí của tri thức ngày càng được đề cao.

Thứ hai, sự phát triển mạnh mẽ và ứng dụng rộng rãi với hiệu quả cao của công nghệ thông tin.

Sự phát triển công nghệ thông tin là một trong những biểu hiện rõ nhất của sự phát triển trí tuệ con người, đồng thời nó cũng là phương tiện quan trọng hàng đầu cho sự phát triển trí tuệ. Tại các nước công nghiệp đang có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ kinh tế nông nghiệp và kinh tế công nghiệp sang kinh tế thông tin. Ngành truyền thông bao gồm hệ thống thiết kế, truyền và xử lý thông tin đang chiếm vị trí cao trong nền kinh tế quốc dân. Ở Hoa Kỳ, ngành thông tin không những là ngành công nghiệp lớn nhất mà còn là ngành có tốc độ tăng trưởng cao nhất. Mức chi tiêu cho việc sử dụng các sản phẩm thông tin đang ở mức hàng đầu, bởi vì tiêu dùng cho các sản phẩm đồ điện gia dụng, ô tô hàng năm chỉ tăng 1%, trong khi mức cho máy tính, điện thoại, các hoạt động vui chơi giải trí trên các phương tiện thông tin tại Hoa Kỳ hàng năm tăng 12% những năm gần đây. Điều đặc biệt làm cho con người chú ý tới là

các ứng dụng của công nghệ thông tin trong kinh tế - xã hội đã xuất hiện hầu khắp, dưới dạng điện tử hoá và số hoá. Trong điều kiện của nền kinh tế cũ, sự vận động của thông tin mang tính vật chất dưới dạng tiền mặt, hoá đơn, chứng từ, báo cáo, séc... thì trong điều kiện của nền kinh tế tri thức, thông tin được truyền và trao đổi dưới dạng số. Tốc độ truyền tải nhanh đến mức chỉ thua tốc độ ánh sáng, thông tin đã làm nhịp độ cuộc sống, hoạt động sản xuất kinh doanh "sôi động" hẳn lên.

Mấy năm gần đây thương mại điện tử phát triển nhanh. Ngày càng có nhiều thương phẩm được bán, mua thông qua mạng lưới thông tin điện tử và việc thanh toán các khoản tiền cũng thông qua các phương tiện này. Ở những nước công nghiệp phát triển như Hoa Kỳ, Nhật Bản và một số quốc gia Châu Âu, nhịp độ tăng hoạt động thương mại điện tử những năm đầu thế kỷ XXI dự báo sẽ từ 2 đến 3 lần một năm.

Thứ ba, nền kinh tế tri thức lấy thị trường toàn cầu làm hướng hoạt động chính. Công nghệ thông tin, nhất là mạng Internet làm cho không gian trở nên nhỏ bé. Tri thức, công nghệ, vốn, hàng hoá, lao động, cách quản lý... không bị bó hẹp trong biên giới một quốc gia, giúp cho hoạt động kinh tế mang tính toàn cầu. Mối quan hệ kinh tế, công nghiệp, thương mại xuyên quốc gia giữa các nước, các khu vực và các doanh nghiệp thúc đẩy kinh tế toàn cầu phát triển, tạo ra áp lực cạnh tranh gay gắt. Cạnh tranh trên phạm vi toàn cầu không phải chỉ có các công ty xuyên quốc gia, mà ngay cả các doanh nghiệp vừa và nhỏ đều tiếp cận đến thị trường thông qua các công ty lớn trung gian. Ngày càng có nhiều công ty xuyên quốc gia của Hoa Kỳ, Nhật Bản và Tây Âu bị cuốn hút vào làn sóng toàn cầu hoá. Giá trị xuất nhập khẩu của các công ty xuyên quốc gia chiếm tới 2/3 tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu của cả thế giới. Nhờ được trang bị các thiết bị thông tin hiện đại, công tác quản lý, việc thiết kế và tiêu thụ sản phẩm, khoảng cách giữa người sản xuất và người tiêu dùng đều được rút ngắn và trở nên nhanh chóng, thuận tiện hơn. Mặc dù các khâu trung gian và biên chế giảm nhưng hiệu quả sản xuất vẫn được nâng lên. Mọi người có thể làm việc ở các địa điểm khác nhau tại các công ty con, nhưng mối liên kết trong mạng lưới các công ty rất chặt chẽ. Bằng phương pháp giả định thông qua các số liệu tính toán giúp cho các nhà quản lý đưa ra các phương án sản xuất, các quyết định đúng đắn mà không phải đến tận nơi sản xuất. Các xí nghiệp nòng cốt của các nước công nghiệp chuyển sang phục vụ các nhu cầu cá biệt, không chạy theo số lượng mà hướng vào mục tiêu chất lượng. Ở mọi ngành công nghiệp, cách thức sản xuất ra hàng hoá chính xác và có chất lượng cao là tương tự nhau, các hoạt động chứa đựng hàm lượng tri thức cao, lợi nhuận cao đang được chuyên môn hoá.

Thứ tư, tri thức và những phát minh khoa học và công nghệ sản sinh từ tri thức ở trình độ cao là yếu tố cơ bản tạo nên lợi thế cạnh tranh của sản phẩm, của doanh nghiệp và của quốc gia.

Việc phát huy lợi thế so sánh là điều kiện quan trọng bảo đảm hiệu quả của việc mở rộng các quan hệ kinh tế quốc tế. Tri thức tạo nên lợi thế cạnh tranh của sản phẩm, của doanh nghiệp và của quốc gia, nên sáng tạo được coi là động lực của sự phát triển và đầu tư vào nghiên cứu, phát minh ngày càng được coi trọng. Trong điều kiện cạnh tranh, sự đổi mới công nghệ, sự năng động, nhạy bén với sự thay đổi là yếu tố cơ bản tạo nên năng lực cạnh tranh, bảo đảm nền tảng vững chắc cho sự tồn tại và phát triển của mỗi chủ thể. Điều đó cho thấy khoa học thực sự trở thành lực lượng sản xuất hàng đầu, tri thức khoa học là yếu tố quan trọng nhất tạo nên lợi thế cạnh tranh của mỗi doanh nghiệp và mỗi quốc gia.

Thứ năm, nền kinh tế tri thức mang đặc tính tăng trưởng bền vững, làm mờ nhạt các chu kỳ kinh tế. Các cường quốc kinh tế như Hoa Kỳ, Nhật Bản và một số nước trong EU có lúc tăng trưởng khá, có lúc trì trệ, nhưng khi quan sát kỹ người ta thấy chu kỳ kinh tế đã có những thay đổi khác hẳn so với trước:

- Thời kỳ tăng trưởng kinh tế được kéo dài hơn. Thí dụ Hoa Kỳ, sau chiến tranh thế giới lần thứ hai đến nay, đã xuất hiện 9 chu kỳ kinh tế. Thập kỷ 80, thời gian mở rộng của chu kỳ kinh tế là 92 tháng, thập kỷ 90 là106 tháng. Theo dự báo, kinh tế Hoa Kỳ có thể rơi vào thời kỳ suy thoái, nhưng thời gian suy thoái sẽ rút ngắn, bởi vì chu kỳ kinh tế trong thời kỳ tăng trưởng ở giai đoạn sau vượt qua giai đoạn trước. Thời gian thu hẹp của chu kỳ tức là thời kỳ suy thoái kinh tế được rút ngắn lại. Suy thoái trong thời kỳ đầu thập kỷ 90 ở Hoa Kỳ chỉ kéo dài trong vòng 8 tháng, đó là thời kỳ suy thoái ngắn nhất và nhẹ nhất sau chiến tranh với mức giảm GDP là 1,1% và giảm sản xuất công nghiệp 5,1%.

- Trong thời kỳ mở rộng hoặc bột phát không xảy ra những thay đổi thất thường, tính dao động và mức độ thiệt hại của nền kinh tế là không đáng kể. Điều hiếm thấy là trong thời kỳ mở rộng tỷ lệ thất nghiệp và tỷ lệ lạm phát ở Hoa Kỳ đều ở mức thấp.

- Mở rộng quy mô kinh tế song song với mức tăng đầu tư cho các xí nghiệp kéo theo sự tăng trưởng về việc làm. Từ đầu thập kỷ 1990 đến nay mức tăng trưởng việc làm hàng năm tại Hoa Kỳ là hơn 2%, gấp 2 lần so với mức tăng trung bình trong thời kỳ 1970-1980. Mức tăng trưởng việc làm có chuyên môn cao ở hầu khắp các ngành đã làm cho kinh tế Hoa Kỳ tăng

trưởng bền vững. Qua đây cho thấy, quan hệ kinh tế quốc tế sẽ phát triển một cách ổn định, làm giảm nguy cơ về khủng hoảng kinh tế khu vực và thế giới.

Thứ sáu, chủ quyền về lãnh thổ quốc gia cần phải được nhận thức, quan niệm sát thực và linh hoạt. Bởi vì, ngày càng có nhiều hãng trong nước chuyển ra nước ngoài sản xuất, đất đai trở nên kém giá trị hơn so với công nghệ. Áp lực về tri thức và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài làm cho chức năng Nhà nước, đặc biệt là các quốc gia nghèo phải được xác định lại. Những quốc gia mạnh về công nghệ, quân sự và kinh tế sẽ chiếm phần lớn tổng giá trị sản lượng của nền kinh tế toàn cầu. Phần lớn giá trị đó nằm trong tay các công ty xuyên quốc gia. Kết cục là ở mọi nước, dù giầu hay nghèo, chức năng của Chính phủ đều bị thu hẹp lại.

Khác trước, Nhà nước không còn chức năng điều khiển các nguồn lực mà tập trung vào chức năng đàm phán để lợi dụng các cơ hội vì mục tiêu phát triển kinh tế. Như vậy, chiến lược kinh tế có vị trí rất quan trọng không kém chiến lược quân sự và ở mỗi cơ quan đại sứ tại nước ngoài họ không chỉ làm chức năng ngoại giao mà còn có chức năng kinh tế, như xúc tiến thương mại, thu hút FDI. Gần đây khái niệm Nhà nước ảo, công ty ảo, đã được nêu ra. Trụ sở của các công ty ảo rất xa, ít ai biết đến, những công ty đó biết đầu tư, biết tiêu thụ sản phẩm vào những nơi có lợi nhất. Khác với công ty ảo quan tâm đến sản xuất, Nhà nước ảo quan tâm tới các chiến lược chung và quan tâm vào đầu tư phát triển nhân lực.

Để đánh giá các nền kinh tế theo góc độ của kinh tế tri thức, phần lớn các nhà nghiên cứu đã sử dụng hệ thống chỉ tiêu Ma trận đánh giá tri thức (KAM - *Knowledge Assessment Matrix*) do Tổ chức Ngân hàng Thế giới (WB) xây dựng. Hệ thống này bao gồm 61 chỉ tiêu đánh giá cơ cấu và tính chất kinh tế - xã hội của một quốc gia về trình độ kinh tế tri thức. Cụ thể là 7 chỉ tiêu đo lường chế độ kinh tế, 7 chỉ tiêu đo lường thể chế, 14 chỉ tiêu đo lường nguồn lực con người, 12 chỉ tiêu đo lường hệ thống đổi mới và 13 chỉ tiêu đo lường kết cấu hạ tầng thông tin. Tất cả các chỉ tiêu này đều có thang điểm 10. Mục tiêu của KAM là xác định các vấn đề và cơ hội mà một nước phải đối mặt trong bối cảnh xây dựng nền kinh tế tri thức, cũng như những trọng tâm chính sách và đầu tư trong tương lai.

Theo WB, bộ 61 chỉ tiêu này nhằm đo lường bốn mảng tiền đề hay điều kiện thiết yếu nhằm phát triển một nền kinh tế tri thức được WB tổng kết từ thực tế xây dựng nền kinh tế tri thức ở các nước phát triển và đang phát triển, đó là:

- Một môi trường kinh tế và thể chế cung cấp nhiều sự khuyến khích đối với việc sử dụng có hiệu quả những tri thức mới và thúc đẩy sự nẩy nở tinh thần kinh doanh.

- Một hệ thống giáo dục và đào tạo sản sinh ra lực lượng lao động lành nghề, có kỹ năng và năng động để sản xuất, chia sẻ và sử dụng tốt tri thức.

- Một kết cấu hạ tầng thông tin năng động để tạo điều kiện thuận lợi cho việc liên lạc, truyền bá và xử lý hữu hiệu thông tin.

- Một hệ thống đổi mới có hiệu quả gồm các hãng, các trung tâm nghiên cứu, các trường đại học, các nhà tư vấn và các tổ chức khác để khai thác khối tri thức toàn cầu, cập nhật và đồng hoá chúng nhằm phục vụ cho những nhu cầu địa phương.

2. Vai trò của kinh tế tri thức đối với phát triển kinh tế - xã hội

2.1. Tri thức và tăng trưởng kinh tế

Sự ra đời và phát triển kinh tế tri thức luôn gắn liền với sự phát triển của khoa học và công nghệ cao cùng với hiệu quả to lớn do biết ứng dụng những công nghệ đó vào đời sống kinh tế - xã hội.

Trong mỗi nền kinh tế, năng suất, chất lượng và hiệu quả phụ thuộc vào nhiều nhân tố, nhưng nhân tố giữ vai trò quyết định là trình độ phát triển khoa học và công nghệ gắn liền với nó là năng lực con người.

- Sự phát triển kinh tế tri thức tác động mạnh mẽ đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế của mỗi quốc gia cũng như cơ cấu kinh tế toàn cầu.

Ngày nay lợi thế của một nước so với nước khác trong một số ngành hoặc trong buôn bán không thể xem xét lâu dài trên quan điểm tĩnh trong điều kiện các yếu tố về cung lao động, đất đai và tài nguyên là không thay đổi. Một khi tri thức và tiềm năng của tri thức đã được tính đến thì lợi thế động tương đối mà các quốc gia tạo ra cho chính bản thân họ là rất quan trọng. Và như vậy theo quan điểm lợi thế động thì các nước đang phát triển sẽ là những nước nhập khẩu tri thức phụ thuộc vào các chính sách khuyến khích nhập khẩu tri thức, chính sách đó có tác động mạnh đến việc cải thiện mức sống. Những nước rút ngắn khoảng cách về mức sống, chủ yếu do họ biết tranh thủ các cơ hội, nắm bắt được phần lợi nhuận lớn của tri thức - nhân tố đưa lại phúc lợi cho các nước công nghiệp.

Các nước đang phát triển có những cơ hội to lớn hơn để tăng trưởng nhanh và có thể đuổi kịp các nước công nghiệp. Nắm vững lấy cơ hội này, trong nền kinh tế toàn cầu đang thay đổi nhanh và có thể đuổi kịp các nước công nghiệp, các nước đang phát triển không tự giới hạn việc tích luỹ nguồn vốn vật chất và không ngừng mở mang giáo dục dân chúng. Điều cơ bản là phải có ý tưởng mới, biết nắm bắt lợi ích của công nghệ hiện đại, có nghĩa là mở rộng sức mạnh và tầm vóc tri thức của quốc gia.

- Sự phát triển kinh tế tri thức tạo nên những biến đổi xã hội sâu sắc.

Trong nền kinh tế tri thức, với những thành tựu mới của khoa học và công nghệ dẫn đến sự biến đổi to lớn về cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động xã hội. Trình độ của người lao động được nâng cao tương ứng với trình độ của khoa học và công nghệ. Lao động trong các ngành đại diện cho kinh tế tri thức có sự gia tăng về tỷ trọng và là lực lượng chủ yếu tạo ra giá trị gia tăng. Điều kiện lao động cũng có sự thay đổi theo hướng môi trường lao động được cải thiện, người lao động có điều kiện phát triển toàn diện hơn. Tuy nhiên với sự phát triển của kinh tế tri thức cũng làm gia tăng sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các quốc gia. Những nước không khuyến khích đầu tư vào việc sử dụng tri thức có hiệu quả từ kho tàng tri thức toàn cầu sẽ bị tụt hậu xa hơn so với những nước thành công trong việc biết khuyến khích đầu tư để sử dụng nó.

2.2. Kinh tế tri thức thúc đẩy qúa trình toàn cầu hóa kinh tế

Các xu hướng toàn cầu hoá và những thay đổi lớn trong quá trình đổi mới nền kinh tế là hai hiện tượng song hành, có quan hệ khăng khít với nhau và quyết định nền kinh tế toàn cầu ngày nay. Các doanh nghiệp, các khu vực kinh tế của Nhà nước đang phải đối mặt với áp lực cạnh tranh trên thị trường thế giới ngày càng khốc liệt. Điều đó không chỉ liên quan đến các sản phẩm hàng hoá mà còn cả trong các lĩnh vực thương mại, dịch vụ. Áp lực đó tạo ra sự đổi mới, là tác nhân làm thay đổi các hình thức tổ chức và đổi mới công nghệ trong các lĩnh vực chế tạo và dịch vụ.

Những phát minh quan trọng trong giao thông, truyền thông và những tiến bộ vượt bậc trong công nghệ thông tin là ba yếu tố quan trọng của quá trình toàn cầu hoá. Những đặc điểm và tác dụng của toàn cầu hoá sẽ giúp chúng ta hiểu được về sự đổi mới của nền kinh tế thế giới và quá trình phát triển nhanh chóng của nền kinh tế tri thức trong vài thập kỷ gần đây.

- Tự do hoá thị trường tài chính và sự luân chuyển vốn là quá trình chủ yếu của các nước đang phát triển diễn ra vào đầu thập kỷ 80. Từ năm 1990, OECD cho phép các doanh nghiệp trong nước tiếp cận các dòng vốn nước ngoài, hoặc đầu tư vào lĩnh vực tài chính ra bên ngoài, đồng thời mở cửa thị trường tài chính cho các công ty nước ngoài cạnh tranh. Một số thoả ước của OECD và EU đã thúc đẩy nhanh quá trình tự do hoá tài chính. Điều lệ về tự do hoá dòng vốn của OECD đã có tác dụng đo được mức độ tự do hoá tài chính và so sánh mức độ tự do hoá tài chính giữa các quốc gia với nhau. Sức mạnh của vốn tài chính được phản ánh qua mức tăng trưởng kinh tế, tỷ suất lợi nhuận thực tế và thúc đẩy cạnh tranh. Tuy nhiên, muốn đạt được lợi ích lâu dài thì các

công ty phải đổi mới và theo đuổi mục tiêu đầu tư cao hơn cho nghiên cứu và triển khai (R&D), có nghĩa là đầu tư vào tri thức.

- Tự do hoá về thương mại cũng là một hướng chủ yếu của kinh tế thế giới trong suốt ba thập kỷ gần đây. Hội nghị bàn tròn của GATT được tổ chức vào năm 1994 tại Urugoay đã đạt được những bước tiến mới. Một là tăng cường hoạt động thương mại trong sản xuất hàng hoá, hai là chỉ hạn chế hoạt động thương mại trong một số lĩnh vực dịch vụ, quyền sở hữu trí tuệ và hàng nông sản. Mặc dù hội nghị có thành công, những sự khác biệt trong xu hướng tự do hoá thương mại giữa các quốc gia rất lớn do quy mô và trình độ phát triển của các nền kinh tế rất khác nhau. Nên ở một số nước đã hình thành các khu thương mại tự do, thí dụ NAFTA, AFTA. Thực tế khách quan trong quá trình hội nhập với nền kinh tế thế giới đã có tác động tích cực đến mỗi quốc gia.

- Tốc độ gia tăng thông tin trên thị trường thế giới cùng với cơ sở vật chất của công nghệ thông tin phát triển nhanh chóng đã giúp cho quá trình trao đổi thông tin toàn cầu tăng đáng kể từ thập kỷ 80.

Hơn hai thập kỷ gần đây đã có sự hoàn thiện về cơ sở hạ tầng giao thông với sự ra đời của mạng lưới giao thông nhanh hơn, trực tiếp hơn bằng đủ mọi phương tiện (đường bộ, đường thuỷ và đường hàng không). Lý do khuyến khích cho quá trình vận chuyển phát triển, một mặt là do công nghệ trong lĩnh vực giao thông tiến bộ nhanh, mặt khác do tự do hoá trong lĩnh vực giao thông để tiếp cận đến các thị trường thế giới. Các xu hướng này cho thấy khả năng tiếp cận luôn luôn được coi là yếu tố chủ yếu, then chốt để phát triển kinh tế. Từ giữa thập kỷ 80 hệ thống máy tính đã đem lại những thay đổi lớn lao cho nơi làm việc, cho cuộc sống riêng tư, cho hoạt động thương mại, cho bộ máy xã hội. Sự sáng tạo và quá trình tiếp thị nhanh chóng các sản phẩm phần mềm của máy tính đã làm nền tảng cho sự hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng về thông tin và viễn thông. Sự phát triển của hệ thống vệ tinh, cáp quang, các Anten tinh xảo và điện thoại di động là trung tâm của những thay đổi về hệ thống hạ tầng cơ sở thông tin. Hạ tầng cơ sở và công nghệ thông tin có quan hệ với nhau, củng cố cho nhau để tạo ra bước phát triển nhảy vọt mà sản phẩm của nó là hệ thống truyền tin mới, mạng Internet.

Các quyết định chính trị của các quốc gia công nghiệp là phát triển những xa lộ thông tin viễn thông nhằm đón đầu xu hướng phát triển của nền kinh tế tri thức. Tiến tới một xã hội thông tin là xu thế tất yếu, là một quá trình cần đẩy nhanh, mặc dầu có thể nhìn thấy trước một thảm họa phân cực đang xảy ra giữa các nhóm xã hội, giữa các tầng lớp khác nhau trong xã hội trước các cơ

hội được giáo dục để thu được tri thức và trước các cơ hội được tiếp cận khoa học, công nghệ hiện đại.

- Các xu hướng toàn cầu hoá tác động mạnh đến kinh tế, chính trị, xã hội và văn hoá; đồng thời làm tăng tính cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Sự mở rộng thị trường sản phẩm và dịch vụ ảnh hưởng đến số lượng người mua, người bán và sự năng động cạnh tranh trên mỗi thị trường. Toàn cầu hoá có quan hệ khăng khít với quá trình đổi mới. Quá trình đổi mới đã diễn ra mau chóng trong hai thập kỷ qua cùng nhịp độ với tốc độ thay đổi về công nghệ.

- Những thay đổi trong quá trình đổi mới bao gồm việc nghiên cứu và triển khai đến khía cạnh tổ chức sản xuất và đưa sản phẩm ra thị trường tiêu thụ là một quá trình có ảnh hưởng lớn đến sự thay đổi công nghệ và lợi ích kinh tế. Trong bối cảnh toàn cầu hoá sự đổi mới công nghệ được gia tăng theo các hướng chính:

+ Tăng tốc độ nhờ có sự góp sức một cách rộng khắp mọi nơi của công nghệ thông tin và truyền thông đã làm cho công nghệ thay đổi nhanh.

+ Những sản phẩm mới ngày càng chứa đựng hàm lượng công nghệ cao và công nghệ cao lại dựa vào các thành quả khoa học khác nhau. Lợi ích kinh tế áp đặt các nhà sản xuất là rút ngắn vòng đời sản phẩm và đưa nhanh vào thị trường tiêu thụ. Cho nên các hãng tăng cường hợp tác với nhau trong lĩnh vực nghiên cứu và điều đó khiến cho vai trò mạng lưới công nghiệp được nâng cao.

+ Tích hợp các chức năng và tổ chức mạng lưới trong nội bộ công ty. Khả năng linh hoạt, liên kết giữa các bộ phận, chăm lo cho các phòng thí nghiệm, cố gắng thực hiện các ý đồ của người lãnh đạo chính là chìa khoá cho sự thành công trong quá trình đổi mới.

+ Cộng tác với các trung tâm sản xuất kiến thức. Trên cơ sở những tiến bộ trong kiến thức và khoa học, công nghệ sẽ là những cơ hội hỗ trợ cho các doanh nghiệp thành công. Muốn vậy các công ty phải cộng tác với các trường đại học và các trung tâm nghiên cứu. Quá trình toàn cầu hoá và bản chất của việc sáng tạo, tiếp thu tri thức có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

- Sản xuất và phổ biến kiến thức trong điều kiện kinh tế xã hội mới đã thu hút sự chú ý của nhiều người. Quan điểm về nền kinh tế tri thức đã có chỗ đứng vững chắc. Bởi vì tỷ lệ những người sản xuất ra hàng hoá hữu hình ngày càng giảm, so với số người tạo ra tri thức và phổ biến tri thức. Lề lối sản xuất theo truyền thống cũ đã mất dần, trong thời đại kinh tế tri thức thì mở mang hiểu biết, mở mang các lĩnh vực chuyên môn làm cho những người có trình độ chuyên môn trở thành nguồn lực quý giá của các doanh nghiệp và các quốc

gia. Tri thức là nguồn lực kinh tế, do đó việc sản sinh và truyền bá nó hiện nay rất thuận tiện nhờ công nghệ thông tin và truyền thông, nhưng bị phụ thuộc nhiều vào các bối cảnh chính trị xã hội.

- Sáng tạo kiến thức và toàn cầu hoá giúp cho con người có cơ hội tiếp cận tri thức. Trong hai thập kỷ gần đây các nước OECD đã có đầu tư thích đáng vào R&D và giáo dục, đào tạo để tạo ra tri thức mới, thúc đẩy tăng trưởng bền vững. Tuy nhiên đang có sự phân cực giữa các tầng lớp xã hội, giữa những người tiếp thu học hỏi nhanh và những người tiếp thu học hỏi chậm. Nhưng cho dù có sự phân cực, quá trình sản sinh ra tri thức và việc tiếp thu các kỹ năng đang tăng lên trên quy mô toàn cầu với các lý do sau:

+ Kiến thức đổi mới rất nhanh, do đó ai ở trong nhóm những người sản sinh ra tri thức thì người đó có khả năng làm chủ và tiếp thu nhanh và sâu tri thức. Lý do này giải thích tại sao các cường quốc đều cố gắng tạo ra các khu công nghệ cao theo mô hình "thung lũng Silicon" là nơi tập trung các nhà khoa học nghiên cứu, thí nghiệm nhằm phát triển khoa học và công nghệ mới. Tại các khu công nghệ này có sự liên minh giữa các sản phẩm công nghệ và các ngành công nghiệp với mục đích chính là mau chóng tạo ra công nghệ mới.

+ Yêu cầu bắt buộc cần phải đầu tư mức cao hơn cho R&D để có khả năng hấp thụ, diễn giải những kiến thức hệ thống hoá. Việc hệ thống hoá đã làm tăng khả năng chuyển hoá kiến thức thành các loại hàng hoá trên thị trường. Và những hàng hoá này sẽ có giá trị nếu nó nằm trong tay những người hiểu biết.

+ Nhu cầu về sản xuất lại luôn đòi hỏi hệ thống hoá các tri thức về kỹ năng, thí dụ như việc tạo ra hệ thống thông tin quản lý. Thực tế cho thấy nhiều hoạt động kinh tế đang vươn rộng ra khỏi biên giới các quốc gia, chúng liên kết với nhau để tạo ra sức mạnh. Trong hoàn cảnh đó nhu cầu hệ thống hoá về kiến thức là tất yếu.

Kết quả nghiên cứu hệ thống đổi mới công nghệ Châu Âu cho thấy xu thế toàn cầu hoá phát triển nhanh chóng và đúng hướng. Rất nhiều nước đã khai thác công nghệ từ một số nước sản sinh ra trong quá trình toàn cầu hoá. Việc hợp tác về công nghệ cũng tăng lên, nhằm tạo cơ hội thuận lợi cho việc tiếp cận các công nghệ. Tốc độ tạo ra công nghệ mới và nhịp độ phát triển toàn cầu hoá có quan hệ chặt chẽ với nhau.

Tóm lại, kinh tế tri thức trở thành động lực thúc đẩy toàn cầu hoá phát triển mạnh hơn và ngược lại, toàn cầu hoá là động lực tạo ra các công nghệ mới, nền tảng của kinh tế tri thức.

II. Vai trò và mối quan hệ giữa phát triển thương mại và kinh tế tri thức

1. Tác động của kinh tế tri thức đối với phát triển thương mại

1.1. Kinh tế tri thức góp phần thúc đẩy quá trình hiện đại hóa các hoạt động thương mại.

Trong nền kinh tế tri thức, vấn đề không chỉ là việc sản xuất ra tri thức mà còn là việc sử dụng và truyền bá tri thức. Sử dụng và truyền bá này tất yếu phải thông qua các hoạt động thương mại.

Do tác động của các công nghệ hiện đại, các hệ thống thương mại truyền thống đang được cơ cấu lại cùng với việc tái cơ cấu nền kinh tế thế giới, từ đó đang xuất hiện những hệ thống thương mại mới, hệ thống thương mại tự động (automatic trading systems), là đối thủ cạnh tranh của các hệ thống thương mại truyền thống. Trong bối cảnh đó, các giao dịch thương mại truyền thống đang được thay thế bởi các giao dịch bằng công nghệ điện tử. Thương mại điện tử ngày càng vượt qua biên giới quốc gia và giúp cho các hoạt động xuất và nhập khẩu được tiến hành trôi chảy nhất, khắc phục được những hạn chế về chi phí, khoảng cách địa lý, tạo điều kiện sử dụng tối đa các cơ sở hạ tầng sẵn có.

Kinh tế tri thức đang tạo ra một mô hình kinh doanh mới, một mô hình đang đòi hỏi một sự kết hợp làm việc theo nhóm, nhấn mạnh đến hoạt động đổi mới liên tục trong sản phẩm thông qua việc thay đổi cách thức sản xuất, sử dụng công nghệ mới và phương pháp mới để khuyến khích trí tuệ của con người. Mô hình mới này cũng đang đòi hỏi một phương thức kinh doanh mới, theo đó các sản phẩm sản xuất hàng loạt trở nên không hấp dẫn do sự thay đổi đa dạng của thị hiếu và nhu cầu, nó đòi hỏi phải có biện pháp cá thể hoá sản phẩm và đa dạng hoá các hình thức dịch vụ. Nó cũng đòi hỏi một chiến lược thương mại mới theo hướng lựa chọn chi phí thấp nhất cho hoạt động sản xuất, tiếp thị, dịch vụ khách hàng, lưu thông phân phối sản phẩm.

1.2. Kinh tế tri thức đang tạo ra nhiều sản phẩm có hàm lượng kỹ thuật và công nghệ cao đưa vào trong lưu thông.

Trong thời đại ngày nay, tri thức đang trở thành một lực lượng sản xuất trực tiếp và chủ yếu trong hệ thống sản xuất xã hội. Khả năng khai thác tri thức đang trở thành một phương thức chủ yếu thay cho khai thác tài nguyên thiên nhiên đã bị cạn kiệt. Các công nghệ cao cũng cho phép khai thác tài nguyên ở mức độ thấp hơn nhưng tạo ra sản phẩm giá trị cao hơn. Có thể nói nguồn tri thức và vốn trí tuệ đang tạo ra sự khác biệt của lợi thế cạnh tranh hơn là các nguồn nguyên vật liệu và vốn vật chất. Thông qua việc khai thác tri thức, mỗi

doanh nghiệp có thể sản xuất được nhiều sản phẩm hơn và sản phẩm có tính cạnh tranh hơn. Tuy nhiên, vì nền tảng tri thức không bao giờ tĩnh tại mà liên tục phát triển, nên một nền kinh tế dựa trên tri thức phải đầu tư mạnh vào việc phát triển công nghệ mới, nhằm duy trì và tăng cường vai trò tiên phong của nền kinh tế tri thức. Nhưng chỉ chú trọng đầu tư vào việc sáng tạo công nghệ mới thôi thì chưa đủ, bởi vì công nghệ hiện đại cần phải mang tính kinh tế để các cá nhân và doanh nghiệp khai thác trên khía cạnh thương mại nhằm tạo ra các sản phẩm mới hoặc cải tiến sản phẩm và dịch vụ trên thị trường. Để khuyến khích đầu tư vào những lĩnh vực tri thức mang tính kinh tế và để tối đa hoá tốc độ khai thác thương mại của nó, thì một nền kinh tế tri thức phải hỗ trợ cho sự ra đời một thị trường thương mại hoạt động một cách hiệu quả để khai thác và phổ biến các sáng kiến mới. Có nghĩa là nền kinh tế tri thức đang là động lực để phát triển thêm nhiều sản phẩm và đưa chúng tới thị trường toàn cầu, và đến lượt nó, thị trường thương mại toàn cầu lại giúp cho các hoạt động trao đổi tri thức hoạt động hiệu quả hơn.

1.3. Kinh tế tri thức giúp cho việc mở rộng không gian hoạt động và rút ngắn thời gian của các chu trình kinh doanh thương mại.

Nền kinh tế tri thức lấy thị trường toàn cầu làm phạm vi hoạt động. Tri thức và thông tin qua mạng Internet đưa hoạt động kinh tế vượt khỏi biên giới quốc gia và tạo ra một không gian hoạt động thương mại rộng lớn hơn. Vốn, hàng hoá - dịch vụ, kỹ năng quản lý, sức lao động, thông tin, công nghệ đều hoạt động trên tầm xuyên quốc gia. Các mối quan hệ kinh tế, thương mại, đầu tư giữa các nước, các doanh nghiệp đã và đang liên kết chặt chẽ với nhau, và theo đó mức độ cạnh tranh trên thị trường ngày càng quyết liệt hơn.

Trước sự phát triển của các công nghệ thông tin, giấc mơ về cạnh tranh hoàn hảo đang dần trở thành hiện thực. Với một loại sản phẩm, khách hàng ngày nay có thể lựa chọn giữa những mức giá khác nhau được đưa ra bởi các khách hàng khác nhau trên mạng. Các thị trường mới xuất hiện, giá cả giảm xuống. Khi các nhà kinh doanh có thể lưu thông sản phẩm của mình thông qua mạng internet, thì lợi thế thường đến với những công ty có giá trị gia tăng lớn nhất, nhãn hiệu nổi tiếng nhất và kỹ thuật tinh xảo nhất. Cạnh tranh được đẩy mạnh do những công nghệ này đang mở cửa các thị trường với quy mô ngày càng lớn. Các sản phẩm có thành phần tri thức cao sẽ tạo ra lợi nhuận cao hơn và có tiềm năng tăng trưởng lớn hơn. Cạnh tranh và đổi mới luôn đi cùng với nhau. Sản phẩm và các quá trình sản xuất có thể nhanh chóng bị bắt chước và lợi thế cạnh tranh có thể nhanh chóng bị loại bỏ. Tri thức lan truyền nhanh hơn, nhưng để cạnh tranh thì các doanh nghiệp phải có khả năng đổi mới sản

phẩm nhanh hơn đối thủ của mình. Chính nhờ vậy mà vòng đời của một sản phẩm trong lưu thông được rút ngắn lại rất nhiều so với trước đây.

1.4. Kinh tế tri thức làm tăng quá trình phụ thuộc lẫn nhau trong quan hệ thương mại giữa các nước.

Kinh tế tri thức ra đời đồng thời với quá trình toàn cầu hoá. Điều đó cũng có nghĩa là phạm vi và tốc độ truyền bá của nền kinh tế tri thức ra phạm vi toàn cầu được mở rộng nhanh hơn. Toàn cầu hoá thị trường, mà trước hết là toàn cầu hoá thông tin, khiến thị trường của các quốc gia được mở rộng hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát huy tốt hơn các lợi thế so sánh vốn có và đón bắt những cơ hội mới do kinh tế tri thức và tiến trình toàn cầu hoá mang lại. Đối với các nước đang phát triển, đồng thời cũng là các nước nghèo, thường bị hạn chế về các nguồn lực, nhất là vốn, công nghệ, bí quyết quản lý, họ không thể công nghiệp hoá, hiện đại hoá hoặc nâng cấp nền kinh tế của mình và chuyển nền kinh tế sang một cơ cấu có hàm lượng công nghệ và vốn cao hơn nếu chỉ dựa vào nội lực của mình. Nhận thức được điều đó, nhiều nước đang phát triển đã có những chiến lược, chính sách khác nhau để khắc phục những hạn chế này bằng cách thực hiện chính sách thương mại mở cửa, thúc đẩy xuất khẩu ra thị trường thế giới. Nhờ đó các nước đang phát triển ngày càng hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế thế giới. Sự năng động của một số nước đang phát triển tiến hành công nghiệp hoá như NIEs, ASEAN đều nhờ có sự đóng góp không nhỏ của vốn, khoa học công nghệ và bí quyết quản lý được du nhập từ ngoài vào thông qua việc mở rộng trao đổi thương mại và đầu tư quốc tế.

Tốc độ phát triển của khoa học công nghệ ngày nay rất nhanh. Những lợi thế về công nghệ đang góp phần cắt giảm chi phí sản xuất, khuyến khích đầu tư R&D trên tất cả các lĩnh vực. Các ngành nghề sản xuất mới, đặc biệt là công nghiệp điện tử đang tăng lên nhanh chóng từ thập kỷ 90 cho đến nay, và trên hệ thống sản xuất toàn cầu đang xuất hiện những nhà sản xuất mới có mức đầu tư cao hơn cho công nghệ. Cho đến nay phần lớn công nghệ mới được tạo ra ở các nước công nghiệp tiên tiến như Mỹ, Nhật Bản và Châu Âu. Do chu kỳ phát triển nhanh chóng của sản phẩm trong thời đại kinh tế tri thức, trên thế giới đang hình thành một hệ thống mua bán và chuyển giao công nghệ, trong đó công nghệ tiên tiến nhất do các công ty xuyên quốc gia lớn nắm giữ (chiếm trên 90% công nghệ hiện đại của thế giới), và công nghệ kém hiện đại hơn được chuyển giao sang các nước có trình độ phát triển thấp hơn. Sự chuyển nhượng công nghệ đó cứ tiếp diễn, tuỳ thuộc vào trình độ tiếp nhận của từng quốc gia. Nó tạo nên một mạng lưới phân phối theo "chuỗi" trong hệ thống sản xuất và thương mại quốc tế. Trong chuỗi hàng hoá toàn cầu, Mỹ, Nhật Bản, Châu Âu là những nhà trực tiếp sản xuất ra những sản phẩm có hàm lượng

công nghệ cao nhất. Do chi phí sản xuất trong nước ngày càng tăng, các công ty của các nước này đã liên kết với các nhà thầu phụ ở các nước đang phát triển như NIEs, ASEAN, Ấn Độ để sản xuất sản phẩm ở những nước này nhằm tận dụng chi phí rẻ, sau đó lại xuất khẩu trở lại nước chủ nhà. Bằng việc mở rộng đầu tư và thương mại ra khỏi biên giới quốc gia, bên cạnh việc làm lợi cho chính mình, các nước công nghiệp tiên tiến đồng thời đã đem lại nhiều cơ hội cho các nước đang phát triển đi sau. Trong hệ thống sản xuất và thương mại theo "chuỗi" này, các Công ty xuyên quốc gia của Mỹ, Nhật Bản và EU sử dụng các công nghệ sản xuất tự động hiện đại nhất, tạo ra những thế hệ sản phẩm có hàm lượng R&D cao nhất, rồi dần chuyển giao các công nghệ thấp hơn cho các nước đi sau. Hàng kế tiếp thứ hai trong "chuỗi" giá trị hàng hoá tri thức trên thế giới là các NIEs Châu Á với công nghệ sản xuất tự động tương đối hiện đại, nhưng đầu vào sản phẩm chứa đựng hàm lượng R&D ít hơn, tập trung phát triển các sản phẩm linh kiện và thành phẩm. Sau đó là các nước ASEAN với những dây chuyền sản xuất chứa hàm lượng lao động cao hơn, công nghệ thấp hơn. Chuỗi hàng hoá này cứ thế tiếp nối ở những nước đang phát triển đi sau. Những đặc trưng này cho thấy một bức tranh phức tạp, đa dạng và luôn thay đổi trong hệ thống sản xuất và trao đổi quốc tế. Nó góp phần thúc đẩy tốc độ tự do hoá thương mại và toàn cầu hoá diễn ra nhanh chóng hơn bao giờ hết.

Trong mạng lưới sản xuất và trao đổi hàng hoá quốc tế đang diễn ra xu hướng quan hệ phụ thuộc lẫn nhau ngày càng sâu sắc. Bên cạnh sự phân công lao động phát triển theo chiều rộng, nền kinh tế tri thức đang tạo nên một mạng lưới phân công lao động theo chiều sâu. Kinh tế tri thức, với những sản phẩm tinh xảo và hiện đại, mang nặng đặc tính cá thể, khó có thể sao chép trên quy mô toàn thế giới. Ngay ở những nước phát triển như Mỹ, Nhật Bản và EU, quá trình chuyên môn hoá sản phẩm cũng đang được chuyên sâu, và những nước này đang có xu hướng hợp tác trao đổi thương mại với nhau trên cơ sở cùng cạnh tranh và phát triển. Nhật Bản nổi tiếng với hàng điện tử tiêu dùng, Mỹ nổi tiếng kiểm soát thị trường thế giới về công nghệ máy tính, EU vượt qua hai nước trên và nắm giữ vị trí quan trọng trên thị trường thế giới trong ngành viễn thông... Do đó sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia trong trao đổi thương mại ngày càng tăng, nhằm tìm kiếm những cơ hội tốt nhất để cải tiến chất lượng sản phẩm.

Trong môi trường thương mại thế giới ngày càng được tự do hoá và tăng tính phụ thuộc đó, những nước đi sau luôn phải chịu những áp lực rất lớn trong việc đón bắt những công nghệ và tri thức hiện đại của thế giới. Nhiều nước đã tìm ra được những cách đi phù hợp và đang có tốc độ đuổi bắt trình độ phát triển của thế giới một cách ngoạn mục như Hàn Quốc, Đài Loan, Malaixia, Ấn Độ. Tuy nhiên, còn nhiều quốc gia đang phát triển vẫn nằm ngoài "chuỗi"

hàng hoá tri thức toàn cầu và đang có nguy cơ bị phụ thuộc, khai thác, bóc lột và khống chế kinh tế. Nền kinh tế tri thức đem lại nhiều cơ hội cho những nước có trình độ phát triển kinh tế và cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại, giúp họ hội nhập sâu hơn vào quá trình toàn cầu hoá, nhưng nó cũng bỏ lại sau lưng những nước nghèo, trình độ phát triển kinh tế lạc hậu, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội yếu kém.

2. Vai trò của thương mại đối với phát triển kinh tế tri thức

2.1. Thương mại mở đường cho giai đoạn phát triển mới của kinh tế tri thức

Theo quan niệm truyền thống, thị trường là nơi diễn ra các hoạt động mua và bán, trong đó một doanh nghiệp, một quốc gia muốn bán những hàng hoá mà mình sản xuất ra và mua những hàng hoá mà doanh nghiệp và đất nước đang cần đến. Hầu hết các nước trên thế giới đều quan niệm như thế và cho đến thời đại ngày nay các nước đã đưa ra những luật chơi chung để xây dựng một khuôn khổ pháp lý thuận lợi cho các hoạt động mua - bán đó.

Xét về lợi ích kinh tế, thị trường thế giới trong thời đại toàn cầu hoá là nơi phân chia lợi ích giữa ba nhóm nước và công ty: Các nước phát triển, các nước đang phát triển và các công ty xuyên quốc gia. Trong nền kinh tế tri thức, thương mại thế giới đang chuyển dần từ cạnh tranh về giá sang cạnh tranh về trình độ công nghệ, trong một số ngành, lĩnh vực, ba nhóm lợi ích đó đang có xu hướng cạnh tranh lẫn nhau rất quyết liệt nhằm chiếm giữ thị phần và giành ưu thế công nghệ. Trong bối cảnh đó, chính sách bảo hộ thương mại cũng đã có những thay đổi theo hướng bảo hộ công nghệ. Hiện nay, sự độc quyền về công nghệ của các quốc gia phát triển như Mỹ, EU, Nhật Bản và các Công ty xuyên quốc gia lớn đang tạo ra những hàng rào bảo hộ các ngành công nghệ cao, gây trở ngại cho các quốc gia đi sau trong quá trình rút ngắn khoảng cách phát triển, nhất là rút ngắn khoảng cách phát triển công nghệ.

Tuy nhiên, sự độc quyền công nghệ hiện đại ấy đang phải đối mặt với quá trình tự do hoá thương mại đang diễn ra mạnh mẽ trên phạm vi toàn cầu nhằm đem lại lợi ích cho tất cả các quốc gia trên thế giới. Đối với các nước phát triển, tự do hoá thương mại giúp các nước này xâm nhập thị trường các nước đang phát triển, tận dụng những lợi thế so sánh truyền thống vốn chưa được khai thác triệt để và gây ảnh hưởng chi phối đến sự phát triển kinh tế của một số nước đó. Còn đối với các nước đang phát triển, tự do hoá thương mại đồng nghĩa với mở cửa thị trường cho hàng hoá nước ngoài xâm nhập vào thị trường trong nước. Cái được và cái mất còn nhiều vấn đề cần phải bàn, nhưng nhìn chung nhờ thương mại được mở rộng, các nước này đã khắc phục được tình trạng thiếu hàng hoá, thiếu công nghệ, cải thiện được năng suất lao động, thu

hút nhiều vốn phục vụ quá trình phát triển. Còn đối với các công ty xuyên quốc gia, tự do hoá thương mại đồng nghĩa với sự bành trướng ngày càng lớn trong nền kinh tế toàn cầu. Hiện nay, các tập đoàn thương mại lớn thường chiếm vị trí chi phối và thâm nhập sâu vào các kênh thương mại của các nền kinh tế thế giới, nhất là các nền kinh tế mới tham gia vào hệ thống thương mại toàn cầu. Sự bành trướng của các công ty xuyên quốc gia đã tạo ra một mạng lưới kinh doanh toàn cầu lấy công ty mẹ làm trung tâm, mở rộng ra khắp thế giới. Hàng trăm, hàng nghìn mạng lưới của các công ty xuyên quốc gia đã và đang tạo thành một mạng lưới kinh tế toàn cầu khổng lồ, bao trùm lên tất cả các quốc gia và các khu vực. Các công ty xuyên quốc gia này hiện đang nắm giữ 9/10 thành quả khoa học kỹ thuật tiên tiến nhất trên thế giới, chiếm khoảng 2/3 tổng giá trị thương mại và 4/5 nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên thế giới. Chính các công ty này đang là đầu tầu trong việc thúc đẩy xu hướng tự do hoá thương mại và truyền bá nền kinh tế tri thức ra toàn thế giới.

2.2. Thương mại thúc đẩy sự hình thành và phát triển kinh tế tri thức

Trong thời đại của khoa học công nghệ mới, thương mại là nơi chuyển tải và thúc đẩy sự phát triển của khoa học cộng nghệ. Dưới tác động của thành tựu khoa học công nghệ và các học thuyết kinh tế quốc tế, nhất là lý thuyết về lợi thế so sánh giữa các quốc gia, quá trình phân công lao động quốc tế đã phát triển ngày càng sâu sắc. Sự phát triển mạnh mẽ của thương mại quốc tế hiện nay là hệ quả tất yếu của quá trình phân công lao động quốc tế mới. Cùng với điều đó, thương mại quốc tế trong một ngành sản xuất và trong một dây chuyền giá trị đã không ngừng phát triển và tạo điều kiện để các nền kinh tế kém phát triển và đang phát triển tham gia tích cực vào hệ thống thương mại toàn cầu. Đối với các nước đang phát triển đang trong thời kỳ thực hiện công nghiệp hoá, việc tham gia vào hệ thống thương mại quốc tế trong một ngành sản xuất là rất cần thiết. Nó giúp cho đất nước đó phát huy được những lợi thế so sánh vốn có, đồng thời cũng buộc các nước này phải thực hiện các nguyên tắc tự do hoá thương mại, mở cửa thị trường cả trong lĩnh vực thương mại hàng hoá, thương mại dịch cụ, bảo hộ sở hữu trí tuệ, chính sách đầu tư. Hội nhập giúp các doanh nghiệp mở rộng các quan hệ, tiếp cận phương thức quản lý tiên tiến, tiếp thu những thành tựu khoa học công nghệ hiện đại của thế giới và tham gia vào cuộc cạnh tranh đang diễn ra gay gắt giữa các quốc gia trên thế giới.

Hoạt động thương mại quốc tế ngày nay không chỉ bao hàm quan hệ thương mại hàng hoá và đầu tư, mà còn bao hàm cả các hoạt động hợp tác khoa học và công nghệ, nâng cao năng lực công nghệ giữa các nước. Ngay

trong quan hệ trao đổi hàng hoá cũng chứa đựng sự chuyển giao và phát triển khoa học và công nghệ. Hội nhập sâu hơn vào hệ thống thương mại thế giới, các nước có cơ hội thuận lợi trong tiếp nhận chuyển giao và phát triển năng lực khoa học - công nghệ để khai thác tiềm năng to lớn của đất nước thông qua các kênh như:

+ Tiếp nhận công nghệ sản xuất tiên tiến thông qua mua bán, nhập khẩu công nghệ, các hợp đồng chuyển giao công nghệ của các dự án đầu tư nước ngoài.

+ Tham gia nhiều hơn vào các chương trình hợp tác khoa học - công nghệ đa phương và song phương.

+ Tăng thêm nguồn hỗ trợ kỹ thuật, tăng cường năng lực quản lý khi gia nhập các thể chế quốc tế đa phương và song phương giành cho các nước nghèo và kém phát triển.

+ Có điều kiện thuận lợi trong chuyển giao công nghệ

+ Có cơ hội tiếp cận các nguồn công nghệ mới, học hỏi và trao đổi công nghệ sản xuất và quản lý tiên tiến thông qua trao đổi chuyên gia... Điều này góp phần thuận lợi cho việc xây dựng và hình thành nền kinh tế tri thức ở các nước, nhất là đối với các nước đang phát triển.

Mở rộng tự do hoá thương mại cũng giúp cho các nước đang phát triển có cơ hội tiếp cận các thị trường của những nước công nghiệp tiên tiến như Mỹ, Nhật Bản, EU. Đây là những nước có dung lượng thị trường lớn, có cơ chế thị trường hiện đại và là nơi nắm giữ hầu hết những công nghệ và tri thức nguồn của nền kinh tế tri thức. Thị trường các nước phát triển này đặc điểm nổi bật là: nó đòi hỏi các sản phẩm nhập khẩu từ nước ngoài phải có tính quy chuẩn và thống nhất cao. Đây cũng là những thị trường có cường độ cạnh tranh rất lớn, trong đó giá cả và chất lượng là hai yếu tố cơ bản nhất, tiếp đến là các yếu tố khác như bao bì, mẫu mã, nguồn gốc xuất xứ, nhãn hiệu sản phẩm... Trên những thị trường này, hàng hoá của các nước trên thế giới được cạnh tranh bình đẳng, trong đó những sản phẩm hàm chứa tri thức luôn có ưu thế cạnh tranh lớn hơn. Dưới sức ép mở rộng sản phẩm xuất khẩu ra thị trường bên ngoài, đặc biệt là sang thị trường các nước công nghiệp phát triển để thu ngoại tệ, tìm kiếm công nghệ hiện đại phục vụ cho tăng trưởng kinh tế trong nước, các nước ngày càng phải nâng cấp các cơ sở sản xuất trong nước của mình, đầu tư thêm công nghệ mới, nâng cao chất lượng sản phẩm xuất khẩu để có thể hội nhập vào nền kinh tế thế giới. Chính những sức ép đó góp phần hoàn thiện dần nền kinh tế tri thức ở các nước để bắt kịp xu thế mới của thời đại.

2.3. Thương mại là một bộ phận cấu thành của nền kinh tế tri thức

Trong nền kinh tế tri thức, các yếu tố đầu vào của sản xuất bao gồm lao động, đất đai, vốn, công nghệ, thiết bị, tri thức và thông tin. Do những ưu điểm vượt trội, nền kinh tế tri thức đang tạo ra ngày càng nhiều sản phẩm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và ngày càng đa dạng của cuộc sống, của công nghiệp tri thức và vốn tri thức. Cơ sở của kinh tế tri thức là lấy công nghệ cao, lực lượng lao động có tri thức và công nghệ thông tin làm nền tảng. Trong khi đó, hoạt động thương mại là một bộ phận của mọi nền kinh tế, bất kể đó là nền kinh tế nông nghiệp, công nghiệp hay kinh tế tri thức. Chính sách thương mại đóng vai trò rất quan trọng đối với các quốc gia. Nó giúp các chính phủ có thể sử dụng các chính sách và biện pháp của mình để định hướng chiến lược sản phẩm và thị trường, lựa chọn những sản phẩm và công nghệ phù hợp với thời đại mới để phục vụ cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Mục tiêu cơ bản của chính sách thương mại là hướng tới việc sử dụng và phân bổ các nguồn lực trong và ngoài nước một cách hiệu quả nhất, và nhiệm vụ chủ yếu của chính sách thương mại là tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các doanh nghiệp trong nước mở rộng buôn bán với nước ngoài, thông qua đàm phán quốc tế để đạt được sự mở rộng thị trường thế giới, bảo hộ hợp lý sản xuất trong nước, hạn chế những cạnh tranh bất lợi từ bên ngoài. Thực tế cho thấy, trong thời kỳ đầu công nghiệp hoá, những nước nghèo vốn và công nghệ như Nhật bản, Hàn Quốc, nếu có chính sách thương mại phù hợp và thay đổi thích ứng với từng thời kỳ phát triển, đất nước đó có thể phát huy được nội lực trong nước, tăng trưởng kinh tế nhanh, hiện đại hoá được những cơ sở sản xuất trong nước. Kinh nghiệm đó đã được các quốc gia Châu Á khác như Malaixia, Thái Lan, Philippin, Trung Quốc, Ấn Độ, Việt Nam tiếp thu, vận dụng, nhờ đó đã đạt được những thành công nhất định trong phát triển kinh tế. Trong một thế giới toàn cầu hoá với sự lan nhanh của làn sóng công nghệ cao, chính sách thương mại phù hợp là yếu tố quan trọng nhất góp phần giúp các nước tận dụng cao độ các cơ hội tiếp cận luồng hàng hoá và công nghệ mới nhất trên thế giới, tạo điều kiện cho các nước đang phát triển có những bước phát triển cao hơn trên cơ sở tiếp nhận và vận dụng hiệu quả các nguồn lực từ bên ngoài kết hợp việc phát huy cao độ các nguồn lực trong nước. Có thể nói, trong một nền kinh tế tri thức, thương mại là cầu nối đầu tiên giúp kinh tế có thể mở rộng được quy mô và nâng cao được trình độ phát triển. Và tất nhiên, khi kinh tế ngày càng phát triển, thương mại sẽ càng có nhiều đóng góp hơn nữa trong việc bổ sung, nâng cao và tăng thêm chất lượng cho nền kinh tế tri thức.

III. Đặc trưng của thương mại trong nền kinh tế tri thức

Trong quá trình hình thành và phát triển kinh tế tri thức, hoạt động thương mại mang những đặc trưng sau:

Thứ nhất, thương mại phát triển dựa trên nền tảng thông tin và tri thức.

Trong thời đại toàn cầu hoá với sự phát triển mạnh của khoa học và công nghệ cao, lý thuyết về lợi thế so sánh cổ điển đã có nhiều thay đổi. Những lợi thế so sánh tự nhiên dựa trên cơ sở của lao động, tài nguyên và vốn được phát huy trong suốt thế lỷ XIX và gần hết thế kỷ XX, tạo nên sự giàu có và tăng trưởng kinh tế cho nhiều nước trên thế giới như Mỹ, Nhật, Châu Âu, một số nền kinh tế mới nổi Châu Á nhờ mở rộng phạm vi hoạt động thương mại, nay đang dần nhường chỗ cho các lợi thế gắn liền với tri thức, làm thay đổi rất nhiều bản chất và nội dung của các hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động thương mại. Về sản xuất, tính chu kỳ "truyền thống" của sản phẩm đã bị phá vỡ. Việc phát minh ra sản phẩm mới có công nghệ cao là hết sức quan trọng, tạo nên lợi thế cho những nước có tiềm năng về công nghệ và nguồn nhân lực được đào tạo. Về lĩnh vực thương mại, lợi thế so sánh vẫn phát huy tác dụng nhưng ở mức độ cao hơn. Giá cả của các nguồn tài nguyên thiên nhiên và nguồn nhân lực không qua đào tạo... ngày càng giảm. Sức mạnh của vốn (tư bản) cũng bị hạn chế. Trong khi đó tri thức và kỹ năng đang trở thành các nguồn lực có lợi thế so sánh ưu việt nhất của các quốc gia và công ty. Ngày nay, yếu tố có tính quyết định nhất đến sự tăng năng suất, nâng cao sức cạnh tranh, đồng thời cũng là yếu tố quyết định sự giàu có của các quốc gia không còn là tài nguyên thiên nhiên, lao động và vốn như trước đây, mà là tri thức. Nếu như thương mại toàn cầu là động lực để mở rộng các cơ hội sản xuất kinh doanh, thì tri thức khoa học và công nghệ mới lại là động lực làm cho cơ hội sản xuất kinh doanh mở rộng thêm. Sự bùng nổ của công nghệ thông tin, viễn thông, công nghệ kỹ thuật số đang làm thay đổi diện mạo của thế giới, góp phần xây dựng thêm nền tảng của thương mại toàn cầu. Chúng tạo ra những ngành kinh doanh mới và định dạng lại những ngành nghề hiện có. Khả năng kỳ diệu của Internet đang góp phần xoá bỏ hệ thống tiếp thị và phân phối truyền thống, tạo ra tiềm năng mới cho kinh doanh trên mạng. Nhờ sử dụng công nghệ thông tin, các doanh nghiệp sản xuất và các đối tác thương mại đã được nối mạng. Điều quan trọng hơn là các doanh nghiệp và các đối tác thương mại đã điều chỉnh nhanh chóng cơ cấu kinh tế bằng cách sử dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, hạ giá thành sản phẩm để tạo năng lực cạnh tranh mới. Đây chính là yếu tố cơ bản phân biệt sự khác nhau giữa các quốc gia phát triển hay đang phát triển, là nguồn lực mới tạo ra lợi thế so sánh bền vững và dài hạn.

Sự xuất hiện của nền kinh tế tri thức với những ưu điểm của nó đang tạo ra ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động thương mại quốc tế. Kinh tế tri thức cùng với xu thế tự do hoá thương mại đang diễn ra trên phạm vi toàn cầu đã làm biến đổi cả cơ cấu hàng hoá thương mại quốc tế, các hàng hoá đó giờ đây không chỉ bao gồm những sản phẩm nông - công nghiệp truyền thống, mà được bổ xung thêm những sản phẩm kỹ thuật cao, công nghệ dịch vụ, ngoại tệ, cổ phiếu, chứng khoán, sản phẩm vô hình... Sự tăng nhanh về tỷ trọng của loại hàng hoá mang yếu tố tri thức trên thị trường thế giới đã khiến các quốc gia phải thay đổi phương thức đầu tư trong phát triển thương mại, một mặt tiếp tục đầu tư để phát huy các lợi thế so sánh tĩnh, sẵn có, mặt khác tăng cường đầu tư để phát triển các lợi thế động, hướng tới tương lai, nhằm nắm bắt và tận dụng những lợi thế so sánh mới để mở rộng hoạt động thương mại và tạo ra sự phát triển rút ngắn, nhất là đối với các nước công nghiệp hóa sau để đuổi kịp các nước phát triển.

Cùng với sự thay đổi cơ cấu sản phẩm trong hoạt động thương mại, đội ngũ những người trực tiếp tham gia quá trình trao đổi thương mại cũng có những thay đổi theo chiều hướng tiến bộ hơn, được đào tạo cơ bản hơn. Phương thức kinh doanh thương mại thời đại kinh tế tri thức đang đòi hỏi gia tăng lực lượng lao động tri thức trong cả các lĩnh vực sản xuất, thương mại, đầu tư, nghiên cứu khoa học... Công cụ mà các nhân viên thương mại phải sử dụng ngày nay là máy tính, các phương tiện Internet và các thiết bị hiện đại khác... để thu thập, phân tích, xử lý, tổng hợp số liệu, truyền đạt thông tin. Những người này đang cần có trình độ giáo dục cao hơn, có kiến thức khoa học tốt hơn, có kỹ năng quản lý hiện đại hơn, do vậy, cùng với việc phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực sản xuất, việc đào tạo và đào tạo lại lực lượng lao động trong ngành thương mại là nhân tố không thể thiếu trong nền kinh tế tri thức.

Thứ hai, thương mại điện tử trở thành phương thức hoạt động chủ yếu trong nền kinh tế tri thức.

So với phương thức hoạt động thương mại truyền thống, thương mại điện tử đang đem lại nhiều lợi ích hơn cho những nước, các đối tượng tham gia thương mại như đối với Chính phủ, doanh nghiệp và người tiêu dùng, do vậy, thương mại điện tử đang trở thành phương thức kinh doanh chi phối các hoạt động thương mại toàn cầu. Thương mại điện tử là một loại hoạt động thương mại được thực hiện thông qua việc sử dụng các phương tiện điện tử, nhất là mạng Internet. Thương mại điện tử có đặc tính: chi phí đầu tư thấp, phù hợp với mọi quy mô doanh nghiệp; sử dụng kỹ thuật số trong toàn bộ quá trình giao dịch; các giao dịch diễn ra liên tục, không có thời gian trễ; thông tin

nhanh, chính xác và cập nhật; tự động hoá các giao dịch giữa người và máy; quá trình thanh toán được thực hiện thông qua việc ứng dụng các phương tiện điện tử; quá trình giao hàng được thực hiện bằng điện tử với các mặt hàng được số hoá ...

Những lợi ích to lớn của thương mại điện tử trong hoạt động thương mại thế giới đã dẫn tới sự phổ biến rộng rãi của mạng Internet, đến nay đã có 186 quốc gia trên thế giới sử dụng mạng Internet vào hoạt động thương mại, tạo ra nguồn doanh thu lớn cho hoạt động thương mại và kết nối các nước vào xu thế toàn cầu hoá nhanh hơn, mạnh hơn. Theo số liệu của cơ quan Thương mại và phát triển Liên hợp quốc (UNCTAD), Năm 1998, giá trị giao dịch thương mại điện tử đạt 31 tỷ USD, năm 2000 tăng lên 278,18 tỷ USD, năm 2003 đạt 1408 tỷ USD và năm 2004 đạt 2400 tỷ USD. Giao dịch thương mại qua mạng hiện đang chiếm từ 10-15% kim ngạch buôn bán của toàn thế giới và có khả năng sẽ còn tăng nhanh hơn vào những năm tới do lợi ích to lớn mà nó đem lại.

Thứ ba, không gian cho hoạt động thương mại được mở rộng mang tính toàn cầu cao.

Xu hướng tự do hoá thương mại trên thế giới đang lan rộng ở nhiều tầng nấc: song phương, đa phương và khu vực. Sự thay đổi của cơ cấu thương mại thế giới và sự phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử đang làm cho quá trình tự do hoá thương mại diễn ra nhanh hơn, rộng hơn. Thương mại thế giới không chỉ gia tăng giữa các nước phát triển với các nước đang phát triển, giữa các nước công nghiệp phát triển với nhau, giữa các nước đang phát triển với nhau, mà trao đổi thương mại nội bộ ngành và giữa các ngành cũng trở nên phổ biến nhằm khai thác lợi thế kinh tế một cách tốt nhất để cạnh tranh và phát triển. Sự bổ sung cho nhau, hợp tác với nhau và phụ thuộc lẫn nhau ngày càng tăng giữa các thị trường, các sản phẩm, các nước... đang làm mở rộng thị trường toàn cầu. Hầu hết các hoạt động thương mại giờ đây phải tuân theo luật chơi chung của các thể chế kinh tế và thương mại quốc tế như Tổ chức thương mại thế giới (WTO), Ngân hàng Thế giới (WB) và Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF). Trong bối cảnh đó, các luật lệ và rào cản quốc gia khác hoặc trái với luật chơi chung rất khó có thể được thừa nhận, nếu không muốn nói là sẽ bị phủ nhận. Tri thức và thông tin sẽ chảy đến nơi có nhu cầu cao nhất và rào cản thấp nhất. Sự bành trướng của các công ty xuyên quốc gia dưới nhiều hình thức đang là nhân tố tích cực trong việc thay đổi phương thức và lực lượng kinh doanh thương mại, theo đó thị trường nội địa phải được đối xử như một bộ phận của thị trường thế giới, tự do hoá xuất khẩu và nhập khẩu được khuyến khích đồng thời, các nước tham gia thương mại thế giới ngày càng được đối xử bình đẳng hơn, tự do hơn. Cơ chế thương mại dựa trên quan hệ lệ thuộc - cai trị - bóc lột trước đây đang được thay thế bằng cơ chế tham dự - bình đẳng, trong đó mỗi

khu vực, mỗi Chính phủ, mỗi doanh nhân và mỗi cá nhân đều có lợi thế trong phát triển các quan hệ thương mại. Tuy nhiên, năng lực hội nhập hệ thống thương mại thế giới phụ thuộc vào trình độ phát triển của mỗi khu vực, mỗi quốc gia, mỗi Chính phủ và doanh nhân... nhằm tận dụng những điều kiện phát triển mới do nền kinh tế tri thức mang lại. So với những năm giữa thế kỷ XX, giá trị trao đổi trên thị trường toàn cầu hiện nay đã tăng 12 lần và sẽ tiếp tục tăng nhanh hơn trong xu thế toàn cầu hoá và kinh tế tri thức. Cùng với việc mở rộng thị trường, giá cả sản phẩm cũng đang có sự thay đổi. Những sản phẩm hoặc dịch vụ được tăng cường tri thức có thể có mức giá cao hơn những sản phẩm tương đương nhưng gắn với tri thức hoặc cường độ tri thức thấp. Cùng với việc ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ trên thế giới đang ngày càng tăng lên nhanh chóng chưa từng có như hiện nay, tốc độ biến đổi giá cả của các sản phẩm càng mới lại càng nhanh. Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ tin học và truyền thông đang làm rút ngắn thời gian chọn lọc, đánh giá, sử dụng, sáng tạo thông tin, khiến giá trị sử dụng tri thức cũng bị rút ngắn nhanh chóng. Với sự ra đời của các sản phẩm mới, giá cả sản phẩm, đặc biệt là sản phẩm công nghệ cao, càng có xu hướng giảm đi. Một quy luật giá cả mới trong nền kinh tế tri thức đang hình thành, đó là: sản phẩm càng hiện đại thì tốc độ biến đổi giá cả của nó càng cao. Thực tiễn cho thấy, trong vòng 30 năm từ 1960 đến 1990 giá máy vi tính đã giảm 125 lần, còn sự sụt giảm giá cả các thiết bị phần mềm tin học trong thập kỷ 1990 thì nhanh đến mức tính theo từng năm chứ không phải một vài chục năm. Cạnh tranh giá cả trong nền kinh tế tri thức trước hết là cạnh tranh thời gian và tốc độ đổi mới công nghệ trong các sản phẩm. Xu thế toàn cầu hoá cũng khiến các thị trường và sản phẩm mang tính toàn cầu hơn. Những sản phẩm của hãng máy tính của một nước này sẽ được toàn thế giới biết đến nhanh chóng và so sánh với những sản phẩm của các nước khác. Điều này tác động trực tiếp đến sự cạnh tranh giá cả và chất lượng sản phẩm, dẫn tới xu hướng sản phẩm trên thị trường ngày càng hiện đại hơn, trong khi giá cả ngày càng giảm mạnh.

Thứ tư, hàng hóa được trao đổi, mua bán trong nền kinh tế tri thức sẽ đa dạng và phong phú hơn nhưng chu kỳ sống của sản phẩm ngày càng rút ngắn.

Nền kinh tế tri thức không còn có yếu tố khan hiếm như nền kinh tế hàng hoá truyền thống, mà có tính phong phú nhiều hơn. Không giống như hầu hết các nguồn lực bị mất đi sau khi sử dụng, thông tin và tri thức có thể được chia sẻ, và trong thực tế ngày càng tăng lên thông qua sử dụng. Trong nền kinh tế tri thức, chiến lược kinh doanh mới là mua các khái niệm mới và khả năng tạo ra chúng, chứ không phải là mua máy móc thiết bị mới. Giá trị gia tăng ngày càng được tạo ra bởi những yếu tố vô hình như sáng chế, phát minh, thiết kế mẫu mã, tiếp thị, nhãn hiệu hàng hoá, dịch vụ tài chính, quản lý kinh doanh.

Năng lực của nền kinh tế tri thức không những tạo cho sản phẩm lưu thông trên thị trường thế giới mang tính đa dạng, từ hàng hoá truyền thống đến hàng hoá dịch vụ, hàng hoá trí tuệ, mà còn làm cho chu kỳ sống của một sản phẩm chế tạo ngày càng rút ngắn, hiện nay còn khoảng từ 1 đến 3 năm so với trên 10 năm trước đây. Quá trình đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng, mẫu mã, kiểu dáng và năng lực cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá diễn ra với tốc độ ngày càng nhanh.

Thế giới ngày càng sản xuất ra nhiều các thiết bị thông minh như máy tính, phần mềm, vật liệu mới, trong đó có những vật liệu như composite, gốm, vật liệu siêu dẫn, vật liệu năng lượng mới và các sản phẩm mang tính tự động cao. Người ta hy vọng rằng ngành công nghệ thông tin sẽ thay thế ngành dầu lửa và trở thành ngành công nghiệp số 1 trên thế giới trong thời gian tới. Cùng với sự thay đổi các nhân tố đầu vào cho sản xuất, hiện đang diễn ra sự thay đổi to lớn trong tiêu dùng và điều đó có ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế. Tiêu dùng trong thời đại kinh tế tri thức ngày càng đa dạng, cá tính hoá, nghệ thuật hoá. Do vậy, cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin và vi điện tử, ngành chế tạo sẽ xuất hiện những đặc điểm mới là thay đổi mẫu mã nhanh, trí tuệ hoá các sản phẩm, phân bố rộng, toàn cầu hoá sản phẩm nhanh hơn. Nhu cầu tiêu dùng các sản phẩm dựa vào tri thức đang tăng lên nhanh chóng, hoạt động buôn bán bằng sáng chế và công nghệ đang trở thành một trong những hoạt động thương mại có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trên thế giới. Sự nổi lên của nền kinh tế tri thức đang ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế trên nhiều khía cạnh. Cách thức tăng trưởng kinh tế sẽ thay đổi to lớn, cơ cấu kinh tế sẽ thay đổi cơ bản, và các ngành công nghiệp như máy tính, phần mềm, công nghệ nguyên tử, công nghệ sinh học sẽ ngày càng có vị trí cao hơn trong nền kinh tế quốc dân. Tri thức và công nghệ sẽ là những nhân tố quyết định trong phân công quốc tế, cạnh tranh quốc tế sẽ gay gắt hơn. Các đường biên giới của cạnh tranh sẽ mở rộng từ việc đầu tư chế biến sâu các sản phẩm chứa đựng nhiều hàm lượng lao động tài nguyên, đến các sản phẩm điện tử, tin học, viễn thông chứa hàm lượng công nghệ cao hơn, thậm chí tới cả các sản phẩm trí tuệ.

Theo đánh giá của các nhà khoa học trên thế giới: với các sản phẩm nông nghiệp vào những năm 1960, phần giá trị do công nghệ tạo ra chiếm 40%, phần do người sản xuất tạo ra là 60%; còn đến những năm 1980 thì tỷ lệ tương ứng là 60% và 40%, vào những năm 1990 tỷ lệ này tương ứng là 80% và 20%. Các chỉ số này cho thấy đã có sự hoán vị lợi thế so sánh giữa tài nguyên, lao động và khoa học - công nghệ trên thị trường hàng hoá thế giới.

Thứ năm, quá trình hoạt động thương mại trong nền kinh tế tri thức được rút ngắn lại.

Nhờ tạo khả năng tiếp cận thông tin nhanh, nền kinh tế tri thức đang giúp cho các thị trường hoạt động hiệu quả hơn. Bên cạnh việc mở rộng quy mô thị trường, kinh tế tri thức còn tạo ra được những sản phẩm gọn nhẹ đến mức mọi cá nhân đều có thể có được, do vậy khả năng tiêu dùng sản phẩm cũng ngày càng tăng. Do những ảnh hưởng truyền bá nhanh của công nghệ thông tin và sự áp dụng công nghệ hiện đại, số lượng sản phẩm tri thức ngày càng mở rộng, kích cỡ sản phẩm gọn nhẹ có thể chuyển đến bất kỳ vị trí nào, khách hàng dễ tìm được những sản phẩm có giá cả thấp nhất với khả năng hữu dụng cao nhất, thoả mãn được các nhu cầu luôn thay đổi của con người. Công nghệ thông tin giúp cho việc phân bổ các nguồn lực đạt hiệu quả cao nhất. Các thông tin về điều kiện thị trường, thời tiết, sở thích, thị hiếu của từng cá nhân, từng dân tộc... giúp cho hoạt động thương mại giảm được chi phí, tránh được rủi ro và rút ngắn được những khoảng thời gian kinh doanh không cần thiết. Nhờ hệ thống thương mại điện tử, người tiêu dùng có thể giao dịch trực tiếp với người sản xuất qua mạng internet và máy tính, các công đoạn từ khâu lựa chọn hàng hóa đến thanh toán và giao hàng đều có thể thực hiện trên máy trực tuyến nên thời gian của các chu trình kinh doanh thương mại được rút ngắn nhiều. Với công nghệ thông tin, thế giới đang được thu hẹp lại, khoảng cách về thời gian và không gian được rút ngắn, tư duy kinh tế và kinh doanh thương mại cổ điển đang được thay thế bằng một tư duy hiện đại hơn, linh hoạt hơn, rộng mở và tốc độ cao hơn.

Thứ sáu, Công tác quản lý Nhà nước về thương mại trong nền kinh tế tri thức thay đổi theo hướng linh hoạt, năng động và được thực hiện dựa trên nền tảng chính phủ điện tử.

Quản lý nhà nước trong hoạt động thương mại bao gồm các vấn đề như tạo lập môi trường pháp lý, chính sách kích thích sản xuất và nâng cao sức cạnh tranh của hàng hoá trên thị trường quốc tế. Môi trường pháp lý và chính sách phù hợp thuận lợi sẽ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong nước mở rộng thị trường ra bên ngoài nhằm tăng quy mô xuất khẩu và tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường thế giới, đồng thời bảo hộ hợp lý thị trường trong nước trước sự xâm nhập của hàng hoá và dịch vụ nước ngoài. Một chính sách kích thích sản xuất tốt không chỉ đóng vai trò thúc đẩy năng lực sản xuất, đảm bảo đầu vào, đầu ra cho quá trình sản xuất mở rộng, mà còn đóng vai trò khai thác đúng tiềm năng và lợi thế trong nước, thúc đẩy việc ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ một cách hiệu quả.

Nền kinh tế tri thức đòi hỏi công tác quản lý Nhà nước về thương mại phải năng động và hiệu quả hơn. Trong xu thế tự do hoá thương mại ngày càng mạnh mẽ cũng như sức cạnh tranh trên thị trường hàng hoá thế giới ngày càng

tăng nhanh, cơ chế thương mại của các nước buộc phải đáp ứng các yêu cầu cắt giảm thuế quan, tự do hoá từng bước, huỷ bỏ hàng loạt các chính sách biện pháp không thích ứng như bán phá giá, không đảm bảo an toàn thực phẩm... Nhà nước buộc phải có sự chuyển đổi cơ cấu xuất - nhập khẩu theo hướng tăng cường tỷ trọng hàng chế biến sâu, có giá trị gia tăng và hàm lượng kỹ thuật cao. Ngoài thị trường hàng hoá, hàng loạt các thị trường khác như thị trường dịch vụ, thị trường vốn, thị trường đầu tư, thị trường chuyển giao công nghệ, thị trường tài chính - tiền tệ... trong thời đại kinh tế tri thức cũng cần được thiết lập để tạo môi trường cho hoạt động thương mại đạt được hiệu quả nhất. Sự xuất hiện của thương mại điện tử đang làm cho nền thương mại thế giới trở nên năng động hơn, góp phần thúc đẩy tiến trình hội nhập của tất cả các nước, đặc biệt là các nước đang phát triển. Vì vậy, nền kinh tế tri thức đang đặt ra vấn đề cần đầu tư mạnh hơn cho xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và viễn thông, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực kỹ thuật, kinh tế, quản lý, xây dựng chính sách phát triển khoa học công nghệ, xây dựng hệ thống thương mại điện tử... để có thể tham gia hiệu quả hơn vào quá trình phân công lao động quốc tế mới.

Toàn cầu hoá đang tạo ra làn sóng truyền bá và chuyển giao trên quy mô lớn những thành quả mới, những đột phá sáng tạo về khoa học - công nghệ, về tổ chức quản lý, về kinh doanh, đưa kiến thức và kinh nghiệm đến với từng quốc gia, từng gia đình, từng con người, dọn đường cho các quốc gia thực hiện công nghiệp hoá cũng như thực hiện bước chuyển sang kinh tế tri thức. Tác động lớn nhất của nền kinh tế dựa trên tri thức là nó dẫn tới việc tái tổ chức hệ thống sản xuất toàn cầu. Trong nền kinh tế tri thức, Nhà nước đồng thời là người sản xuất, người lưu giữ và sử dụng tri thức, người trao đổi sản phẩm tri thức ra thế giới bên ngoài. Do vậy, Nhà nước cần phải có những kỹ năng quản lý nhằm đáp ứng được những đòi hỏi để thực hiện được cả ba vai trò trên. Những người làm công tác quản lý cần phải có những kiến thức hiểu biết tốt nhất về những công nghệ, những thị trường công nghệ cụ thể để nhận ra những cơ hội cho hoạt động thương mại của nước mình, đồng thời phải có sự phối hợp các chính sách phát triển kinh tế nhuần nhuyễn nhất để xác định chính xác những sản phẩm, thị trường đang có lợi thế và những sản phẩm thị trường đang cần bổ sung nhằm hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế thế giới. Nền kinh tế tri thức không chấp nhận một cơ chế quản lý thương mại rườm rà, chậm chạp, với quy mô cồng kềnh, trái lại nó đòi hỏi một cơ chế gọn nhẹ, tin học hoá, số hoá và một đội ngũ cán bộ quản lý giàu tri thức. Để đáp ứng được những đòi hỏi trên, công tác quản lý Nhà nước về thương mại cần được hiện đại hóa và thực hiện theo hệ thống mạng dựa trên nền tảng chính phủ điện tử.

IV. Kinh nghiệm phát triển thương mại trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức ở một số nước và bài học cho Việt Nam

1. Kinh nghiệm của một số nước

1.1. Kinh nghiệm của một số nước phát triển.

Các nước công nghiệp phát triển là khu vực có trình độ phát triển kinh tế và thương mại cao nhất thế giới. Trong hơn một thập kỷ qua, các nước công nghiệp phát triển đã hướng mạnh hoạt động thương mại của mình dựa trên những nền tảng của nền kinh tế tri thức. Đây là một điều tất yếu bởi trong cơ cấu kinh tế của các nước này, kinh tế tri thức đang chiếm tỷ lệ thống trị, khoảng trên dưới 60% GDP của mỗi nước.

Nước Mỹ, là nước có những bước khởi đầu thành công nhất trong việc tiến đến nền kinh tế tri thức với các ngành công nghệ cao, dịch vụ chiếm tỷ trọng cao trong GDP. Đây là nền kinh tế có xu hướng toàn cầu hóa mạnh được quản lý và vận hành theo một cơ chế hết sức năng động. Việc sử dụng internet ở Mỹ cũng cao hơn các nước khác, đặc biệt là chính phủ điện tử hoạt động rất có hiệu quả. Ngay từ giữa thập niên 70, nước Mỹ đã đầu tư vào sản xuất máy vi tính và công nghệ phần mềm, nhưng chỉ đến năm 1995 - 1996 năng suất của nền kinh tế Mỹ mới bắt đầu tăng lên nhờ công nghệ thông tin. Tỷ lệ đóng góp của ngành điện tử tin học trong tăng trưởng GDP giai đoạn 1997-2000 là 45%, so với 14% trong ngành xây dựng và 4% của ngành xe hơi. Nếu tính cả những ngành có liên quan trực tiếp và gián tiếp đến công nghệ thông tin thì đóng góp này lên tới 80% GDP. Tỷ trọng xuất nhập khẩu và tỷ lệ đóng góp của các sản phẩm công nghệ cao vào GDP của Mỹ ngày càng lớn. Gần 1/3 tăng trưởng GDP của Mỹ hàng năm là nhờ xuất khẩu các mặt hàng được sản xuất ở các khu công nghệ cao và nhờ năng suất cao ở Mỹ. Thương mại hoá số lượng lớn các thành quả khoa học kỹ thuật cao để thúc đẩy tăng trưởng, trong đó ngành sản xuất phần mềm có hàm lượng tri thức cao được coi là nhân tố chính của nguồn gốc tăng trưởng kinh tế Mỹ.

Các nước EU, hiện nay, những yếu tố của nền kinh tế tri thức cũng đã phát triển và đạt được mức khá cao trong nhiều nước. Tỷ trọng xuất khẩu các hàng hoá công nghệ cao trong tổng kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 1970 - 1994 đã tăng từ 12,8% lên 36,2% ở Đức; từ 17,1% lên 36,2% ở Anh; và từ 14% lên 24,2% ở Pháp. Năm 1994, tỷ trọng giá trị gia tăng của các ngành dựa trên tri thức trong toàn bộ khu vực kinh doanh ở EU là 48,4%. Đến năm 1997 thị trường công nghệ thông tin và viễn thông chiếm 5% GDP của EU, thấp hơn tỷ lệ 7,6% của Mỹ, nhưng cao hơn tỷ lệ 4,4% của Nhật Bản. Nhờ áp dụng công nghệ mới trong sản xuất, trên thị trường thương mại quốc tế các sản phẩm mới

của EU như thiết bị viễn thông, chất dẻo, thực phẩm, ô tô, máy móc, thương mại dịch vụ... xuất hiện ngày càng nhiều; trong khi đó các sản phẩm sơ cấp như hàng dệt may, sản phẩm chế biến thô ngày càng có xu hướng tăng trưởng chậm lại và chiếm tỷ lệ nhỏ trong kim ngạch ngoại thương.

Nhật Bản, cũng đạt được những kết quả đáng kể trong việc tiến đến nền kinh tế tri thức. Theo số liệu của OECD, những ngành dựa trên tri thức của Nhật hiện chiếm hơn 53 % GDP và trở thành những ngành trụ cột của nền kinh tế. Ở Nhật Bản gia đình nào cũng có máy vi tính với hơn 70 triệu người tham gia truy cập Internet. Việc sử dụng Internet và thương mại điện tử đang phát triển rất nhanh và công nghệ thông tin được coi là một trong những ngành kinh tế mũi nhọn của Nhật. Các sản phẩm của nền kinh tế tri thức cũng giành được những vị trí quan trọng trên thị trường thương mại thế giới. Trong thập kỷ 1990, sản lượng máy tính cá nhân ở Mỹ chiếm 50% sản lượng của các nước G7 cộng lại, trong khi đó Nhật Bản chiếm 30%, chỉ đứng sau Mỹ. Tuy nhiên, những khó khăn kinh tế và sự cải cách cơ cấu kinh tế trì trệ ở trong nước vào nửa cuối thập kỷ 1990 của Nhật Bản đã khiến các sản phẩm kinh tế tri thức của nước này giảm sút khả năng cạnh tranh so với các nước công nghiệp tiên tiến khác và so với cả những nước mới công nghiệp hoá ở Châu Á. Giai đoạn 1996-1999, trong khi thương mại hàng hoá liên quan đến công nghệ thông tin trên toàn thế giới tăng mạnh, thì thị phần của Nhật Bản trên thị trường thế giới về các sản phẩm này lại có xu hướng giảm sút. Trong cùng giai đoạn trên, doanh số bán các sản phẩm công nghệ thông tin của Nhật Bản giảm trung bình 0,4%/năm, trong khi doanh số bán sản phẩm công nghệ thông tin hàng năm của Mỹ tăng 6,2%, EU tăng 5,6%, Trung Quốc tăng 19,3%, Hàn Quốc tăng 9,3%, Đài Loan tăng 9%. Năm 2000, Nhật Bản đứng thứ 14 trên thế giới về sức cạnh tranh của các sản phẩm công nghệ thông tin, trong khi Mỹ đứng thứ 1, Singapo thứ 6, Đài Loan thứ 13.

Nguyên nhân dẫn đến sự thành công trong việc chuyển đổi cơ cấu sản phẩm thương mại hàng hoá trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức ở các nước công nghiệp phát triển chủ yếu là:

Thứ nhất, những nước này đã có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế phù hợp với nền kinh tế tri thức. Mặc dù so với các nước Mỹ và EU, Nhật Bản có nguy cơ đình trệ trong cải cách và chuyển dịch cơ cấu kinh tế cho phù hợp hơn với nền kinh tế tri thức, nhưng nhìn chung các nước công nghiệp phát triển, kể cả Nhật bản, đã xây dựng được những cơ sở vật chất hiện đại, là cái nôi của nền kinh tế tri thức. Những nước này đều có nền công nghiệp sản xuất hiện đại đứng hàng đầu thế giới, có hệ thống các ngành dịch vụ phát triển, có cơ sở hạ tầng vận tải viễn thông hiện đại, một nền nông nghiệp năng suất cao. Đây là

điều kiện rất thuận lợi để hoạt động thương mại của các nước này có sự chuyển hướng phù hợp với thời đại mới.

Thứ hai, đây là những nước có nền kinh tế thị trường hiện đại và mở cửa thực sự. Mỹ là một nền kinh tế tự do hàng đầu thế giới, EU là một khu vực kinh tế có mức độ liên kết chặt chẽ, thống nhất và có mức độ tự do hoá thương mại cao, trong khi Nhật Bản cũng là một nước có nền kinh tế thị trường mở cửa. Đây là những yếu tố tạo điều kiện thuận lợi để các nước này đẩy nhanh việc trao đổi sản phẩm tri thức, góp phần thúc đẩy nghiên cứu và trao đổi công nghệ mới.

Thứ ba, đây là những nước có sự tiến bộ nhất về R&D, với lực lượng lao động có trình độ cao, kể cả trình độ khoa học và trình độ quản lý. Ở Mỹ, chi tiêu của Chính phủ cho R&D chiếm 0,78% GDP vào năm 1998, trong khi ở EU tỷ lệ chi tiêu này là 0,7% GDP và ở Nhật Bản là 0,59% GDP. Cũng trong năm này, chi tiêu của khu vực doanh nghiệp cho R&D ở Mỹ chiếm 2,04% GDP, ở EU 1,20% GDP, và ở Nhật Bản là 2,18% GDP. Tại các nước này, có tới 60-70% lực lượng lao động là đội ngũ trí thức. Đây là những nước có lực lượng lao động có chất lượng giáo dục cao, có đội ngũ cán bộ khoa học hùng hậu và được cấp bằng phát minh sáng chế nhiều nhất thế giới.

Thứ tư, đây là những nước tập trung nhiều Công ty xuyên quốc gia nổi tiếng thế giới. Các công ty này nắm bắt hầu hết tri thức, công nghệ, luồng vốn và các kênh trao đổi hàng hoá trên toàn cầu.

Thứ năm, các nước này có tốc độ phát triển thương mại điện tử mạnh nhất thế giới, tạo điều kiện thuận lợi cho trao đổi hàng hoá trong thời đại kinh tế tri thức. Tại Mỹ, kể từ tháng 1/1991 khi Mỹ bắt đầu mở cửa mạng Internet ra toàn công chúng, đất nước này đã nhanh chóng thúc đẩy cuộc cách mạng tin học, thương mại và điều chỉnh cơ cấu kinh tế. Kể từ đó, kinh tế Mỹ tăng trưởng liên tục, năng suất lao động của Mỹ tăng gấp đôi so với thập kỷ 1970 và 1980... Năm 2003, tổng giá trị giao dịch thương mại điện tử toàn cầu đạt 1.408 tỷ USD, trong đó Mỹ chiếm 44% tổng kim ngạch, Châu Âu chiếm 31,2%, Nhật Bản 15,3%. Số người sử dụng Internet ở Mỹ năm 2000 là 136 triệu người, chiếm khoảng 45% tổng số người sử dụng Internet trên toàn thế giới. Nguyên nhân khiến mạng Internet trở nên phổ biến ở Mỹ là chi phí truy cập mạng thấp hơn nhiều các nước Châu Âu và Nhật Bản, tỷ lệ máy chủ trên số dân cao hơn nhiều so với các nước (170 máy chủ trên 1 triệu dân, trong khi ở Anh là 55, Đức 34,5 và Nhật Bản 15). Đầu tư cho tin học năm 1997 ở Mỹ chiếm 3,9% tổng vốn đầu tư, trong khi ở Nhật là 12,5%. Thương mại điện tử ở Tây Âu cũng tăng trung bình 120%/năm trong thập kỷ 1990 và tỷ lệ sử dụng Internet ở Châu Âu đạt 37% vào năm 2000.

1.2. Kinh nghiệm của một số nước đang phát triển

Trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức, thương mại hàng hoá của các nước đang phát triển cũng đang có sự chuyển hướng tích cực nhằm thu hẹp khoảng cách phát triển với các nước công nghiệp tiên tiến. Tỷ trọng sản phẩm có hàm lượng tri thức cao trong trao đổi thương mại quốc tế của các nước này cũng đang có xu hướng tăng lên. Tuy nhiên, mỗi quốc gia đều có một cách đi riêng nhằm khuyếch trương và phổ biến sản phẩm có hàm lượng tri thức cao của mình trên thị trường thế giới và hội nhập kinh tế quốc tế một cách hiệu quả hơn.

Hàn Quốc, đã đầu tư khá mạnh cho các lĩnh vực công nghệ cao, nhất là công nghệ thông tin nên nước này có cơ sở hạ tầng công nghệ phát triển hơn nhiều so với các nước trong khu vực. Chính phủ Hàn Quốc đã có chiến lược hướng tới nền kinh tế tri thức từ rất sớm với ưu tiên đầu tư cho R&D và phát triển nguồn nhân lực. Do đầu tư mạnh vào công nghệ thông tin, đất nước này đã trở thành 1 trong 10 cường quốc về công nghệ thông tin trên thế giới vào năm 2002. Thành tựu điển hình của Hàn Quốc trong nghiên cứu phát triển công nghệ thông tin là xây dựng mạng thông tin siêu cao tốc trong nước, thương mại hoá công nghệ thông tin, sản xuất chất bán dẫn mật độ cao... Trong giai đoạn 1990 - 2001, kim ngạch xuất nhập khẩu các sản phẩm công nghệ thông tin của Hàn Quốc ra thị trường thế giới tăng 4 lần, trong đó xuất khẩu tăng từ 9,2 tỷ USD lên 38,5 tỷ USD, nhập khẩu từ 7,5 tỷ USD lên 27,3 tỷ USD. Sự tăng lên nhanh chóng của công nghệ thông tin đang góp phần quan trọng trong việc đưa chỉ số GDP của Hàn Quốc tăng nhanh từ 8,1% năm 1996 lên 12,9% năm 2001, cao nhất trong các nước OECD. Hàn Quốc đã đầu tư rất mạnh cho R&D, khoảng 2,1% GDP, trong khi các nước OECD khác trung bình là 1,38% GDP. Để tạo thuận lợi cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, Hàn Quốc đã xây dựng một thị trường dịch vụ Internet tốc độ cao hàng đầu thế giới. Hiện nay Hàn Quốc đứng thứ 30 trên thế giới về sức cạnh tranh khoa học công nghệ. Năm 2003 kim ngạch ngoại thương thực hiện bằng thương mại điện tử của Hàn Quốc chiếm 30%, gấp 6 lần năm 1999.

Đài Loan, Chính phủ Đài Loan đã nhận thức rõ được tầm quan trọng của nền kinh tế tri thức dựa trên công nghệ cao và công nghệ thông tin nên đã có nhiều biện pháp và chính sách để xây dựng cơ sở vật chất cho nền kinh tế này. Đài Loan đã lựa chọn phương thức vươn lên chiếm lĩnh thị trường hàng hoá tri thức bằng cách tập trung thu hút đầu tư nước ngoài vào ngành công nghiệp máy tính, sau đó hướng mạnh ra xuất khẩu. Hiện nay, Đài Loan là khu vực xuất khẩu máy tính đứng thứ 3 thế giới sau Mỹ và Nhật Bản. Các sản phẩm đem lại doanh số cao là màn hình máy tính, máy tính xách tay, máy tính để

bàn, bàn phím, chuột... Các sản phẩm công nghệ cao chiếm gần 10% xuất khẩu của Đài Loan trong giai đoạn 1991-2000. Tỷ trọng xuất khẩu các sản phẩm tin học hàng đầu của Đài Loan trên thị trường thế giới là Video Card (chiếm 75% số lượng xuất khẩu trên thế giới), chuột (72%), màn hình (54%), bộ nguồn (63%), bàn phím (60%) ..

Giống như một số nước Châu Á khác đang chuyển dần nền kinh tế của mình sang nền kinh tế tri thức, nhưng Ấn Độ đã lựa chọn một cách đi riêng biệt. Là một nước có trình độ phát triển kinh tế đi sau Hàn Quốc, Đài Loan 2-3 thập kỷ, Ấn Độ đã lựa chọn phương thức rút ngắn quá trình phát triển các ngành công nghệ mới bằng cách tập trung trọng tâm vào sản xuất và xuất khẩu phần mềm. Năm 2002, gia công xuất khẩu phần mềm và dịch vụ của Ấn Độ đạt 8 tỷ USD, dẫn đầu ngành công nghiệp phần mềm ở Châu Á. Mặc dù là nước công nghiệp hoá đi sau, nhưng ngành gia công xuất khẩu phần mềm của Ấn Độ bắt đầu từ những năm 1980, đi trước các nước khác trong khu vực từ 10-15 năm. Các công ty Ấn Độ được coi là đi tiên phong trong việc đưa ra khái miệm về ngành gia công xuất khẩu phần mềm và được công nhận là người phát minh ra ngành này. Ngày nay, các công ty xuất khẩu phần mềm Ấn Độ được coi là những nhà cung cấp dịch vụ trưởng thành nhất, có mặt trên toàn cầu và cạnh tranh được với các công ty lớn của Mỹ trên thế giới. Trong giai đoạn 1991- 2000, xuất khẩu phần mềm của Ấn Độ tăng tưởng 50%/năm, đưa nước này trở thành trung tâm xuất khẩu phần mềm lớn nhất Châu Á với hơn 250 công ty trong và ngoài nước.

Trung Quốc bắt đầu thời kỳ cải cách và mở cửa kinh tế từ năm 1979, xuất phát từ một nền kinh tế nông nghiệp và cơ chế tập trung, bao cấp. Trong hơn hai thập kỷ qua, Trung Quốc đã có những chính sách đón bắt nền kinh tế tri thức một cách nhanh chóng và hiệu quả. Chính phủ Trung Quốc đã tiến hành xây dựng chiến lược cho việc phát triển kinh tế tri thức gồm 5 điểm: Hiện đại hóa chế độ kinh tế và thể chế, tăng cường giáo dục và học tập, xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin, ứng dụng công nghệ mới trong mọi ngành kinh tế và tăng cường năng lực nghiên cứu triển khai. Trung Quốc đã rất coi trọng phát triển các ngành nghề kỹ thuật cao và chọn công nghiệp kỹ thuật thông tin làm ngành công nghiệp chiến lược. Nhờ đó mà từ một nước không có một sản phẩm xuất khẩu nào chứa hàm lượng tri thức trong thập kỷ 1980, cho đến nay Trung Quốc đã nổi tiếng thế giới với các sản phẩm tin học và điện tử. Sản xuất máy tính cá nhân ở Trung Quốc hàng năm tăng trưởng khoảng 40%, đạt doanh thu xuất khẩu 19 tỷ USD trong tổng số 23 tỷ USD của toàn thị trường trên thế giới. Hiện tại Trung Quốc đang chuyển từ tập trung sản xuất phần cứng sang ngành dịch vụ và sau đó là phần mềm. Kinh tế tri thức chiếm khoảng 10% GDP ở Trung Quốc hiện nay. Năm 1994 tỷ trọng sản phẩm công nghệ thông

tin chiếm 10% kim ngạch xuất khẩu của Trung Quốc, năm 2000 tăng lên 18%, dần thay thế hàng dệt may, trở thành ngành hàng xuất khẩu lớn nhất. Để thuận lợi cho thương mại hàng hoá phát triển, từ đó tác động trở lại tăng trưởng và phát triển kinh tế, Trung Quốc đã chú trọng phát triển nguồn nhân lực và cơ sở hạ tầng viễn thông. Năm 1999, số người sử dụng Internet là 17 triệu, chiếm 1,5% dân số, và con số này đang tăng nhanh trong những năm gần đây. Dự báo đến năm 2010 xuất khẩu sản phẩm công nghệ thông tin của Trung Quốc có thể sẽ đạt 400 tỷ USD, cao hơn Nhật khoảng 30%, vượt kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm này của ba nước Malaixia, Singapore và Đài Loan cộng lại, trở thành nước xuất khẩu sản phẩm công nghệ thông tin lớn nhất thế giới.

Nguyên nhân chính khiến xuất khẩu các sản phẩm tri thức ở Châu Á tăng nhanh và đuổi bắt hiệu quả làn sóng thương mại hàng hoá trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức ở Mỹ và Châu Âu là do:

+ Tuy hầu hết các nước trong khu vực đều có một xuất phát điểm kinh tế và kỹ thuật khá thấp, nhưng đã có những chiến lược phát triển kinh tế hợp lý cho từng thời kỳ. Mỗi nước đều có những chiến lược phát triển kinh tế tri thức riêng biệt và hiệu quả, có những chính sách thương mại mang tính cạnh tranh và hội nhập tương đối cao, vì vậy các sản phẩm trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức của các nước này có khả năng cạnh tranh được trên thị trường thế giới.

+ Các nước đang phát triển Châu Á đang tiến dần đến một nền kinh tế thị trường hoàn chỉnh, đồng bộ, thật sự mở cửa, với một thị trường tài chính lành mạnh, khả năng thanh toán trong nước và quốc tế cao.

+ Các nước này đã chú trọng đầu tư cho giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để có thể đáp ứng được các nhu cầu mới của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại.

+ Các nước này đang cố gắng xây dựng một cơ sở hạ tầng thông tin phát triển, có khả năng chuyển tải mọi thông tin một cách nhanh chóng đến mọi người dân, từ đó tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc truyền bá kinh tế tri thức.

2. Bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam.

Qua kinh nghiệm phát triển thương mại trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức của một số nước trên thế giới, chúng ta có thể rút ra những bài học kinh nghiệm quý giá sau đây mà Việt Nam có thể tham khảo:

2.1. Mỗi nước cần có một kế hoạch, một chiến lược tổng thể về phát triển kinh tế dựa trên tri thức. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, Nhà nước luôn có một vai trò tối quan trọng để khởi xướng và thúc đẩy những mầm mống của kinh tế tri thức. Thời gian dự tính thực hiện chiến lược hướng tới nền kinh tế tri thức của Hàn Quốc là 20 năm, của Anh là 10 năm, Singapore là 10 năm, cũng như

bối cảnh ra đời của các chiến lược này. Việt Nam cần nhanh chóng phải có một chiến lược hoặc một tầm nhìn tổng quan cho quá trình biến môi trường kinh tế - xã hội của đất nước trở nên thân thiện hơn với sự đổi mới, sáng tạo và tiếp thu tri thức trong nước và ngoài nước. Chiến lược phát triển kinh tế tri thức không phải là chiến lược về công nghệ cao hay một chiến lược về công nghệ thông tin và viễn thông. Nếu không có một môi trường kinh tế - xã hội phù hợp thì những khoản đầu tư khổng lồ dành cho công nghệ cao ở một nước nghèo nàn, lạc hậu như Việt Nam sẽ khó phát huy tác dụng tích cực. Hầu hết các chiến lược hướng về kinh tế tri thức của các nước đều nhấn mạnh vào "tinh thần kinh doanh". Tuy nhiên, biện pháp chính sách thiết yếu để xây dựng kinh tế tri thức này hiện chưa được quan tâm đủ mức ở Việt Nam. Để từng bước xây dựng kinh tế tri thức, không thể không xây dựng một văn hoá "tinh thần kinh doanh" rộng khắp.

Thay vào đó, mục tiêu phát triển hướng tới kinh tế tri thức là tăng cường việc sử dụng hữu hiệu mọi tri thức trong nền kinh tế và xã hội. Điều này đòi hỏi có sự tương tác tốt hơn giữa các chính sách, thể chế, công nghệ, người dân và Chính phủ, chiến lược này sẽ mang tri thức tới mọi người dân, từ những người nông dân cho tới những nhà khoa học, từ doanh nghiệp cho tới Chính phủ để đạt được chất lượng cuộc sống cao hơn.

2.2. Hoạt động thương mại trong nền kinh tế tri thức đòi hỏi phải có những quan điểm và giải pháp mới về chiến lược sản phẩm, chiến lược thị trường và phương thức hội nhập.

Lý luận và thực tiễn hoạt động thương mại của các nước cho thấy, trong thời đại ngày nay, những lý thuyết cơ bản của lợi thế so sánh vẫn còn hiệu lực, tuy nhiên đã có sự thay đổi về chất. Thông qua thị trường sản phẩm ở hầu hết các nước đã nghiên cứu trên đây có thể thấy, khoa học và công nghệ đang trở thành lợi thế so sánh trực tiếp, nó có tính chất quyết định đến khả năng trao đổi và cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường. Trong khi đó ở nhiều nước đang phát triển đi sau, nguồn tài nguyên chưa được khai thác và chi phí lao động rẻ vẫn đang chiếm hàm lượng cao trong sản phẩm. Một số nước đã biết kết hợp những lợi thế này với những tiến bộ của khoa học công nghệ để tạo nên sự thần kỳ trong xuất khẩu hàng hoá, chiếm lĩnh thị trường thế giới như Ấn Độ và Trung Quốc. Vấn đề ở đây là, trong quan điểm phát triển thương mại của mình, Chính phủ các nước đã phân biệt rất rõ ràng đâu là những sản phẩm cần phát huy lợi thế so sánh tĩnh và đâu là những sản phẩm cần đầu tư để tạo ra các lợi thế so sánh động cho tương lai. Kết hợp nhuần nhuyễn giữa hai vấn đề này là rất khó, nó đòi hỏi phải có sự phát huy nội lực trong nước, có những chính sách xuất nhập khẩu hợp lý và có những bước mở cửa thị trường năng động

nhằm tự do hoá thương mại một cách nhanh nhất, hiệu quả nhất, nhưng đã có không ít nước đang phát triển làm được thì Việt Nam không có lý do gì để không làm được. Tuy nhiên, để thực hiện tốt những công việc đó, trước hết phải có một sự đánh giá đầy đủ về tầm quan trọng của khoa học công nghệ trong phát triển kinh tế và có những chiến lược phát triển kinh tế - thương mại mang tính chất dài hạn và toàn diện hơn. Kinh nghiệm này là vô cùng quý giá đối với Việt Nam, bởi cho đến nay cơ cấu thương mại của chúng ta vẫn còn nhiều bất cập cần tháo gỡ và những bước đi hội nhập kinh tế quốc tế còn chậm chạp, chưa đem lại hiệu quả cao.

2.3. Đầu tư cho khoa học - công nghệ và chú trọng phát triển nguồn nhân lực đang là chìa khoá để phát triển nền kinh tế tri thức nói chung, hoạt động thương mại nói riêng.

Kinh nghiệm của các nước trên cho thấy những nước hội nhập thành công vào xu thế toàn cầu hoá là những nước có chi phí đầu tư cho R&D cao, có đội ngũ lao động trí thức chiếm tỷ trọng lớn. Mức độ đầu tư cho khoa học - công nghệ và chất lượng nguồn nhân lực là yếu tố tạo nên lợi thế cạnh tranh nổi trội trong nền kinh tế tri thức, nó quyết định nước nào sẽ đón bắt nền kinh tế tri thức tốt nhất (như Mỹ và EU chẳng hạn). Sự đầu tư cho khoa học công nghệ và nguồn nhân lực phụ thuộc chủ yếu vào những yếu tố như tiềm lực kinh tế, trình độ phát triển, năng lực hấp thụ tri thức của người lao động và chính sách của Chính phủ. So với Mỹ hay các nước Châu Âu, Ấn Độ là một nước có trình độ phát triển kinh tế thấp hơn, khả năng tài chính kém, nguồn lực lao động tri thức thấp do phần lớn lao động làm việc trong khu vực nông nghiệp và nông thôn. Nhưng Ấn Độ đã gây ảnh hưởng lớn đến thị trường công nghệ thông tin thế giới nhờ xuất khẩu phần mềm. Chính sách và sự đầu tư đúng đắn, có hiệu quả cao của Chính phủ Ấn Độ là tập trung nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo và phát triển khoa học - công nghệ, đã giúp nước này bứt lên khỏi hàng ngũ những nước kém phát triển và đạt được những thành tựu to lớn trong lĩnh vực khoa học công nghệ mũi nhọn của thế giới, góp phần quan trọng đem lại thành công cho quá trình phát triển nền kinh tế tri thức. Đối với Việt Nam, chúng ta đã nhận thức được tầm quan trọng của khoa học - công nghệ và phát triển giáo dục - đào tạo, đặc biệt là giáo dục đại học, song xu hướng thiên về số lượng mà bỏ qua chất lượng đầu tư đang tạo ra những trở ngại rất lớn để có thể tiếp cận tốt hơn nền kinh tế tri thức. Nước ta, cần phát triển các kết cấu hạ tầng tối cần thiết về công nghệ thông tin và nguồn nhân lực của kinh tế tri thức. Nhà nước cần can thiệp cải cách mạnh mẽ hai lĩnh vực then chốt của kinh tế tri thức, đó là

giáo dục và nghiên cứu khoa học. Thất bại trong những lĩnh vực này sẽ dẫn đến sự phát triển chậm trong tất cả các lĩnh vực khác. Tuy nhiên, mọi sự can thiệp của nhà nước vào các lĩnh vực này đều phải dựa trên định hướng thị trường và có sự tham gia chặt chẽ của nhân dân, tức là bao gồm cả khu vực tư nhân.

2.4. Để hoạt động thương mại trong nền kinh tế tri thức phát huy hiệu quả, cần phát triển ngành công nghệ thông tin vững mạnh và hệ thống thương mại điện tử hiện đại.

Công nghệ thông tin đóng vai trò chi phối các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế tri thức và một hệ thống thương mại điện tử hiện đại sẽ giúp thị trường hàng hoá trong nước tiếp cận thuận lợi hơn với thị trường sản phẩm tri thức từ bên ngoài. Ở những nước chưa xã hội hoá công nghệ thông tin và thương mại điện tử, nền kinh tế tri thức dường như đến chậm hơn những nước đã hoàn thiện phát triển hệ thống này. Kinh nghiệm của các nước cho thấy, kể cả Mỹ, Nhật Bản, Châu Âu cho đến các quốc gia đang phát triển, Chính phủ các nước đều chú trọng đầu tư cho phát triển công nghệ thông tin và hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ cho nền kinh tế tri thức. Mỗi nước có những cách thức tiến hành khác nhau, tuy nhiên lợi ích của việc phát triển công nghệ thông tin và thương mại điện tử đang làm gia tăng năng suất lao động của các nước, góp phần rất lớn vào tăng trưởng xuất khẩu, tăng trưởng kinh tế và tạo việc làm. Đối với một nước đang phát triển như Việt Nam, việc phát triển công nghệ thông tin và thương mại điện tử cần phải nhanh và rộng hơn, hạn chế sự chậm chạp và kém chất lượng làm cản trở đến hoạt động thương mại nói riêng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nói chung.

2.5. Xây dựng và hoàn thiện chính sách và thể chế. Mở rộng từng bước cho cạnh tranh trong việc cung cấp các dịch vụ viễn thông. Về lâu dài, phải xoá bỏ hạn chế đối với các dịch vụ đường dài và quốc tế. Trong tương lai trung hạn, cho phép các liên doanh hoạt động trong các dịch vụ chính (trừ các dịch vụ nội hạt, đường dài và quốc tế cố định): mở cửa hoàn toàn thị trường khai thác và cung cấp các dịch vụ giá trị gia tăng. Ban hành các chính sách và cơ chế để tạo thuận lợi cho việc trao đổi thông tin, đặc biệt là các dịch vụ thông tin trên mạng; có các chính sách hỗ trợ để phổ cập các dịch vụ viễn thông đến đông đảo công chúng, hỗ trợ về cước phí cho các trường đại học, tổ chức nghiên cứu phát triển. Xây dựng và ban hành tiêu chuẩn, quy chế quản lý; ban hành các tiêu chuẩn (về mạng, thiết bị) để thuận tiện cho việc kết nối; ban hành các quy chế để có thể dễ dàng tiếp cận các dịch vụ thông tin, các nguồn cung cấp thông tin của Nhà nước và phát triển thương mại điện tử.

PHẦN THỨ HAI

THỰC TRẠNG TRÌNH ĐỘ VÀ KHẢ NĂNG ĐÁP ỨNG CỦA THƯƠNG MẠI VIỆT NAM TRONG QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH NỀN KINH TẾ TRI THỨC Ở VIỆT NAM

I. Khái quát thực trạng phát triển kinh tế và khả năng hình thành nền kinh tế tri thức ở Việt Nam

Thực hiện Nghị quyết của các kỳ Đại hội VI, VII, VIII, IX của Đảng, trong những năm qua nền kinh tế nước ta đã phát triển khá nhanh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Với chủ trương đa dạng hóa và đa phương hóa quan hệ quốc tế, đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế quốc tế khu vực và thế giới, để phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế và đảm bảo cho sự phát triển bền vững, Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách thông thoáng theo hướng tự do hóa và mở cửa, từng bước hạ thấp và bỏ dần hàng rào thuế quan và phi quan thuế, giảm dần độc quyền ngoại thương, tuân thủ các quy định về trợ cấp, chống phá giá, cạnh tranh, đơn giản hóa các thủ tục hải quan... Nhà nước cũng tiến hành xây dựng và sửa đổi một số bộ luật, tiến hành xây dựng thể chế về cải cách thủ tục hành chính đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn đặt ra. Các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế bước đầu được thực hiện một cách toàn diện theo hướng phù hợp với các quy định chung của WTO và các tổ chức kinh tế quốc tế mà Nhà nước ta đã tham gia.

Nhờ có những chính sách đổi mới kinh tế, đã đem lại cho nền kinh tế nước ta một thời kỳ phát triển liên tục. Tốc độ tăng trưởng kinh tế liên tục và khá cao đưa quy mô tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2003 lên gấp khoảng 2,5 lần năm 1991, trong đó quy mô công nghiệp tăng gấp 4,9 lần, xuất khẩu gấp 6,9 lần... cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch tích cực theo hướng tăng dần khu vực công nghiệp - xây dựng và thương mại dịch vụ và giảm dần khu vực nông lâm, ngư nghiệp. Tỷ trọng của khu vực công nghiệp - xây dựng tăng dần từ 23,79% năm 1991 lên 40,10% năm 2004, khu vực dịch vụ tăng từ 35,72% năm 1991 lên 38,20% năm 2004, trong khi đó tỷ trọng ngành nông nghiệp giảm từ 40,49% xuống còn 21,7% trong thời gian tương ứng. Đặc biệt trong những năm gần đây, nền kinh tế nước ta đã có những bước tiến vượt bậc. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng trưởng cao liên tục: năm 2001 tăng 6,89%, năm 2002 tăng 7,08% và năm 2003 tăng 7,26%, bình quân 3 năm liền tăng 7,06%. Năm 2004 tốc độ tăng GDP đạt 7,7% so với năm 2003. GDP bình quân đầu người đã tăng dần từ 2.076,6 nghìn đồng năm 1991 lên 4.380,6 nghìn đồng năm 2004 (theo giá so sánh năm 1994) ước đạt 542

USD. Với mức thu nhập trên, nước ta đứng thứ 8 trong khu vực Đông Nam Á, thứ 39 ở Châu Á và thứ 142 trên thế giới. Số liệu chi tiết xem trong biểu sau.

Một số chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của Việt Nam thời kỳ 1991 - 2004 (giá so sánh 1994)

	1991	1995	2000	2001	2002	2003	2004
GDP (nghìn tỷ đồng)	**139,637**	**195,567**	**273,666**	**292,535**	**313,247**	**235,989**	**361,40**
Tốc độ tăng trưởng(%)	105,81	109,54	106,79	106,89	107,08	107,26	107,69
Trong đó:							
-Nông,lâm, ngư nghiệp							
+Tỷ trọng so với tổng số (%)	40,49	27,18	24,53	23,24	22,99	21,8	21,76
+Tốc độ tăng trưởng (%)	102,18	104,8	104,63	102,98	104,16	103,25	103,5
-Công nghiệp - xây dựng							
+Tỷ trọng so với tổng số (%)	23,79	28,76	36,73	38,13	38,55	39,97	40,09
+Tốc độ tăng (%)	107,71	113,6	110,07	110,39	109,48	110,35	110,5
- Dịch vụ							
+Tỷ trọng so với tổng số (%)	35,72	44,06	38,74	38,63	38,46	38,23	38,15
+Tốc độ tăng trưởng (%)	107,38	109,83	105,32	106,1	106,54	106,57	107,5
- GDP/người (1000 đ)	2.076,6	2.716,4	3.525,0	3.517,8	3.929,0	4.153,0	4380,6

Nguồn: Niên giám thống kê cả nước 1991 - 2004

Nhìn chung, trong những năm qua, nền kinh tế nước ta đã phát huy được những nhân tố thuận lợi trong nước và ngoài nước, vượt qua những khó khăn, thách thức, duy trì khả năng phát triển kinh tế với tốc độ tăng trưởng khá cao, chính trị và xã hội luôn được ổn định. Tuy nhiên, nền kinh tế nước ta cũng còn tồn tại những bất cập và theo nghiên cứu của một số tổ chức quốc tế như WB, UNDP... cho thấy, nếu so sánh một số chỉ tiêu cơ bản của nước ta với một số nước trong khu vực và thế giới thì Việt Nam vẫn ở một điểm xuất phát rất thấp so với các nước khác trên con đường tiến tới nền kinh tế tri thức.

Hiện nay, ở Việt Nam đang tồn tại nhiều quan điểm khác nhau, thậm chí đôi khi khá mâu thuẫn về kinh tế tri thức, trong đó tồn tại cả những cách hiểu quá đơn giản lẫn những bài viết thể hiện sự nghiên cứu sâu rộng và nghiêm túc

về kinh tế tri thức. Do tầm quan trọng của nó, những nhận thức khác nhau tất yếu sẽ dẫn tới những giải pháp khác nhau. Tuy nhiên, để có được một nhận thức đúng đắn, chúng ta cần có một sự phân tích công phu và toàn diện về các nền móng kinh tế tri thức ở Việt Nam. Những điểm mạnh và điểm yếu của Việt Nam trong cuộc cạnh tranh toàn cầu nếu như tri thức trở thành yếu tố cạnh tranh cao nhất.

Theo các báo cáo phát triển con người các năm 1999 - 2003 của UNDP, GDP ngang giá sức mua theo đầu người của Việt Nam thuộc nhóm 50 nước nghèo nhất thế giới. Mặc dù đạt xấp xỉ 1/2 mức bình quân của tất cả các nước đang phát triển, nhưng so với các nước đang phát triển Đông Á (trừ Trung Quốc), thì chênh lệch còn xa hơn nữa (tới 8,8 lần). Trong vòng 20 năm tới dù có đạt được tốc độ tăng trưởng cao liên tục, thì Việt Nam cũng chỉ đạt mức GDP/đầu người (chưa xét ngang giá sức mua) bằng 1/2 mức của Thái Lan và 2/5 mức của Malaixia trong thời điểm hiện tại. Như vậy, nền kinh tế Việt Nam đang ở một vị trí xuất phát rất thấp. Mặc dù chỉ số GDP/đầu người là một thước đo quan trọng, nhưng nó chưa phải là nền móng quan trọng nhất cho sự phát triển của nền kinh tế tri thức. Trong quá trình tiến tới hình thành nền kinh tế tri thức ở nước ta còn tồn tại những yếu tố cản trở; đó là:

- Nền kinh tế nói chung và công nghiệp nước ta về cơ bản vẫn còn ở tình trạng lạc hậu. Trong cơ cấu ngành công nghiệp và cơ cấu xuất khẩu, sản phẩm của các ngành công nghiệp truyền thống vẫn là chủ yếu (than, dầu khí, dệt may, da giầy...), sản phẩm của các ngành công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới còn rất ít.

- Tư duy bao cấp và ảnh hưởng của cơ chế bao cấp vẫn còn khá nặng nề trong đời sống kinh tế xã hội, đặc biệt là sự trì trệ và yếu kém của một bộ phận lao động xã hội là lực cản và nhiều khi xung đột với yêu cầu phát triển.

- Đầu tư các nguồn lực cho phát triển kinh tế tri thức còn nhỏ và chưa tương xứng với yêu cầu phát triển kể cả trong đầu tư để trực tiếp tạo ra các sản phẩm tri thức (đầu tư cho nghiên cứu và triển khai, sản xuất công nghệ, chuyển giao công nghệ ...) và đầu tư tạo cơ sở nền tảng phát triển kinh tế tri thức.

- Từ điểm xuất phát còn quá thấp, chúng ta lại cùng một lúc phải giải quyết hai nhiệm vụ vô cùng khó khăn: thoát khỏi lạc hậu và nhanh chóng hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới, đồng thời chuyển từ nền kinh tế nông nghiệp sang nền kinh tế công nghiệp, nhanh chóng hình thành nền kinh tế tri thức.

Nhìn chung, nếu so sánh nền kinh tế nước ta theo hệ thống chỉ tiêu Ma trận đánh giá tri thức do Tổ chức Ngân hàng Thế giới xây dựng thì Việt Nam

không thể có vị trí cao trong các nhóm chỉ tiêu này. Tuy nhiên, qua phân tích, đánh giá khả năng thực tế của nền kinh tế nước ta, những kết quả đã đạt được trong thời gian qua cho thấy nước ta cũng có những yếu tố thuận lợi để tiến tới hình thành và phát triển nền kinh tế tri thức trong tương lai; đó là:

1.1. Việc phát triển kinh tế tri thức và công nghệ thông tin là vấn đề mà Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm thông qua việc hoạch định chính sách phát triển, chính sách ưu tiên đầu tư và thành lập các tổ chức thực hiện.

Ngay từ Nghị quyết Trung ương 2 khoá VIII đã chỉ ra:" Chiến lược phát triển đất nước ta là chiến lược dựa vào tri thức và thông tin, chiến lược đi tắt, đón đầu với mũi nhọn là công nghệ thông tin, công nghệ viễn thông với Internet, với thương mại điện tử... đi sớm, trực tiếp vào một số ngành đại diện nền kinh tế tri thức, một số ngành khác ứng dụng công nghệ khoa học, công nghệ mới để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm đáp ứng những nhu cầu tinh thần cao hơn".

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX cũng chỉ rõ:" Phát huy những lợi thế của đất nước, tận dụng mọi khả năng để đạt được trình độ công nghệ tiên tiến, đặc biệt là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học, tranh thủ ứng dụng ngày càng nhanh hơn, ở mức độ cao hơn và phổ biến hơn những thành tựu mới về khoa học và công nghệ, từng bước phát triển kinh tế tri thức". Để thực hiện các Nghị quyết trên Nhà nước đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo cấp quốc gia với sự tham gia của các nhà kinh tế học của các ngành, các Viện nghiên cứu, cấp kinh phí để tổ chức nghiên cứu những vấn đề liên quan đến phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam.

Xuất phát từ tính tích cực của công nghệ thông tin cũng như kinh tế tri thức, Đảng và Nhà nước ta luôn chủ trương ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong tất cả các lĩnh vực kinh tế. Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII đã nhấn mạnh "Ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các lĩnh vực kinh tế quốc dân, tạo ra sự chuyển biến rõ rệt về năng suất, chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế... Hình thành mạng thông tin quốc gia liên kết với một số mạng thông tin quốc tế..." Nhà nước cũng đã ban hành Nghị quyết số 49/CP ngày 4/9/1993 về phát triển công nghệ thông tin ở Việt Nam trong những năm 1990; tiếp đến là Chỉ thị số 58 - CT/TƯ ngày 17/10/2000 của Trung ương Đảng về "Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa". Trong Chỉ thị đã chỉ rõ: "Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin ở nước ta nhằm góp phần giải

phóng sức mạnh vật chất, trí tuệ và tinh thần của toàn dân tộc, thúc đẩy công cuộc đổi mới, phát triển nhanh và hiện đại hóa các ngành kinh tế, tăng cường năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp, hỗ trợ có hiệu quả cho quá trình chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, bảo đảm an ninh quốc phòng và tạo khả năng đi tắt đón đầu để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa".

Mục tiêu phấn đấu được đặt ra là: đến năm 2010, công nghệ thông tin Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực với các yêu cầu:

- Công nghệ thông tin được ứng dụng rộng rãi trong mọi lĩnh vực nhằm tạo một bước chuyển biến mạnh về năng suất, chất lượng, hiệu quả của tất cả các lĩnh vực hoạt động, thúc đẩy nhanh phát triển kinh tế.

- Phát triển mạng lưới thông tin quốc gia phủ khắp cả nước, với thông lượng lớn, tốc độ và chất lượng cao, giá rẻ, tỷ lệ người sử dụng Internet đạt mức trung bình thế giới.

- Công nghiệp công nghệ thông tin trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, có đóng góp quan trọng cho tăng trưởng kinh tế của cả nước.

Ngoài ra, Nhà nước đã cho triển khai một số chương trình, dự án về phát triển công nghệ thông tin như:

+ Chương trình quốc gia về công nghệ thông tin - kế hoạch tổng thể đến năm 2000, ban hành theo Quyết định số 211/TTg ngày 7/4/1995 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Đề án chiến lược phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Ban khoa giáo Trung ương 1999.

+ Kế hoạch tổng thể phát triển công nghệ thông tin 2001 - 2005, Bộ khoa học công nghệ và môi trường.

Trong các văn bản đều khẳng định sự cần thiết, mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng, giải pháp phát triển công nghệ thông tin nước ta đến năm 2010. Qua đây thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với sự phát triển công nghệ thông tin ở nước ta, tạo cơ sở nền tảng cho phát triển nền kinh tế tri thức trong tương lai.

1.2. Trong quá trình phát triển kinh tế ở nước ta, đã có những cơ sở vật chất ban đầu của một nền công nghiệp mới, hiện đại trong một số ngành, lĩnh vực.

Khoa học và công nghệ ở nước ta đã có những bước phát triển mạnh mẽ và đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, phục vụ ngày càng tốt hơn sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Khoa học công nghệ đã góp phần quan trọng vào việc xây dựng luận cứ khoa học cho đổi mới các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường các nghiên cứu ứng dụng nhằm tạo điều kiện làm chủ các công nghệ mới như công nghệ thông tin, chế tạo vật liệu mới, di truyền học, sinh học, y học cơ bản... Nhiều tổ chức nghiên cứu ứng dụng đã được tăng cường cơ sở vật chất theo hướng hiện đại, tổ chức và phương thức hoạt động được cải tiến nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động nghiên cứu ứng dụng. Nhờ cải cách kinh tế theo hướng mở cửa, nền kinh tế nước ta từng bước hội nhập với nền kinh tế khu vực và quốc tế. Hàng năm nước ta đã thu hút được hàng tỷ USD vốn đầu tư nước ngoài cùng với nhiều trang thiết bị, công nghệ tiên tiến, hiện đại phục vụ cho quá trình phát triển kinh tế. Một số ngành, lĩnh vực đã áp dụng những công nghệ kỹ thuật cao trong sản xuất và vận hành như công nghiệp điện tử, khai thác dầu khí, công nghiệp lắp ráp và chế tạo ô tô, xe máy, đóng mới tàu thủy, công nghệ sinh học (ngành nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp dược phẩm, công nghiệp môi trường). Một số ngành sản xuất, cung cấp dịch vụ cao cấp như bưu chính viễn thông cũng phát triển nhanh. Đặc biệt là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học trong những năm gần đây và hiện nay đã tạo khả năng to lớn đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, từng bước phát triển kinh tế tri thức. Ngoài ra các doanh nghiệp, dân cư, các tổ chức, cá nhân trong quá trình hoạt động kinh doanh và tiêu dùng đã hướng vào việc khai thác các sản phẩm của công nghệ tri thức để phục vụ cho phát triển và nâng cao đời sống. Nhiều doanh nghiệp, cơ sở sản xuất đã thực hiện đầu tư đổi mới công nghệ, nhanh chóng nắm bắt công nghệ hiện đại, bước đầu đưa ra được những sản phẩm có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế. Nhờ các yếu tố về cơ sở vật chất trên, với sự quan tâm của Đảng và Nhà nước cùng với sự trợ giúp của các chuyên gia nước ngoài mà lực lượng lao động của nước ta đã không ngừng được nâng cao, đủ trình độ tiếp thu các kiến thức, trình độ khoa học kỹ thuật mới phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

1.3. Công nghệ thông tin và viễn thông nước ta đang phát triển với tốc độ rất nhanh.

Thực hiện các chủ trương của Đảng và Nhà nước, trong những năm qua ở nước ta công nghệ thông tin đã luôn được ứng dụng và phát triển, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế của các ngành và cả nước. Nhờ chiến lược đi thẳng vào hiện đại hóa theo hướng số hóa, tự động hóa, đa dạng dịch vụ viễn thông, đã tạo nên một mạng lưới viễn thông cố định, di động, trong nước, quốc tế có công nghệ hiện đại tương đương với các nước tiên tiến trên

thế giới và đi trước về mặt công nghệ so với nhiều nước khác, cung cấp được hầu hết các dịch vụ viễn thông và Internet mà thế giới có. Ngành viễn thông nước ta đang phát triển nhanh chóng và đã đạt được nhiều thành tựu, một số lĩnh vực đã vươn lên đạt trình độ quốc tế, đóng góp tích cực vào sự nghiệp mở cửa, mở rộng hợp tác kinh tế, chính trị, thương mại, đầu tư với nước ngoài và là một cơ sở hạ tầng quan trọng tạo tiền đề cho sự phát triển của các ngành kinh tế - xã hội khác của đất nước trong đó có ngành thương mại. Đặc biệt trong những năm gần đây, việc ứng dụng công nghệ thông tin ngày càng chiếm vị trí, vai trò quan trọng trong các lĩnh vực tổ chức quản lý, phát triển kinh tế xã hội, nhất là trong một số lĩnh vực dịch vụ Nhà nước như hàng không, ngân hàng, bưu chính viễn thông... Nguồn nhân lực về công nghệ thông tin cũng tăng lên đáng kể, công nghệ thông tin đã được đưa vào chương trình đào tạo của các trường đại học, đã đào tạo được nhiều chuyên gia trẻ có khả năng tiếp thu và làm chủ công nghệ thông tin hiện đại.

Hiện nay máy tính đã trở thành công cụ không thể thiếu trong công việc hàng ngày của hầu hết các cơ quan Nhà nước, các doanh nghiệp...Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và viễn thông, internét đã có những bước phát triển vượt bậc. Mật độ thuê bao điện thoại bình quân của cả nước từ chỗ chỉ có 1,3 máy/100 dân năm 1995, năm 2000 đã đạt 7,1 máy/100 dân và đến tháng 9/2004 đã đạt 11,47 máy/100 dân. Mạng truyền dẫn đang được cáp hóa, trong đó có 42 tỉnh, thành phố đã hoàn thành việc nối cáp quang đến cấp huyện. Tổng dung lượng kênh kết nối internet quốc tế của Việt Nam đạt 1.038 Mb/s. Đến nay, cả nước đã có trên 1,5 triệu thuê bao Internet, trong đó trên 25.000 thuê bao băng thông rộng và 100% các trường đại học và trung học kết nối mạng Internet. Hiện nay, đề án tin học quản lý hành chính Nhà nước (số 112) đã được triển khai trên phạm vi cả nước với sự tham gia của tất cả các Bộ, ngành và địa phương. Nhiều Bộ, ngành và địa phương đã xây dựng Website riêng và tiến hành ứng dụng công nghệ thông tin trong việc điều hành và quản lý hành chính. Việc phổ cập công nghệ thông tin trong xã hội đang trên đà phát triển. Công nghiệp phần mềm cũng có những chuyển biến tích cực tại các thành phố lớn như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng... với sự hình thành và phát triển của nhiều trung tâm công nghiệp phần mềm. Năm 2004 được đánh giá là năm thành công của công nghệ thông tin nói chung và công nghiệp phần mềm nói riêng. Tổng gía trị công nghiệp phần mềm đạt khoảng 160 triệu USD, trong đó gia công xuất khẩu đạt 40 triệu USD. Cả nước hiện có 600 công ty phần mềm, thu hút 15.000 kỹ sư và chuyên viên phần mềm. Ngoài ra, với sự ra đời các tổ chức ảo hay chính phủ điện tử, doanh nghiệp điện tử, khu công nghệ phần mềm, hội nhập với kinh tế mạng... là những dấu hiệu cho thấy triển vọng đầy hứa hẹn cho phát triển công nghệ thông tin

và kinh tế tri thức ở nước ta. Cũng nhờ những chuyển biến căn bản và nhanh chóng của lĩnh vực công nghệ thông tin đã tạo dựng được những yếu tố ban đầu cho hạ tầng kỹ thuật cũng như hạ tầng xã hội của nền kinh tế tri thức ở nước ta trong tương lai.

1.4. Đầu tư phát triển nguồn nhân lực đã được cả xã hội coi trọng thông qua việc đầu tư cho giáo dục, đào tạo, trọng dụng nhân tài...

Chất lượng nguồn nhân lực luôn có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển kinh tế xã hội của mỗi quốc gia, là động lực quan trọng để tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội. Nguồn nhân lực có chất lượng cao là nhân tố quyết định tăng năng suất lao động, thông qua đó làm đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Nguồn nhân lực cần được nâng cao chất lượng cả về thể lực, trình độ văn hóa, chuyên môn kỹ thuật, kinh nghiệm nghề nghiệp, năng lực tổ chức quản lý, tâm huyết với công việc, có ý chí tự lực tự cường, tìm tòi sáng tạo trong mỗi công việc. Đối với nước ta, chất lượng nguồn nhân lực càng có ý nghĩa quan trọng hơn vì nước ta đang tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh khoa học - công nghệ trên thế giới đang phát triển như vũ bão, trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, tác động mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Thấy được tầm quan trọng trên, Đảng và Nhà nước ta đã sớm có đường lối đúng đắn như chủ trương, chính sách khuyến khích, thúc đẩy phát triển giáo dục - đào tạo và chính sách khoa học - công nghệ, đưa giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ lên vị trí quốc sách hàng đầu tạo nên sự phát triển mạnh về kinh tế xã hội. Kinh phí dành cho giáo dục, đào tạo được Nhà nước đầu tư tăng qua từng năm, nhất là trong những năm gần đây, Nhà nước đã trích một phần kinh phí từ ngân sách Nhà nước để đào tạo cán bộ, công nhân bậc cao ở nước ngoài. Nhiều doanh nghiệp đã mạnh dạn đầu tư một khoản kinh phí khá lớn để mời chuyên gia trong và ngoài nước đến tư vấn hoặc bồi dưỡng nâng cao kiến thức cho cán bộ, công nhân viên của doanh nghiệp. Cả xã hội đang vận động theo hướng là một xã hội học tập trong đó có sự quan tâm đặc biệt và đầu tư cao của người dân cho con em mình tham gia các kỳ thi tuyển vào đại học, chuyên nghiệp, đầu tư cho con dự học theo các dự án đào tạo của nước ngoài hoặc đi du học nước ngoài. Người đi học đã có sự lựa chọn ngành học, chi phí cho việc học tập hợp với khả năng cũng như nhu cầu việc làm sau khi ra trường. Nhờ có sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và cả xã hội mà thời gian qua nguồn nhân lực nước ta ngày một được nâng cao cả về quy mô và chất lượng.

+Quy mô nguồn nhân lực:

Tỷ lệ tăng bình quân năm của nguồn nhân lực nước ta đều lớn hơn tỷ lệ tăng dân số. Quy mô nguồn nhân lực tăng qua hàng năm sẽ cung cấp cho xã hội lực lượng lao động dồi dào, là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế, đồng thời cũng tác động tạo ra sức ép lớn cho xã hội về lao động và việc làm. Tỷ lệ tăng dân số và nguồn lao động nước ta được thể hiện qua biểu sau:

Thời kỳ	**Tỷ lệ tăng dân số hàng năm**	**Tỷ lệ tăng nguồn nhân lực hàng năm**
1991 - 1994	2,30	2,80
1995 - 2000	1,8	2,05
2000 - 2004	1,5	2,05

Nguồn: Điều tra lao động, việc làm 1991 - 2004

Số lao động tham gia hoạt động trong nền kinh tế quốc dân đã tăng từ 30,3 triệu người năm 1990, đến năm 2002 đã tăng lên 39,29 triệu người và 41,164 triệu người vào năm 2003, bình quân tăng khoảng 2,45%/năm.

Cơ cấu lao động đã có sự chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng lao động trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ. Tỷ trọng lao động của ngành công nghiệp - xây dựng trong cơ cấu chung của nền kinh tế đã tăng dần từ 13,6% năm 1991 lên 16,7% năm 2003 và 17,4% năm 2004. Tỷ trọng lao động của ngành dịch vụ cũng tăng từ 13,8% năm 1991 lên 23,0%năm 2003 và 24,7% năm 2004; trong khi đó lao động trong ngành nông, lâm, ngư nghiệp giảm dần từ 72,6% xuống còn 61,30% và 57,9% trong thời gian tương ứng.

Đơn vị: %

	1991	1995	2000	2001	2002	2003	2004
Công nghiệp - xây dựng	13,6	13,3	13,1	14,42	15,13	16,7	17,4
Nông, lâm, ngư nghiệp	72,6	69,7	62,61	62,77	60,67	61,3	57,9
Dịch vụ	13,8	17,0	24,29	22,81	24,20	23,0	24,7

Nguồn : Điều tra lao động, việc làm 1991 - 2004

Mặc dù trong thời gian qua cơ cấu lao động của nước ta đã có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, nhưng nhìn chung vẫn còn chậm so với các nước phát triển trong khu vực.

+ Chất lượng dân số và nguồn nhân lực

Hiện nay chất lượng dân số cũng như nguồn nhân lực ở nước ta đã được cải thiện đáng kể, nhưng cũng còn chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố như chất lượng cuộc sống vật chất, tinh thần, chăm sóc y tế, mối tương quan giữa con người và môi trường; phát triển về quy mô và chất lượng giáo dục; tốc độ tăng trưởng và phát triển của nền kinh tế, bảo đảm việc làm và thu nhập, sự bình đẳng trong xã hội, hệ thống chính sách về phát triển dân số ...

Về chỉ số phát triển con người (HDI), trong thời gian qua, nhất là những năm gần đây chỉ số HDI ở nước ta gia tăng tương đối nhanh và liên tục. Năm 1995, Việt Nam mới đứng thứ 7/10 trong khu vực Đông Nam Á, 35/50 ở Châu Á và 122/175 nước trên thế giới thì đến năm 2001 đã vươn lên thứ 6/7 ở khu vực Đông Nam Á, 28/36 ở Châu Á và 109/130 trên thế giới. Nguyên nhân chính của sự cải thiện này là nhờ tốc độ tăng trưởng nhanh và liên tục của nền kinh tế. Theo "Báo cáo phát triển con người" của UNDP qua các năm cho thấy chỉ số HDI của Việt Nam đã tăng từ 0,539 năm 1995 lên 0,671 năm 2001, trong đó có 12 tỉnh có HDI cao (từ 0,7 đến 0,749), 41 tỉnh có HDI loại trung bình (từ 0,612 đến 0,663) và 8 tỉnh có HDI thấp (0,486 đến 0,541). Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu có chỉ số HDI cao nhất và tỉnh Lai Châu có HDI thấp nhất.

Báo cáo phát triển con người của Liên Hiệp Quốc (UNDP) năm 2003 cũng đã nhận định "Việt Nam đã đạt được tiến bộ vượt bậc về xóa đói giảm nghèo và phát triển con người, trong đó phần lớn kết quả đạt được bắt nguồn từ tốc độ tăng trưởng khá cao hàng năm".

Về chỉ số giáo dục, phát triển giáo dục đào tạo là nhân tố quan trọng có tác động lớn đến chất lượng dân số và chất lượng nguồn nhân lực. Ở nước ta thời gian qua nhờ cơ cấu lại hệ thống giáo dục và xã hội hóa giáo dục đã đem lại thành tựu đáng kể. Đến nay cả nước có 17 tỉnh hoàn thành phổ cập trung học cơ sở. Hệ thống các trường đại học và cao đẳng phát triển mạnh với nhiều hình thức giáo dục đào tạo mới như bán công, dân lập, đào tạo từ xa với số sinh viên tăng 115,3%, trung học chuyên nghiệp tăng 43,5% và học viên học nghề tăng 23,1%. Chỉ số giáo dục của Việt Nam năm 2001 đạt 0,83 bằng Malaisia và cao hơn Inđônêxia (0,8), Trung Quốc (0,79), Mianma (0,72), Căm Pu Chia (0,64) và Lào (0,63). Theo số liệu điều tra lao động, việc làm của Bộ Lao động Thương binh và xã hội ngày 1/7 năm 2003 có khoảng 8,8 triệu lao động có trình độ chuyên môn khoa học từ sơ cấp trở lên chiếm 20,99% lực lượng lao động xã hội; trong đó có 14.000 tiến sĩ; 16.000 thạc sĩ; 759.000 cán bộ đại học, cao đẳng; 240.000 cán bộ trung học; 2.770.000 công nhân kỹ thuật.

1.5. Chính sách mở cửa và hội nhập quốc tế đã mang lại những kết quả quan trọng, đưa nước ta từng bước hội nhập với các nền kinh tế khu vực và thế giới.

Với chủ trương đa phương hóa và đa dạng hóa các quan hệ kinh tế, đến nay nước ta đã mở rộng quan hệ kinh tế với nhiều nước trên thế giới, trong đó có các nước công nghiệp phát triển. Sự giao lưu kinh tế giữa các doanh nghiệp trong nước với các đối tác nước ngoài và ngược lại, có sự gia tăng đáng kể. Tri thức, đặc biệt là công nghệ thông tin, kinh tế mạng là những yếu tố quan trọng kết dính các doanh nghiệp và các quốc gia với nhau. Nền kinh tế nước ta đang trong quá trình hội nhập với nền kinh tế thế giới thông qua hệ thống thông tin (môi trường, thị trường, khoa học công nghệ, kinh tế...). Hội nhập cũng giúp nước ta thu hút ngày càng nhiều vốn đầu tư nước ngoài, quan hệ thương mại được mở rộng, kim ngạch xuất nhập khẩu tăng nhanh, một số sản phẩm đã đủ sức cạnh tranh trên thị trường thế giới.

Kinh nghiệm của một số nước đã chỉ ra, công việc khó khăn nhất trong quá trình tiến tới nền kinh tế tri thức là sự thay đổi về văn hoá. Nhiệm vụ trực tiếp và quan trọng nhất đối với nước ta hiện nay là phải xây dựng một môi trường văn hoá chấp nhận thay đổi, chấp nhận rủi ro và yêu thích kinh doanh. Các doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp tư nhân, phải được tôn vinh như những người đóng góp chủ yếu cho sự thịnh vượng của xã hội. Kinh tế tri thức đặt ra các thách thức và nhiệm vụ đối với Nhà nước, khu vực doanh nghiệp cũng như mỗi người dân. Trong đó, khu vực doanh nghiệp (nhất là doanh nghiệp tư nhân) có vai trò lớn nhất trong việc hiện thực hoá kinh tế tri thức. Nhà nước không nên và không thể điều phối quá trình này theo cách thức tập trung hoá.

Mặc dù công nghệ thông tin có ý nghĩa then chốt đối với nền kinh tế tri thức theo nghĩa nó là một công cụ tạo khả năng cho sự sản sinh, trao đổi và tiếp thu tri thức, song công nghệ thông tin không phải là tri thức, mà chỉ là công cụ để chuyên chở tri thức và qua đó tăng cường khả năng đóng góp của tri thức cho phát triển. Hiện nay, nhiều phân tích đã chỉ ra bản thân ngành công nghệ thông tin bao gồm máy tính, phần mềm chưa trở thành một ngành kinh tế chủ lực trong dài hạn ở bất kỳ nước nào, bởi vì công nghệ thông tin luôn gắn liền với những nội dung mà nó mang theo. Thêm vào đó, Việt Nam có gần 80% dân số là nông dân, đại bộ phận sử dụng những công cụ sản xuất cũ, nên công cụ sản xuất và tri thức mới (tin học, sinh học, vật liệu mới) cũng phải tập trung vào đó nhằm đổi mới công nghệ. Như vậy, một chính sách tập trung ưu tiên phát triển KHCN nói chung hoặc coi tin học là ngành "mũi

nhọn" nhằm "đi tắt đón đầu" trong phát triển cần được nghiên cứu thấu đáo và có những bước đi thích hợp cho từng giai đoạn.

Hơn nữa, mọi phát triển và đóng góp của công nghệ thông tin đều không thể thoát ra khỏi khuôn khổ kinh tế thị trường. Vì vậy, rất cần tránh quan niệm chủ quan, duy ý trí dẫn tới tập trung đầu tư một cách phi hiệu quả vào công nghệ thông tin. Ở mức độ tối thiểu, cần chuyển từ chủ trương phát triển công nghệ thông tin sang chủ trương rộng hơn là phát triển thương mại điện tử, bởi vì thương mại điện tử hiểu theo nghĩa rộng bao gồm cả kết cấu công nghệ thông tin và các hoạt động kinh doanh dựa trên kết cấu đó.

Tuy không có khả năng sớm tiến thẳng vào nền kinh tế tri thức, nhưng chúng ta hoàn toàn có thể lợi dụng xu thế phát triển dựa trên tri thức để thúc đẩy nền kinh tế Việt Nam đi lên. Để làm được điều đó, chúng ta cần nỗ lực tranh thủ và tiếp thu các thành tựu của xu hướng mới đang diễn ra trên thế giới bằng cách đẩy mạnh quan hệ với bên ngoài thông qua mậu dịch quốc tế, đầu tư trực tiếp nước ngoài, mua giấy phép công nghệ nước ngoài, trao đổi chuyên gia, phổ biến nhanh chóng các thành tựu đó vào càng nhiều khía cạnh kinh tế và xã hội càng tốt, đồng thời tập trung tạo ra những tiền đề sẵn sàng đảm bảo nắm bắt thành công những cơ hội sẽ xuất hiện trong tương lai.

Để tiến tới phát triển một nền kinh tế tri thức chúng ta không thể rập khuôn bất kỳ một mẫu hình nào. Mặc dù kinh tế tri thức có những nét tương đồng chung giữa các nước, nhưng chính những bản sắc riêng biệt của môi trường kinh tế - văn hoá - xã hội của Việt Nam quy định những đặc điểm riêng biệt của kinh tế tri thức ở Việt Nam. Để có thể hoạch định chiến lược, xác định các công việc cụ thể, nước ta cần phải có những nghiên cứu sâu sắc về các điểm mạnh và điểm yếu của đất nước trong bối cảnh nền kinh tế tri thức, trong bối cảnh các lợi thế so sánh không còn xuất phát từ các nguồn lực vật thể, mà xuất phát chủ yếu từ tri thức, từ các kỹ năng của con người.

II. Thực trạng trình độ và khả năng đáp ứng của thương mại Việt Nam trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức ở Việt Nam.

Hơn một thập kỷ qua, thương mại Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể theo hướng từng bước tự do hoá và mở cửa thị trường với thế giới bên ngoài, tham gia vào các thể chế kinh tế khu vực và thế giới, tháo gỡ những rào cản trái với cơ chế kinh tế thị trường, hạ thấp các hàng rào thuế quan và phi thuế quan nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động trao đổi thương mại giữa Việt Nam và các quốc gia trên thế giới. Nhờ có những chính sách đó, khả năng đáp ứng của thương mại nước ta trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế bước

đầu đã đạt được một số thành công. Việt Nam đã mở rộng quan hệ thương mại với hầu hết các nước trên thế giới, có tốc độ tăng trưởng thương mại luôn đạt mức cao, quy mô thị trường được mở rộng, hàng hoá ngày càng phong phú, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2.1. Các hoạt động thương mại có nhiều chuyển biến tích cực và ngày càng phát triển dựa trên nền tảng thông tin và tri thức.

Việc tích cực ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho sự phát triển thương mại được thể hiện từ chủ trương, chính sách của Đảng, Chính phủ, Bộ Thương mại đến các hoạt động thực tiễn của ngành thương mại:

- Chỉ thị số 58-CT/TW ngày 17/10/2000 của Bộ Chính trị về việc đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin (CNTT) phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã nêu rõ cần phải tập trung phát triển thương mại điện tử (TMĐT): "Tập trung phát triển các dịch vụ điện tử trong các lĩnh vực tài chính (thuế, kho bạc, kiểm toán...) ngân hàng, hải quan, hàng không, thương mại, thương mại điện tử và các dịch vụ công cộng... đảm bảo các điều kiện cần thiết phù hợp với tiến độ hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế".

- Quyết định 95/2001/QĐ - TTg ngày 25/7/2002 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt kế hoạch tổng thể về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin Việt Nam đến năm 2005 đã giao Bộ Thương mại chủ trì dự án tổ chức triển khai phát triển thương mại điện tử...

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, Bộ Thương mại đã áp dụng nhiều biện pháp cụ thể để ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành thương mại. Tại quyết định số 1211/QĐ - BTM ngày 8/10/2002, Bộ Thương mại phê duyệt đề án tin học hóa quản lý hành chính Nhà nước ngành thương mại giai đoạn 2001 - 2005 và đã được Ban điều hành đề án 112 của Chính phủ thẩm định, triển khai Quyết định 266/2003/QĐ - TTg về nâng cao hiệu quả của công tác thông tin dự báo thị trường, Bộ Thương mại đã xây dựng dự án "cung cấp thông tin thương mại phục vụ công tác quản lý Nhà nước và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp", xây dựng cổng thương mại điện tử quốc gia (ECVN) và đưa đề án vào danh sách các chương trình xúc tiến thương mại trọng điểm quốc gia 2004. Bộ Thương mại đã tích cực tham gia các hoạt động của Ban chỉ đạo quốc gia về công nghệ thông tin, tham gia xây dựng chiến lược phát triển công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020. Bộ đã giao cho Vụ thương mại điện tử chịu trách nhiệm triển khai các hoạt động ứng dụng CNTT, tin học hóa trong Bộ. Ngoài ra Bộ Thương mại đã xây dựng trung tâm tích hợp dữ liệu của Bộ và bắt đầu đưa vào triển khai mạng nội bộ ngành Thương mại nhằm thúc đẩy quá trình tin học hóa quản lý hành chính Nhà nước góp phần thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính

của ngành Thương mại. Bộ Thương mại cũng đã đẩy mạnh công tác cung cấp thông tin thương mại phục vụ doanh nghiệp và công tác quản lý Nhà nước thông qua việc đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật và giao nhiệm vụ cung cấp thông tin cho 3 đơn vị trong Bộ là Vụ Thương mại điện tử, Trung tâm thông tin thương mại và Cục xúc tiến thương mại; Trong đó Trung tâm thông tin là đơn vị đầu mối triển khai Dự án tổ chức triển khai phát triển TMĐT, xây dựng các sàn giao dịch TMĐT nhằm hỗ trợ và khuyến khích các doanh nghiệp ứng dụng, tham gia TMĐT. Ngoài ra Bộ Thương mại còn thường xuyên cung cấp thông tin trực tiếp cho các doanh nghiệp, đưa nội dung thông tin vào các khóa đào tạo, hội thảo, hội nghị ...

Đối với các Sở Thương mại cũng đã có nhiều cố gắng ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của ngành. Các Sở Thương mại đã đầu tư trang bị máy vi tính và ứng dụng các phần mềm văn phòng vào công tác soạn thảo văn bản, lập bảng biểu đơn giản, trong đó có một số Sở đã ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý công văn, nhân sự, kế toán hành chính sự nghiệp, quản lý tài sản... Một số Sở thương mại đã xây dựng phần mềm ứng dụng trong lĩnh vực quản lý xuất nhập khẩu, quản lý doanh nghiệp, hồ sơ các văn phòng đại diện ở nước ngoài, xây dựng trang Web trên mạng Internet, nhiều Sở đã kết nối Internet và sử dụng hộp thư điện tử (Email).

Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào các nghiệp vụ quản lý và kinh doanh chuyên ngành đã mang lại hiệu quả đáng kể, giảm thời gian tìm kiếm thông tin và giải quyết các công việc liên quan như thống kê số liệu, lập báo cáo gửi cấp trên, soạn thảo văn bản, ứng dụng vào công tác quản lý hành chính và quản lý chuyên ngành...

Trong hoạt động kinh doanh, nhiều doanh nghiệp đã biết dựa vào thông tin và tri thức để nâng cao năng lực cạnh tranh. Đa số doanh nghiệp đã tiến hành nghiên cứu thị trường thường xuyên hoặc tiến hành nghiên cứu trước khi có ý định xâm nhập thị trường. Các doanh nghiệp ngày càng quan tâm đến yếu tố chất lượng sản phẩm và xây dựng chiến lược sản phẩm để đáp ứng nhu cầu của khách hàng và thị trường. Nhiều doanh nghiệp đã tiến hành đầu tư đổi mới các máy móc, thiết bị công nghệ mới từ các nước công nghiệp phát triển để nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa. Một số ít doanh nghiệp đã bước đầu quan tâm đầu tư chi phí cho nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, các công nghệ kỹ thuật mới nhằm nâng cao chất lượng và năng suất lao động hoặc tạo ra các sản phẩm mới độc đáo, hiện đại đáp ứng tốt hơn các yêu cầu của khách hàng và tạo một vị trí vững chắc trên thị trường. Một số doanh nghiệp đã quan tâm đến xây dựng và bảo hộ thương hiệu sản phẩm và coi đây là tài sản của doanh nghiệp, là vũ khí trong cạnh tranh.

Về việc phát triển thương mại điện tử, theo số liệu điều tra mới nhất của Bộ Thương mại cho thấy, đa số doanh nghiệp được điều tra đều nhận thức được vai trò quan trọng của thương mại điện tử đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Hầu hết các doanh nghiệp đều muốn ứng dụng thương mại điện tử để giao dịch với các doanh nghiệp trong nước và quốc tế (mô hình 2B) nên đã đầu tư nhiều hơn cho các ứng dụng thương mại điện tử trong kinh doanh; trong đó 25% doanh nghiệp đã xây dựng trang Web và 16% doanh nghiệp đang có kế hoạch phát triển thương mại điện tử. Đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ thông tin, 100% doanh nghiệp đã sử dụng Email trong các giao dịch kinh doanh, 54% doanh nghiệp đã thiết lập trang Web để bán hàng và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ khách hàng.

Chính phủ rất quan tâm đến phát triển thương mại điện tử ở nước ta thể hiện qua việc từng bước xây dựng một hệ thống pháp luật đầy đủ, thống nhất và cụ thể để điều chỉnh các quan hệ thương mại điện tử như thông qua luật giao dịch điện tử, quyết định về chấp nhận chữ ký điện tử trong thanh toán ngân hàng..., đồng thời đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng viễn thông hiện đại, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho thương mại điện tử. Để khuyến khích các doanh nghiệp và người tiêu dùng tham gia thương mại điện tử, Bộ Thương mại cũng như một số Bộ, ngành, địa phương đã và đang tổ chức xây dựng các sàn giao dịch điện tử tại các trung tâm kinh tế lớn của cả nước. Một số sàn giao dịch điện tử do Bộ Thương mại, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt nam... được xây tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng... đã đi vào hoạt động và bước đầu cho kết quả tốt. Thông qua sàn giao dịch điện tử, các doanh nghiệp trong và ngoài nước, người tiêu dùng có thể tìm kiếm thông tin về thị trường sản phẩm, thiết lập các đối tác và tiến hành các giao dịch trực tuyến trên mạng.

Nhờ có chủ trương đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới, hiện đại phục vụ sản xuất và kinh doanh, các sản phẩm hàng hóa nước ta đã có sự chuyển biến tích cực theo hướng tăng hàm lượng tri thức trong mỗi sản phẩm nhất là trong lĩnh vực xuất khẩu. Trong ngành công nghiệp chế biến của nước ta đã xuất hiện một số doanh nghiệp công nghiệp thuộc nhóm ngành công nghệ cao như lắp ráp ti vi, ô tô, xe máy, điện tử viễn thông... Một số doanh nghiệp đã lựa chọn việc hợp tác với các cơ quan khoa học trong nước để tiến hành đổi mới công nghệ mở rộng sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm. Đây cũng có thể coi là những tín hiệu tích cực của các doanh nghiệp trong quá trình tìm đến những công nghệ mới, tiên tiến nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất, nâng cao khả năng cạnh tranh của các sản phẩm trên thị trường trong nước và quốc tế.

Trước sự phát triển như vũ bão của khoa học và công nghệ, sự vận động nhanh chóng của lưu thông hàng hóa và sự cạnh tranh gay gắt giữa các quốc

gia đòi hỏi nước ta phải tăng hàm lượng tri thức cho các sản phẩm của mình. Đây cũng là giải pháp kinh tế để giúp nước ta phát triển và tránh tụt hậu, giảm dần khoảng cách với các nước công nghiệp phát triển.

Về phát triển dịch vụ, hiện nay trong nền kinh tế thế giới, khối các ngành dịch vụ phát triển với tốc độ nhanh về quy mô, chủng loại và chất lượng làm thay đổi cơ cấu kinh tế quốc dân, đặc biệt dịch vụ phục vụ cho khai thác thị trường và xúc tiến tiêu thụ sản phẩm đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống dân cư phát triển rất nhanh chóng và đa dạng. Dịch vụ có hàm lượng trí tuệ (dịch vụ chất xám) ngày càng chiếm vai trò quan trọng như dịch vụ thông tin, tư vấn, tài chính, tín dụng, dịch vụ thương mại điện tử...

Cùng với xu hướng phát triển chung của kinh tế thế giới, trong những năm qua cơ cấu ngành dịch vụ trong nền kinh tế nước ta đã có sự chuyển dịch theo hướng tích cực. Từ chỗ các hoạt động dịch vụ chủ yếu chỉ bó hẹp trong khâu phân phối lưu thông và do Nhà nước quản lý trước đây, đến nay ngành dịch vụ đã có bước phát triển đa dạng với tốc độ khá nhanh góp phần phục vụ đắc lực cho sản xuất và đời sống dân cư. Sự hình thành hệ thống dịch vụ đầu vào và đầu ra cho sản xuất là kết quả của quá trình chuyển đổi từ phân phối lưu thông sang kinh doanh. Các loại hình dịch vụ như vận tải, kho bãi, thông tin liên lạc, tài chính, tín dụng, thương mại, du lịch, khách sạn nhà hàng... đã nhanh chóng chiếm vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, tạo nhiều công ăn việc làm và đóng góp đáng kể cho tăng trưởng kinh tế. Nhiều loại hình dịch vụ mới ra đời như thông tin, chuyển giao công nghệ, tư vấn đầu tư, nghiên cứu khai thác thị trường đã góp phần đắc lực cho giai đoạn phát triển mới của nền kinh tế.

Qua số liệu thống kê cho thấy sự gia tăng mạnh nhất trong các nhóm ngành dịch vụ là vận tải, kho bãi và thông tin liên lạc với mức tăng trưởng từ 3,98% năm 1995 lên 4,01% năm 2001 và 3,73% năm 2003. Để đạt được mức tăng trưởng trên là sự cố gắng của ngành bưu chính viễn thông trong việc khuyến khích các tổ chức cá nhân sử dụng điện thoại di động, Internet cùng với việc lắp đặt điện thoại tại nhà cho các hộ dân. Trong thời gian qua Nhà nước và nhân dân cũng đã có nhiều cố gắng đầu tư cho giao thông vận tải, xây dựng thêm nhiều cầu mới, mở rộng các tuyến đường, bê tông hóa đến các xã khu vực miền núi và nông thôn... Xây dựng mạng lưới giao thông thông suốt trong cả nước với nhiều loại hình phương tiện khác nhau.

Một nhóm ngành dịch vụ có vai trò rất quan trọng là khoa học và công nghệ cũng có mức tăng trưởng đáng kể về giá trị tuyệt đối từ 1.405 tỷ đồng năm 1995 lên 3.696 tỷ đồng năm 2003, gấp 2,5 lần. Về tỷ trọng nhóm ngành

dịch vụ này cũng có mức tăng trưởng từ 0,61% năm 1995 tăng lên 0,65% năm 2001 và 0,61% năm 2003. Tuy có mức tăng trưởng không lớn nhưng lại có ý nghĩa rất quan trọng vì khoa học và công nghệ chính là cơ sở, nền tảng tạo ra năng suất, chất lượng và hiệu quả của nhiều ngành khác. Thấy được tầm quan trọng trên, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, quyết sách đầu tư để đẩy mạnh phát triển khoa học và công nghệ và coi đây là một trong những mũi nhọn của đất nước. Nhà nước đã cấp kinh phí cho các công trình trọng điểm quốc gia về công nghệ sinh học, sản xuất vật liệu mới, đầu tư cho đào tạo giáo dục, cấp học bổng cho các sinh viên xuất sắc theo học các ngành khoa học công nghệ và kỹ thuật tiên tiến ở nước ngoài..., từng bước phát triển thị trường khoa học và công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi tiếp thu những tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến của thế giới để phục vụ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Ngành dịch vụ nước ta đã có những bước phát triển vượt bậc so với thời kỳ bao cấp, nhiều loại hình dịch vụ mới được hình thành với chất lượng ngày một nâng cao đã góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất và đời sống xã hội. Lao động tham gia vào khu vực dịch vụ đã có sự gia tăng đáng kể qua từng năm, từ 4,630 triệu người năm 1990 lên 7,2 triệu người năm 2000 và 10,81 triệu người năm 2004, chiếm khoảng 24,7% lực lượng lao động toàn quốc. Mặc dù sự gia tăng này chủ yếu là lao động phổ thông nhưng vẫn mang yếu tố tích cực vì khu vực dịch vụ là khu vực thu hút nhiều lao động nhất so với các ngành khác.

2.2. Hàng hóa được trao đổi, mua bán trên thị trường ngày càng đa dạng, phong phú với sự gia tăng hàm lượng trí tuệ trong mỗi sản phẩm.

Với sự phát triển hàng hóa trong điều kiện tự do hóa của kinh tế thị trường, quan hệ cung cầu hàng hóa trên thị trường đã thay đổi cơ bản từ chỗ thiếu hụt hàng hóa trước kia sang trạng thái đủ và có dư thừa hàng hóa. Hàng hóa ngày càng đa dạng, phong phú với chất lượng được nâng cao. Nhiều mặt hàng trước đây phải nhập khẩu thì đến nay sản xuất nội địa đã có thể thay thế đảm bảo đầy đủ nhu cầu trong nước và một phần xuất khẩu. Nếu như 10 năm trước đây, Việt Nam hầu như không có mặt hàng nào thực sự có khả năng cạnh tranh quốc tế, thì hiện nay nước ta đã có trên 200 mặt hàng có khả năng cạnh tranh trong thương mại quốc tế với những mức độ khác nhau. Ngày càng có nhiều mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu cao, riêng năm 2004 đã có 17 nhóm mặt hàng đạt trên 100 triệu USD, trong đó có 9 nhóm mặt hàng đạt hơn 500 triệu USD. Cơ cấu xuất khẩu trong 15 năm qua của nước ta đã có sự thay đổi theo hướng tích cực. Tỷ trọng nhóm hàng nông, lâm, thủy sản giảm dần từ 52,2% năm 1991 còn 20,7% năm 2004, trong khi tỷ trọng nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp có xu hướng tăng từ 14,4% năm 1991 lên

43% năm 2003 và 39,7% năm 2004. Các nhóm/mặt hàng chế biến xuất khẩu giai đoạn 2000 - 2004 tăng nhanh.

Một số nhóm/ mặt hàng chế biến xuất khẩu chủ yếu giai đoạn 2000 - 2004

Đơn vị: Triệu USD

	2000	2001	2002	2003	2004
1. Hàng dệt và may mặc	1.892	1.975	2.752	3.687	4.319
2. Giày dép các loại	1.464	1.559	1.867	2.2668	2.604
3. Hàng đ/tử và L.kiện m/tính	782	595	492	672	1.077
4. Hàng thủ công mỹ nghệ	237	235	331	367	410
5. Sản phẩm gỗ		335	435	567	1.054
6. Sản phẩm nhựa(Plastic)		134	153	186	295
7. Xe đạp và phụ tùng		114	124	154	230
8. Dây điện và cáp điện		154	186	263	385

Nguồn: Tổng cục thống kê và Bộ Thương mại

Các sản phẩm chế biến xuất khẩu có xu hướng ngày càng tăng trong tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước. Những sản phẩm dựa trên nguồn lực tự nhiên như cá, cao su chế biến, đồ gỗ, thực phẩm chế biến có xu thế giảm dần từ 74% năm 1985 xuống còn 17,8% năm 2004, trong khi mặt hàng chế tạo công nghệ thấp sử dụng nhiều lao động và sản xuất cấu kiện, công nghệ trung bình như dệt may, giày dép, xe đạp... tăng mạnh từ 21,7% năm 1985 lên 76% năm 2004. Nhóm hàng công nghệ cao sử dụng nhiều vốn như thiết bị điện, điện tử, viễn thông, máy tính... tuy còn chiếm tỷ trọng khiêm tốn 4 - 5%, nhưng cũng thể hiện sự cố gắng của một số doanh nghiệp đã có những bước đi đầu tiên, đặt nền tảng cho sự phát triển nền kinh tế tri thức ở nước ta.

Cơ cấu xuất khẩu sản phẩm chế biến thời kỳ 1985 - 2004

Đơn vị: %

Hàm lượng chế biến	1985	2000	2004	Tốc độ tăng trưởng		
				1990 -1995	1996-2000	2001-2004
Hàng chế biến dựa vào tài nguyên	74	17,6	17,8	23	5	4,8
Hàng chế tạo công nghệ thấp và công nghệ trung bình	21,7	77	76	102	20	18
Hàng công nghệ cao sử dụng nhiều vốn	3,9	5,4	6,2	62,2	2,4	3,7

Nguồn: Ngân hàng thế giới năm 2004

Quá trình thương mại hóa các yếu tố kinh tế đã kích thích phát triển sản xuất, hàng hóa luôn ở trạng thái cung đáp ứng cầu. Kinh tế phát triển, thu nhập dân cư tăng làm cho nhu cầu hàng hóa trên thị trường ngày càng phát triển phong phú và đa dạng.

2.3. Hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại từng bước được đầu tư đổi mới theo hướng hiện đại, các hoạt động kinh doanh phát triển ngày càng đa dạng, phong phú và văn minh.

Nhờ có sự quan tâm của Nhà nước và đóng góp của nhân dân mà hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại nước ta ngày càng được đầu tư đổi mới theo hướng hiện đại. Nhiều khu kinh tế cửa khẩu, hệ thống kho cảng, bến bãi, chợ... được đầu tư phát triển đã góp phần thúc đẩy giao lưu hàng hóa, mua bán thuận tiện. Các loại hình kinh doanh ngày càng đa dạng và phát triển theo hướng văn minh, hiện đại như trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tự chọn, các chợ đầu mối, trong đó có áp dụng nhiều trang thiết bị hiện đại như hệ thống máy móc thiết bị kiểm tra, kiểm soát chất lượng sản phẩm (máy cân đo, máy xác định chỉ tiêu chất lượng sản phẩm), thiết bị bảo quản, vận chuyển bốc dỡ hàng hóa... giúp cho việc giao dịch mua bán hàng hóa thuận tiện nhanh chóng với hiệu quả cao. Hiện nay trên phạm vi cả nước đã có 160 siêu thị và 32 trung tâm thương mại hoạt động tại 25/64 tỉnh, thành phố và khoảng 600 cửa hàng bán theo phương thức tự chọn. Đặc biệt trong vài năm gần đây (từ năm 2002), có tới 80 siêu thị mới phát triển, trong đó có nhiều siêu thị và trung tâm thương mại hiện đại kể cả một số siêu thị do nước ngoài đầu tư. Siêu thị đã trở thành khách hàng quan trọng của các nhà sản xuất và nó giúp tiêu thụ sản phẩm; đồng thời đây cũng là một trong những kênh quảng bá thương hiệu có uy tín ngày càng thu hút được nhiều khách hàng. Ngày càng xuất hiện nhiều mặt hàng ghi rõ thương hiệu sản phẩm của nhà sản xuất như lương thực, thực phẩm, hải sản, gia cầm, trái cây... Đây là sự bảo đảm về chất lượng hàng hóa bán ra, thể hiện tính hơn hẳn về độ tin cậy cho khách hàng so với các loại hình phân phối khác. Đồng thời với chủ trương "nội địa hóa, đa dạng hóa" các mặt hàng kinh doanh với mức giá bình dân, cộng thêm thái độ phục vụ thân thiện và văn minh đã thu hút ngày càng đông khách hàng vào các siêu thị, cửa hàng tự chọn, các trung tâm buôn bán lớn. Một số doanh nghiệp đã và đang phát triển hệ thống phân phối thông qua các cửa hàng hiện đại của riêng mình trên phạm vi cả nước như Saigon Coop (Liên hiệp HTX Thương mại thành phố Hồ Chí Minh), Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại - Dịch vụ Đông Hưng, Các thành viên của Tổng công ty Dệt may Việt Nam, Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại - Dịch vụ An Phong... Phương thức kinh doanh truyền thống mặc dù còn diễn ra phổ biến, nhưng bước đầu các loại hình kinh doanh tiên tiến, hiện đại đã được hình thành và phát triển rất nhanh. Đã hình thành mối liên kết chặt chẽ giữa ngành sản xuất, nhập khẩu với doanh nghiệp phân phối để bảo đảm nguồn cung cấp ổn định cũng như phát triển các sản phẩm mới.

Một số doanh nghiệp phân phối lớn đã xây dựng chiến lược đầu tư dài hạn cho sản xuất, tạo nguồn hàng ổn định mang tính cạnh tranh cao. Do đó, sau hơn 20 năm thực hiện chính sách đổi mới cơ cấu hàng hóa trên thị trường nội địa ngày càng phong phú theo hướng giảm dần tỷ trọng hàng nhập khẩu và tăng dần tỷ trọng hàng hóa sản xuất trong nước. Ngoài sự cạnh tranh gay gắt về chất lượng, giá cả, nhiều doanh nghiệp đã áp dụng các dịch vụ hỗ trợ thông qua biện pháp khuyến mãi, tặng thẻ mua hàng (mua hàng được giảm giá), trông giữ xe miễn phí. Nhất là trong một số năm gần đây trong xu thế phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử trên thế giới,

Việc hình thành hệ thống phân phối hàng hóa hiện đại và sử dụng thương mại điện tử ngày càng nhiều trong lĩnh vực quản lý và kinh doanh. Một số doanh nghiệp lớn đã bước đầu sử dụng thương mại điện tử như: mở trang Web quảng cáo, bán hàng qua mạng, bán hàng qua điện thoại, tổ chức các dịch vụ vui chơi giải trí, kể cả lắp đặt máy rút tiền tự động ATM... Một số doanh nghiệp, doanh nhân sử dụng thương mại điện tử để phục vụ cho hoạt động xuất nhập khẩu và đã mang lại kết quả tốt.

Với sự ra đời ngày càng nhiều cơ sở phân phối hàng hóa hiện đại nên doanh số bán hàng qua các loại hình này ngày càng tăng, với mức bình quân trong cả nước chiếm khoảng 10% tổng doanh số toàn ngành phân phối. Riêng Thành phố Hồ Chí Minh tỷ trọng này chiếm khoảng 20 - 25%, gấp đôi mức trung bình cả nước và có mức tăng trưởng hàng năm từ 15 - 20%. Thông qua các loại hình kinh doanh trên nhu cầu mua sắm hàng hóa của nhân dân và khách du lịch quốc tế được đáp ứng tốt hơn, thuận lợi hơn theo hướng văn minh thương nghiệp. Đây là một bước tiến tích cực, tạo cho người dân có thói quen mua bán ở những địa chỉ tin cậy, hạn chế dần sự phát triển tự phát và thiếu lành mạnh của các loại chợ cóc, chợ tạm, buôn bán trên hè phố... qua đó bộ mặt đô thị ngày càng khang trang, văn minh và hiện đại. Qua đó tạo điều kiện thúc đẩy hoạt động nhập khẩu và sản xuất trong nước cùng với yêu cầu nâng cao chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm, mẫu mã, tạo lòng tin với khách hàng. Trong môi trường cạnh tranh, trình độ nghiệp vụ của những người kinh doanh thương mại cũng được nâng cao, thông qua sự đào tạo trong các trường lớp và thực tế.

2.4. Thị trường trong nước ngày càng hội nhập với thị trường khu vực và quốc tế.

Với chủ trương đa phương hoá và đa dạng hóa các quan hệ quốc tế, thị trường xuất nhập khẩu hàng hóa nước ta ngày càng được mở rộng với kim ngạch xuất nhập khẩu hàng năm đều tăng. Tổng mức lưu chuyển ngoại thương

cả nước năm 2000 đạt 29,5 tỷ USD, gấp 5,7 lần năm 1990; trong đó xuất khẩu đạt 14,3 tỷ USD, gấp gần 6,0 lần; nhập khẩu đạt 15,2 tỷ USD, gấp 5,5 lần. Năm 2004 tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả nước đạt 58,453 tỷ USD; trong đó xuất khẩu đạt 26,503 tỷ USD tăng 31,4% và nhập khẩu đạt 31,95 tỷ USD tăng 27% so với năm 2003. Riêng giai đoạn 2001 - 2004, tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 77,909 tỷ USD tăng bình quân 15,81%/năm và nhập khẩu đạt 92,622 tỷ USD tăng bình quân 19,14%/năm. Đến nay thị trường xuất nhập khẩu của nước ta đã được mở rộng với 220 nước và vùng lãnh thổ, trong đó khu vực Châu Á chiếm thị phần cao nhất, tiếp đến là Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Đại Dương và Châu Phi. Mặc dù tỷ trọng xuất khẩu hàng hóa sang thị trường Châu Á có xu hướng giảm dần từ 60,5% năm 2000 xuống còn 48,1% năm 2004, nhưng đây vẫn là thị trường lớn nhất, vừa gần, vừa có nhiều điểm tương đồng với Việt Nam. Tỷ trọng xuất khẩu sang Châu Âu cũng giảm từ 23% năm 2000 xuống còn 21,9% năm 2004; trong khi đó xuất khẩu sang thị trường Châu Mỹ tăng mạnh từ 6,7% năm 2000 lên 22,6% năm 2004. Với phương châm đa dạng hóa thị trường và đa dạng hóa mặt hàng xuất khẩu, nước ta ngày càng hội nhập với các nước trong khu vực và thế giới, hàng hóa nước ta đã thâm nhập hầu hết các thị trường lớn, những rào cản về thương mại hầu như được dỡ bỏ. Nhờ những cố gắng trên, tỷ trọng xuất khẩu so với GDP của nước ta ngày càng tăng, đặc biệt trong những năm gần đây: năm 2001 chỉ chiếm 43,1% đến năm 2004 đã tăng lên 61,5% và dự báo năm 2005 đạt 64,7%.

Quan hệ giữa xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế ở nước ta giai đoạn 2001 - 2005

	GDP		Xuất khẩu		Tỷ lệ (%)
	Tăng trưởng(%)	Giá trị (tỷ USD)	Tăng trưởng(%)	Kim ngạch (USD)	XK/GDP
2001	6,89	34,8	4,0	15,0	43,1
2002	7,08	37,3	11,2	16,7	44,8
2003	7,26	40,0	20,8	20,2	55,5
2004	7,7	43,1	31,4	26,5	61,5
2005*	8,5	46,8	16,6	30,3	64,7

** Số liệu dự báo*

Nguồn: Tổng Cục Thống kê và Bộ Thương mại

Trong thời gian qua, vai trò của Nhà nước đã có những tác động quan trọng thúc đẩy phát triển thương mại theo hướng hội nhập và toàn cầu hóa. Các chính sách và công tác quản lý của Nhà nước đối với thị trường đã có nhiều thông thoáng, từ chỗ trực tiếp can thiệp, kiểm tra, kiểm soát thị trường là chủ yếu chuyển sang cơ chế tác động gián tiếp và tạo lập môi trường thuận lợi cho kinh doanh. Nhà nước đã tập trung tạo lập được môi trường pháp lý cho các

hoạt động thương mại, tạo điều kiện cho các chủ thể kinh doanh theo pháp luật. Giảm bớt các thủ tục hành chính gây cản trở, phiền hà cho sản xuất kinh doanh, từng bước tạo sân chơi bình đẳng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Đặc biệt đối với thương mại quốc tế, Nhà nước đã áp dụng các chính sách đa dạng hóa các loại hình doanh nghiệp tham gia xuất khẩu, đa phương hóa thị trường và nhất là các chính sách về tỷ giá hối đoái linh hoạt, thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu. Nhờ có các chính sách trên đã mang lại các kết quả to lớn đối với hoạt động xuất nhập khẩu, đồng thời có ý nghĩa lớn đối với sự phát triển kinh tế nói chung theo hướng sử dụng lợi thế so sánh của đất nước và tăng cường hội nhập với các nền kinh tế khu vực và quốc tế.

Mặc dù đã đạt được một số thành tích như trên, nhưng do xuất phát điểm kinh tế thấp, tham gia hội nhập kinh tế quốc tế từ nền kinh tế thuần nông và còn ảnh hưởng nặng nề của cơ chế tập trung bao cấp, nên khả năng đáp ứng của thương mại nước ta trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức còn gặp nhiều hạn chế, trong đó nổi bật là những vấn đề sau:

- *Về ứng dụng khoa học và công nghệ trong thương mại*: Tuy đã có nhiều cố gắng và được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, nhưng nhìn chung trình độ phát triển công nghệ của Việt Nam còn thấp, mới dừng ở giai đoạn tiếp thu công nghệ của nước ngoài là chính, còn khả năng làm chủ công nghệ và sáng tạo công nghệ rất hạn chế. Năng lực công nghệ của nước ta xét theo các chỉ tiêu về nghiên cứu phát triển, nguồn nhân lực tham gia vào hoạt động nghiên cứu và phát triển, khả năng sáng tạo trong khoa học công nghệ... chỉ được xếp hạng dưới mức trung bình so với các nước trong khu vực và thế giới. Các doanh nghiệp nước ta mới chỉ tiếp thu công nghệ thông qua nhập khẩu máy móc thiết bị, chưa có động lực nghiên cứu đổi mới công nghệ để tiếp cận dần với khả năng sáng tạo công nghệ. Hàm lượng công nghệ và chất xám trong hàng hóa của các doanh nghiệp nước ta còn thấp, sản phẩm được làm ra chủ yếu dựa vào vốn và lao động. Thị trường khoa học và công nghệ nước ta vẫn chưa thật sự phát triển, cả hai yếu tố cung và cầu của thị trường này đều rất yếu. Mức đầu tư cho khoa học và công nghệ tuy đã tăng, nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển và vẫn chủ yếu dựa vào nguồn ngân sách Nhà nước, chưa huy động được các nguồn đầu tư xã hội, nhất là từ các doanh nghiệp. Việt Nam vẫn chưa có chính sách thích hợp để thu hút hết tiềm năng đầu tư đổi mới công nghệ và tận dụng tối đa công nghệ chuyển giao từ nước ngoài. Cơ chế, chính sách đầu tư cho khoa học và công nghệ chưa được tháo gỡ để tạo nguồn lực và động lực cho các tổ chức khoa học và công nghệ, các nhà khoa học phát huy tối đa năng lực sáng tạo và đưa nhanh kết quả nghiên cứu vào ứng dụng thực tiễn. Đội ngũ cán bộ thiếu các chuyên gia đầu ngành, cơ chế sử dụng cán bộ và trọng dụng nhân tài chậm được ban hành. Công tác nghiên cứu khoa học

ở nước ta vẫn chủ yếu dựa vào bao cấp, một số công trình nghiên cứu chưa thực sự gắn với nhu cầu thị trường nên hiệu quả không cao.

Các mặt hàng thuộc nhóm máy móc thiết bị và các mặt hàng có hàm lượng công nghệ cao trong cơ cấu xuất khẩu chiếm tỷ trọng rất thấp hoặc tăng trưởng không đáng kể. Các ngành điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin còn rất non trẻ. Sản phẩm điện, điện tử được coi là một trong những ngành cơ bản của nền kinh tế tri thức, nhưng chỉ mới được phát triển gần đây ở Việt Nam. Mặc dù được xác định là một ngành xuất khẩu chủ lực và đã có nhiều cố gắng, nhất là trong năm 2004 vừa qua, nhưng nhìn chung, tỷ lệ của ngành này trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu còn rất nhỏ bé. Ngành điện tử Việt Nam chủ yếu là nhập linh kiện từ nước ngoài về lắp ráp, phần linh kiện sản xuất trong nước còn rất ít. Khoảng cách công nghệ giữa ngành điện tử Việt Nam với các nước trong khu vực chênh nhau đến 10 -15 năm. Giá nhân công tuy chỉ bằng 1/5 so với các nước trong khu vực nhưng do năng suất thấp, lao động kém, ngành sản xuất linh kiện chưa phát triển, nên giá thành sản phẩm cao, khó cạnh tranh được với hàng hoá của các nước trong khu vực. Khoảng 80% xuất khẩu hàng điện tử của Việt Nam là hàng lắp ráp, sử dụng các nguyên liệu và linh kiện nhập khẩu. Mặc dù các doanh nghiệp Việt Nam đang có nhiều cố gắng trong việc cải tiến công nghệ, sản xuất những linh kiện thay thế nhập khẩu, nhưng phần lớn các mặt hàng sản xuất được ở trong nước đều có giá trị gia tăng thấp. Các linh kiện điện tử, máy tính hiện đại nhất hiện vẫn chưa sản xuất được ở Việt nam. Trong khi đó, các ngành sản xuất thiết bị máy móc phát triển chậm, phần lớn vẫn dừng ở việc sản xuất những máy móc, phụ tùng thông thường. Điều đó cho thấy, hiện nay Việt Nam vẫn còn đang ở trong giai đoạn phát triển sơ khai, tụt hậu xa so với các nước trong khu vực và trên thế giới, và hầu như vẫn nằm ngoài luồng của mạng lưới thương mại quốc tế liên quan với nền kinh tế tri thức. Tình hình ứng dụng công nghệ thông tin tại các Sở thương mại thời gian qua tuy đã có những cố gắng nhưng nhìn chung còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu tin học hóa trong quản lý và kinh doanh. Ngân sách đầu tư cho công nghệ thông tin của các Sở còn rất thấp và chủ yếu đầu tư cho thiết bị công nghệ thông tin, chưa đi sâu đầu tư vào phần mềm và xây dựng hệ thống thông tin. Theo số liệu của Bộ Thương mại thì hiện nay số máy tính trang bị tại các Sở còn ít và nhiều máy lạc hậu, nhiều Sở chỉ có từ 2-3 máy tính, thậm chí có Sở chỉ có 01 máy tính với cấu hình lạc hậu.

- *Về lĩnh vực thương mại dịch vụ*: Hiện nay trên thế giới, thương mại dịch vụ là ngành có tốc độ tăng trưởng cao nhất và chiếm tỷ trọng lớn nhất trong GDP khoảng 60-80% GDP của các nước công nghiệp phát triển, 40% GDP các nước đang phát triển và tỷ trọng của nó có xu hướng ngày càng gia tăng. Trong

nền kinh tế Mỹ, tỷ trọng dịch vụ chiếm 85% GDP, vượt xa công nghiệp (12%), và nông nghiệp (3%). Ở Cộng hoà Liên Bang Đức tỷ trọng dịch vụ chiếm 72% GDP, Hồng Kông 89%, Singapore 72%. Sự phát triển của dịch vụ đang là động lực chính của tăng trưởng kinh tế của nhiều quốc gia kể cả các nước đang phát triển. Đối với các nước công nghiệp phát triển, tỷ trọng của khu vực dịch vụ đã lớn hơn hai khu vực sản xuất công nghiệp và nông nghiệp cộng lại. Trong khi đó, ở Việt Nam ba năm vừa qua ngành dịch vụ nói chung chiếm chưa đến 40% GDP, thương mại dịch vụ phát triển còn nhiều hạn chế. Trong 3 năm 2000-2003, tỷ trọng các ngành dịch vụ trong GDP ở Việt Nam vẫn duy trì ở mức 38-39%, tốc độ tăng trưởng các ngành dịch vụ trong GDP ở mức trung bình là 7%/năm. So với 10 năm trước đây khi dịch vụ chiếm 42% tổng giá trị xuất nhập khẩu, thì đây là một xu hướng giảm sút, đi ngược lại với xu hướng và mục tiêu hiện đại hóa. Sự phát triển chậm chạp của các ngành dịch vụ so với sản xuất công nghiệp, một mặt đã làm hạn chế khả năng tăng trưởng xuất khẩu nói chung, mặt khác đã làm cho mục tiêu tăng trưởng xuất khẩu dịch vụ chỉ đạt mức thấp so với xuất khẩu hàng hoá.

Ngoài một số nhóm ngành dịch vụ là vận tải, kho bãi, thông tin liên lạc, khoa học công nghệ có mức tăng trưởng trong thời gian qua, còn lại hầu hết các nhóm ngành dịch vụ khác như thương nghiệp, khách sạn, nhà hàng, quản lý Nhà nước, tài chính, tín dụng... đều giữ nguyên tỷ trọng hoặc giảm đi mặc dù về giá trị tuyệt đối có tăng.

+ Mức suy giảm nhiều nhất là khối thương nghiệp, sửa chữa xe ô tô, xe máy và đồ dùng gia đình từ 16,38% năm 1995 xuống còn 13,77% năm 2003; Sự suy giảm tỷ trọng của nhóm ngành thương nghiệp có nhiều nguyên nhân như do chịu sức ép cạnh tranh ngày càng lớn trên thị trường buộc các doanh nghiệp phải giảm mức lãi suất của các mặt hàng kinh doanh, ngoài ra nhu cầu tiêu dùng trong nước tăng chậm, cơ sở hạ tầng yếu kém, chậm được đầu tư như đường giao thông, hệ thống chợ, trung tâm thương mại... cũng tác động không tốt đến giá thành vận chuyển và môi trường kinh doanh.

+ Đối với ngành tài chính, tín dụng mặc dù trong những năm qua đã có nhiều nỗ lực phát triển như mở rộng mạng lưới và nâng cao chất lượng phục vụ trong từng khâu, từng lĩnh vực cụ thể nhưng kết quả đạt được vẫn chưa tương xứng. Tỷ trọng trong GDP chỉ chiếm một phần rất nhỏ và có xu hướng giảm dần từ 2,01% năm 1995 xuống còn 1,82% năm 2002 và 1,80% năm 2003 và 2004. Sự phát triển hạn chế trên do nhiều nguyên nhân nhưng chủ yếu do các ngân hàng nước ta đều có quy mô nhỏ, kinh doanh chưa hiệu quả, thiếu chiến

lược kinh doanh và dự báo thị trường chính xác; hệ thống kế toán ngân hàng chưa phù hợp với chuẩn quốc tế, bộ máy tổ chức cồng kềnh và trình độ quản lý còn nhiều hạn chế. Ngoài ra còn do Nhà nước có nhiều ưu đãi về tài chính, tín dụng, thuế cho các doanh nghiệp Nhà nước gây tồn đọng nhiều khoản nợ khó đòi, tổn thất nhiều vốn.

+ Tỷ trọng ngành giáo dục đào tạo cũng giảm dần từ 3,06% năm 1995 xuống còn 3,38% năm 2002 và 3,56% năm 2003 và 3,4% năm 2004. Mặc dù Đảng và Nhà nước rất quan tâm đến công tác giáo dục và đào tạo và coi đây là nhiệm vụ hàng đầu, nhưng trên thực tế thời gian qua quá nhiều cải cách mang lại hiệu quả không đáng kể như cải cách chữ viết, cải cách giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, cải cách trong việc thi cử... Bản thân Bộ giáo dục và Đào tạo cũng như các trường đã có nhiều cố gắng đào tạo học sinh, sinh viên nhưng chất lượng chưa thể đáp ứng được nhu cầu mong muốn. Chương trình giảng dạy vẫn nặng về lý thuyết, thiếu cơ sở thực tiễn, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế của đời sống xã hội.

+ Đối với nhóm ngành dịch vụ kinh doanh ở nước ta cũng ở tình trạng chung như các ngành dịch vụ khác là hoạt động kém hiệu quả và chiếm tỷ trọng rất nhỏ khoảng 1% GDP trong khi ở các nước trên thế giới có mức trung bình khoảng 10%. Đây là các dịch vụ hỗ trợ cho sản xuất và kinh doanh bao gồm đào tạo, tư vấn, dịch vụ quản lý, tiếp thị, đóng gói bao bì, thiết kế sản phẩm, quản lý chất lượng, phân phối, thông tin, Internet, công nghệ thông tin, dịch vụ máy tính, xúc tiến thương mại, dịch vụ kế toán và quảng cáo, tư vấn... Các loại dịch vụ này có thể giúp các doanh nghiệp nâng cao hiệu quả kinh doanh, tăng doanh thu, giảm chi phí đầu vào và mở rộng mạng lưới kinh doanh kể cả kinh doanh ở các thị trường khu vực và quốc tế.

Tóm lại, sự phát triển khối dịch vụ của nước ta tuy đã đạt được những kết quả nhưng vẫn còn tồn tại những hạn chế sau:

+ Các loại hình dịch vụ kinh doanh nhìn chung có chất lượng thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu cấp bách của các doanh nghiệp. Đó là giảm chi phí, tiết kiệm thời gian, nâng cao hiệu quả, tăng cường khả năng cạnh tranh và thu hút khách hàng. Các nhà cung cấp dịch vụ còn thiếu các kỹ năng tiếp thị, chưa chứng minh được những lợi ích cũng như hiệu quả do các dịch vụ đem lại để các doanh nghiệp nắm bắt, tiếp cận, cụ thể là thiếu các thông tin cần thiết về dịch vụ.

+ Thị trường dịch vụ chưa hình thành một cách đầy đủ, còn nhiều lĩnh vực cạnh tranh không bình đẳng và thiếu lành mạnh như trên thị trường du

lịch, dịch vụ quảng cáo và tiếp thị, dịch vụ xuất nhập khẩu. Nhiều doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ còn coi nhẹ đến chất lượng và uy tín, một số cơ sở chỉ quan tâm đến lợi nhuận, hoạt động theo phi vụ làm ảnh hưởng đến môi trường kinh doanh chung và lợi ích lâu dài của đơn vị.

+ Pháp luật về thương mại dịch vụ còn sơ sài và chưa đồng bộ. Những quy định về thương mại dịch vụ nằm ở nhiều văn bản khác nhau, do nhiều cơ quan nhà nước ban hành. Điều này gây khó khăn cho việc thực hiện và áp dụng pháp luật, gây mâu thuẫn và thiếu đồng bộ. Khung pháp lý cho thương mại dịch vụ đã từng bước được tạo lập nhưng nhìn chung còn thiếu nhiều quy định cho từng dịch vụ cụ thể, chẳng hạn như dịch vụ nghiên cứu và triển khai (R&D), dịch vụ nghiên cứu thị trường, dịch vụ tư vấn quản lý...

+ Việc tổ chức quản lý đối với các hoạt động dịch vụ trong nước còn dàn trải, thiếu trọng điểm nên hiệu quả không cao. Chưa tập trung đầu tư phát triển các ngành dịch vụ quan trọng để tạo động lực trong tăng trưởng của khối dịch vụ như công nghệ thông tin, tư vấn, giáo dục... Nhiều doanh nghiệp và cá nhân chỉ quan tâm đầu tư vào khách sạn, nhà hàng nhưng hiệu quả đem lại chưa cao.

+ Các chi phí dịch vụ ở nước ta còn cao hơn nhiều các nước trong khu vực thể hiện ở các lĩnh vực điện, điện thoại, vận tải, chi phí thuê văn phòng...

Nhìn chung, hệ thống các ngành dịch vụ nước ta hiện nay còn nhiều yếu kém cả về chất lượng và khả năng cạnh tranh. Đây là một hạn chế rất lớn trong quá trình tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế. Để nâng cao chất lượng cuộc sống và khả năng cạnh tranh của nền kinh tế trong thời gian tới, chúng ta cần phải ưu tiên đầu tư xây dựng hệ thống ngành dịch vụ với chất lượng cao và hiệu quả và coi đây là nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược phát triển đất nước.

- *Về lĩnh vực thương mại các sản phẩm trí tuệ,* Việt Nam chưa đáp ứng đủ các điều kiện cần thiết theo yêu cầu của nền kinh tế tri thức. Mặc dù Việt Nam đã có những nỗ lực trong việc xây dựng hệ thống pháp luật liên quan đến thương mại các sản phẩm trí tuệ và đang có xu hướng tham gia vào hệ thống thương mại thế giới về sản phẩm trí tuệ, nhưng trên thực tế thương mại về các sản phẩm trí tuệ ở Việt Nam vẫn chưa thể thực hiện được. Điều này xuất phát từ nhiều nguyên nhân trực tiếp và gián tiếp, bao gồm cả hệ thống pháp luật, phương thức phổ biến thông tin về thương mại các sản phẩm trí tuệ, chất lượng

nguồn nhân lực, chất lượng cơ sở hạ tầng, trình độ phát triển của nền kinh tế, và cả về thói quen, tập quán tiếp cận với thương mại trí tuệ.

- *Lực lượng lao động* thương mại nói chung và lực lượng lao động liên quan đến hoạt động xuất khẩu nói riêng mặc dù đã và đang được đào tạo và đào tạo lại, có kiến thức cơ bản hơn về nghiệp vụ và chuyên môn, nhưng còn đang nhiều bất cập khi phát triển thương mại trí tuệ, đó là:

+ Còn thiếu những cán bộ có năng lực phân tích và dự báo tình hình kinh tế, xu hướng thị trường để có được những định hướng và chiến lược kinh doanh cho phù hợp với từng giai đoạn và từng thời kỳ phát triển của thương mại sản phẩm trí tuệ.

+ Kiến thức về hội nhập quốc tế chưa được phổ biến rộng rãi trong đội ngũ lao động thương mại. Đa phần lực lượng quản lý thương mại và nghiệp vụ chủ yếu dùng công cụ máy tính cho công tác văn phòng và quản lý, chưa hoặc không thể biến nó thành một công cụ hay phương thức quản lý hiện đại. Về nguồn nhân lực cho ứng dụng công nghệ thông tin tại các Sở Thương mại cũng rất thiếu và chưa đáp ứng được yêu cầu. Hầu hết cán bộ có khả năng sử dụng máy vi tính ở các Sở thương mại cũng chỉ đạt trình độ A hoặc B về tin học, số cán bộ có khả năng sử dụng máy vi tính để khai thác, trao đổi thông tin qua mạng internet rất ít. Chỉ một số Sở có cán bộ đạt trình độ đại học về công nghệ thông tin, cán bộ được phân công theo dõi công nghệ thông tin thường phải làm kiêm nhiệm. Thiếu đội ngũ cán bộ có khả năng thiết kế hệ thống, xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

+ Thiếu hụt lớn đội ngũ cán bộ và lao động có kiến thức chuyên sâu phù hợp, trình độ ngoại ngữ còn yếu và chưa đồng đều. Tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo ở các doanh nghiệp khá cao, đặc biệt ở các doanh nghiệp xuất khẩu quốc doanh. Lực lượng lao động trong ngành thương mại tuy đông nhưng vẫn rất thiếu cán bộ có trình độ chuyên môn cao, làm hạn chế đến chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu theo hướng hiện đại hoá.

- *Công tác nghiên cứu thị trường, xúc tiến thương mại, tiếp thị...* còn nhiều thụ động, thiếu những chiến lược dài hạn và trung hạn về thị trường, về mặt hàng. Phương thức kinh doanh xuất nhập khẩu còn lạc hậu so với thế giới, riêng về thương mại điện tử mới đang ở giai đoạn đầu. Mạng viễn thông của Việt Nam bắt đầu được đưa vào sử dụng từ năm 1990 và hệ thống internet chính thức hoạt động từ cuối năm 1997. Mặc dù cho đến nay, hệ thống cơ sở

hạ tầng thông tin viễn thông Việt Nam đã có tốc độ phát triển rất nhanh, với các dịch vụ phong phú, giá cước giảm dần, nhưng cơ sở hạ tầng đó vẫn chưa đáp ứng được những yêu cầu của kinh doanh thương mại hiện đại. Theo đánh gía của các tổ chức quốc tế về mức độ phát triển công nghệ thông tin của các quốc gia trong năm 2003 - 2004 thì Việt Nam có chỉ số xã hội thông tin ISI (xét trên 23 yếu tố liên quan đến 4 nhóm: hạ tầng máy tính, hạ tầng Internet, hạ tầng thông tin và hạ tầng xã hội) đứng ở cuối bảng danh sách 53 nước xếp hạng (đây là năm đầu tiên Việt Nam lọt vào danh sách này). Nếu xét theo chỉ số truy cập số thì theo đánh giá của Liên minh Viễn thông quốc tế (ITU), Việt Nam đạt 0,31 điểm, đứng thứ 122 trong tổng số 178 nước được xếp hạng. Về chỉ số sẵn sàng kết nối, Việt Nam đạt 3,31 điểm, đứng thứ 68/102 nước, đứng trên Philippin và Inđônêxia; theo chỉ số sẵn sàng cho nền kinh tế điện tử, Việt Nam xếp thứ 60 trong số 64 nước tham gia xếp hạng và đứng thứ 97/173 nước về Chính phủ điện tử. Qua đây cho thấy trình độ công nghệ thông tin của Việt Nam còn rất thấp so với các nước trên thế giới. Giá cước Internet và điện thoại quốc tế ở Việt Nam vẫn cao hơn nhiều so với các nước như Thái Lan, Malaixia, Singapore... Dịch vụ truyền số liệu còn thấp và lạc hậu, chưa đa dạng, chất lượng chưa cao. Tỷ lệ số người sử dụng điện thoại di động, điện thoại cố định, máy tính cá nhân còn thấp hơn nhiều so với các nước ASEAN đi trước, thấp hơn cả nước Trung Quốc láng giềng. Mặc dù hiện nay, Việt Nam đã bắt đầu áp dụng hệ thống mã hàng hoá, mã doanh nghiệp thống nhất, bước đầu sử dụng hệ thống thanh toán tự động... nhưng phương thức kinh doanh truyền thống vẫn đang là phương thức trao đổi thương mại phổ biến nhất trong trong nước và với các nước khác trên thế giới.

PHẦN THỨ BA

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI TRONG QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH NỀN KINH TẾ TRI THỨC Ở VIỆT NAM VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. Dự báo bối cảnh và các nhân tố tác động đến phát triển thương mại trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức ở Việt Nam thời kỳ đến năm 2010, 2020.

1. Bối cảnh trong nước:

Những thành tựu về phát triển kinh tế thời gian qua cùng với các nỗ lực đầu tư, cải cách kinh tế của Chính phủ sẽ là động lực tạo đà cho tăng trưởng kinh tế và phát triển thương mại nước ta thời kỳ đến năm 2010 và các năm tiếp theo. Tốc độ phát triển kinh tế của nước ta, đặc biệt trong những năm gần đây luôn tăng trưởng cao so với các nước trong khu vực và trên thế giới. GDP bình quân đầu người cũng liên tục tăng và đạt khoảng 542 USD/đầu người năm 2004, gấp hơn hai lần năm 1990. Dự báo đến năm 2010 tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam sẽ đạt khoảng 7,5 - 8%/năm, kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân từ 15 - 16%/năm và GDP bình quân đầu người đạt khoảng 950 - 1000 USD.

Sự chỉ đạo và điều hành kinh tế của Nhà nước ngày càng linh hoạt và hiệu quả, thích ứng với yêu cầu của nền kinh tế trong quá trình hội nhập. Dự báo trong tương lai gần Việt Nam sẽ gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới WTO. Đây là điều kiện tốt để Việt Nam tăng cường hội nhập với các nền kinh tế quốc tế, thúc đẩy các quan hệ hợp tác song phương và đa phương với các nước trên thế giới. Hàng hóa Việt Nam có điều kiện thâm nhập vào thị trường các nước thông qua việc mở cửa thị trường, giảm hàng rào thuế quan và phi thuế quan, giảm sự phân biệt đối xử trong WTO. Chúng ta có thể tranh thủ kế thừa kinh nghiệm của các nước, tiếp thu những tiến bộ khoa học và công nghệ tiên tiến để phục vụ phát triển kinh tế và thương mại. Gia nhập WTO sẽ thúc đẩy công cuộc đổi mới kinh tế - xã hội và cải cách thể chế phù hợp với thông lệ quốc tế, tạo môi trường kinh doanh ổn định, minh bạch và thuận lợi cho các doanh nghiệp, tạo điều kiện cho nền kinh tế nước ta tăng trưởng nhanh và bền vững. Tuy nhiên, hội nhập cũng đem lại cho chúng ta những thách thức to lớn... đòi hỏi nền kinh tế Việt Nam trong quá trình phát triển phải tuân thủ theo yêu cầu của luật chơi quốc tế. Việt Nam phải mở cửa thị trường hàng hóa và dịch vụ cho các thành viên khác của WTO, làm cho các sản phẩm hàng hóa của nước ta tuy được tự do cạnh tranh trên thị trường quốc tế, nhưng sẽ phải chịu sức ép cạnh tranh ngày càng tăng ngay tại thị trường nội địa. Trong quá trình cạnh tranh sẽ có một số doanh nghiệp đứng vững và phát triển nếu làm ăn

có hiệu quả, biết sử dụng chất xám, áp dụng công nghệ tiên tiến, ngược lại sẽ có nhiều doanh nghiệp phải phá sản, giải thể do làm ăn yếu kém, chỉ trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước. Đặc biệt chúng ta sẽ gặp nhiều khó khăn hơn vì năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, của các doanh nghiệp và sản phẩm của nước ta còn thấp so với các nước trong khu vực.

2. Bối cảnh quốc tế :

- Xu thế toàn cầu hóa và khu vực hóa nền kinh tế thế giới

Hiện nay và trong tương lai, quá trình toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới có xu hướng ngày càng phát triển thông qua sự giao lưu giữa các nước về vốn đầu tư, hàng hóa, lao động, dịch vụ ngân hàng, thông tin... nhờ hệ thống thông tin liên lạc phát triển đã tác động mạnh đến phương thức kinh doanh thương mại, thanh toán tài chính... giữa các quốc gia, góp phần thúc đẩy nhanh quá trình toàn cầu hóa. Toàn cầu hoá kéo theo tự do hoá các thị trường tài chính và thương mại quốc tế. Việc bãi bỏ các quy định đối với các thị trường tài chính và tự do hoá luân chuyển vốn có quan hệ khăng khít với sự gia tăng dòng FDI và do đó góp phần đẩy nhanh quá trình toàn cầu hoá và làm cho nền kinh tế thế giới mau chóng đổi mới. Hơn nữa, việc bãi bỏ các quy định cũng có thể coi là sự khuyến khích hoạt động thương mại quốc tế và đầu tư trực tiếp nước ngoài. Tự do hoá thương mại, tạo điều kiện để các nước đang phát triển có thể tiếp nhận các bí quyết, các tri thức và công nghệ hiện đại phục vụ cho quá trình phát triển. Song song với quá trình toàn cầu hóa là xu thế khu vực hóa với sự hình thành và phát triển ba khu vực kinh tế lớn: Khu vực kinh tế Châu Âu với trọng tâm là liên minh Châu Âu; Khu vực kinh tế Châu Mỹ với trọng tâm là Hoa Kỳ và khu vực kinh tế Châu Á - Thái bình Dương.

Xu thế toàn cầu hóa và khu vực hóa sẽ tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế của các nước, đồng thời cũng đặt ra những thách thức to lớn. Tự do hóa thương mại được thúc đẩy thông qua việc giảm và bãi bỏ thuế quan, tạo điều kiện mở rộng giao lưu hàng hoá. Toàn thế giới sẽ tiến tới một thị trường thống nhất, nền kinh tế của mọi quốc gia sẽ tuỳ thuộc lẫn nhau, không thể có một nước nào có thể phát triển một cách biệt lập.

Xu thế toàn cầu hóa sẽ cho phép Việt Nam thực hiện chủ trương đa phương hóa quan hệ kinh tế, khoa học và công nghệ với thế giới. Chúng ta có khả năng chủ động khai thác các tiềm lực khoa học và công nghệ mũi nhọn của các cường quốc kinh tế trên thế giới như dầu khí, máy tính, công nghệ hàng không từ Mỹ, điện tử, viễn thông, ô tô từ Nhật, công nghệ cơ khí chính xác, quang học, hóa chất từ cộng hòa Liên bang Đức... Việt Nam cũng sẽ có được nhiều kinh nghiệm từ các nước trong quá trình tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thực hiện chiến lược đi tắt đón đầu, rút ngắn giai

đoạn phát triển, rút ngắn khoảng cách tụt hậu với các nước công nghiệp phát triển. Tuy nhiên, toàn cầu hóa và khu vực hóa cũng đặt ra cho các nước phải đối mặt với một sức cạnh tranh khốc liệt trên thương trường, đặc biệt đối với các nước có trình độ kinh tế, khoa học và công nghệ thấp như Việt Nam thì sức ép cạnh tranh càng lớn. Một khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới WTO, thì chúng ta phải đối mặt với các đối thủ cạnh tranh đi theo xu thế toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới, trong khi hệ thống kinh tế, khoa học và công nghệ của ta vẫn chưa tương thích với các thông lệ quốc tế. Chúng ta đã mở cửa nhưng sự hiểu biết về khu vực và thế giới vẫn còn hạn hẹp...

- Xu thế phát triển khoa học và công nghệ trên thế giới sẽ diễn ra mạnh mẽ cùng với sự điều chỉnh chiến lược khoa học và công nghệ của các nước.

Bước sang thế kỷ XXI, khoa học và công nghệ sẽ tiếp tục phát triển với tốc độ cao, dự báo đến năm 2020, lượng kiến thức khoa học và công nghệ sẽ tăng gấp 3 - 4 lần so với hiện nay. Sự phát triển khoa học và công nghệ sẽ diễn ra mạnh mẽ trong nhiều lĩnh vực như trong lĩnh vực công nghệ phần mềm, máy tính điện tử, vô tuyến viễn thông, trí tuệ nhân tạo. Phát triển khoa học công nghệ sinh học trong việc tái tổ chức gen, công nghệ vi sinh, công nghệ tế bào... khai thác có hiệu quả các loại năng lượng hạt nhân, năng lượng mặt trời, năng lượng gió, năng lượng địa nhiệt, sóng biển, hyđro v.v... các kỹ thuật về laze, người máy cũng sẽ phát triển mạnh.

Cuộc cạnh tranh về khoa học và công nghệ cũng diễn ra ngày càng mạnh mẽ giữa các quốc gia. Trong suốt thời gian 50 năm qua Mỹ luôn giữ vai trò số 1 về khả năng phát triển các kỹ thuật mới và triển khai công nghệ mới nhanh hơn các nước, đặc biệt sau khi người Mỹ phát minh và đưa vào thị trường các chất bán dẫn máy tính cá nhân và Internet. Tuy nhiên, đến nay ưu thế trên của Mỹ đã bị giảm sút nhiều do sự cạnh tranh của nhiều nước, nhất là các nước Châu Á. Với sự gia tăng đầu tư cho nghiên cứu khoa học kỹ thuật trong nghiên cứu và triển khai, đặc biệt ưu tiên cho khoa học kỹ thuật trong nghiên cứu và khai thác thương mại, một số nước Châu Á đã vượt lên trên Mỹ ở một số lĩnh vực. Các bằng sáng chế của các nhà khoa học Trung Quốc, Singapore, Hàn Quốc, Đài Loan, Ấn Độ... được công bố ngày càng gia tăng. Singapore đã vượt Mỹ để trở thành nền kinh tế thành công nhất thế giới trong việc khai thác công nghệ thông tin và viễn thông trong năm 2004. Hàn Quốc đã đánh bại Mỹ trong lĩnh vực sản xuất các chíp máy tính và phần mềm viễn thông. Các công ty của Ấn Độ đang là vô địch thế giới trong lĩnh vực ứng dụng tin học. Trung Quốc cũng tiến bộ vượt bậc trong các kỹ thuật hiện đại như laze, kỹ thuật sinh học, chất bán dẫn, chinh phục không gian và sản phẩm tiêu dùng. Đây sẽ là những bài học quý báu cho Việt Nam trong quá trình phát triển xây dựng đất nước.

Cùng với sự phát triển của khoa học và công nghệ, mối quan hệ giữa khoa học, công nghệ với sản xuất cũng ngày càng gắn kết chặt chẽ trở thành một chuỗi liên tục từ nghiên cứu khoa học đến khai phá công nghệ, tiếp đến nghiên cứu sản phẩm, đến sản xuất đại trà cho đến lưu thông tiêu thụ và dịch vụ thị trường. Những thành tựu về khoa học công nghệ đang tạo thêm động lực thúc đẩy nhanh quá trình toàn cầu hóa. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ sẽ đem đến những bước nhảy vọt của lực lượng sản xuất trên thế giới, mở ra cơ hội cho các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam tiến thẳng vào lĩnh vực khoa học công nghệ tiên tiến, công nghệ mới. Hiện nay nhiều quốc gia đang chú trọng thay đổi phương thức hoạt động khoa học và công nghệ với các nội dung: tạo lập môi trường đổi mới, mở cửa linh hoạt, coi cạnh tranh là động lực của đổi mới v.v... Việt Nam có thể nghiên cứu xem xét để xác định rõ hướng đi, phát huy được lợi thế so sánh của mình.

- Thế giới đang tiến tới nền kinh tế tri thức với xu thế hướng tới thời đại thông tin:

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đã đạt tới đỉnh cao chưa từng thấy trong lịch sử nhân loại, cùng với làn sóng đổi mới công nghệ nhanh chóng trong lĩnh vực điện tử - tin học, vô tuyến viễn thông... Việc áp dụng các công nghệ truyền thông và công nghệ thông tin mới đang làm thay đổi mọi phương thức làm việc, học tập, giải trí của con người, thay đổi các mối quan hệ giữa cá nhân và Nhà nước, thay đổi nền thương mại quốc tế, các phương thức sản xuất v.v... Đây được coi như một dạng tài nguyên chiến lược then chốt cho tương lai mà hầu hết các quốc gia trên thế giới đều nỗ lực hỗ trợ phát triển.

Làn sóng mới thôi thúc công nghệ thông tin phát triển là các lĩnh vực đa phương tiện, trong đó có vô số các cơ hội đầu tư những nguồn lực trí tuệ đáng kể và được coi đó là thị trường rất nhiều tiềm năng. Công nghệ thông tin và truyền thông đang làm thay đổi sâu sắc các hoạt động kinh tế và lối sống.

Sự phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông còn là một nhân tố quan trọng để tạo ra các bối cảnh cho quá trình đổi mới. Đổi mới mà ai cũng dễ thừa nhận là công nghệ hiện đại đã rút ngắn vòng đời sản phẩm, làm cho hàm lượng chất xám và hàm lượng vốn chứa đựng trong sản phẩm tăng cao, thúc đẩy các ngành công nghiệp phát triển nhanh. Tuy nhiên, nếu nhìn xa hơn thì tác động của công nghệ thông tin và truyền thông là làm cho cách tổ chức sản xuất linh hoạt hơn, năng lực quản lý được nâng cao hơn và trình độ nhân lực được phát triển. Khi trình độ đội ngũ nhân lực phát triển thì năng suất lao động sẽ tăng lên.

Hiện nay trọng tâm của cuộc cạnh tranh để giành vị trí hàng đầu trên thế giới được chuyển sang lĩnh vực về phương thức xử lý thông tin. Cách mạng

thông tin mở rộng và đẩy nhanh những thay đổi trong nền kinh tế, làm mờ nhạt ranh giới giữa các ngành công nghiệp. Trong nền kinh tế dựa trên thông tin, các doanh nghiệp cạnh tranh chủ yếu về kiến thức, giúp cho các ngành công nghiệp phản ứng linh hoạt trong cạnh tranh, đáp ứng nhanh nhạy các đơn hàng, tăng cường mối quan hệ tiếp xúc với người tiêu dùng. Hầu hết các quốc gia trên thế giới đều hiểu chính xác những thách thức và cơ hội từ những tiến bộ trong công nghệ thông tin, trong đó các nước đang phát triển càng cần phải nhận thức được tầm quan trọng đó để điều chỉnh chiến lược phát triển của mình, qua đó tham gia vào quá trình cạnh tranh. Việt Nam cần phải nghiên cứu và tự xây dựng những cơ sở khoa học cho mô hình phát triển thích hợp với điều kiện và hoàn cảnh Việt Nam.

II. Mục tiêu, quan điểm phát triển thương mại trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức ở Việt Nam thời kỳ đến năm 2010, 2020

1. Mục tiêu

Phát triển thương mại nước ta dựa trên nền tảng của sự phát triển thông tin và tri thức; trong đó phát triển thương mại điện tử là trọng tâm, nhằm góp phần đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong điều kiện từng bước phát triển kinh tế tri thức, để đến năm 2020, nước ta về căn bản trở thành một nước công nghiệp hóa có nền thương mại điện tử ngang tầm với các nước tiên tiến trên thế giới, đủ sức cạnh tranh và hội nhập với nền kinh tế khu vực và quốc tế, đồng thời thu hẹp khoảng cách so với các nước phát triển.

2. Các quan điểm:

- Phát triển thương mại nước ta dựa trên nền tảng của sự phát triển thông tin và tri thức là xu thế tất yếu và đòi hỏi khách quan của quá trình hội nhập với nền thương mại thế giới, là giải pháp hữu hiệu để ngành thương mại nâng cao hiệu quả và chất lượng hoạt động, nhằm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đưa nước ta thoát khỏi sự lạc hậu và từng bước phát triển kinh tế tri thức.

- Tập trung đầu tư phát triển thương mại điện tử, coi phát triển thương mại điện tử là trọng tâm của ngành thương mại trong thời gian tới nhằm phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong điều kiện từng bước phát triển kinh tế tri thức ở nước ta. Phát triển ứng dụng thương mại điện tử không chỉ xuất phát từ tính ưu việt của nó, đó là làm tăng khả năng quản lý của Chính phủ, tăng hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, tiết kiệm thời gian, chi phí cho người tiêu dùng, mà còn do đòi hỏi của các ngành sản xuất, đặc biệt là các

doanh nghiệp muốn tham gia vào thị trường thế giới, tham gia hợp tác sản xuất và kinh doanh cũng như phân công lao động quốc tế.

- Đẩy mạnh đổi mới và hiện đại hóa các hoạt động thương mại bằng việc áp dụng công nghệ mới, mô hình tổ chức và phương thức kinh doanh tiên tiến, loại hình kinh doanh hiện đại, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái và giữ gìn, phát huy bản sắc dân tộc. Phát triển thương mại theo hướng văn minh, hiện đại là nhiệm vụ mang tính chiến lược nhằm thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và từng bước hình thành nền kinh tế tri thức ở Việt Nam. Để đáp ứng được yêu cầu trên, ngành thương mại phải được đầu tư, đổi mới cơ bản về hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật, áp dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ tiên tiến vào các lĩnh vực quản lý và kinh doanh, đặc biệt tăng cường ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin trong mọi lĩnh vực hoạt động của ngành. Khuyến khích phát triển các loại hình kinh doanh văn minh, hiện đại như siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng mua bán tự chọn, chợ đầu mối bán buôn, sàn giao dịch..., tập trung đầu tư phát triển thương mại điện tử từ khâu tạo lập cơ sở hạ tầng, hành lang pháp lý, nguồn nhân lực cũng như các dịch vụ hỗ trợ...

- Phát triển thương mại nước ta dựa trên nền tảng của sự phát triển thông tin và tri thức cần có lộ trình và bước đi thích hợp, tránh tư tưởng cực đoan, bảo thủ hoặc chạy theo phong trào gây lãng phí. Sự phát triển thành công của ngành thương mại trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức ở nước ta phụ thuộc rất nhiều vào sự phấn đấu của bản thân ngành thương mại, đồng thời với sự trợ giúp quan trọng từ phía Nhà nước cùng với sự hợp tác phát triển đồng bộ của các ngành kinh tế có liên quan như giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, giáo dục và đào tạo, pháp lý... Với phương châm vừa đẩy mạnh đầu tư phát triển vừa rút kinh nghiệm cho giai đoạn tiếp theo, không chờ đợi cầu toàn đòi hỏi hội tụ đầy đủ các điều kiện thì mới triển khai. Cần phát triển đồng bộ giữa xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, đào tạo nguồn nhân lực và cơ sở pháp lý cho phát triển thương mại điện tử.

- Đẩy mạnh phát triển và mở rộng thị trường, trong đó ưu tiên phát triển thị trường khoa học và công nghệ, tăng cường hội nhập với nền thương mại khu vực và thế giới. Mở rộng hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học và công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, thu hút đầu tư cho ngành thương mại. Với vai trò trực tiếp hướng dẫn sản xuất, tạo môi trường, điều kiện cho phát triển kinh tế hàng hóa, các hoạt động thương mại phải lấy mục tiêu phát triển và mở rộng thị trường làm trung tâm, gắn thị trường trong nước với thị trường khu vực và thế giới. Cần khai thác tốt thị trường trong nước thông qua việc nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng hóa sản xuất trong nước với chất lượng tốt, giá thành hạ, môi trường kinh doanh thuận lợi. Đẩy nhanh quá trình phát triển thị trường

khoa học và công nghệ để tạo điều kiện hình thành nền kinh tế tri thức ở nước ta, tăng cường đầu tư cho nghiên cứu và triển khai với sự tham gia của các thành phần kinh tế. Đẩy mạnh phát triển và mở rộng thị trường xuất nhập khẩu theo hướng đa phương hóa và đa dạng hóa quan hệ kinh tế đối ngoại.

III. Định hướng phát triển thương mại trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức ở Việt Nam thời kỳ đến năm 2010, 2020.

1. Phát triển thương mại Việt Nam phải dựa trên nền tảng của sự phát triển tri thức, tăng cường hàm lượng tri thức trong mỗi hoạt động của ngành.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ cùng với sự phát triển của kinh tế tri thức đã góp phần nâng cao chất lượng, năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh cho kinh tế toàn cầu; đặc biệt là nền kinh tế của các nước phát triển. Trong xu thế chung đó, sự cạnh tranh giữa các nền kinh tế của các quốc gia, đặc biệt về sản phẩm hàng hóa trên thị trường trong nước và quốc tế từ sản xuất đến tiêu dùng ngày càng trở nên gay gắt. Ưu thế cạnh tranh thường thuộc về các nước có tiềm lực phát triển lớn bao gồm cả tiềm lực về tài chính và tiềm lực về khoa học và công nghệ. Những lợi thế về tài nguyên và nguồn nhân lực dồi dào của các nước đang phát triển như nước ta đang bị hạn chế dần trên con đường tiến tới phát triển nền kinh tế tri thức. Trong khi đó, hàng hóa nước ta chủ yếu vẫn là các sản phẩm thô có giá trị trao đổi thấp, giá cả không ổn định và ngày càng bộc lộ khả năng cạnh tranh yếu trên thị trường quốc tế. Ngoài ra, sự hạn chế về nguồn nhân lực (tỷ lệ lao động qua đào tạo thấp, chất lượng đào tạo hạn chế, lao động bị ảnh hưởng nặng nề của tư duy và nền sản xuất nhỏ tiểu nông, tính cộng đồng thấp...) là một cản trở lớn của nước ta trong quá trình từng bước phát triển kinh tế tri thức. Để rút ngắn khoảng cách về trình độ với các nước phát triển, định hướng phát triển thương mại nước ta trong thời gian tới cũng phải phù hợp với xu thế phát triển chung của nền thương mại thế giới, đó là dựa trên nền tảng của sự phát triển tri thức, tăng hàm lượng tri thức trong mỗi hoạt động của ngành để hướng tới việc nâng cao khả năng cạnh tranh trong thương mại quốc tế và thích nghi nhanh với sự biến đổi của môi trường trong nước và trên thế giới. Trước tiên, chúng ta phải tập trung cho việc phát triển nguồn nhân lực để có được một đội ngũ quản lý, các nhà doanh nghiệp giỏi, sáng tạo trong công việc và thích nghi nhanh với sự biến động của cơ chế thị trường. Ngoài ra việc tích cực ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ mới, tăng cường đầu tư cho nghiên cứu và triển khai để tăng hàm lượng tri thức trong mỗi hoạt động quản lý, kinh doanh, trong các sản phẩm hàng hóa, nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế cũng là một hướng đi rất quan trọng để góp phần đưa nền kinh tế

nước ta thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện từng bước phát triển kinh tế tri thức.

Như chúng ta đã biết, trong quá trình phát triển, nguồn nhân lực luôn giữ vai trò quan trọng đối với bất kỳ nền kinh tế nào, tuy nhiên trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức nguồn nhân lực càng giữ vai trò quan trọng hơn. Nó đòi hỏi phải là những người có tri thức khoa học, có kỹ năng, kiến thức, kỷ luật lao động, tinh thần đổi mới và sáng tạo, khả năng thích ứng và tính linh hoạt cao, ham muốn học hỏi suốt đời. Do đó, để đáp ứng yêu cầu của sự phát triển trong thời gian tới, công tác giáo dục và đào tạo của nước ta vừa phải đáp ứng yêu cầu trước mắt của nền kinh tế dựa trên tài nguyên là chủ yếu, vừa phải chuẩn bị và hướng tới nền kinh tế tri thức. Giáo dục - đào tạo phải được coi là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp chung, là trách nhiệm của các ngành các cấp và các lực lượng xã hội trong cả nước. Chuẩn bị ngay những điều kiện để hướng tới một "xã hội học tập suốt đời", tạo điều kiện cho mỗi cá nhân được tiếp tục học tập trong suốt cuộc đời làm việc của họ để bắt kịp những thay đổi nhanh chóng trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập. Phải tiến hành đổi mới giáo dục và đào tạo với trọng tậm là nâng cao chất lượng cùng với phát triển nhân tài để đáp ứng những yêu cầu phát triển mới, bao gồm trang bị những tri thức mới, hiện đại, khả năng vận dụng những tri thức đó vào thực tiễn, khả năng sáng tạo trong công việc, năng động tiến tới phổ cập hóa khả năng sử dụng vi tính và Internet. Giáo dục và đào tạo phải hướng tới đạt những chuẩn mực quốc tế, đồng thời phát huy truyền thống và bản sắc dân tộc.

Gắn kết quá trình đào tạo ở nhà trường với đào tạo tại các doanh nghiệp. Cải tiến chương trình giảng dạy, thực hiện đào tạo học vấn và kỹ năng cơ bản tại trường và tạo kỹ năng chuyên nghiệp tại cơ sở sản xuất kinh doanh. Tăng cường các môn học cần thiết trong nền kinh tế mới (tin học, ngoại ngữ...). Khuyến khích liên kết giữa trường và doanh nghiệp trong hỗ trợ đào tạo và ứng dụng kết quả nghiên cứu.

Hiện nay, thương mại nước ta đang chịu sự tác động to lớn trước bối cảnh kinh tế thế giới, sự phát triển nhanh của khoa học kỹ thuật làm ảnh hưởng trực tiếp đến thị trường hàng hoá dịch vụ cũng như công nghệ bán hàng. Bên cạnh sự phát triển của thương mại truyền thống là sự lớn mạnh không ngừng của thương mại điện tử, thương mại dịch vụ phát triển nhanh hơn thương mại hàng hoá. Với việc gia nhập WTO, buôn bán của Việt Nam với các nước trong khu vực cũng như các nước khác trên thế giới sẽ phát triển mạnh theo xu hướng tự do hoá thương mại, nước ta sẽ phải dỡ bỏ dần các rào cản thương mại, hoà nhập vào nền kinh tế thế giới. Trong bối cảnh đó, cạnh tranh ngày càng gay

gắt, mang tính toàn cầu, nhiều doanh nghiệp Việt Nam sẽ phải cạnh tranh với các công ty xuyên quốc gia, đa quốc gia, mặt khác, nhiều công ty lớn sẽ đầu tư vào các nước chậm phát triển trong đó có Việt Nam. Trước tình hình đó, để tồn tại và phát triển, Nhà nước phải có định hướng và sách lược phù hợp để nâng cao năng lực quản lý, các doanh nghiệp phải không ngừng phát triển, lớn mạnh nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường. Đồng thời ngành thương mại cũng cần có một lực lượng lao động đủ mạnh, có chất lượng cao với cơ cấu hợp lý; nhất là đối với các lĩnh vực dịch vụ như thông tin liên lạc, chuyển giao công nghệ, tư vấn đầu tư, khai thác thị trường, tài chính ngân hàng...

Cùng với việc tăng số lượng nhân lực cho ngành thương mại, chúng ta cần đặc biệt quan tâm đến chất lượng của nguồn nhân lực này. Cần có chương trình đào tạo lại, đào tạo mới liên tục, trong đó đi sâu vào trọng tâm bồi dưỡng rèn luyện phương pháp tư duy, phương pháp giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, khả năng tự đào tạo, thích nghi với sự phát triển, để mỗi cán bộ trong quản lý cũng như kinh doanh phải giỏi về nghiệp vụ, sáng tạo trong công việc, có kinh nghiệm thực tế. Đặc biệt phải giỏi về tin học và ngoại ngữ; có đủ khả năng và trình độ tham gia vào quá trình nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến của thế giới phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và phát triển ngành thương mại.

Để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong ngành thương mại cần tập trung vào:

- Phát triển một đội ngũ cán bộ quản lý tầm vĩ mô có đủ năng lực trình độ trong xây dựng chính sách và quản lý điều hành. Đặc biệt trong quá trình phát triển hội nhập vào kinh tế khu vực và thế giới, các cán bộ quản lý cần có trình độ quản lý ngang tầm với khu vực để điều hành hoạt động thương mại đi đúng hướng, đem lại hiệu quả.

- Phát triển đội ngũ kinh doanh trong lĩnh vực thương mại có đủ trình độ, kinh nghiệm kinh doanh trong cơ chế thị trường. Với hoạt động thương mại mang tính toàn cầu, các nhà doanh nghiệp không những phải cạnh tranh với các đối thủ trong nước mà còn phải chịu sức ép cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Để tồn tại và thắng thế trong cạnh tranh, các nhà doanh nghiệp phải giỏi về chuyên môn, đủ trình độ kinh doanh trong cơ chế thị trường, có đủ bản lĩnh, kinh nghiệm để đưa ra các quyết định đúng trong mỗi trường hợp theo mục tiêu của doanh nghiệp.

- Phát triển đội ngũ nhân viên, công nhân lành nghề, thông thạo nghiệp vụ, kỹ năng giao tiếp, trình độ ngoại ngữ để thực thi các hoạt động một cách khoa học, hợp lý, hiệu quả. Có như vậy, chúng ta mới phát triển được văn minh thương mại, đem lại sự hài lòng cho khách hàng cũng như hiệu quả công việc

cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, để tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành thương mại cũng rất cần đến sự hỗ trợ của Nhà nước cùng với sự tham gia của các ngành liên quan; trong đó nền giáo dục nước ta cần được cải cách, khắc phục những hạn chế và xây dựng một hệ thống giáo dục tiên tiến, hiện đại.

Trong thời gian qua, hệ thống tổ chức kinh doanh thương mại nước ta với sự tham gia của các thành phần kinh tế đã đạt được nhiều kết quả trong các hoạt động kinh doanh dịch vụ, góp phần thúc đẩy phát triển thương mại và kinh tế cả nước. Tuy nhiên để đáp ứng nhu cầu phát triển trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và từng bước phát triển kinh tế tri thức thì vẫn còn bộc lộ nhiều bất cập. Hầu hết các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, vốn ít, hoạt động phân tán, hiệu quả thấp, bộ máy cồng kềnh, trình độ quản lý và kỹ năng bán hàng còn nhiều hạn chế. Phương thức kinh doanh hiện đại chưa được áp dụng phổ biến mà chủ yếu vẫn là kinh doanh truyền thống nên chi phí lớn, giá thành cao, hiệu quả kinh doanh thấp. Trong khi đó, trên thị trường trong nước, chúng ta phải từng bước mở cửa thị trường bán buôn, bán lẻ cho các doanh nghiệp nước ngoài làm cho áp lực cạnh tranh ngày càng gia tăng. Phải đối mặt với các doanh nghiệp nước ngoài có tiềm lực kinh tế, có hệ thống phân phối mạnh với nhiều kinh nghiệm trong quản lý và kinh doanh, đòi hỏi các doanh nghiệp kinh doanh thương mại nước ta cần được đổi mới mạnh cả về tư duy, đầu tư trang thiết bị công nghệ và nguồn nhân lực để nâng cao khả năng cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu hội nhập. Mặc dù trên thị trường nước ta trong những năm gần đây đã xuất hiện một số nhà phân phối mạnh trong nước cũng như nước ngoài với các trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tự chọn... nhưng tỷ trọng thị phần còn chiếm khá khiêm tốn, nhất là tại thị trường các tỉnh và thị trường nông thôn. Để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đủ năng lực cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế trong xu thế mở cửa và hội nhập cần có định hướng để các doanh nghiệp đổi mới mạnh mẽ các hoạt động kinh doanh theo hướng chuyên sâu dựa trên nền tảng của sự phát triển tri thức. Trước tiên các doanh nghiệp phải tăng cường công tác nghiên cứu thị trường để nắm bắt được các thông tin cần thiết về giá cả, cung cầu hàng hóa và dịch vụ mà doanh nghiệp đang quan tâm. Trên cơ sở đó, các doanh nghiệp lựa chọn những sản phẩm có thế mạnh, tiến hành cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm theo nhu cầu tiêu dùng ngày càng đa dạng và nâng cao của xã hội. Các sản phẩm phải đảm bảo thích nghi và đáp ứng nhu cầu thị trường về chất lượng, kiểu dáng, mẫu mã và bao gói. Trong xu thế cạnh tranh, việc đổi mới cơ cấu tổ chức, phấn đấu giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, quan tâm đến xây dựng và phát triển thương hiệu doanh nghiệp, đăng ký để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của thương hiệu có ý nghĩa rất quan trọng. Các doanh nghiệp cần đầu tư thỏa đáng để xây dựng được các kênh phân phối và mạng lưới bán

hàng tối ưu. Tăng cường công tác quảng cáo, xúc tiến bán hàng và các dịch vụ trước, trong và sau bán hàng như dịch vụ chào hàng, bảo hành, sửa chữa miễn phí, vận chuyển đến tận tay người tiêu dùng... để kích thích sức mua của thị trường. Một vấn đề khác cũng cần quan tâm, đó là định hướng để các doanh nghiệp đầu tư mở rộng quy mô về vốn, cơ sở vật chất kỹ thuật, công nghệ, lao động và địa bàn kinh doanh, hoặc thông qua các hình thức liên doanh, liên kết các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế để thành lập các Tập đoàn kinh tế mạnh, các Tổng công ty đa ngành nghề, đa lĩnh vực và đa sở hữu. Trong hệ thống tổ chức kinh doanh thương mại nước ta cần xây dựng được các nhà phân phối lớn, đủ mạnh trên thị trường, liên kết các nhà phân phối trong nước theo hình chuỗi để có đủ tiềm lực về vốn, cơ sở vật chất kỹ thuật, nguồn nhân lực... nâng cao sức cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài. Trên cơ sở đó xây dựng các trung tâm bán buôn, chuỗi siêu thị tại các tỉnh, thành phố trong cả nước. Cần tận dụng tối đa các lợi thế sẵn có như kinh doanh trên sân nhà, hiểu biết luật pháp, có khách hàng quen thuộc... để cạnh tranh và phát triển. Khuyến khích các hình thức liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp, các nhà phân phối lớn của các nước để tổ chức bán buôn, bán lẻ trên thị trường.

Đi đôi với việc củng cố các doanh nghiệp, chúng ta phải có định hướng để sản xuất và đưa ra thị trường những hàng hóa mà thị trường cần chứ không phải đưa ra thị trường hàng hóa mà mình có sẵn. Do đó trong quá trình phát triển cần đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ tiên tiến, tăng cường đầu tư cho nghiên cứu và triển khai để sản xuất được nhiều sản phẩm hàng hoá chế biến có hàm lượng tri thức cao, đáp ứng được nhu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu. Cơ cấu hàng hóa cần có sự thay đổi mạnh, hàng hóa tham gia vào quá trình trao đổi, mua bán không chỉ bao gồm những sản phẩm nông, công nghiệp truyền thống mà được bổ sung thêm những sản phẩm kỹ thuật cao, công nghệ dịch vụ. Các sản phẩm thô và sơ chế sẽ được dần thay thế bởi những sản phẩm có hàm lượng tri thức và khả năng cạnh tranh cao trên thị trường. Cần tập trung đầu tư cho nghiên cứu và triển khai để phát triển những sản phẩm hàng hóa có khả năng cạnh tranh trong hiện tại và tương lai; đồng thời có khả năng thích ứng nhanh với sự đổi mới của nhu cầu; cụ thể là:

+ Đối với những mặt hàng nông, lâm, thủy sản cần đẩy mạnh phát triển công nghệ sinh học để tạo ra được những giống cây trồng, vật nuôi có chất lượng tốt, năng suất cao phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng, đồng thời đây cũng là biện pháp nâng cao chất lượng nguồn nguyên liệu đưa vào chế biến. Mặt khác, đẩy mạnh đầu tư đổi mới công nghệ thay thế những thiết bị chế biến lạc hậu bằng những thiết bị hiện đại để sản xuất được những sản

phẩm hàng hóa đạt chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế. Cần đầu tư cho nghiên cứu và triển khai để xác định được những mặt hàng có tính đặc thù của sản phẩm nước ta, qua đó tạo lập thương hiệu hàng hóa Việt Nam trên thị trường quốc tế. Trong quá trình chế biến, phải đặc biệt coi trọng bảo đảm vệ sinh công nghiệp, đáp ứng được đòi hỏi của thị trường trong nước và xuất khẩu.

+ Đối với nhóm mặt hàng dệt may, da giầy, lắp ráp hàng điện tử..., cần tiếp tục phát triển mạnh với mục tiêu tăng hàm lượng trí tuệ trong sản phẩm để giá trị gia tăng của sản phẩm được nâng cao. Muốn vậy, trong thời gian tới cần đẩy mạnh đổi mới công nghệ, tăng năng suất lao động và chủ động thiết kế mẫu mã hàng hóa phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.

+ Đối với mặt hàng thủ công mỹ nghệ, cần tập trung phát triển những mặt hàng thể hiện rõ bản sắc văn hóa và truyền thống của dân tộc Việt Nam, tránh sự đơn điệu trong sản phẩm. Do đó chỉ hiện đại hóa đúng mức và đúng khâu công nghệ truyền thống để bảo tồn được tính dân tộc của hàng hóa.

+ Đối với nhóm mặt hàng công nghiệp khai thác (một số loại quặng kim loại, than, dầu khí...) cần sử dụng công nghệ và phương tiện hiện đại trong khai thác, chế biến và quản lý quá trình sản xuất đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái để tạo ra những sản phẩm có chất lượng, tính năng và có giá trị kinh tế cao trong chế biến, trong đó đặc biệt quan tâm nghiên cứu chế tạo những vật liệu mới đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học công nghệ.

+ Nhóm mặt hàng đại diện cho trình độ khoa học và công nghệ cao (điện tử, tin học, công nghệ thông tin, cơ - điện tử, vật liệu mới, các chế phẩm sinh học cao cấp...), đây là những nhóm ngành ngày càng chiếm vị trí quan trọng trong cơ cấu kinh tế cần ưu tiên phát triển. Để phát triển các ngành này, cần sử dụng đồng thời việc kế thừa những thành tựu nghiên cứu đã có qua con đường chuyển giao công nghệ có cải tiến cho phù hợp với điều kiện Việt Nam và nâng cao giá trị kinh tế với tự nghiên cứu, phát minh bằng lực lượng khoa học công nghệ trong nước. Để tăng nhanh hàm lượng tri thức trong các sản phẩm hàng hóa trên thị trường, đòi hỏi các cơ quan quản lý, đặc biệt là Chính phủ phải thay đổi phương thức đầu tư trong phát triển sản xuất và thương mại. Cần ưu tiên đầu tư phát triển khoa học và công nghệ trong mọi lĩnh vực, vì đây là nhân tố rất quan trọng quyết định tăng trưởng sản xuất và thương mại, nâng cao năng suất, hạ giá thành và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm.

2. Phát triển thương mại điện tử là trọng tâm của các hoạt động thương mại trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức ở Việt Nam.

Trong xu thế phát triển hiện nay, với dòng chảy ồ ạt của các thông tin và thương mại điện tử đang làm thay đổi cách thức kinh doanh điển hình của

thương nghiệp gia đình thông qua các mối quan hệ thân quen, truyền thống, bạn hàng thân thiết, cố hữu, vốn trước đây là bền vữmg, ổn định, thì nay đã trở nên trì trệ, chậm chạp. Thời đại thương mại điện tử đòi hỏi một cấu trúc mở, linh hoạt hơn, khác với lối kinh doanh thương mại truyền thống mang tính tôn ti, trật tự cứng nhắc. Nó đòi hỏi một tư duy kinh doanh hiện đại, phương pháp quản lý theo hệ thống "mạng", cởi mở hơn, tự do hoá hơn, thực hiện buôn bán tự do trên mạng bằng cách bãi bỏ nhanh chóng những trở ngại đối với thương mại và tài chính điện tử. Sự thay đổi này buộc phải diễn ra, đặc biệt là đối với những nước có nhiều thể chế và tập quán truyền thống cũ kỹ cản trở sự năng động của thương mại tự do, làm mất nhiều thời gian khi tiếp cận với các sản phẩm tri thức thông qua hoạt động thương mại...

Hiện nay thương mại điện tử đã trở nên khá quen thuộc và là một phương thức kinh doanh thương mại không thể thiếu được trong đời sống kinh tế thế giới cũng như ở nước ta. Thương mại điện tử có nhiều thế mạnh vượt trội mà các loại hình kinh doanh khác không thể có được. Nhờ những đặc tính nhanh, cập nhật và thuận tiện, thương mại điện tử ngày càng mang lại nhiều lợi ích cho các quốc gia, các doanh nghiệp khi tham gia thương mại quốc tế. Thương mại điện tử tạo ra một thị trường không biên giới, giảm hẳn được những hạn chế về thời gian, điều kiện kinh tế - văn hoá - xã hội, khoảng cách địa lý... so với hoạt động kinh doanh thương mại truyền thống, do vậy nó giúp Chính phủ các nước có điều kiện thâm nhập thị trường thế giới sâu hơn, hội nhập kinh tế khu vực và thế giới nhanh hơn. Thương mại điện tử là chìa khoá kích thích sự phát triển của các ngành công nghệ thông tin, tạo ra sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tri thức hoá, góp phần đào tạo lại lực lượng lao động. Thương mại điện tử giúp các nước dễ dàng nắm bắt thông tin, do vậy mở rộng được luồng hàng xuất nhập khẩu và giúp các nước xác định tốt nhất những lợi thế so sánh của mình để từ đó có sự bổ sung cơ cấu xuất nhập khẩu một cách hiệu quả. Thương mại điện tử giúp cho các nước có nhiều cơ hội thu hút đầu tư nước ngoài vào những ngành công nghệ cao, tạo điều kiện để nền kinh tế chuyển nhanh sang kinh tế tri thức... Nó giúp cho các doanh nghiệp đạt được lợi nhuận cao nhờ tăng sản lượng bán ra, giảm chi phí, tăng cơ hội giao dịch giữa người bán và người mua, giúp cho người kinh doanh cũng như người tiêu dùng có nhiều sự lựa chọn... Trong những năm gần đây, doanh số của thương mại điện tử toàn cầu tăng nhanh liên tục, đạt 1.408 tỷ USD năm 2003, trong đó giao dịch buôn bán giữa các doanh nghiệp chiếm khoảng 50%, dịch vụ tài chính và dịch vụ khác chiếm 45% và bán lẻ chiếm 5%. Đối với nước ta, để phát triển kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, nâng cao sức cạnh tranh, đòi hỏi hệ thống quản lý cũng như các doanh nghiệp phải sử dụng kỹ thuật công nghệ mới; đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin, Internet và thương mại điện tử

trong quá trình hoạt động quản lý và kinh doanh. Hiện nay, ở nước ta, mặc dù các chương trình thương mại điện tử; trong đó việc hình thành siêu thị ảo, trường đại học điện tử, chính phủ điện tử đã được quan tâm ở mức độ nhất định, nhưng nhìn chung phần lớn các khoản đầu tư trong thời gian qua mới chỉ tập trung vào việc trang bị máy tính, chưa chú trọng phát triển phần mềm và các chương trình tiếp cận, cập nhật và xử lý thông tin. Nước ta đang gặp nhiều khó khăn trong việc ứng dụng thương mại điện tử vào đời sống kinh tế do thiếu nguồn vốn, thiếu nguồn nhân lực trình độ cao, các cơ sở pháp lý cho việc triển khai thương mại điện tử cũng như do thói quen kinh doanh truyền thống còn diễn ra phổ biến... Tuy nhiên, để đẩy mạnh phát triển và tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế, chúng ta cần khắc phục những tồn tại, có định hướng và lộ trình phát triển thương mại điện tử trong thời gian tới và coi đây là nhiệm vụ trọng tâm của ngành. Thương mại điện tử sẽ là hình thức thương mại phổ biến trong một tương lai không xa và ngày càng đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế nước ta. Phương thức kinh doanh thương mại điện tử sẽ hỗ trợ rất nhiều trong việc quảng bá toàn cầu sản phẩm của Việt Nam, thúc đẩy nhanh tốc độ chuyên chở hàng hoá, hỗ trợ nhanh việc gắn liền với toàn cầu hoá kinh tế...

Định hướng phát triển thương mại điện tử được thể hiện trong các nội dung: Sử dụng thư điện tử (e-mail), trao đổi dữ liệu điện tử (EDI), xây dựng trang Web để giới thiệu thông tin về doanh nghiệp, sản phẩm, thanh toán điện tử, giao gửi số hóa, giao dịch trực tuyến... Với phương châm tích cực, chủ động ứng dụng và phát triển thương mại điện tử, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, không chờ có đủ điều kiện mới phát triển thương mại điện tử. Do các điều kiện chưa đầy đủ và đồng bộ, nhất là về cơ sở hạ tầng thông tin, nguồn nhân lực, cơ sở pháp lý... nên cần phát triển từng bước để tránh lãng phí, sau rút kinh nghiệm rồi mở rộng dần.

Ưu tiên đầu tư hoàn thiện các cơ sở hạ tầng cho thương mại điện tử, đồng thời với các khâu chuẩn bị, ứng dụng, truyền bá, để đẩy mạnh hơn các hoạt động ứng dụng thương mại điện tử vào đời sống kinh tế - xã hội. Trước hết cần ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông, đó là một nền công nghiệp điện tử hiện đại, một hệ thống bưu chính viễn thông tiên tiến và trải rộng, một khối lượng lớn máy tính được nối mạng. Tiếp đến là đào tạo nguồn nhân lực cho thương mại điện tử, trong đó cần đào tạo được một lực lượng các nhà chuyên môn giỏi, đủ sức điều hành và khai thác mạng, có khả năng thực hiện tốt các giao dịch trên mạng; đồng thời phải có đa số người mua hàng biết cách làm việc trên mạng, sử dụng tương đối tốt các kỹ năng về công nghệ thông tin, đọc biết được tiếng Anh vì hầu hết nội dung trên Internet đều biểu thị bằng tiếng Anh. Ngoài ra cũng cần phát triển hệ thống thanh toán điện tử, hệ thống pháp lý, bảo mật thông tin và an toàn; xây dựng hệ thống tiêu

chuẩn hoá công nghiệp và thương mại; bảo vệ sở hữu trí tuệ và người tiêu dùng; tài chính và thuế trong thương mại điện tử và cuối cùng là hình thành cơ quan điều hành quốc gia về thương mại điện tử. Để thương mại điện tử phát triển được, một vấn đề cũng rất quan trọng là các sản phẩm bán trên mạng cần được tiêu chuẩn hóa theo các tiêu chuẩn quốc tế và được kiểm soát bằng hệ thống văn bản pháp quy. Thông qua hợp tác quốc tế để tranh thủ kinh phí, các hỗ trợ về kỹ thuật và đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển thương mại điện tử. Xác định ứng dụng và phát triển thương mại điện tử là sự nghiệp của toàn dân, đặc biệt là của các doanh nghiệp. Nhà nước đưa ra các mục tiêu, hoàn thiện các điều kiện, doanh nghiệp chủ động tham gia.

3.Phát triển thương mại Việt Nam theo hướng ngày càng hội nhập sâu, rộng vào nền thương mại thế giới.

Trong quá trình toàn cầu hóa, sự phân công và trao đổi mua bán hàng hóa được thực hiện thông qua mạng liên kết toàn cầu (Internet), làm cho quy mô thương mại toàn cầu cũng như của các quốc gia tăng lên nhanh chóng. Sự chuyển giao về công nghệ sản xuất, trao đổi các sản phẩm hàng hoá và dịch vụ, ứng dụng thành tựu mới của khoa học giữa các doanh nghiệp thuộc các quốc gia, sự liên kết trong đầu tư sản xuất ngày càng trở nên phổ biến. Đặc biệt là công nghệ thông tin, kinh tế mạng là những nhân tố quan trọng góp phần thúc đẩy sự hợp tác giữa các doanh nghiệp và các quốc gia với nhau. Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế tạo điều kiện để Việt Nam tham gia vào quỹ đạo phát triển chung của thế giới, qua đó có thể khai thác những cơ hội và nguồn lực to lớn phục vụ cho các mục tiêu phát triển của mình. Do đó, thương mại Việt Nam cần được đẩy mạnh phát triển theo hướng ngày càng hội nhập sâu, rộng vào nền thương mại thế giới; đây cũng là xu thế tất yếu khách quan đối với mọi quốc gia trên thế giới. Tham gia vào toàn cầu hóa, nước ta có thể đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế quốc tế với trọng tâm là mở cửa thị trường, tham dự, phân công, hợp tác quốc tế, tạo điều kiện kết hợp có hiệu quả nguồn lực trong nước và bên ngoài, mở rộng không gian và môi trường để phát triển và từng bước nâng cao vị thế của đất nước trong quan hệ kinh tế quốc tế. Với sự phát triển của công nghệ thông tin và mạng Internet, mạng lưới liên lạc viễn thông đã tạo điều kiện để các quốc gia kết nối với nhau, kèm theo là sự mở rộng thị trường hàng hóa, dịch vụ, thị trường tiền tệ, thị trường vốn với cam kết ngày càng cao như giảm thuế nhập khẩu, bãi bỏ các hàng rào phi thuế, hàng hóa được lưu thông tự do thì ranh giới giữa thị trường trong nước và thị trường ngoài nước không đáng kể. Với việc tham gia toàn cầu hóa kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu, rộng, cùng với việc từng bước sửa đổi, bổ sung các thể chế theo chuẩn mực quốc tế, nhiều cơ hội sẽ mở ra cho nền kinh tế nước ta như: mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, tăng kim ngạch

xuất khẩu, thu hút vốn đầu tư từ các nhà đầu tư nước ngoài, các nguồn viện trợ phát triển của các nước và các tổ chức tài chính quốc tế: ngân hàng thế giới (WB) quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) phục vụ đầu tư phát triển kinh tế. Từ đó có điều kiện tiếp nhận công nghệ mới và tri thức quản lý, kỹ năng làm việc... thông qua các dự án đầu tư, nhập khẩu bằng phát minh, mua giấy phép, thuê chuyên gia tư vấn; đồng thời tham gia vào phân công lao động quốc tế, tạo thêm việc làm, cải thiện điều kiện lao động, tăng thu nhập cho người lao động. Lực lượng lao động nước ta có cơ hội tiếp cận với công nghệ tiên tiến và tác phong làm việc công nghiệp, từng bước nâng cao trình độ để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nước ta đang từng bước trở thành một khâu quan trọng trong mạng lưới sản xuất kinh doanh toàn cầu, trong đó có những hoạt động liên quan tới sự sản sinh, truyền bá và sử dụng tri thức. Các doanh nghiệp của nước ta có điều kiện để giao lưu về công nghệ sản xuất, trao đổi bộ phận, chi tiết sản phẩm, ứng dụng thành tựu mới của khoa học với các doanh nghiệp nước ngoài để cùng sản xuất, kinh doanh. Những rào cản thương mại và đầu tư được dỡ bỏ sẽ hạ thấp chi phí đầu vào, công suất khai thác máy móc thiết bị tăng lên, năng suất lao động được cải thiện, góp phần giảm giá thành sản phẩm, mang lại lợi ích cho người tiêu dùng. Qua đó, cho thấy toàn cầu hóa mang lại lợi ích rất lớn, tuy nhiên trong môi trường cạnh tranh ngày càng gia tăng, các cơ hội trên chỉ có thể phát huy tác dụng khi nước ta xây dựng được chính sách kinh tế đúng đắn, kết hợp hài hoà các điều kiện kinh tế trong nước với điều kiện kinh tế quốc tế. Tiến hành cải cách kinh tế sâu rộng với tiến độ nhanh hơn đi đôi với mở cửa mạnh mẽ với bên ngoài, thực hiện công khai và minh bạch trong điều hành vĩ mô cũng như vi mô.

Để tạo điều kiện cho thương mại nước ta hội nhập sâu, rộng vào nền thương mại thế giới trong điều kiện từng bước phát triển kinh tế tri thức, nước ta cần có giải pháp đẩy mạnh phát triển thị trường khoa học và công nghệ. Đây là một nhiệm vụ có vai trò đặc biệt quan trọng, mang tính quyết định đến sự phát triển sản xuất cũng như trao đổi các sản phẩm tri thức của nước ta với các nước trên thế giới. Như chúng ta đã biết, hiện nay trên thị trường, cùng với sự đa dạng hóa sản phẩm, cung cầu hàng hóa cũng có sự đa dạng hơn, bao gồm cả các sản phẩm vật thể, phi vật thể, từ hàng hóa thô sơ, chưa qua chế biến đến các hàng hóa có hàm lượng tri thức cao, trong đó các sản phẩm khoa học và công nghệ có xu hướng ngày càng gia tăng. Các sản phẩm khoa học và công nghệ, trong đó chủ yếu là các sản phẩm phi vật thể, có thể là sáng chế, các giải pháp hữu ích, thiết bị chứa đựng công nghệ hoặc công nghệ thuần tuý như quy trình, bí quyết, bản vẽ, mô tả... Các sản phẩm cũng có thể là dịch vụ kỹ thuật nói chung, dịch vụ nghiên cứu và phát triển thương mại, hay các

tri thức khoa học có vai trò quyết định trong sản xuất kinh doanh, tạo ra của cải cho xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống của con người. Tính chất đặc biệt của loại hàng hóa này được thể hiện trên nhiều mặt như sử dụng để đáp ứng cho nhu cầu tương lai, giá trị của hàng hóa chỉ thực sự bộc lộ trong quá trình sử dụng để sản xuất ra các sản phẩm và dịch vụ, do đó rất khó khăn trong việc định giá bán và thoả thuận giá cả. Ngoài ra những người có sản phẩm khoa học và công nghệ rất dễ bị tổn thương về mặt sở hữu và lợi ích, hàng hóa có thể mang lại lợi nhuận cao nhưng hao mòn vô hình nhanh.

Do đặc điểm của các sản phẩm khoa học và công nghệ như một loại hàng hóa đặc biệt, còn gọi là hàng hoá công toàn cầu, nên thị trường của loại hàng hóa này cũng là một thành phần đặc biệt trong hệ thống các loại thị trường của nền kinh tế. Thị trường khoa học và công nghệ với những đặc điểm về độ tin cậy của hàng hóa không cao, còn tồn tại bất bình đẳng lớn về thông tin giữa người mua và người bán, khó khăn trong định giá và thoả thuận giá giữa các bên trao đổi và dễ bị vi phạm quyền sở hữu... nên muốn phát triển được rất cần đến vai trò của Nhà nước. Để đánh giá được chất lượng của các sản phẩm tri thức lưu thông trên thị trường là một việc làm vô cùng khó khăn trong điều kiện trình độ kinh tế, khoa học và công nghệ của nước ta chưa thật sự phát triển, do dó cần có định hướng phát triển đồng bộ nhiều lĩnh vực, trong đó phải sớm thiết lập một quy chế đánh giá khoa học và công nghệ chặt chẽ, đúng đắn, trung thực, tương tự như tất cả các nước công nghiệp phát triển và nhiều nước đang phát triển. Ngoài ra, để nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm khoa học và công nghệ trên thị trường, thì Chính phủ phải sớm chỉ đạo xây dựng hệ thống đổi mới quốc gia. Đây là một mạng lưới bao gồm tất cả các cơ sở khoa học và công nghệ, các tổ chức quy hoạch chiến lược, các doanh nghiệp lớn, các tổ chức quản lý khoa học và công nghệ được nối mạng với nhau, là tổng hợp các hệ thống đổi mới của vùng, ngành, doanh nghiệp với sự phối hợp ngang, dọc trong phạm vi cả nước và được sự hỗ trợ mạnh mẽ của Chính phủ về tài chính, ngoại giao bằng các hiệp định kinh tế, các tổ chức kinh tế quốc tế... Hệ thống đổi mới quốc gia có nhiệm vụ thu thập xử lý thông tin, tri thức về khoa học và công nghệ, về kinh tế và các lĩnh vực có liên quan đến sức mạnh cạnh tranh quốc tế, từ đó đưa ra các dự báo chiến lược để các ngành, vùng, doanh nghiệp lớn trong cả nước xây dựng được tầm nhìn và kế hoạch hành động, để đồng bộ nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế nước ta cũng như của các sản phẩm chủ yếu thông qua đổi mới công nghệ. Nhà nước phải tăng cường đầu tư cho nghiên cứu và triển khai, tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các doanh nghiệp về vai trò tác

dụng của khoa học, công nghệ trong sản xuất kinh doanh; đồng thời khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và đổi mới công nghệ. Nhà nước cần xây dựng hệ thống luật pháp về sở hữu trí tuệ và có cơ chế sử phạt hữu hiệu những hành vi vi phạm sở hữu trí tuệ. Tạo lập và phát triển thị trường khoa học và công nghệ ở nước ta là một cách đi tắt, đón đầu đồng thời cũng là tạo dựng những cơ sở để cạnh tranh lành mạnh và công bằng trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, nhằm thực hiện thắng lợi và rút ngắn sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong điều kiện từng bước phát triển kinh tế tri thức ở nước ta.

4. Phát triển mạnh thương mại dịch vụ trong mối quan hệ với phát triển thương mại hàng hóa và vấn đề về quyền sở hữu trí tuệ.

Dịch vụ có thể được coi là một loại hình thương mại đặc thù, là những hoạt động mang tính xã hội, tạo ra những sản phẩm hàng hóa không tồn tại dưới hình thái vật chất, nhằm thoả mãn kịp thời, thuận lợi và hiệu quả hơn cho các nhu cầu trong sản xuất và đời sống. Nền kinh tế càng phát triển, càng chuyên môn hóa, hàm lượng trí tuệ và kỹ năng càng cao thì dịch vụ càng trở nên quan trọng cho năng lực cạnh tranh. Tỷ trọng dịch vụ trong GDP ngày càng tăng lên so với trình độ phát triển của nền kinh tế.

Xu hướng phát triển dịch vụ trong nền kinh tế thế giới đã có bước chuyển biến rõ rệt. Khối các ngành dịch vụ phát triển với tốc độ nhanh về quy mô, chủng loại và chất lượng làm thay đổi cơ cấu kinh tế quốc dân, đặc biệt dịch vụ cho khai thác thị trường và xúc tiến tiêu thụ sản phẩm phục vụ sản xuất và đời sống dân cư phát triển rất nhanh chóng và đa dạng. Dịch vụ có hàm lượng trí tuệ (dịch vụ chất xám) ngày càng chiếm vai trò quan trọng như dịch vụ thông tin, tư vấn, tài chính, tín dụng, dịch vụ thương mại điện tử...

Cùng với xu hướng phát triển chung của kinh tế thế giới, trong những năm qua cơ cấu ngành dịch vụ trong nền kinh tế nước ta đã có sự chuyển dịch theo hướng tích cực. Từ chỗ các hoạt động dịch vụ chủ yếu chỉ bó hẹp trong khâu phân phối lưu thông và do Nhà nước quản lý trước đây, đến nay ngành dịch vụ đã có bước phát triển đa dạng với tốc độ khá nhanh góp phần phục vụ đắc lực cho sản xuất và đời sống dân cư. Sự hình thành hệ thống dịch vụ đầu vào và đầu ra cho sản xuất là kết quả của quá trình chuyển đổi từ phân phối lưu thông sang kinh doanh. Nhiều loại hình dịch vụ mới ra đời như thông tin, chuyển giao công nghệ, tư vấn đầu tư, nghiên cứu khai thác thị trường đã góp phần đắc lực cho giai đoạn phát triển mới của nền kinh tế.

Tuy nhiên nếu so sánh với các nước có nền kinh tế phát triển thì tỷ trọng ngành dịch vụ trong cơ cấu GDP của nước ta còn chiếm tỷ trọng quá khiêm tốn. Trong khi ở các nước kinh tế phát triển, dịch vụ là ngành có tốc độ tăng trưởng cao nhất và chiếm tỷ trọng lớn nhất trong GDP, đồng thời lực lượng lao động làm việc trong khu vực này ngày càng chiếm tỷ trọng cao hơn so với các ngành khác thì ở nước ta mức tăng trưởng các ngành dịch vụ hàng năm còn quá thấp.

Để đáp ứng nhu cầu phát triển trong điều kiện từng bước phát triển kinh tế tri thức ở nước ta, trong thời gian tới cần tập trung đầu tư phát triển thương mại dịch vụ trong cơ cấu kinh tế, trong đó phát triển các hoạt động dịch vụ đa dạng cao cấp sẽ là hướng đi chủ đạo. Ưu tiên phát triển các lĩnh vực dịch vụ gắn với công nghệ hiện đại có tác động mạnh đến tăng trưởng kinh tế; đó là: Giáo dục đào tạo, thông tin liên lạc, chuyển giao công nghệ, tư vấn đầu tư và các dịch vụ nghiên cứu khai thác thị trường. Cần quan tâm khai thác các loại hình dịch vụ đặc thù như thương mại, vận tải, kho bãi, tài chính tín dụng, đây là những ngành đang giữ vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, tạo nhiều công ăn việc làm và đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế. Để góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của con người khi cuộc sống ngày càng được nâng cao, cần phát triển các loại hình dịch vụ vui chơi giải trí, học tập, du lịch, chăm sóc sức khoẻ, chăm sóc sắc đẹp và các dịch vụ văn hoá khác. Tận dụng những lợi thế so sánh mới để mở rộng hoạt động thương mại nâng cao trình độ phát triển, tạo ra sự phát triển rút ngắn nhằm đuổi kịp các nước có nền kinh tế phát triển. Tăng cường đầu tư hiện đại hóa hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại, đào tạo nâng cao trình độ nguồn nhân lực, khuyến khích áp dụng các loại hình kinh doanh tiên tiến như siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tự chọn... Đặc biệt là khuyến khích và tạo mọi điều kiện để đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử. Phấn đấu để thương mại điện tử trở thành phương thức hoạt động thương mại chủ yếu của ngành thương mại và ngày càng được nhiều doanh nghiệp sử dụng trên thị trường. Nhờ đặc tính nhanh, chính xác và kịp thời, thương mại điện tử sẽ mang lại nhiều lợi ích cho các doanh nghiệp Việt Nam khi tham gia thương mại quốc tế. Đồng thời việc phát triển thương mại điện tử sẽ cho phép Việt Nam có nhiều cơ hội thu hút đầu tư nước ngoài vào những ngành công nghệ cao, từ đó tạo điều kiện để nước ta đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, từng bước phát triển kinh tế tri thức.

Tuy nhiên, để đẩy mạnh phát triển, dù ở bất kỳ cơ chế nào cũng đều phải hướng vào mục đích phục vụ cho sự phát triển của xã hội, vì vậy luôn phải tính đến lợi ích của xã hội, lợi ích của người sở hữu các thành quả sáng tạo, do đó, phải tăng cường công tác quản lý Nhà nước về thương mại trong sở hữu trí tuệ. Mục tiêu của hệ thống quản lý sở hữu trí tuệ là khuyến khích hoạt động sáng

tạo, cổ vũ đầu tư tìm kiếm các giải pháp kỹ thuật - mỹ thuật ứng dụng, các tác phẩm cũng như các sáng kiến kinh doanh mới, thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh đồng thời sử dụng một cách tiết kiệm và có hiệu quả các nguồn lực trí tuệ của xã hội.

Việc tạo dựng, củng cố hệ thống quản lý sở hữu trí tuệ thực chất là một quá trình đầu tư tốn kém về vật chất và trí tuệ bởi bản chất của cạnh tranh luôn luôn thúc đẩy các doanh nghiệp tìm kiếm các kẽ hở của quản lý để giảm bớt chi phí và tăng cường lợi nhuận. Việc sao chép, mô phỏng, thậm chí đánh cắp nguyên vẹn các thành quả sáng tạo kỹ thuật - kinh doanh của đối thủ là cách thức hấp dẫn nhất để đạt được mục tiêu trên. Do vậy, nguy cơ chiếm đoạt các sản phẩm trí tuệ là nguy cơ thường xuyên và ngày càng nghiêm trọng trong các nền kinh tế thị trường công nghiệp hoá. Nếu không áp dụng các biện pháp ngăn chặn, quản lý chặt chẽ các nguy cơ này, mọi nỗ lực chính đáng đều sẽ bị thui chột bởi tệ nạn chiếm đoạt hoặc cạnh tranh không lành mạnh. Một cơ chế quản lý thương mại trong sở hữu trí tuệ nhằm đảm bảo xoá bỏ được các nguy cơ trên là một đòi hỏi rất cấp thiết. Trong bối cảnh đó, Việt Nam cần xây dựng cơ chế quản lý đồng bộ với các biện pháp quản lý cứng rắn trong phòng ngừa và ngăn chặn nguy cơ lạm dụng quyền sở hữu trí tuệ, mà điển hình nhất là tình trạng sử dụng quyền sở hữu trí tuệ để khống chế sự phát triển sáng tạo của người khác, gây sức ép đối với đối thủ cạnh tranh cũng như các doanh nghiệp trong nền kinh tế.

Việc đổi mới quản lý thương mại trong sở hữu trí tuệ trước hết là phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đảm bảo quyền lợi của doanh nghiệp, phù hợp với điều kiện thực tiễn; đồng thời không làm ảnh hưởng đến quá trình hội nhập kinh tế thế giới.

5. Phát triển thương mại theo hướng văn minh hiện đại, chú trọng đến bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng và bảo vệ môi trường.

Để nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế; đồng thời đáp ứng dược nhu cầu ngày càng cao của sản xuất và dân cư, thương mại nước ta cần được phát triển theo hướng văn minh hiện đại; trong đó các cơ sở hạ tầng thương mại cùng với trang thiết bị phục vụ cần được hiện đại hóa. Để đáp ứng được mục tiêu trên, trước tiên ngành thương mại cần tiến hành quy hoạch để thúc đẩy phát triển các loại hình kinh doanh hiện đại trên phạm vi toàn quốc và vùng lãnh thổ như: Trung tâm thương mại, siêu thị, các cửa hàng tự chọn, chợ bán buôn, sàn giao dịch... để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng. Hiện nay các đơn vị kinh doanh thương mại thuộc các thành phần kinh tế đa phần có quy mô nhỏ, phân tán và phát triển tự phát, thiếu quy hoạch. Do đó, các đơn vị kinh doanh muốn áp dụng những tri thức, đào tạo con

người, ứng dụng khoa học và công nghệ thông tin vào kinh doanh, áp dụng các hình thức mua bán hiện đại vào cuộc sống sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Trong thời gian tới Nhà nước cần phải tiến hành quy hoạch và khuyến khích phát triển các trung tâm thương mại, siêu thị, các đường phố kinh doanh trên phạm vi toàn quốc và từng vùng lãnh thổ. Đồng thời giúp các doanh nghiệp có điều kiện thuận lợi áp dụng những phương thức mua bán hiện đại, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong mua bán hàng hoá với phương thức thanh toán hiện đại, nhất là ứng dụng thương mại điện tử.

Mặt khác, ngành thương mại cần tập trung đầu tư hiện đại hóa hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại bao gồm toàn bộ cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho hoạt động thương mại như đường giao thông, hệ thống điện nước, thông tin liên lạc, thương mại điện tử, các trung tâm thương mại, siêu thị, chợ, cửa hàng, kho bãi... Sự phát triển cơ sở hạ tầng thương mại sẽ thúc đẩy phát triển thị trường hàng hóa và dịch vụ theo hướng văn minh, hiện đại góp phần tăng cường giao lưu và hội nhập quốc tế. Dưới tác động của toàn cầu hóa và từng bước chuyển sang nền kinh tế tri thức thì việc đầu tư nghiên cứu và triển khai vào những lĩnh vực công nghệ mới như: xây dựng hệ thống giao thông và phương tiện liên lạc liên quốc gia, liên lục địa, các dự án bảo vệ môi trường sinh thái cho hoạt động sản xuất kinh doanh, thiết lập các xa lộ thông tin và mạng Internet, thiết lập các hệ thống thương mại điện tử, dịch vụ điện tử có vai trò rất quan trọng đòi hỏi phải được Nhà nước đặc biệt quan tâm. Trên nền tảng của hệ thống hạ tầng cơ sở và các dịch vụ công, các doanh nghiệp cần có định hướng đầu tư hiện đại hóa hệ thống hạ tầng cơ sở của doanh nghiệp, ứng dụng các công nghệ mới mà trọng tâm là công nghệ thông tin và mạng Internet phục vụ quản lý và kinh doanh có ý nghĩa rất quan trọng, góp phần đẩy nhanh tốc độ phát triển và nâng cao hiệu quả của các hoạt động thương mại.

Hiện nay, công nghệ thông tin đang trở thành một ngành công nghiệp lớn mạnh và phát triển nhanh nhất, tạo ra nhiều việc làm và nhiều ngành nghề kinh doanh mới góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh của các ngành truyền thống thông qua hệ thống hỗ trợ như viễn thông, thương mại điện tử, dịch vụ truyền thông đa phương tiện. Công nghệ thông tin có thể ảnh hưởng và tác động trực tiếp đến phát triển của nền kinh tế quốc dân và xã hội, vì vậy nó đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Công nghệ thông tin còn có tác động sâu, rộng đến toàn bộ ngành kinh tế và có khả năng chi phối, định hướng, hỗ trợ các ngành nghề nâng cao hiệu quả hoạt động và nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

Tuy nhiên, hạ tầng thông tin quốc gia đã có phát triển nhưng còn nhiều bất cập; giá cước Internet và viễn thông chưa khuyến khích người sử dụng. Cơ sở nghiên cứu và đào tạo về công nghệ thông tin của ta còn mỏng, trình độ thấp, trang thiết bị lạc hậu. Bên cạnh những bất cập trên, chúng ta còn chưa thực sự nhận thức được đầy đủ vai trò và tầm quan trọng của công nghệ thông tin để đi tắt đón đầu trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Chúng ta cũng chưa kết hợp chặt chẽ qúa trình tin học hoá với cải cách hành chính, chưa chuẩn bị môi trường kinh tế - xã hội, môi trường pháp lý thuận lợi để tiếp nhận có hiệu quả công nghệ thông tin vào các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Công suất sử dụng và khai thác các thiết bị công nghệ thông tin còn thấp và lãng phí. Đầu tư và phát triển công nghệ thông tin phân bổ không đều, chủ yếu tập trung ở các thành phố lớn, chưa có chính sách hỗ trợ phát triển công nghệ thông tin cho các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Do đó, để nước ta có được một nền công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiến trình phát triển của thế giới và tạo điều kiện để các doanh nghiệp kinh doanh thương mại có được hệ thống hạ tầng cơ sở thương mại tiên tiến trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin và mạng Internet góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế, đòi hỏi có sự hỗ trợ của Nhà nước, Bộ Thương mại, các bộ ngành có liên quan và sự cố gắng của từng doanh nghiệp. Các doanh nghiệp phải tự đổi mới, ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin và mạng Internet trong mọi hoạt động quản lý và kinh doanh thương mại. Đầu tư trang thiết bị, công nghệ cần thiết để có đủ điều kiện tham gia vào quá trình tin học cả nước, thực hiện nhiệm vụ của ngành, của đơn vị, từng bước tham gia thương mại điện tử. Thiết lập địa điểm giao dịch công nghệ thường xuyên để trao đổi hàng hóa công nghệ và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ.

Tạo lập một môi trường xã hội cần đến thông tin, coi thông tin như là một phương tiện của sản xuất và quản lý. Công nghệ thông tin phải được ứng dụng rộng rãi trong mọi lĩnh vực nhằm tạo một bước chuyển biến mạnh mẽ về năng suất, chất lượng, hiệu quả của tất cả các lĩnh vực hoạt động, thúc đẩy nhanh phát triển kinh tế thương mại. Hình thành một mạng lưới kết cấu hạ tầng thương mại tiên tiến, vững chắc, đủ năng lực tiếp thu nền kỹ thuật công nghệ hiện đại, đủ sức cạnh tranh và hội nhập với các nước trong khu vực và thế giới. Tất cả các cơ quan Nhà nước, các tổ chức, đoàn thể và doanh nghiệp cần đi đầu trong việc tin học hoá từng phần, dần tiến tới tin học hoá trong mọi hoạt động. Tiếp tục phổ cập và nâng cao nhận thức về vai trò và lợi ích của thông tin, bồi dưỡng kiến thức cần thiết về công nghệ thông tin cho mọi công dân Việt Nam nói chung và các nhân viên hoạt động trong lĩnh vực thương mại dịch vụ; đặc biệt là các cơ quan, công sở. Tiếp tục nâng cao nhận thức và

nhu cầu về văn hoá thông tin của nhân dân, tạo cơ hội để mọi người dân đều có thể sử dụng các nguồn thông tin công cộng, cũng như tham gia thương mại điện tử. Để thúc đẩy hoạt động kinh doanh trong xu thế tiến tới nền kinh tế tri thức, các doanh nghiệp cần xây dựng và hoàn thiện được hệ thống thông tin với chất lượng cao, áp dụng biện pháp tin học hóa và hoạt động kinh doanh thông qua việc hòa mạng với hệ thống thông tin đã có trên thế giới và chủ động từng bước tham gia thương mại điện tử. Tùy theo khả năng và nhu cầu của doanh nghiệp, giai đoạn đầu có thể triển khai chủ yếu ở khâu xúc tiến hoạt động kinh doanh dưới hình thức mở trang web quảng cáo trên mạng, tìm kiếm thông tin về thị trường và bán hàng trên mạng, tiến hành các giao dịch trước khi ký kết hợp đồng và sử dụng cho các mục đích quản trị bên trong doanh nghiệp. Khi điều kiện cơ sở hạ tầng và cơ sở pháp lý cho phép, các doanh nghiệp có thể tiến tới ký hợp đồng và thực hiện thanh toán trên mạng. Tuy nhiên, với sự phát triển nhanh của khoa học và công nghệ cũng tạo điều kiện để phát triển những hành vi gian lận thương mại như sản xuất hàng nhái, hàng giả, hàng kém chất lượng... làm tổn hại đến lợi ích người tiêu dùng và môi trường sinh thái. Do đó, Nhà nước cần có giải pháp hữu hiệu để ngăn chặn những tiêu cực trên thông qua các quy định pháp luật cụ thể cùng với việc thường xuyên kiểm tra, kiểm soát thị trường.

6. Quản lý Nhà nước về thương mại phải dựa vào và gắn kết chặt chẽ với xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử.

Hiện nay, trong xu thế tự do hóa thương mại và toàn cầu hóa kinh tế, cơ hội lớn nhất của nước ta là đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu với các quốc gia trong điều kiện các hàng rào thuế quan giảm dần và các hàng rào phi thuế quan trở nên tinh vi và phức tạp hơn. Trong khi đó, sự phát triển của khoa học kỹ thuật tạo ra nhiều sản phẩm mới, những sản phẩm chứa hàm lượng tri thức cao, chu kỳ sống của sản phẩm ngày càng rút ngắn lại, cùng với việc ứng dụng công nghệ thông tin rộng rãi, trong đó thương mại điện tử ngày càng giữ vai trò quan trọng trong các hoạt động sản xuất - kinh doanh - tiêu dùng. Những đặc điểm cơ bản trong nền kinh tế tri thức đang diễn ra trên toàn cầu mà Việt Nam không nằm ngoài sự hiện diện của nền kinh tế chung đó. Vì vậy, công tác quản lý Nhà nước về thương mại cần được đổi mới để tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại nước ta hội nhập với thương mại thế giới.

Công tác quản lý Nhà nước về thương mại phải năng động và hiệu quả hơn, cần chuyển mạnh từ hình thức can thiệp trực tiếp sang các hình thức can thiệp gián tiếp thông qua các chính sách khuyến khích môi trường cạnh tranh phù hợp với quy luật thị trường. Nhà nước cần tích cực hơn trong việc thiết lập các mối quan hệ với các nước nhằm mở rộng hơn nữa cho các doanh nghiệp, thông qua đó mang lại nhiều hợp đồng cho giới kinh doanh. Trong nền kinh tế

tri thức, việc chia sẻ các nguồn lực cho kinh doanh gần như là vô tận và không có đường biên giới ngăn cách, các nguồn lực tri thức tự do lưu chuyển giữa các khu vực và quốc gia. Những đặc điểm về hàng hoá, kinh doanh thương mại và cơ chế quản lý Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh thương mại đang thay đổi hết sức nhanh chóng đã tác động đến công tác quản lý của Nhà nước. Bởi lẽ, trước đây, hoạt động kinh doanh thương mại chủ yếu dựa vào vốn và sức lao động, những hàng hoá dễ dàng xác định giá trị của chúng bởi trong nó kết tinh hàm lượng tri thức thấp và bó buộc trong những khu vực biên giới được ngăn cách bởi những điều kiện hạn chế xuất nhập khẩu, hạn ngạch, hàng rào thuế quan và phi thuế quan ở mức cao vv. Ngày nay, vai trò của vốn và sức lao động đã giảm đi, mà hoạt động kinh doanh thương mại phụ thuộc rất lớn vào khả năng sáng tạo, kiến thức khoa học và công nghệ, khả năng phân phối và khai thác thông tin, công nghệ thông tin được sử dụng rộng rãi, các hàng rào thuế quan, phi thuế quan và các biện pháp hạn chế xuất nhập khẩu dần bị rỡ bỏ. Do đó, các cơ quan quản lý Nhà nước nên trở thành "những nhà tư vấn" lớn nhất của doanh nghiệp về thông tin thị trường, về luật pháp và thông lệ quốc tế để giúp cho doanh nghiệp tránh được các rủi ro không cần thiết và là người bảo đảm chất lượng hàng hóa xuất khẩu của nước ta trên thị trường quốc tế. Nhà nước không thể sử dụng cơ chế quản lý hành chính với nhiều thủ tục khác nhau gây mất thời gian và tăng chi phí cho các hoạt động thương mại. Mặt khác, trước sự phát triển của nền kinh tế tri thức, chắc chắn mọi hoạt động kinh doanh sẽ nằm ngoài tầm kiểm soát của cơ chế quản lý của Nhà nước nếu Nhà nước không nhanh chóng thay đổi cách thức quản lý. Vì thế, Nhà nước nên đưa ra cơ chế quản lý hoạt động kinh doanh thương mại bằng những định hướng và chiến lược phát triển kinh tế của cả nước trong dài hạn; đây chính là kim chỉ nam cho mọi hành động của các doanh nghiệp thương mại. Các doanh nghiệp thương mại sẽ chủ động tích cực tham gia đầu tư, thực hiện kinh doanh theo những yêu cầu mới của nền kinh tế tri thức.

Cơ chế quản lý Nhà nước về thương mại phải tạo ra môi trường pháp lý mang tính rõ ràng, minh bạch, ổn định, bảo đảm tự do cho việc trao đổi các sản phẩm tri thức, khuyến khích các hoạt động kinh doanh thương mại dựa trên các nguồn lực tri thức, ứng dụng tri thức trong kinh doanh, nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế bằng sử dụng các nguồn lực tri thức. Cơ chế quản lý Nhà nước về thương mại cần linh hoạt có tính sáng tạo đòi hỏi có sự đổi mới cả về tư duy lẫn phương pháp để tạo ra môi trường kinh doanh thông thoáng, kích thích sản xuất và nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa trên thị trường. Qua đó, các doanh nghiệp thương mại sẵn sàng đầu tư công sức, vốn, công nghệ để đưa ra thị trường những sản phẩm có hàm

lượng tri thức và chất lượng cao hơn, giá cả rẻ hơn, dịch vụ tốt hơn, thoả mãn nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng.

Nhà nước cần có những kỹ năng quản lý tốt để thực hiện được vai trò vừa là người sản xuất, người lưu giữ và sử dụng tri thức và trao đổi các sản phẩm tri thức ra thị trường thế giới. Nhà nước cần sử dụng công nghệ thông tin; đặc biệt là những mô hình trong phân tích, đánh giá, dự báo cung cầu, thị trường... để đưa ra những quyết sách, định hướng phù hợp với xu thế phát triển, tránh tình trạng quản lý theo kiểu kinh nghiệm. Khi Nhà nước muốn tác động vào các hoạt động thương mại hoặc hướng các hoạt động thương mại theo hướng Nhà nước định ra thì cần phải tính toán xem xét kỹ lưỡng với sự hỗ trợ rất lớn của công nghệ thông tin thông qua những bài toán giả định. Những mô hình giả định, những chương trình của công nghệ thông tin sẽ là những đối tượng cho Nhà nước tiến hành thử nghiệm để tìm những câu trả lời xác thực nhất có tính định lượng cao nhất. Nhà nước có thể căn cứ vào đó để đưa ra những chính sách can thiệp vào các hoạt động thương mại có hiệu quả hơn. Nhà nước có thể so sánh những tác động của các chính sách khác nhau thông qua những chương trình được lập sẵn với nhiều tình huống khác nhau để so sánh mức độ tác động của các chính sách đối với hoạt động thương mại, những ưu điểm nhược điểm của từng chính sách rồi từ đó lựa chọn ra chính sách quản lý tối ưu nhất. Nhà nước cần ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động thương mại trong nền kinh tế quốc dân. Hiện nay ở nước ta đang trong quá trình tiến hành xây dựng chính phủ điện tử để quản lý và điều hành các hoạt động kinh tế của đất nước, nhưng nhìn chung triển khai còn chậm so với yêu cầu phát triển của nền kinh tế nói chung và các hoạt động thương mại nói riêng. Việc xây dựng mạng lưới thông tin liên kết giữa các cơ quan của chính phủ, giữa các doanh nghiệp với Chính phủ, giữa các doanh nghiệp với doanh nghiệp chưa mang lại hiệu quả như mong muốn, đôi khi còn mang tính phong trào. Các doanh nghiệp không thể khai thác hoặc khai thác được rất ít thông tin phục vụ kinh doanh bởi sự nghèo nàn và thông tin không cập nhật, chất lượng thông tin không cao. Nhà nước cần đầu tư mạnh vào xây dựng hệ thống thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành và quản lý các hoạt động thương mại trong nền kinh tế quốc dân, coi công nghệ thông tin là một trong những cơ sở quan trọng hàng đầu để hoà nhập thương mại trong nước với thương mại quốc tế. Công nghệ thông tin sẽ tạo điều kiện gắn kết giữa các cơ quan quản lý với các doanh nghiệp, làm giảm thời gian và chi phí cho quản lý nhà nước về thương mại, làm tăng tính hiệu lực và hiệu quả của các chính sách, điều luật của Nhà nước đối với các hoạt động thương mại.

Công tác tin học hóa quản lý hành chính Nhà nước cần được thực hiện quyết liệt với chất lượng hơn, bộ máy quản lý Nhà nước về thương mại đòi hỏi phải gọn nhẹ, được tin học hóa, số hóa, do đó phải đầu tư mạnh hơn cho xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và viễn thông; trong đó ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng thương mại điện tử cùng với đội ngũ cán bộ quản lý giầu tri thức. Tích cực tham gia chính phủ điện tử, gắn kết chặt chẽ với xây dựng và phát triển chính phủ điện tử chính là giải pháp hiệu quả nhất giúp cho công tác quản lý Nhà nước về thương mại đáp ứng được nhu cầu phát triển của ngành trong điều kiện từng bước phát triển kinh tế tri thức ở nước ta. Với sự phát triển của chính phủ điện tử sẽ tạo điều kiện cho ngành thương mại đẩy nhanh quá trình tin học hóa quản lý hành chính Nhà nước về thương mại, nâng cao hiệu quả cung cấp thông tin, trong các hoạt động kinh doanh, dịch vụ để phục vụ sản xuất và nâng cao đời sống dân cư

IV. Các giải pháp chủ yếu nhằm phát triển thương mại trong quá trình hình thành nền kinh tế trí thức ở Việt Nam thời kỳ đến năm 2010, 2020.

1. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực cho ngành thương mại Việt Nam

** Đối với nhân lực trong lĩnh vực quản lý vĩ mô:*

- Đào tạo và đào tạo lại về nghiệp vụ cho cán bộ quản lý của Bộ, các Sở, đơn vị trong lĩnh vực thương mại. Hầu hết các cán bộ quản lý thương mại ở tầm vĩ mô đã được đào tạo từ trình độ đại học trở lên, có nhiều kinh nghiệm trong quản lý vĩ mô, đã đạt được những thành tích đáng kể trong công tác và có nhiều đóng góp cho nền thương mại nước ta. Tuy nhiên khi chuyển sang kinh tế thị trường, với những điểm khác biệt so với nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung, không ít người trong đội ngũ này đã bộc lộ những mặt hạn chế nhất định do thói quen cũ, do thiếu sự nhanh nhạy về chuyển đổi tư duy quản lý cũng như không đủ trình độ, kinh nghiệm quản lý trong nền kinh tế thị trường. Chính vì vậy, trong thời gian tới, chúng ta cần phải có một đội ngũ quản lý với trình độ cao và có nhiều kinh nghiệm quản lý vĩ mô về thương mại.

Để đào tạo được đội ngũ trên, chúng ta có thể mở các lớp bồi dưỡng, mời các chuyên gia có trình độ, kinh nghiệm đến tham gia đào tạo kể cả chuyên gia nước ngoài.

- Không ngừng nâng cao trình độ ngoại ngữ cho các cán bộ quản lý để tăng cường khả năng tiếp cận kinh tế thế giới và học hỏi kinh nghiệm quản lý của các nước trong khu vực cũng như các nước khác trên thế giới.

- Nhà nước cần có chính sách trong việc sử dụng nhân tài vào các vị trí quản lý thương mại.

+ Tuyển sinh từ những nhà quản lý có năng lực trong các tổng công ty, các công ty.

+ Có chính sách ưu tiên đối với các sinh viên có bằng giỏi được đào tạo về quản lý thương mại ở các trường đại học. Bộ Thương mại có thể sử dụng khoản tài trợ học phí có ràng buộc đối với các sinh viên học giỏi trong các trường đại học đào tạo về thương mại.

+ Có chính sách trả lương ưu đãi để thu hút nhân tài

- Đội ngũ quản lý thương mại tầm vĩ mô cần được đào tạo về trình độ sử dụng máy vi tính, về thương mại điện tử.

Muốn nâng cao trình độ quản lý cũng như để quản lý tốt, các cán bộ quản lý thương mại cần cập nhật được thông tin đầy đủ, sử lý chính xác các thông tin. Mặt khác để soạn thảo, ban hành các quyết định cũng như theo dõi việc thực hiện của cấp dưới, mạng điện tử sẽ giúp cho nhà quản lý thực thi tốt các nhiệm vụ trên. Để làm được điều đó, trước hết, các nhà quản lý phải có kiến thức về sử dụng máy vi tính, về Internet, về thương mại điện tử để cập nhật thông tin.

- Đội ngũ cán bộ quản lý thương mại tầm vĩ mô phải được trang bị kiến thức về xử lý số liệu bằng các công cụ hiện đại.

Để có các quyết định chính xác, các nhà quản lý phải tìm ra qui luật vận động của thực tiễn khách quan. Điều đó có thể thực hiện được khi nhà quản lý thương mại tầm vĩ mô nắm bắt được kiến thức phân tích kinh tế hiện đại như: nắm vững kiến thức về kinh tế lượng, kiến thức phân tích thống kê và sử dụng thành thạo các chương trình phân tích để dự báo xu hướng phát triển của thương mại. Các học viên sẽ tham gia các khoá đào tạo ngắn hạn hoặc đào tạo chuyên đề.

** Đối với đội ngũ quản lý doanh nghiệp trong lĩnh vực thương mại*

- Được đào tạo một cách bài bản về kiến thức kinh doanh trong cơ chế thị trường.

Trong kinh tế thị trường, hàng hoá ngày càng nhiều, đa dạng, hoạt động thương mại có điều kiện phát triển nhưng gặp không ít những khó khăn. Tính cạnh tranh ngày càng gay gắt, bán hàng trở nên khó khăn. Để tồn tại và phát triển các doanh nghiệp phải giải quyết hàng loạt các vấn đề như: xác định đúng mặt hàng kinh doanh, xác định đúng đối tượng phục vụ, dự báo nhu cầu của khách hàng tiềm năng, đưa ra các biện pháp phù hợp để chinh phục khách hàng. Nắm vững kiến thức kinh doanh trong cơ chế thị trường là một trong những điều kiện không thể thiếu được đối với đội ngũ quản lý doanh nghiệp thương mại.

+ Đối với những nhà kinh doanh đã được đào tạo chính qui thì tiếp tục được đào tạo lại và đào tạo những kiến thức kinh doanh mới. Thường xuyên cập nhật những kiến thức kinh doanh mới, những kinh nghiệm kinh doanh từ các nước tiên tiến.

+ Đối với những nhà doanh nghiệp chưa qua đào tạo, cần được đào tạo tại các cơ sở đào tạo và tự đào tạo thông qua hệ thống đào tạo thường xuyên, đào tạo từ xa hoặc các khoá học bồi dưỡng; đặc biệt đối với chủ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, cần đào tạo nâng cao về kiến thức quản lý doanh nghiệp.

+ Đối với các hộ kinh doanh thương mại, vấn đề đầu tiên cần được đào tạo là nghệ thuật bán hàng, nghệ thuật quản lý, nâng cao nhận thức về tính cạnh tranh và hợp tác trong kinh doanh; đồng thời thấy được tác hại lâu dài của kinh doanh chụp giật và từ đó có định hướng rõ ràng trong kinh doanh.

- Không ngừng nâng cao kiến thức marketing cho các nhà kinh doanh.

Việc hiểu và vận dụng marketing vào sản xuất kinh doanh trở thành một trong những điều kiện quan trọng để thành công trong kinh doanh. Hiện nay, hầu hết các nhà kinh doanh thương mại đang vận dụng kinh nghiệm của cá nhân để ứng xử trong kinh doanh, rất ít nhà kinh doanh được đào tạo một cách hệ thống về marketing nên khi sử dụng các công cụ marketing thường gặp nhiều khó khăn, chi phí nhiều nhưng hiệu quả không cao. Bên cạnh đó còn rất nhiều kiến thức marketing chuyên sâu mà các doanh nhân cần được đào tạo như kiến thức về tìm kiếm, khai thác cơ hội kinh doanh, kiến thức về dự báo nhu cầu và thị hiếu khách hàng...

- Tạo điều kiện cho các thương nhân đi tham quan, giao lưu học hỏi kinh nghiệm của các nước

Trong điều kiện cạnh tranh toàn cầu, các thương nhân Việt Nam không những phải cạnh tranh trên thị trường nội địa mà còn phải cạnh tranh với các doanh nghiệp khác trên thế giới vốn có rất nhiều kinh nghiệm kinh doanh trong cơ chế thị trường. Tham quan, giao lưu học hỏi các doanh nghiệp nước ngoài là vấn đề quan trọng để các thương nhân Việt Nam mở mang tầm hiểu biết, đúc kết kinh nghiệm và ứng dụng vào hoạt động kinh doanh.

- Đào tạo sử dụng công nghệ thông tin cũng như trình độ sử dụng máy tính trong quản lý :

Trang bị cho các nhà kinh doanh kiến thức về thương mại điện tử để họ có đủ khả năng sử dụng máy tính trong giao dịch kinh doanh, cũng như tổ chức, quản lý kinh doanh. Nhờ có các thông tin lưu trữ một cách khoa học với

những kiến thức kinh doanh, nhà kinh doanh có khả năng đưa ra các quyết định có căn cứ, có cơ sở khoa học.

- Đào tạo được những thương nhân nhanh nhạy trong nhận thức và chuyển hoá nhanh những kiến thức được đào tạo vào hoạt động kinh doanh.

Đào tạo các thương nhân cần phải gắn kết giữa lý luận với thực tiễn, các kiến thức thực tiễn như thông tin về thị trường trong nước, nước ngoài, bước tập sự kinh doanh, tập sự quản lý kinh doanh cần phải được đào tạo ngay trong quá trình đào tạo tại trường. Có như vậy mới rút ngắn sự cách biệt trong đào tạo và thực tiễn kinh doanh.

** Đối với các nhân lực khác:*

- Cần được đào tạo nghiệp vụ một cách bài bản.

Nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên kinh doanh, đặc biệt là đội ngũ bán hàng ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng hoạt động thương mại nói chung, hoạt động kinh doanh thương mại nói riêng. Với sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế, của khoa học kỹ thuật đặc biệt là công nghệ thông tin, đòi hỏi phải có lực lượng lao động đủ trình độ để tham gia, kinh doanh trên mạng, sử dụng thiết bị phục vụ bán hàng tự động, cách thức thanh toán đa dạng. Việc đào tạo cần được tổ chức theo định kỳ với những lớp học chuyên sâu như: bán hàng ở siêu thị, xúc tiến bán tại quầy cửa hàng, dịch vụ chăm sóc khách hàng sau bán, nghiệp vụ vận chuyển, nghiệp vụ bảo quản hàng hoá, nghiệp vụ khai thác thị trường...

- Đào tạo về marketing trong bán hàng và chăm sóc khách hàng để tăng cường khả năng chinh phục khách hàng

Cần đào tạo cho lực lượng bán hàng khả năng nhận dạng và phân tích thị hiếu khách hàng. Sau đó sẽ đào tạo về nghệ thuật chinh phục khách hàng thông qua giao tiếp và bán hàng trực tiếp. Đây là hai nghiệp vụ quan trọng đối với bộ phận bán hàng, một bộ phận quan trọng chiếm đa số trong lực lượng lao động của ngành thương mại.

Đối với đội ngũ nhân viên kỹ thuật, nhân viên bốc xếp và bảo quản hàng hoá, cần trang bị kiến thức mới về các công cụ lao động của ngành. Đặc biệt là cách thức sử dụng trang bị kỹ thuật hiện đại trong quá trình bảo quản, bảo hành, vận chuyển hàng hoá.

- Nâng cao trình độ ngoại ngữ và vi tính.

Trong nền kinh tế tri thức, cạnh tranh mang tính toàn cầu, hàng hoá mang nhãn hiệu nước ngoài, với những thông tin về hàng hoá kèm theo cũng

bằng tiếng nước ngoài trở nên phổ biến. Mặt khác ngay trên thị trường nội địa việc bán hàng cho khách hàng là người nước ngoài ngày càng nhiều. Hiểu, đọc và nói được ngoại ngữ trở thành yêu cầu đối với nhân viên bán hàng trong ngành thương mại. Đặc biệt trong các doanh nghiệp liên doanh, các nhân viên cần thành thạo ngoại ngữ để giao tiếp với đối tác, với người quản lý là người nước ngoài.

Hình thức kinh doanh càng phát triển, khi kinh doanh trên mạng trở nên phổ biến, bán hàng qua mạng là hình thức bán hàng mới, hầu như các nhân viên bán hàng hiện tại chưa đáp ứng được yêu cầu; Do đó, với các hình thức bán hàng mới, các nhân viên phải được đào tạo kỹ năng bán hàng thông qua mạng.

* Để đáp ứng được nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành thương mại trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức ở Việt Nam đòi hỏi phải có sự hỗ trợ của Nhà nước và sự tham gia của các Bộ, ngành cùng với các doanh nghiệp và cá nhân làm việc trong ngành thương mại, cụ thể là:

- Tăng cường ngân sách đào tạo cho ngành thương mại

Ngân sách đào tạo nhân lực cho ngành thương mại có thể có từ các nguồn cơ bản sau:

+ Nguồn do Nhà nước cấp: Nguồn kinh phí Nhà nước cấp thông qua Bộ thương mại, các đơn vị trực thuộc bộ sẽ được sử dụng chủ yếu trong đào tạo lại nhân lực quản lý vĩ mô của Nhà nước, đào tạo chuyên đề cho các đối tượng trong ngành để phục vụ mục tiêu phát triển của ngành. Nguồn do Nhà nước cấp thông qua Bộ giáo dục và đào tạo được sử dụng để đào tạo cho các sinh viên, học viên chuyên ngành thương mại.

+ Nguồn do doanh nghiệp thương mại tự trang trải: Phần lớn các doanh nghiệp chi nguồn kinh phí đào tạo của doanh nghiệp vào việc bồi dưỡng kiến thức cho nhân lực trong doanh nghiệp hoặc chi cho những cá nhân đi tham quan, học hỏi về những vấn đề mới nảy sinh, có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Một vài doanh nghiệp sử dụng nguồn tiền này để tài trợ cho các nhân tài đang được đào tạo tại các trường với mong muốn thu nhận họ về làm việc tại doanh nghiệp.

+ Nguồn do nhân lực của ngành tự chi phí: Hiện nay rất nhiều cá nhân đã tự bỏ tiền để được đào tạo chuyên ngành thương mại và các chuyên ngành nghiệp vụ cần thiết khác với hy vọng tham gia tốt hơn vào hoạt động của ngành hoặc để duy trì sự phát triển kinh doanh hoặc để thực thi tốt các nhiệm vụ được giao.

+ Tiền do các tổ chức tài trợ: Thông qua các chương trình hợp tác quốc tế, các dự án đào tạo để tổ chức đào tạo nguồn nhân lực cho ngành thương mại.

- Đổi mới cơ cấu đào tạo nhân lực cho ngành thương mại, đặc biệt là lập chuyên ngành kinh tế thương mại để đào tạo cán bộ quản lý vĩ mô về thương mại

Hiện nay, trong cơ cấu đào tạo nhân lực cho ngành thương mại chưa có sự rõ ràng về đối tượng được đào tạo. Phần lớn tại các trường đại học, có khoa thương mại nhưng mới đào tạo về kinh doanh thương mại là chủ yếu còn chuyên ngành kinh tế thương mại chưa được quan tâm đúng mức. Đào tạo sau đại học có chuyên ngành kinh tế thương mại nhưng đối tượng được đào tạo tại đây quá ít, đối tượng phần lớn là những học viên làm việc trong các doanh nghiệp kinh doanh. Hệ thống đào tạo cao đẳng thương mại còn nhỏ bé. Chính vì vậy, các trường đại học cần đào tạo chuyên ngành kinh tế thương mại với qui mô phù hợp để đáp ứng yêu cầu phát triển của thực tế khách quan. Tăng tỷ lệ đào tạo cao đẳng và dạy nghề cho các lao động trong ngành.

- Tăng cường giáo dục trung học chuyên nghiệp và dạy nghề thương mại

Giáo dục trung học và dạy nghề thương mại hiện tại còn nhỏ bé so với nhu cầu. Trong thời gian tới, hoạt động giáo dục trung học và dạy nghề thương mại cần được cải tiến và đẩy mạnh hơn nữa. Bộ giáo dục và đào tạo cần tăng thêm các chỉ tiêu đào tạo trung học và dạy nghề thương mại. Việc đào tạo phải đi vào nghiệp vụ cụ thể. Có thể đào tạo theo mức độ chuyên sâu phù hợp với từng ngành nghề cũng như hình thức kinh doanh thương mại, như đào tạo nhân viên bán hàng qua mạng, đào tạo nhân viên bán hàng tại siêu thị, đào tạo nhân viên bán hàng tại nhà, đào tạo nhân viên bán xăng dầu, đào tạo nhân viên kỹ thuật bảo trì bảo hành, đào tạo nhân viên giao dịch thương mại. Hầu hết các trường hiện nay mới đào tạo chung cho mọi ngành nghề nên mức độ tiếp cận thực tế của sinh viên ra trường còn thấp.

Bộ Thương mại có thể tổ chức tốt các khoá đào tạo thông qua các trung tâm đào tạo và bồi dưỡng cán bộ của ngành.

- Có chính sách khuyến khích nhân tài tham gia vào lĩnh vực thương mại

Cần có chính sách khuyến khích các sinh viên xuất sắc của các trường đại học đã tốt nghiệp tham gia vào các hoạt động quản lý và kinh doanh thương mại.

- Đổi mới giáo dục chuyên ngành thương mại theo hướng nâng cao chất lượng, gắn học lý thuyết với thực tiễn.

Hầu hết các trường đào tạo về thương mại hiện nay còn nặng về lý thuyết và thiếu sự gắn kết giữa lý thuyết và thực hành, do đó làm hạn chế khả năng tư duy sáng tạo của học viên. Đổi mới trong giáo dục chuyên ngành thương mại theo hướng nâng cao chất lượng, gắn lý thuyết với thực tiễn là yêu cầu khách quan để phát triển năng lực của nguồn nhân lực thương mại. Thực hành kinh doanh thương mại là một vấn đề cần được phát triển trong đào tạo. Muốn học sinh, sinh viên được thực hành kinh doanh, cần có sự gắn kết giữa đơn vị đào tạo và giới kinh doanh thương mại.

- Phát triển hệ thống đào tạo thương mại điện tử

2. Giải pháp về đầu tư hiện đại hóa hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại

Dưới tác động của toàn cầu hoá và trong quá trình hình thành nền kinh tế trí thức ở nước ta, việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng nói chung, trong đó có hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại luôn giữ vai trò đặc biệt quan trọng, nhất là trong các lĩnh vực giao thông vận tải, phương tiện liên lạc xuyên quốc gia, thiết lập các xa lộ thông tin và mạng Internet...Do đặc thù của ngành cơ sở hạ tầng luôn đòi hỏi vốn đầu tư lớn, luân chuyển vốn chậm, lãi suất thấp... nên Nhà nước phải có chính sách hỗ trợ phát triển và chủ động gánh vác những chi phí đầu tư để phát triển chúng. Bằng việc hoàn thiện cơ sở hạ tầng và cung cấp các dịch vụ công, Nhà nước là nhân tố tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp tập trung vốn vào các ngành khác có tỷ lệ lãi suất cao hơn, thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Để thúc đẩy phát triển thị trường hàng hoá - dịch vụ, cần tập trung phát triển hệ thống giao thông vận tải, thông tin liên lạc và viễn thông; đặc biệt là hệ thống thương mại điện tử, dịch vụ điện tử với sự tham gia của Nhà nước, các Bộ, Ngành, địa phương và doanh nghiệp; cụ thể là:

- Cùng với sự phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, cần tiếp tục nâng cấp và xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng viễn thông tốt (công nghệ cao và dung lượng lớn), mạng Internet băng thông rộng, hình thành được hệ thống mạng viễn thông quốc gia, kết nối trực tuyến với quốc tế và có thể cung cấp nhiều loại hình dịch vụ viễn thông tiên tiến với giá cước rẻ để các doanh nghiệp có thể ứng dụng nhiều hơn các tiện ích của thương mại điện tử và đảm bảo cho khách hàng trên phạm vi toàn quốc có thể sử dụng điện thoại nội hạt truy nhập Internet. Nâng cấp các tuyến truyền dẫn đi Internet quốc tế và phát triển thêm các hướng kết nối Internet mới. Đồng thời Nhà nước nên đầu tư xây dựng một mạng Internet quốc gia băng thông rộng tốc độ cao.

Tăng cường dung lượng kết nối của các cổng quốc gia. Theo đuổi chính sách đi thẳng vào công nghệ hiện đại, đẩy mạnh việc số hoá và cáp quang hóa toàn bộ mạng viễn thông quốc gia Việt Nam, cụ thể là mạng truyền dẫn và các

hệ thống chuyển mạch. Mạng truyền thông quốc gia trong tương lai phải có mức độ thông minh, mềm dẻo và linh hoạt sao cho khách hàng có thể tự định ra và lập chương trình thực hiện các dịch vụ mà họ mong muốn. Việt Nam nên tăng cường liên doanh với nước ngoài để lắp ráp hoặc sản xuất một số linh kiện và thiết bị tại Việt Nam như: tổng đài điện thoại, cáp quang, thiết bị lắp ráp và các trạm vi ba, bảng mạch cho tổng đài, các thiết bị điện thoại. Đối với phần mềm phục vụ cho phương thức kinh doanh hiện đại, chúng ta cần liên kết với các trung tâm, tập đoàn, công ty phần mềm nổi tiếng thế giới để được chuyển giao công nghệ.

- Tiếp tục đẩy nhanh việc triển khai và ứng dụng chính phủ điện tử, đặc biệt là các dịch vụ đối với doanh nghiệp để tạo điều kiện cho công tác tin học hóa quản lý hành chính Nhà nước được thực hiện tốt hơn.

- Nhà nước cần xây dựng chuẩn an ninh mạng và có những chính sách về luật pháp để bảo vệ an ninh mạng.

- Cần trang bị phương tiện kỹ thuật, nâng cấp đường truyền dữ liệu, hỗ trợ cài đặt chương trình kết nối liên hoàn giữa các hệ thống kế toán giao dịch, kế toán thanh toán... đồng thời áp dụng đồng bộ các hình thức thanh toán qua mạng để có thể triển khai thanh toán điện tử một cách toàn diện.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cơ sở hạ tầng cần thiết để tham gia thương mại điện tử tùy theo nhu cầu và khả năng của doanh nghiệp, phấn đấu đến năm 2010 phần lớn các doanh nghiệp có đủ điều kiện tham gia thương mại điện tử: Việc giảm giá thành sử dụng Internet và chi phí cài đặt ban đầu cũng là phương pháp khuyến khích nhiều doanh nghiệp tham gia kết nối mạng hơn.

- Tranh thủ hợp tác quốc tế, học hỏi các kinh nghiệm phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin và mạng Internet từ các nước tiên tiến trên thế giới. Nhà nước cần đi đầu trong các lĩnh vực đầu tư mạo hiểm như các chương trình nghiên cứu và triển khai về khoa học công nghệ, phát triển kỹ thuật sinh học, môi trường, năng lượng, xây dựng các khu công nghệ cao để kêu gọi đầu tư vào các ý tưởng mới nhằm từng bước phát triển nền kinh tế trí thức.

Nhà nước cần hỗ trợ phát triển giáo dục đào tạo, phát triển khoa học công nghệ để nâng cao mặt bằng dân trí - tri thức, đây là nền tảng cho việc đáp ứng các yêu cầu phát triển mới. Cải cách hệ thống giáo dục để hướng tới một xã hội học tập suốt đời với tư duy sáng tạo, năng động, có chính sách phát triển nhân tài. Đào tạo và đào tạo nâng cao cho các chuyên gia công nghệ thông tin nhằm đáp ứng về chất lượng, trình độ chuyên môn theo đúng yêu cầu của ngành thương mại.

Từ năm 2010 đến năm 2020, chúng ta cần phải thực hiện những việc sau:

- Tiếp tục đào tạo và đào tạo nâng cao để phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin, thương mại điện tử cho ngành thương mại.

- Tiếp tục xây dựng, nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật khác để ngành thương mại có đủ điều kiện thuận lợi thực hiện công tác quản lý và kinh doanh thông qua mạng Internet, nhất là kinh doanh thương mại điện tử.

- Đẩy mạnh nghiên cứu và triển khai về công nghệ thông tin phục vụ thương mại.

- Thúc đẩy sử dụng công nghệ thông tin trong tất cả các lĩnh vực thương mại.

3. Giải pháp đổi mới quản lý Nhà nước về thương mại

Trong xu thế hình thành và phát triển nền kinh tế tri thức ở nước ta, giải pháp đổi mới quản lý Nhà nước về thương mại trên cơ sở lấy tri thức và ứng dụng công nghệ thông tin làm phương tiện cơ bản để Nhà nước thực hiện quản lý về thương mại, khuyến khích các hoạt động thương mại phát triển ổn định và nhanh chóng. Những phương thức quản lý mang tính sáng tạo, linh hoạt và khoa học thông qua hệ thống thông tin được nối mạng trong toàn bộ các hoạt động kinh tế; trong đó có các hoạt động thương mại cần được ứng dụng rộng rãi hơn trong thời gian tới.

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các chính sách thương mại - một yếu tố quan trọng bảo đảm nâng cao năng lực cạnh tranh trong dài hạn. Chính sách quản lý thương mại cần được cải cách tích cực hơn theo hướng minh bạch hoá, giảm dần lộ trình bảo hộ bằng thuế nhập khẩu và các biện pháp bảo hộ khác phù hợp với thông lệ và cam kết quốc tế.

Nhà nước cần đón đầu được những yếu tố, xu thế mới trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức, cần tính tới những hành vi thương mại mới, các hình thức kinh doanh mới, phạm vi điều chỉnh, đối tượng điều chỉnh rộng hơn để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế hoạt động kinh doanh trong môi trường thuận lợi, thông thoáng và bình đẳng.

- Nhanh chóng ban hành luật giao dịch điện tử để tạo cơ sở pháp lý thúc đẩy phát triển thương mại điện tử, giúp cho các doanh nghiệp có hoạt động giao dịch thương mại trên mạng mạnh dạn hoạt động cùng với việc đổi mới các hình thức giao dịch điện tử. Mặt khác, luật giao dịch điện tử cũng tạo điều kiện để nhanh chóng triển khai mô hình chính phủ điện tử trên phạm vi cả nước. Tuy nhiên, cần đẩy nhanh tiến độ xây dựng chính phủ điện tử có hiệu

quả với một lộ trình cụ thể; trong đó tập trung vào hoàn thiện và nâng cao chất lượng các trang thông tin điện tử (website) của các Bộ, Ngành, địa phương với nội dung phong phú, chất lượng, có tính cập nhật thường xuyên. Đẩy nhanh việc thực hiện Đề án tin học hóa quản lý hành chính Nhà nước; trong đó coi trọng việc cung cấp thông tin, các dịch vụ công, dịch vụ y tế, giáo dục trực tuyến ...

- Nhà nước nên phân cấp mạnh hơn nữa về chức năng và quyền hạn quản lý các hoạt động thương mại cho các tỉnh, thành phố, quận, huyện vì khi áp dụng công nghệ thông tin hiện đại thì công tác quản lý Nhà nước đòi hỏi rất gọn nhẹ và được triển khai nhanh chóng. Tất cả những báo cáo, thông báo, đánh giá của các cấp gửi lên Nhà nước và Nhà nước gửi các cấp đều được thực hiện nhanh chóng, chính xác và không tốn kém. Các cấp khi được Nhà nước tăng thêm quyền hạn và trách nhiệm sẽ năng động và có trách nhiệm hơn trong việc thực hiện và quản lý các hoạt động thương mại trên địa phương mình góp phần thúc đẩy các hoat động kinh doanh thương mại phát triển nhanh chóng và ổn định.

- Tăng cường vai trò quản lý Nhà nước về thương mại trong Sở hữu trí tuệ. Trong những năm gần đây vấn đề sở hữu trí tuệ nói chung và sở hữu công nghiệp nói riêng của thế giới đã phát triển mạnh cả về quy mô lẫn chất lượng. Điều kiện của Việt Nam chưa cho phép ngay một lúc có hệ thống sở hữu trí tuệ đạt trình độ ngang bằng với trình độ chung của thế giới và trình độ quản lý đạt ở mức cao. Vì vậy, phát triển hoạt động này phải được coi là một quá trình gồm nhiều bước, nhiều quy trình trong cả ngắn, trung, dài hạn và ở mỗi bước phải được xác định bởi nhu cầu và khả năng thực tiễn để nhằm tiến tới xây dựng một hệ thống quản lý sở hữu trí tuệ toàn diện, có trình độ tương xứng với khu vực và thế giới.

Trong một vài năm tới, cụ thể là từ nay đến năm 2010, Việt Nam cần phải thực hiện một số giải pháp sau:

+ Tăng cường công tác giáo dục phổ biến pháp luật để mọi đối tượng nhận thức được đầy đủ về pháp luật sở hữu trí tuệ; đồng thời khuyến khích các hoạt động dịch vụ tư vấn sở hữu trí tuệ và coi đây là một nghề chuyên môn đặc biệt, có khả năng sử dụng nhuần nhuyễn kỹ năng kỹ thuật, nghiệp vụ với kiến thức pháp luật.

+ Thiết lập và củng cố một hệ thống quản lý Nhà nước về thương mại trong sở hữu trí tuệ đầy đủ và hiệu quả là một đòi hỏi cấp bách của quá trình hội nhập và của công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Trong quá trình hình

thành nền kinh tế tri thức càng đòi hỏi phải nhanh chóng thực hiện các mục tiêu liên quan đến quản lý Nhà nước về thương mại trong sở hữu trí tuệ.

+ Việt Nam cần phải thắt chặt quản lý nền công nghiệp hàng giả, đảm bảo quyền lợi cho các hoạt động thương mại thực thi đúng pháp luật. Nền sản xuất hàng giả chứa đựng nhiều nguy cơ và hậu quả xấu, nó bóp nghẹt các nỗ lực sáng tạo trong nước và làm nản chí các nhà đầu tư nước ngoài; từ đó gây phương hại đến lợi ích vật chất, tinh thần của người tiêu dùng và xã hội. Mặt khác, điều kiện quốc tế mới với khuynh hướng toàn cầu hoá ngày càng sâu rộng, các hoạt động kinh tế, thương mại, đòi hỏi càng chú trọng hơn đến vấn đề bảo hộ sở hữu trí tuệ, ngăn chặn việc sản xuất và lưu thông hàng giả và coi đó là một tệ nạn có tác động phá hoại các nỗ lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

+ Chú trọng xây dựng hệ thống pháp lý, các quy phạm pháp luật để đảm bảo cho người kinh doanh yên tâm đầu tư nghiên cứu sản phẩm mới, công nghệ mới cũng như khai thác các thành quả mà những nghiên cứu đó đem lại. Đây là vấn đề có tính chất nguyên tắc và có ý nghĩa quan trọng đối với việc phát triển hệ thống quản lý bảo hộ sở hữu trí tuệ hay sở hữu công nghiệp.

+ Chú trọng quản lý thương mại trên mọi phương diện nhằm tạo một trạng thái cân bằng tương đối giữa lợi ích của xã hội và lợi ích của người sở hữu các thành quả sáng tạo. Nhà nước cần có các biện pháp để hỗ trợ các nhà khoa học tạo ra các sản phẩm trí tuệ mới.

Những biện pháp trên đây chỉ mang tính ngắn hạn còn trong dài hạn (từ năm 2010 đến năm 2020) Việt Nam cần phải đưa ra các biện pháp, chiến lược cũng như các giải pháp đổi mới quản lý Nhà nước về thương mại trong sở hữu trí tuệ cụ thể hơn nữa.

+ Tiếp tục củng cố và hoàn thiện hơn nữa hệ thống quản lý Nhà nước về thương mại trong sở hữu trí tuệ sao cho phù hợp với tình hình thực tế của đất nước và tình hình phát triển chung của thế giới.

+ Hoàn tất cơ cấu hệ thống quản lý hành chính Nhà nước về thương mại trong sở hữu trí tuệ theo nguyên tắc đơn giản, nhanh gọn, hiệu quả. Quản lý và vận hành hệ thống sở hữu trí tuệ theo Bộ luật về sở hữu trí tụê 2005. Bên cạnh đó, nâng cấp dần hệ thống quản lý sở hữu trí tuệ theo trình độ phát triển chung của thế giới và đòi hỏi của sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

4. Giải pháp hợp tác quốc tế về thương mại

Mở rộng hợp tác quốc tế được coi là một trong những điều kiện quan trọng để từng bước phát triển kinh tế tri thức, thực hiện nhanh sự nghiệp công

nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta. Thông qua hợp tác quốc tế sẽ tạo điều kiện cho nước ta nhanh chóng tham gia vào quá trình toàn cầu hóa và khu vực hóa. Do đó hợp tác quốc tế về thương mại là một giải pháp rất quan trọng đối với mỗi quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế và hội nhập, đây cũng là xu thế phát triển chung của thời đại.

- Hợp tác quốc tế trong đào tạo nguồn nhân lực cho ngành thương mại.

Trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức, nguồn lực con người được đào tạo ở trình độ cao luôn đóng vai trò quyết định đến phát triển thương mại ở nước ta. Những nguồn lực khác như vốn, máy móc thiết bị mặc dù quan trọng nhưng trong nền kinh tế tri thức bị đưa xuống vị trí thứ hai. Có nguồn nhân lực phát triển là động lực để khơi dậy những nguồn lực khác như trong xây dựng cơ sở hạ tầng cho nền kinh tế tri thức, trong việc khai thác các khả năng sáng tạo của con người, trong việc ứng dụng và khai thác các công nghệ thông tin phục vụ cho quá trình phát triển kinh tế và thương mại. Trong nền kinh tế tri thức đòi hỏi nguồn lực con người ở trình độ rất cao, có khả năng xử lý các tình huống phát sinh trong thương mại nhanh nhất, hiệu quả và năng động nhất. Để ngành thương mại có được đội ngũ nhân lực chất lượng cao toàn diện, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, từng bước phát triển kinh tế tri thức thì ngoài việc chúng ta cần đổi mới và nâng cao chất lượng công tác đào tạo trong nước bằng việc nâng cao hơn nữa chất lượng của các cơ sở giáo dục đào tạo và dạy nghề, đầu tư cho các cơ sở về máy móc thiết bị, công nghệ, giáo trình, giáo viên giỏi, nâng cao khả năng lý thuyết kết hợp với thực tiễn. Mặt khác, chúng ta có thể hợp tác quốc tế về đào tạo nguồn nhân lực với các ngành nghề mà trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức đặt ra như các ngành công nghệ cao, công nghệ sinh học... Thông qua hợp tác quốc tế chúng ta có thể đào tạo được đội ngũ nhân lực có chất lượng cao toàn diện với những chuyên gia có trình độ chuyên môn cao và khả năng tổ chức điều hành giỏi làm hạt nhân cho phát triển các ngành và lĩnh vực khác của nền kinh tế.

- Hợp tác quốc tế trong thông tin và xúc tiến thương mại.

Nước ta cần xây dựng hệ thống mạng thông tin kết nối trong nước và các thị trường ngoài nước với đầy đủ các thông tin về chính sách, luật pháp, tập quán kinh doanh quốc tế, thuế quan, thủ tục hải quan, các thông tin về thị trường giá cả, khách hàng vv... Hệ thống thông tin này càng đầy đủ, chi tiết cùng với mạng lưới phân phối và khai thác thông tin hiện đại sẽ thúc đẩy các hoạt động hợp tác quốc tế trong thương mại phát triển nhanh chóng, là cơ sở cho đầu tư nước ngoài gia tăng vào Việt Nam và từ Việt Nam sang các nước. Việc tiếp cận và khai thác đầy đủ các thông tin sẽ giúp cho các doanh nghiệp có định hướng chiến lược đúng hướng, kinh doanh hiệu quả góp phần mở rộng

sản xuất, tiêu thụ hàng hoá, giải quyết lao động và nâng cao đời sống dân cư. Các hoạt động xúc tiến thương mại như tổ chức hội chợ, triển lãm, cử các đoàn khảo sát thị trường nước ngoài, tổ chức hợp tác liên kết giữa các khu vực thị trường, giữa các đối tác trong và ngoài nước sẽ giúp cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hoá, các sản phẩm hàng hoá được nâng cao chất lượng, hạ giá thành và cải tiến mẫu mã phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng. Để thực hiện tốt công tác hợp tác quốc tế trong thông tin, xúc tiến thương mại, chúng ta phải tiếp tục củng cố và hoàn thiện hệ thống tổ chức thông tin, xúc tiến thương mại trong cả nước. Nâng cao chất lượng thông tin, hiệu qủa của các hoạt động xúc tiến thương mại thông qua sự phối hợp chặt chẽ vơi các đại sứ, tham tán thương mại ở nước ngoài. Sử dụng có hiệu quả quỹ xúc tiến thương mại, khuyến khích thoả đáng về vật chất và tinh thần cho các cán bộ, thương nhân, việt kiều tham gia cung cấp các thông tin có giá trị. Ngoài ra Nhà nước, các doanh nghiệp cần ưu tiên đầu tư nâng cấp các cơ sở hạ tầng phục vụ công tác thông tin, xúc tiến thương mại, dành nguồn kinh phí thoả đáng để tham gia hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm, mở rộng thị trường v.v...

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ quản lý và kinh doanh thương mại.

Đây là sự hợp tác giữa nước ta (các Bộ, Ngành, địa phương, doanh nghiệp) với các đối tác nước ngoài trong việc cùng nghiên cứu giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ liên quan đến lĩnh vực thương mại của nước ta. Nội dung hợp tác nghiên cứu cần đi sâu vào những vấn đề bức xúc nhất hiện nay như: nâng cao khả năng cạnh tranh của các sản phẩm xuất khẩu chủ lực, nội hóa các loại giống cây trồng, vật nuôi có chất lượng và giá trị kinh tế cao theo yêu cầu của thị trường hoặc những vấn đề khoa học và công nghệ có tầm tác động chiến lược dài hạn như phát triển công nghệ thông tin, vật liệu mới, chuyển đổi cơ cấu kinh tế và phát triển bền vững. Tuy nhiên để có thể hợp tác với các nước và trở thành mắt xích trong mạng lưới sản xuất của khu vực, nước ta phải dựa trên quá trình tích luỹ và luôn luôn đưa ra những sản phẩm mới theo yêu cầu của các mạng lưới sản xuất trong khu vực. Do Việt Nam là nước đi sau, quy mô công nghiệp còn nhỏ bé nên phải chọn chiến lược cạnh tranh và hợp tác thích hợp tuỳ theo năng lực của mình. Cần lựa chọn những sản phẩm mà Việt Nam có thể sản xuất mang lại hiệu quả, những sản phẩm có thể hợp tác với đối tác nước ngoài để cùng chia sẻ lợi ích, tránh việc cạnh tranh toàn diện, ồ ạt không hiệu quả. Chúng ta có thể tiến tới hợp tác từng bước, vừa hợp tác vừa cạnh tranh. Để thực hiện được sự hợp tác trên chúng ta phải dành nguồn tài chính thoả đáng có thể từ ngân sách Nhà nước hoặc doanh nghiệp tuỳ chủ đề nghiên cứu và người sở hữu thành quả nghiên cứu.

Qua hợp tác quốc tế chúng ta có thể kế thừa các thành tựu khoa học kỹ thuật và công nghệ tiên tiến của thế giới để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thương mại quốc tế về khoa học và công nghệ.

Thông qua hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ, chúng ta có thể kế thừa những thành tựu của thế giới để thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước, từng bước phát triển nền kinh tế tri thức. Việt Nam cần đẩy nhanh tốc độ đàm phán và ký kết việc gia nhập các tổ chức quốc tế mà tổ chức lớn nhất là WTO, nghiên cứu đàm phán và ký kết các hiệp định tự do thương mại song phương và đa phương giữa Việt Nam và các nước trong khu vực và trên thế giới, thúc đẩy lưu thông hàng hoá và các nguồn lực cho sản xuất, tạo điều kiện cho sản xuất và kinh doanh trong nước nhanh chóng tiếp nhận những thành tựu khoa học hiện đại để ứng dụng trong sản xuất kinh doanh. Thông qua hợp tác quốc tế, nước ta có thể tiếp thu từ các nước những thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến nhất như: máy móc thiết bị, vật liệu cao cấp, các sáng chế, phát minh, bí quyết công nghệ... Ngoài ra, chúng ta có thể thuê các chuyên gia hàng đầu của nước ngoài vào trao đổi, tư vấn, hợp tác nghiên cứu những vấn đề khoa học và công nghệ mà trong nước chưa đủ khả năng xử lý hoặc xử lý kém hiệu quả...

Để tăng cường thúc đẩy các hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ cần thực hiện tốt những điều cam kết trong các Hiệp định đã ký kết, nhất là vấn đề sở hữu trí tuệ, vấn đề chống ô nhiễm môi trường, thực hiện các trách nhiệm xã hội, phúc lợi cho người lao động. Trong nền kinh tế tri thức, sở hữu trí tuệ được đưa lên hàng đầu nhằm bảo đảm hợp tác quốc tế được phát triển bền vững lâu dài, những sản phẩm vật chất và phi vật chất khi đã được đăng ký bản quyền thì không thể làm giả, làm nhái sản phẩm đó nếu không được tác giả bản quyền cho phép. Sự bảo đảm về sở hữu trí tuệ sẽ là động lực thúc đẩy các doanh nghiệp yên tâm đầu tư nghiên cứu tìm ra nhiều phát minh sáng kiến, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tạo ra những sản phẩm mới tốt hơn phục vụ cho sản xuất, kinh doanh. Với việc thực hiện những cam kết trên sẽ tạo ra sức hút các nhà đầu tư, phát triển các hợp tác quốc tế về thương mại, khoa học công nghệ, khuyến khích các nhà sản xuất và kinh doanh ứng dụng những tri thức mới, tạo ra tri thức mới trong sản xuất kinh doanh đáp ứng tốt hơn nhu cầu người tiêu dùng.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác quốc tế về thương mại trong mọi lĩnh vực, Nhà nước cần có lộ trình áp dụng rộng rãi thương mại điện tử trên

phạm vi cả nước. Trong nền kinh tế tri thức, thương mại điện tử được áp dụng mạnh mẽ với nhiều ứng dụng khác nhau như xây dựng những thị trường ảo, mua bán qua mạng, đàm phán, giao dịch và ký kết hợp đồng qua mạng, xúc tiến đầu tư, thực hiện đầu tư tại các quốc gia khác nhau thông qua thương mại điện tử v.v là những hình thức phổ biến và ngày càng được phát triển rất đa dạng trong nền kinh tế tri thức. Các hoạt động thương mại của Việt Nam còn bị hạn chế rất nhiều chủ yếu thông qua hình thức thương mại truyền thống. Hiện nay quá trình ứng dụng thương mại điện tử ở Việt Nam trong hợp tác quốc tế về thương mại còn rất sơ khai và mang tính tự phát, đồng thời rủi ro cao do chưa có những chế tài pháp luật điều chỉnh. Trong khi đó các quốc gia trên thế giới đã áp dụng mạnh mẽ thương mại điện tử trong hợp tác thương mại quốc tế, khai thác triệt để lợi thế kinh doanh, đầu tư thông qua thương mại điện tử. Việc ứng dụng thương mại điện tử trong hợp tác thương mại quốc tế làm cho hiệu quả đầu tư và phát triển thương mại nhanh chóng tăng lên, hình thức hợp tác quốc tế về thương mại thông qua thương mại điện tử dần dần thay chỗ cho hình thức thương mại theo kiểu truyền thống. Sự gia tăng hợp tác quốc tế về thương mại giữa các quốc gia phụ thuộc vào mức độ phát triển của thương mại điện tử giữa các quốc gia. Vì vậy, Việt Nam cần khẩn trương đưa ra lộ trình phát triển thương mại điện tử trong hợp tác quốc tế về thương mại, đồng thời mở rộng tuyên truyền cho các doanh nghiệp Việt Nam tạo ra thói quen, ý thức sử dụng thương mại điện tử trong hợp tác quốc tế về thương mại, khuyến khích sử dụng thương mại điện tử trong kinh doanh, coi sử dụng thương mại điện tử trong hợp tác quốc tế là một hình thức tất yếu khi kinh doanh trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức.

V. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Kiến nghị với Chính phủ:

Thúc đẩy phát triển thương mại trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức ở Việt Nam có ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển kinh tế đất nước. Kinh nghiệm ở những quốc gia có nền kinh tế phát triển cho thấy chính phủ có vai trò vô cùng quan trọng trong việc xây dựng, hoạch định chiến lược, chủ trương, chính sách từng bước hình thành kinh tế tri thức. Việt Nam là một nước đang phát triển và đang chuyển đổi, vì vậy từng bước phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam có gắn kết chặt chẽ với rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Do vậy khi đề cập đến những giải pháp phát triển thương mại trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức cần phải đặt trong bối cảnh tổng thể của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta. Muốn vậy, Chính phủ cần sớm nghiên cứu, xây dựng một chiến lược cho quá trình biến môi trường kinh tế xã hội của đất nước trở nên thân thiện hơn với sự đổi mới sáng tạo và tiếp

thu tri thức trong nước và ngoài nước. Bên cạnh đó, tiếp tục đổi mới chính sách, tạo lập khuôn khổ pháp lý mới, hình thành đồng bộ hệ thống thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Cần xác định lại chức năng quản lý vĩ mô mà không thu hẹp vai trò của Nhà nước. Nhà nước tạo môi trường pháp lý, thể chế hữu hiệu cho việc lưu thông tri thức và công nghệ; kích thích, thúc đẩy đổi mới thông qua các chính sách vĩ mô, khắc phục những khiếm khuyết của thị trường thông qua việc cung cấp những dịch vụ và hàng hóa công, đảm bảo công bằng xã hội.

Chính phủ cần tạo động lực kích thích đổi mới thông qua cạnh tranh phát triển kinh tế thị trường, xây dựng môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, từng bước hạn chế độc quyền, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm nhằm đáp ứng các nhu cầu của thị trường. Nhanh chóng xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ và sở hữu công nghiệp để khuyến khích đầu tư nước ngoài và chuyển giao công nghệ vào Việt Nam, khuyến khích chuyển giao công nghệ từ các kết quả nghiên cứu và triển khai trong nước cho các doanh nghiệp. Ưu tiên phát triển thị trường khoa học và công nghệ để khuyến khích phát triển sản xuất và trao đổi các sản phẩm tri thức. Thể chế hóa quyền tự do di chuyển nhân lực, nhất là nhân lực khoa học và công nghệ giữa các khu vực, các loại hình tổ chức, kể cả trong và ngoài nước, giữa các tổ chức Nhà nước và tư nhân. Thực thi các chính sách khuyến khích hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ. Xây dựng cơ chế đầu tư mạo hiểm, thúc đẩy các nguồn lực hướng vào sáng tạo; đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Hay nói cách khác Chính phủ cần nghiên cứu và xây dựng một môi trường thể chế chính sách khuyến khích phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam.

Kiến nghị với Bộ Thương mại:

Bộ Thương mại với tư cách là cơ quan tham mưu cho Chính phủ về cơ chế, chính sách quản lí và phát triển thương mại của Việt Nam cần nhanh chóng thể chế hóa, xây dựng và ban hành các văn bản pháp luật nhằm phát triển thương mại trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức ở nước ta.

- Cần tập trung rà soát lại các văn bản pháp luật liên quan tới lĩnh vực thương mại, các cam kết đối với các nước trong khu vực và trên thế giới để làm cơ sở tiếp tục hoàn thiện những bộ luật đã ban hành và xây dựng thêm những luật còn thiếu, công khai hóa, minh bạch hóa các văn bản pháp luật và hệ

thống chính sách, cơ chế đối với các tổ chức quốc tế và khu vực. Để thúc đẩy phát triển thương mại điện tử, ngoài việc ưu tiên đầu tư hoàn thiện các cơ sở hạ tầng; Đào tạo nguồn nhân lực cho thương mại điện tử cần tạo khuôn khổ pháp lý thuận lợi cho phát triển thương mại điện tử, qua đó góp phần thúc đẩy hình thành nền kinh tế tri thức ở nước ta. Bộ Thương mại cần tích cực tham gia vào quá trình trên, đồng thời đẩy nhanh tiến độ tin học hóa quản lý hành chính Nhà nước về thương mại, thông qua việc tích cực tham gia chính phủ điện tử. Cần ban hành ngay những văn bản, hướng dẫn dưới luật và các chính sách kèm theo để ứng dụng thương mại điện tử vào thực tiễn trong lộ trình kế hoạch khung về xây dựng và phát triển thương mại điện tử ở Việt Nam.

- Quá trình xây dựng nội dung và ban hành các văn bản pháp luật cần hướng vào việc nâng cấp tính tin cậy của việc sử dụng các phương tiện, phương pháp điện tử để thực hiện các hoạt động thương mại. Đặc biệt quan tâm đến những vấn đề về quyền sở hữu trí tuệ, về mở rộng, phát triển hệ thống giao dịch và thanh toán điện tử sao cho an toàn, thuận tiện, hình thành các văn bằng điện tử (đặc biệt là chữ ký điện tử), đảm bảo an toàn bảo mật, bảo vệ bí mật cá nhân và các quyền lợi của các chủ thể tham gia vào hoạt động thương mại.

Một số khuyến nghị với hiệp hội, các doanh nghiệp:

Tham gia vào quá trình phát triển thương mại, đặc biệt là thương mại điện tử bao gồm trước hết là đông đảo các doanh nghiệp, doanh nhân từ Tổng công ty lớn đến các doanh nghiệp vừa và nhỏ thuộc các thành phần kinh tế khác nhau. Ngoài đội ngũ các doanh nghiệp, còn có các cơ quan quản lý thuộc các Bộ, ngành, các Viện nghiên cứu và các cơ quan có liên quan khác. Trong mối quan hệ này, Chính phủ đề ra mục tiêu phát triển, tạo lập khuôn khổ pháp lý, xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin, còn doanh nghiệp phải chủ động phối hợp tham gia vào thương mại điện tử. Các doanh nghiệp cần nâng cao nhận thức và tạo lập các khả năng, điều kiện để tham gia vào nền thương mại toàn cầu như đầu tư phát triển nguồn nhân lực có đủ trình độ tiếp thu và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến, đặc biệt là ứng dụng phương thức kinh doanh thương mại điện tử, đầu tư các trang thiết bị hiện đại cần thiết để phục vụ kinh doanh và sẵn sàng chấp nhận cạnh tranh với mọi đối thủ trên thị trường trong nước và thế giới.

Kết luận

Trong những năm gần đây, xu thế chuyển sang nền kinh tế tri thức diễn ra phổ biến ở nhiều nước trên thế giới; trong đó có cả các nước đang phát triển. Để tránh nguy cơ tụt hậu, con đường tất yếu của Việt Nam là biết phát huy những lợi thế, tận dụng mọi khả năng thuận lợi nhằm từng bước phát triển kinh tế tri thức để đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Tham gia vào quá trình hình thành và phát triển nền kinh tế tri thức ở Việt Nam, đòi hỏi phải có sự đóng góp tích cực của các cấp, các ngành trong đó ngành Thương mại đóng vai trò rất quan trọng. Đề tài "Định hướng phát triển thương mại trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức ở Việt Nam" được triển khai nghiên cứu cũng nhằm mục tiêu trên.

Đề tài đã tập trung làm rõ một số vấn đề lý luận về kinh tế tri thức và phát triển thương mại trong nền kinh tế tri thức; đồng thời cũng đánh gía được thực trạng và khả năng đáp ứng của Thương mại Việt Nam trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức ở Việt Nam. Đề tài cũng đề xuất định hướng phát triển Thương mại trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức ở Việt Nam thời kỳ đến năm 2010, 2020 và các giải pháp thực hiện các định hướng đó.

Để tham gia vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong điều kiện từng bước phát triển kinh tế tri thức, ngành Thương mại nước ta cần xây dựng được những định hướng phát triển mang tính chiến lược dựa trên nền tảng của sự phát triển tri thức; trong đó phát triển thương mại điện tử là trọng tâm, tăng cường hội nhập sâu, rộng vào nền thương mại thế giới; đồng thời phát triển bền vững theo hướng văn minh, hiện đại cùng với việc tích cực đổi mới quản lý Nhà nước về thương mại.

Trong quá trình triển khai nghiên cứu, Ban chủ nhiệm đề tài đã nhận được sự giúp đỡ của Bộ Thương mại, các Bộ, ngành, địa phương, các chuyên gia trong việc cung cấp số liệu, đóng góp ý kiến để nội dung nghiên cứu ngày càng được hoàn thiện. Đây là đề tài nghiên cứu mang tính chiến lược đòi hỏi có cơ sở lý luận và thực tiễn cao, bao gồm nhiều nội dung phong phú liên quan đến nhiều lĩnh vực, nhưng với giới hạn của một đề tài nghuên cứu cấp Bộ sẽ không tránh khỏi những hạn chế nhất định. Ban chủ nhiệm đề tài kiến nghị với Bộ Thương mại cho tiếp tục mở rộng nghiên cứu, triển khai bổ sung những nội dung mới, những vấn đề phát sinh với quy mô lớn hơn để phục vụ tốt cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong điều kiện từng bước phát triển kinh tế tri thức ở nước ta./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc làn thứ 8, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 9, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

3. Nguyễn Quốc Hùng, Nền kinh tế mới toàn cầu hoá và thử thách với các nước đang phát triển, Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế 5, 6-2000.

4. Trung tâm thông tin - Thống kê lao động và xã hội, thực trạng lao động - việc làm ở Việt Nam năm 1996 - 2003.

5. Trần Văn Tùng, *Nền Kinh tế tri thức và yêu cầu đổi mới giáo dục Việt Nam,* NXB Thế giới, Hà Nội, 2001.

6. Chiến lược phát triển giáo dục đào tạo đến năm 2010.

7. Chương trình quốc gia về CNTT của Việt Nam đến năm 2010.

8. Vũ Trọng Lâm (chủ biên), Kinh tế tri thức ở Việt Nam: Quan điểm và giải pháp phát triển, NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2004.

9. Lưu Ngọc Trịnh (chủ biên): Bước chuyển sang nền kinh tế tri thức ở một số nước trên thế giới hiện nay, NXB Giáo dục; 2002.

10. Nguyễn Xuân Thắng (chủ biên): Một số xu hướng phát triển chủ yếu hiện nay của nền kinh tế thế giới, NXB Khoa học Xã hội; 2003.

11. Bùi Trường Giang: Điều chỉnh chính sách phát triển kinh tế tạo dựng nền móng cho nền kinh tế tri thức, T/cNVĐ KTTG, số 6/2002.

12. Đỗ Đức Hiệp: Công nghệ thông tin trong sự phát triển kinh tế các nước và Việt Nam, T/c NVĐ KTTG; số 12/2003.

13. Nguyễn Thị Thanh Thuỷ: Thị trường thế giới về gia công xuất khẩu phần mềm và con đường tham gia của Việt Nam, T/c NVĐ KTTG, số 5/2003.

14. Khương Duy: Công nghệ thông tin và tác động kinh tế của nó, T/c NVĐ KTTG, số 7/2002.

15. Viện Chiến lược phát triển: Cơ sở khoa học của một số vấn đề trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam đến năm 2010 và tầm nhìn 2020, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.

16. Đặng Hữu: Kinh tế tri thức "Thời cơ và thách thức đối với nước ta", Tạp chí Cộng sản số 8 (4 - 2000).

17. Ban Khoa giáo Trung ương, Bộ Ngoại giao, Bộ Khoa học, công nghệ và môi trường "Kỷ yếu hội thảo khoa học, kinh tế tri thức và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam, Hà Nội", 6 - 2000.

18. Nguyễn Cảnh Hồ "Bàn về thực chất của kinh tế tri thức, Tạp chí Cộng sản", số 7 (4 - 2001).

19. Phạm Đức Thành "Kinh tế tri thức - nền kinh tế của thế kỷ XXI, Tạp chí kinh tế và phát triển", số 38 (8 - 2001).

20. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương: Kinh tế tri thức, vấn đề và giải pháp, Nhà xuất bản thống kê, Hà nội.

21. GS.TS. Ngô Quý Tùng: Kinh tế tri thức, Xu thế mới của xã hội thế kỷ XXI, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.

22. Kỷ yếu Hội thảo khoa học của đề tài trọng điểm cấp Bộ (2001 - 38 - 02 TĐ): Kinh tế tri thức với đào tạo nguồn nhân lực ở Việt Nam trong thập niên đầu của thế kỷ XXI, Hà Nội, (8 - 2002).

23. Đặng Hữu "Phát triển kinh tế tri thức, rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa", Tạp chí Cộng sản, số 22, (8 - 2002).

24. GS. TS. Nguyễn Kế Tuấn " Phát triển kinh tế tri thức đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.

25. Đặng Hữu "Đào tạo nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa dựa trên tri thức ở nước ta hiện nay", Tạp chí Cộng sản số 4, (2 - 2005)

BỘ THƯƠNG MẠI

ĐỀ TÀI KHOA HỌC CẤP BỘ

Báo cáo tóm tắt

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI TRONG QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH NỀN KINH TẾ TRI THỨC CỦA VIỆT NAM

5897
21/6/2006

HÀ NỘI 12/2005

LỜI NÓI ĐẦU

Từ cuối thế kỷ XX và sang thế kỷ XXI, với sự hình thành nền kinh tế tri thức đã đưa nhân loại bước sang thời đại văn minh mới - văn minh trí tuệ; trong đó việc sáng tạo và khai thác tri thức sẽ là phần chủ đạo trong quá trình tạo ra của cải, nâng cao chất lượng cuộc sống; trí thức đã trở thành nhân tố quan trọng nhất, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội của các quốc gia. Bằng sử dụng tri thức mới đã đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo giá trị gia tăng cao, nâng cao chất lượng, hiệu quả, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và bảo đảm sự phát triển bền vững. ở các nước thuộc tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD), kinh tế tri thức đã chiếm hơn 50% GDP, công nhân trí thức chiếm hơn 60% lực lượng lao động; đối với một số nước đang phát triển, kinh tế tri thức cũng mang lại nhiều thành quả đáng kể.

Để rút ngắn khoảng cách, con đường tất yếu của Việt Nam cũng như các nước đang phát triển là phải ra sức tranh thủ tiếp thu các thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến, từng bước xây dựng và phát triển các yếu tố của nền kinh tế tri thức trong mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi địa phương để tạo đòn bẩy trong phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước với thời gian ngắn nhất. Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX đã chỉ rõ: "Phát huy những lợi thế của đất nước, tận dụng mọi khả năng để đạt được trình độ công nghệ tiên tiến, đặc biệt là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học, tranh thủ ứng dụng ngày càng nhiều hơn, ở mức độ cao hơn và phổ biến hơn những thành tựu mới về khoa học và công nghệ, từng bước phát triển kinh tế tri thức".

Hiện nay, ở nước ta tuy kinh tế tri thức mới ở thời kỳ đầu trong quá trình hình thành và phát triển, nhưng đã đạt được những thành tựu đáng kể và ngày càng đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. Là một bộ phận cấu thành trọng yếu của nền kinh tế quốc dân, lĩnh vực thương mại nước ta cũng đang bước đầu chuyển động từ lưu thông, trao đổi và phân phối các hàng hoá là sản phẩm của nền kinh tế tài nguyên sang lưu thông, trao đổi và phân phối các sản phẩm của nền kinh tế tri thức. Thương mại, nhất là thương mại điện tử đang vừa là tác nhân vừa là hệ quả tất yếu của nền kinh tế tri thức. Một mặt, thương mại góp phần thúc đẩy hình thành và phát triển nền kinh tế tri thức. Mặt khác, sự hình thành và phát triển của kinh tế tri thức cũng đặt ra những yêu cầu mới đối với sự phát triển của thương mại nhằm đáp ứng các yêu cầu của nền kinh tế tri thức. Việc nghiên cứu đề tài **"Định hướng phát triển thương mại trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức ở Việt Nam"** là hết sức cần thiết và có ý nghĩa rất quan trọng mang tính chiến lược.

* **Mục tiêu nghiên cứu của đề tài:**

- Làm rõ một số vấn đề lý luận về kinh tế tri thức và phát triển thương mại trong nền kinh tế tri thức.

- Đánh giá thực trạng trình độ và khả năng đáp ứng của thương mại Việt Nam trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức ở Việt Nam .

- Đề xuất định hướng phát triển thương mại trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức ở Việt Nam thời kỳ đến năm 2010, 2020 và các giải pháp để thực hiện các định hướng đó.

* **Đối tượng và phạm vi nghiên cứu :**

- *Đối tượng nghiên cứu*

Là các hoạt động thương mại và định hướng phát triển thương mại trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức ở Việt Nam thời kỳ đến năm 2010, 2020 cùng với các giải pháp thực hiện các định hướng đó.

- *Giới hạn phạm vi nghiên cứu:*

+ Lĩnh vực nghiên cứu: Thương mại hàng hoá, thương mại dịch vụ và sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức ở Việt Nam

+ Về không gian: Trên phạm vi toàn quốc, trong đó trọng tâm là Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Về thời gian: Số liệu đánh giá hiện trạng từ 1990 và định hướng phát triển thương mại thời kỳ đến năm 2010, 2020

*** Phương pháp nghiên cứu:**

- Khảo sát thực tế tại một số đơn vị hoạt động thương mại điển hình trên phạm vi cả nước, đặc biệt là ở Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

- Phương pháp hệ thống hoá và khái quát hoá

- Phương pháp tổng hợp và phân tích

- Phương pháp so sánh

- Phương pháp chuyên gia

- Các phương pháp khác

***Nội dung nghiên cứu:** Ngoài phần mở đầu, kết luận, nội dung báo cáo tổng hợp gồm 3 phần chính:

Phần thứ nhất: Một số vấn đề lý luận về phát triển thương mại trong nền kinh tế tri thức **.**

Phần thứ hai: Thực trạng trình độ và khả năng đáp ứng của thương mại Việt Nam trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức ở Việt Nam.

Phần thứ ba: Định hướng phát triển thương mại trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức ở Việt Nam và các giải pháp thực hiện.

Phần thứ nhất

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI TRONG NỀN KINH TẾ TRI THỨC

I. Khái niệm, đặc trưng và vai trò của kinh tế tri thức đối với phát triển kinh tế - xã hội.

1. Khái niệm và đặc trưng của kinh tế tri thức

Khái niệm kinh tế tri thức được Liên hợp quốc chính thức sử dụng từ đầu những năm 1990. Đó là nền kinh tế chủ yếu dựa vào khoa học và tri thức, cốt lõi của nền kinh tế tri thức chính là công nghệ cao. Trong thực tế khái niệm này còn được gọi bằng nhiều tên khác nhau như" nền kinh tế số", "nền kinh tế thông tin", "nền kinh tế mới"... với những cách giải thích khác nhau, nhưng về cơ bản đều nhấn mạnh vai trò của tri thức đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Theo định nghĩa của tổ chức OECD và APEC," Kinh tế tri thức là nền kinh tế trong đó có sự sản sinh ra, truyền bá và sử dụng tri thức là động lực chủ yếu nhất của sự tăng trưởng, tạo ra của cải, tạo việc làm trong tất cả các ngành kinh tế ". Đây là khái niệm được sử dụng phổ biến nhất hiện nay ở các nước trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Một số đặc trưng chính của nền kinh tế tri thức là:

Thứ nhất, tri thức khoa học và công nghệ, kỹ năng của con người trở thành lực lượng sản xuất quan trọng hàng đầu. Trong nền kinh tế tri thức, tri thức khoa học và công nghệ của con người đã phát triển đến mức trở thành nguyên nhân trực tiếp của mọi biến đổi trong đời sống kinh tế - xã hội thông qua việc tạo ra những ngành sản xuất mới đóng vai trò mũi nhọn trong cơ cấu kinh tế, tạo ra những phương pháp sản xuất mới, những vật liệu và năng lượng mới với những ưu thế vượt trội so với những công cụ, nguyên liệu, năng lượng và phương pháp truyền thống do cuộc cách mạng công nghiệp tạo ra.

Thứ hai, sự phát triển mạnh mẽ và ứng dụng rộng rãi với hiệu quả cao của công nghệ thông tin. Sự phát triển công nghệ thông tin là một trong những biểu hiện rõ nhất của sự phát triển trí tuệ con người, đồng thời nó cũng là phương tiện quan trọng hàng đầu cho sự phát triển trí tuệ. Tại các nước công nghiệp đang có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ kinh tế nông nghiệp và kinh tế công nghiệp sang kinh tế thông tin. Ngành truyền thông bao gồm hệ thống thiết kế, truyền và xử lý thông tin đang chiếm vị trí cao trong nền kinh tế quốc dân. Ở Hoa Kỳ, ngành thông tin không những là ngành công nghiệp lớn nhất mà còn là ngành có tốc độ tăng trưởng cao nhất.

Thứ ba, nền kinh tế tri thức lấy thị trường toàn cầu làm hướng hoạt động chính. Công nghệ thông tin, nhất là mạng Internet làm cho không gian trở nên nhỏ bé. Tri thức, công nghệ, vốn, hàng hoá, lao động, cách quản lý... không bị bó hẹp trong biên giới một quốc gia, giúp cho hoạt động kinh tế mang tính toàn cầu.

Thứ tư, tri thức và những phát minh khoa học và công nghệ sản sinh từ tri thức ở trình độ cao là yếu tố cơ bản tạo nên lợi thế cạnh tranh của sản phẩm, của doanh nghiệp và của quốc gia. Trong điều kiện cạnh tranh, sự đổi mới công nghệ, sự năng động, nhạy bén với sự thay đổi là yếu tố cơ bản tạo nên năng lực cạnh tranh, bảo đảm nền tảng vững chắc cho sự tồn tại và phát triển của mỗi chủ thể.

Thứ năm, nền kinh tế tri thức mang đặc tính tăng trưởng bền vững, làm mờ nhạt các chu kỳ kinh tế. Quan hệ kinh tế quốc tế sẽ phát triển một cách ổn định, làm giảm nguy cơ về khủng hoảng kinh tế khu vực và thế giới.

Thứ sáu, chủ quyền về lãnh thổ quốc gia cần phải được nhận thức, quan niệm sát thực và linh hoạt. Ngày càng có nhiều hãng trong nước chuyển ra nước ngoài sản xuất, đất đai trở nên kém giá trị hơn so với công nghệ. Áp lực về tri thức và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài làm cho chức năng Nhà nước, đặc biệt là các quốc gia nghèo phải được xác định lại.

Nhà nước không còn chức năng điều khiển các nguồn lực mà tập trung vào chức năng đàm phán để lợi dụng các cơ hội vì mục tiêu phát triển kinh tế.

Để đánh giá các nền kinh tế theo góc độ của kinh tế tri thức, phần lớn các nhà nghiên cứu đã sử dụng hệ thống chỉ tiêu Ma trận gồm 61 chỉ tiêu đánh gía cơ cấu và tính chất kinh tế xã hội của một quốc gia về trình độ kinh tế tri thức do Tổ chức Ngân hàng Thế giới (WB) xây dựng.

2. Vai trò của kinh tế tri thức đối với phát triển kinh tế - xã hội

2.1. *Tri thức và tăng trưởng kinh tế*

- Sự ra đời và phát triển kinh tế tri thức luôn gắn liền với sự phát triển của khoa học và công nghệ cao cùng với hiệu quả to lớn do biết ứng dụng những công nghệ đó vào đời sống kinh tế - xã hội.

- Sự phát triển kinh tế tri thức tác động mạnh mẽ đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế của mỗi quốc gia cũng như cơ cấu kinh tế toàn cầu.

- Sự phát triển kinh tế tri thức tạo nên những biến đổi xã hội sâu sắc.

Trong nền kinh tế tri thức, với những thành tựu mới của khoa học và công nghệ dẫn đến sự biến đổi to lớn về cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động xã hội. Trình độ của người lao động được nâng cao tương ứng với trình độ của khoa học và công nghệ.

2.2. Kinh tế tri thức thúc đẩy qúa trình toàn cầu hóa kinh tế

Những phát minh quan trọng trong giao thông, truyền thông và những tiến bộ vượt bậc trong công nghệ thông tin là ba yếu tố quan trọng của quá trình toàn cầu hoá. Tốc độ gia tăng thông tin trên thị trường thế giới cùng với cơ sở vật chất của công nghệ thông tin phát triển nhanh chóng đã giúp cho quá trình trao đổi thông tin toàn cầu tăng đáng kể từ thập kỷ 80. Sáng tạo kiến thức và toàn cầu hoá giúp cho con người có cơ hội tiếp cận tri thức. Kinh tế tri thức trở thành động lực thúc đẩy toàn cầu hoá phát triển mạnh hơn và ngược lại, toàn cầu hoá là động lực tạo ra các công nghệ mới, nền tảng của kinh tế tri thức.

II. Vai trò và mối quan hệ giữa phát triển thương mại và kinh tế tri thức.

1. Tác động của kinh tế tri thức đối với phát triển thương mại

1.1. Kinh tế tri thức góp phần thúc đẩy quá trình hiện đại hóa các hoạt động thương mại.

Do tác động của các công nghệ hiện đại đang xuất hiện những hệ thống thương mại mới, hệ thống thương mại tự động, các giao dịch thương mại truyền thống đang được thay thế bởi các giao dịch bằng công nghệ điện tử, giúp cho các hoạt động xuất và nhập khẩu được tiến hành trôi chảy nhất, khắc phục được những hạn chế về chi phí, khoảng cách địa lý, tạo điều kiện sử dụng tối đa các cơ sở hạ tầng sẵn có.

1.2. Kinh tế tri thức đang tạo ra nhiều sản phẩm có hàm lượng kỹ thuật và công nghệ cao đưa vào trong lưu thông.

Thông qua việc khai thác tri thức, mỗi doanh nghiệp có thể sản xuất được nhiều sản phẩm hơn và sản phẩm có tính cạnh tranh hơn. Nền kinh tế tri thức đang là động lực để phát triển thêm nhiều sản phẩm và đưa chúng tới thị trường toàn cầu, và đến lượt nó, thị trường thương mại toàn cầu lại giúp cho các hoạt động trao đổi tri thức hoạt động hiệu quả hơn.

1.3. Kinh tế tri thức giúp cho việc mở rộng không gian hoạt động và rút ngắn thời gian của các chu trình kinh doanh thương mại.

Nền kinh tế tri thức lấy thị trường toàn cầu làm phạm vi hoạt động. Tri thức và thông tin qua mạng Internet đưa hoạt động kinh tế vượt khỏi biên giới quốc gia và tạo ra một không gian hoạt động thương mại rộng lớn hơn.

Tri thức lan truyền nhanh hơn, nhưng để cạnh tranh thì các doanh nghiệp phải có khả năng đổi mới sản phẩm nhanh hơn đối thủ của mình. Chính nhờ vậy mà vòng đời của một sản phẩm trong lưu thông được rút ngắn lại rất nhiều so với trước đây.

1.4. Kinh tế tri thức làm tăng quá trình phụ thuộc lẫn nhau trong quan hệ thương mại giữa các nước.

Trong mạng lưới sản xuất và trao đổi hàng hoá quốc tế đang diễn ra xu hướng quan hệ phụ thuộc lẫn nhau ngày càng sâu sắc. Bên cạnh sự phân công lao động phát triển theo chiều rộng, nền kinh tế tri thức đang tạo nên một mạng lưới phân công lao động theo chiều sâu. Đang có xu hướng hợp tác trao đổi thương mại với nhau trên cơ sở cùng cạnh tranh và phát triển. Sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia trong trao đổi thương mại vì vậy tăng lên nhằm tìm kiếm những cơ hội tốt nhất để cải tiến chất lượng sản phẩm.

2. Vai trò của thương mại đối với phát triển kinh tế tri thức

2.1. Thương mại mở đường cho giai đoạn phát triển mới của kinh tế tri thức.

Trong nền kinh tế tri thức, thương mại thế giới đang chuyển dần từ cạnh tranh về giá sang cạnh tranh về trình độ công nghệ. Trong bối cảnh đó, chính sách bảo hộ thương mại cũng đã có những thay đổi theo hướng bảo hộ công nghệ. Tuy nhiên, sự độc quyền công nghệ hiện đại đang phải đối mặt với quá trình tự do hoá thương mại đang diễn ra mạnh mẽ trên phạm vi toàn cầu nhằm đem lại lợi ích cho tất cả các quốc gia trên thế giới.

2.2. Thương mại thúc đẩy sự hình thành và phát triển kinh tế tri thức

Trong thời đại của khoa học công nghệ mới, thương mại là nơi chuyển tải và thúc đẩy sự phát triển của khoa học công nghệ.

Hoạt động thương mại quốc tế ngày nay không chỉ bao hàm quan hệ thương mại hàng hoá và đầu tư, mà còn bao hàm cả các hoạt động hợp tác khoa học và công nghệ, nâng cao năng lực công nghệ giữa các nước. Ngay trong quan hệ trao đổi hàng hoá cũng chứa đựng sự chuyển giao và phát triển khoa học và công nghệ. Hội nhập sâu hơn vào hệ thống thương mại thế giới, các nước có cơ hội thuận lợi trong tiếp nhận chuyển giao và phát triển năng lực khoa học - công nghệ để khai thác tiềm năng to lớn của đất nước.

2.3. Thương mại là một bộ phận cấu thành của nền kinh tế tri thức

Chính sách thương mại đóng vai trò rất quan trọng đối với các quốc gia. Nó giúp các Chính phủ có thể sử dụng các chính sách và biện pháp của mình để định hướng chiến lược sản phẩm và thị trường, lựa chọn những sản phẩm và công nghệ phù hợp với thời đại mới để phục vụ cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Trong nền kinh tế tri thức, thương mại là cầu nối đầu tiên giúp kinh tế có thể mở rộng được quy mô và nâng cao được trình độ phát triển. Và tất nhiên, khi kinh tế ngày càng phát triển, thương mại sẽ càng có nhiều đóng góp hơn nữa trong việc bổ sung, nâng cao và tăng thêm chất lượng cho nền kinh tế tri thức.

III. Đặc trưng của thương mại trong nền kinh tế tri thức

Trong quá trình hình thành và phát triển kinh tế tri thức, hoạt động thương mại mang những đặc trưng sau:

Thứ nhất, thương mại phát triển dựa trên nền tảng thông tin và tri thức.

Tri thức và kỹ năng đang trở thành các nguồn lực có lợi thế so sánh ưu việt nhất của các quốc gia và công ty. Ngày nay, yếu tố có tính quyết định nhất đến sự tăng năng suất, nâng cao sức cạnh tranh, đồng thời cũng là yếu tố quyết định sự giàu có của các quốc gia không còn là tài nguyên thiên nhiên, lao động và vốn như trước đây, mà là tri thức. Nếu như thương mại toàn cầu là động lực để mở rộng các cơ hội sản xuất kinh doanh, thì tri thức khoa học và công nghệ mới lại là động lực làm cho cơ hội sản xuất kinh doanh mở rộng thêm. Sự tăng nhanh về tỷ trọng của loại hàng hoá mang yếu tố tri thức trên thị trường thế giới đã khiến các quốc gia phải thay đổi phương thức đầu tư trong phát triển thương mại, một mặt tiếp tục đầu tư để phát huy các lợi thế so sánh tĩnh, sẵn có, mặt khác tăng cường đầu tư để phát triển các lợi thế động, hướng tới tương lai, nhằm nắm bắt và tận dụng những lợi thế so sánh mới để mở rộng hoạt động thương mại và tạo ra sự phát triển rút ngắn, nhất là đối với các nước công nghiệp hóa sau để đuổi kịp các nước phát triển.

Cùng với sự thay đổi cơ cấu sản phẩm trong hoạt động thương mại, đội ngũ những người trực tiếp tham gia quá trình trao đổi thương mại cũng có những thay đổi theo chiều hướng tiến bộ hơn, được đào tạo cơ bản hơn.

Thứ hai, thương mại điện tử trở thành phương thức hoạt động chủ yếu trong nền kinh tế tri thức.

So với phương thức hoạt động thương mại truyền thống, thương mại điện tử đang đem lại nhiều lợi ích hơn cho những nước, các đối tượng tham gia thương mại như đối với Chính phủ, doanh nghiệp và người tiêu dùng, do vậy, thương mại điện tử đang trở thành phương thức kinh doanh chi phối các hoạt động thương mại toàn cầu.

Thứ ba, không gian cho hoạt động thương mại được mở rộng mang tính toàn cầu cao.

Xu hướng tự do hoá thương mại trên thế giới đang lan rộng ở nhiều tầng nấc: song phương, đa phương và khu vực. Sự thay đổi của cơ cấu thương mại thế giới và sự phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử đang làm cho quá trình tự do hoá thương mại diễn ra nhanh hơn, rộng hơn. Sự bổ sung cho nhau, hợp tác với nhau và phụ thuộc lẫn nhau ngày càng tăng giữa các thị trường, các sản phẩm, các nước... đang làm mở rộng thị trường toàn cầu. Hầu hết các hoạt động thương mại giờ đây phải tuân theo luật chơi chung của các thể chế kinh tế và thương mại quốc tế như Tổ chức thương mại thế giới (WTO), Ngân hàng Thế giới (WB) và Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF).

Thứ tư, hàng hóa được trao đổi, mua bán trong nền kinh tế tri thức sẽ đa dạng và phong phú hơn nhưng chu kỳ sống của sản phẩm ngày càng rút ngắn.

Trong nền kinh tế tri thức, giá trị gia tăng ngày càng được tạo ra bởi những yếu tố vô hình như sáng chế, phát minh, thiết kế mẫu mã, tiếp thị, nhãn hiệu hàng hoá, dịch vụ tài chính, quản lý kinh doanh. Năng lực của nền kinh tế tri thức không những làm cho sản phẩm lưu thông trên thị trường thế giới mang tính đa dạng, từ hàng hoá truyền thống đến hàng hoá dịch vụ, hàng hoá trí tuệ, mà còn giúp cho chu kỳ sống của một sản phẩm chế tạo ngày càng rút ngắn. Quá trình đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng, mẫu mã, kiểu dáng và năng lực cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá diễn ra với tốc độ ngày càng nhanh.

Thứ năm, quá trình hoạt động thương mại trong nền kinh tế tri thức được rút ngắn lại.

Nhờ tạo khả năng tiếp cận thông tin nhanh, nền kinh tế tri thức đang giúp cho các thị trường hoạt động hiệu quả hơn. Nhờ hệ thống thương mại điện tử, người tiêu dùng có thể giao dịch trực tiếp với người sản xuất qua mạng Internet và máy tính, các công đoạn từ khâu lựa chọn hàng hóa đến thanh toán và giao hàng đều có thể thực hiện trên máy trực tuyến nên thời gian của các chu trình kinh doanh thương mại được rút ngắn nhiều. Với công nghệ thông tin, thế giới

đang được thu hẹp lại, khoảng cách về thời gian và không gian được rút ngắn, tư duy kinh tế và kinh doanh thương mại cổ điển đang được thay thế bằng một tư duy hiện đại hơn, linh hoạt hơn, rộng mở và tốc độ cao hơn.

Thứ sáu, Công tác quản lý Nhà nước về thương mại trong nền kinh tế tri thức thay đổi theo hướng linh hoạt, năng động và được thực hiện dựa trên nền tảng chính phủ điện tử.

Trong nền kinh tế tri thức, Nhà nước đồng thời là người sản xuất, người lưu giữ và sử dụng tri thức, người trao đổi sản phẩm tri thức ra thế giới bên ngoài. Do vậy, Nhà nước cần phải có những kỹ năng quản lý nhằm đáp ứng được những yêu cầu để thực hiện được cả ba vai trò trên. Nền kinh tế tri thức đòi hỏi một cơ chế quản lý thương mại gọn nhẹ, tin học hoá, số hoá và một đội ngũ cán bộ quản lý giàu tri thức. Công tác quản lý Nhà nước về thương mại cần được hiện đại hóa và thực hiện theo hệ thống mạng dựa trên nền tảng chính phủ điện tử.

IV. Kinh nghiệm phát triển thương mại trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức ở một số nước và bài học cho Việt Nam

1. Kinh nghiệm của một số nước

1.1. Kinh nghiệm của một số nước phát triển (Mỹ, EU, Nhật Bản)

+ Những nước này đã có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế phù hợp với nền kinh tế tri thức, có nền công nghiệp sản xuất hiện đại đứng hàng đầu thế giới, hệ thống các ngành dịch vụ phát triển, cơ sở hạ tầng vận tải viễn thông hiện đại, một nền nông nghiệp năng suất cao. Đây là điều kiện rất thuận lợi để hoạt động thương mại của các nước này có sự chuyển hướng phù hợp với thời đại mới.

+ Đây là những nước có nền kinh tế thị trường hiện đại và mở cửa thực sự và có những yếu tố tạo điều kiện thuận lợi để các nước này đẩy nhanh việc trao đổi sản phẩm tri thức, góp phần thúc đẩy nghiên cứu và trao đổi công nghệ mới.

+ Là những nước có sự tiến bộ nhất về R&D, với lực lượng lao động có trình độ cao, kể cả trình độ khoa học và trình độ quản lý, có đội ngũ cán bộ khoa học hùng hậu và được cấp bằng phát minh sáng chế nhiều nhất thế giới.

+ Tại các nước này tập trung nhiều Công ty xuyên quốc gia nổi tiếng thế giới, họ nắm bắt hầu hết tri thức, công nghệ, luồng vốn và các kênh trao đổi hàng hoá trên toàn cầu.

+ Các nước này có tốc độ phát triển thương mại điện tử mạnh nhất thế giới, tạo điều kiện thuận lợi cho trao đổi hàng hoá trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức.

1.2. Kinh nghiệm của một số nước đang phát triển (Hàn Quốc, Trung Quốc, Ấn Độ)

+ Hầu hết các nước trong khu vực đều có một xuất phát điểm kinh tế và kỹ thuật khá thấp, nhưng đã có những chiến lược phát triển kinh tế hợp lý cho từng thời kỳ. Mỗi nước đều có những chiến lược phát triển kinh tế tri thức riêng biệt và hiệu quả, có những chính sách thương mại mang tính cạnh tranh và hội nhập tương đối cao.

+ Các nước đang phát triển Châu Á đang tiến dần đến một nền kinh tế thị trường hoàn chỉnh, đồng bộ, thật sự mở cửa, với một thị trường tài chính lành mạnh, khả năng thanh toán trong nước và quốc tế cao.

+ Các nước này đã chú trọng đầu tư cho giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để có thể đáp ứng được các nhu cầu mới của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại.

+ Các nước này đang cố gắng xây dựng một cơ sở hạ tầng thông tin phát triển, có khả năng chuyển tải mọi thông tin một cách nhanh chóng đến mọi người dân, từ đó tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc truyền bá kinh tế tri thức.

2. Bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam

2.1. Mỗi nước cần có một kế hoạch, một chiến lược tổng thể về phát triển kinh tế dựa trên tri thức. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, Nhà nước luôn có một vai trò tối quan trọng để khởi xướng và thúc đẩy những mầm mống của kinh tế tri thức. Việt Nam cần nhanh chóng phải có một chiến lược hoặc một tầm nhìn tổng quan cho quá trình biến môi trường kinh tế - xã hội của đất nước trở nên thân thiện hơn với sự đổi mới, sáng tạo và tiếp thu tri thức trong nước và ngoài nước. Đòi hỏi có sự tương tác tốt hơn giữa các chính sách, thể chế, công nghệ, người dân và Chính phủ, chiến lược này sẽ mang tri thức tới mọi người dân, từ những người nông dân cho tới những nhà khoa học, từ doanh nghiệp cho tới Chính phủ để đạt được chất lượng cuộc sống cao hơn.

2.2. Hoạt động thương mại trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức đòi hỏi phải có những quan điểm và giải pháp mới về chiến lược sản phẩm, chiến lược thị trường và phương thức hội nhập. Thông qua thị trường sản phẩm ở các nước đã nghiên cứu cho thấy, khoa học và công nghệ đang trở thành lợi thế so sánh trực tiếp, nó có tính chất quyết định đến khả năng trao đổi và cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường. Việt Nam phải có một sự đánh giá đầy đủ về tầm quan trọng của khoa

học công nghệ trong phát triển kinh tế và có những chiến lược phát triển kinh tế - thương mại mang tính chất dài hạn và toàn diện hơn.

2.3. Đầu tư cho khoa học - công nghệ và chú trọng phát triển nguồn nhân lực đang là chìa khoá để phát triển nền kinh tế tri thức nói chung, hoạt động thương mại nói riêng.

Mức độ đầu tư cho khoa học - công nghệ và chất lượng nguồn nhân lực là yếu tố tạo nên lợi thế cạnh tranh nổi trội trong nền kinh tế tri thức, nó quyết định nước nào sẽ đón bắt nền kinh tế tri thức tốt nhất.

2.4. Để hoạt động thương mại trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức phát huy hiệu quả, cần phát triển ngành công nghệ thông tin vững mạnh và hệ thống thương mại điện tử hiện đại.

Công nghệ thông tin đóng vai trò chi phối các hoạt động sản xuất kinh doanh trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức và một hệ thống thương mại điện tử hiện đại sẽ giúp thị trường hàng hoá trong nước tiếp cận thuận lợi hơn với thị trường sản phẩm tri thức từ bên ngoài.

2.5. Xây dựng và hoàn thiện chính sách và thể chế. Mở rộng từng bước cho cạnh tranh trong việc cung cấp các dịch vụ viễn thông. Ban hành các chính sách và cơ chế để tạo thuận lợi cho việc trao đổi thông tin, đặc biệt là các dịch vụ thông tin trên mạng; có các chính sách hỗ trợ để phổ cập các dịch vụ viễn thông đến đông đảo công chúng, hỗ trợ về cước phí cho các trường đại học, tổ chức nghiên cứu phát triển. Xây dựng và ban hành tiêu chuẩn, quy chế quản lý; để thuận tiện cho việc kết nối; dễ dàng tiếp cận các dịch vụ thông tin, các nguồn cung cấp thông tin của Nhà nước và phát triển thương mại điện tử.

Phần thứ hai

THỰC TRẠNG TRÌNH ĐỘ VÀ KHẢ NĂNG ĐÁP ỨNG CỦA THƯƠNG MẠI VIỆT NAM TRONG QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH NỀN KINH TẾ TRI THỨC Ở VIỆT NAM

I. Khái quát thực trạng phát triển kinh tế và khả năng hình thành nền kinh tế tri thức ở Việt Nam

Qua phân tích, đánh giá khả năng thực tế của nền kinh tế nước ta, những kết quả đã đạt được trong thời gian qua cho thấy nước ta cũng có những yếu tố thuận lợi để tiến tới hình thành phát triển nền kinh tế tri thức trong tương lai.

1.1. Việc phát triển kinh tế tri thức và công nghệ thông tin là vấn đề mà Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm thông qua việc hoạch định chính sách phát triển, chính sách ưu tiên đầu tư và thành lập các tổ chức thực hiện.

Trong các văn bản đều khẳng định sự cần thiết, mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng, giải pháp phát triển công nghệ thông tin nước ta đến năm 2010. Qua đây thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với sự phát triển công nghệ thông tin ở nước ta, tạo cơ sở nền tảng cho phát triển nền kinh tế tri thức trong tương lai.

1.2. Trong quá trình phát triển kinh tế ở nước ta, đã có những cơ sở vật chất ban đầu của một nền công nghiệp mới, hiện đại ở một số ngành, lĩnh vực.

Khoa học công nghệ đã góp phần quan trọng vào việc xây dựng luận cứ khoa học cho đổi mới các chính sách phát triển kinh tế - xã hội. Một số ngành, lĩnh vực đã áp dụng những công nghệ kỹ thuật cao trong sản xuất và vận hành như công nghiệp điện tử, khai thác dầu khí, công nghiệp lắp ráp và chế tạo ô tô và xe máy, đóng mới tàu thủy, công nghệ sinh học (ngành nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp dược phẩm, công nghiệp môi trường). Một số ngành sản xuất, cung cấp dịch vụ cao cấp như bưu chính viễn thông cũng phát triển nhanh. Ngoài ra các doanh nghiệp, dân cư, các tổ chức, cá nhân trong quá trình hoạt động kinh doanh và tiêu dùng đã hướng vào việc khai thác các sản phẩm của công nghệ tri thức để phục vụ cho phát triển và nâng cao đời sống.

1.3. Công nghệ thông tin và viễn thông nước ta đang phát triển với tốc độ rất nhanh.

Nhờ chiến lược đi thẳng vào hiện đại hóa theo hướng số hóa, tự động hóa, đa dạng dịch vụ viễn thông. Từ đó đã tạo nên một mạng lưới viễn thông cố định, di động, trong nước, quốc tế có công nghệ hiện đại tương đương với các nước tiên tiến trên thế giới và đi trước về mặt công nghệ so với nhiều nước khác, cung cấp được hầu hết các dịch vụ viễn thông và Internet mà thế giới có. Đặc biệt trong những năm gần đây, việc ứng dụng công nghệ thông tin ngày càng chiếm vị trí, vai trò quan trọng trong các lĩnh vực tổ chức quản lý, phát triển kinh tế xã hội, nhất là trong một số lĩnh vực dịch vụ Nhà nước như hàng không, ngân hàng, bưu chính viễn thông...

1.4. Đầu tư phát triển nguồn nhân lực đã được cả xã hội coi trọng thông qua việc đầu tư cho giáo dục, đào tạo, trọng dụng nhân tài...

Đảng và Nhà nước ta đã sớm có đường lối đúng đắn như chủ trương, chính sách khuyến khích, thúc đẩy phát triển giáo dục - đào tạo và chính sách khoa học - công nghệ, đưa giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ lên vị trí quốc sách hàng đầu tạo nên sự phát triển mạnh về kinh tế xã hội. Kinh phí dành cho giáo dục, đào tạo được Nhà nước đầu tư tăng qua từng năm. Nhiều doanh nghiệp đã mạnh dạn đầu tư một khoản kinh phí khá lớn để mời chuyên gia trong và ngoài nước đến tư vấn hoặc bồi dưỡng nâng cao kiến thức cho cán bộ, công nhân viên của doanh nghiệp. Cả xã hội đang vận động theo hướng là một xã hội học tập trong đó có sự quan tâm đặc biệt và đầu tư cao của người dân cho con em mình tham gia các kỳ thi tuyển vào đại học, chuyên nghiệp, đầu tư cho con dự học theo các dự án đào tạo của nước ngoài hoặc đi du học nước ngoài.

1.5. Chính sách mở cửa và hội nhập quốc tế đã mang lại những kết quả quan trọng, đưa nước ta từng bước hội nhập với các nền kinh tế khu vực và thế giới.

Với chủ trương đa phương hóa và đa dạng hóa các quan hệ kinh tế, đến nay nước ta đã mở rộng quan hệ kinh tế với nhiều nước trên thế giới, trong đó có các nước công nghiệp phát triển. Nền kinh tế nước ta đang trong quá trình hội nhập với nền kinh tế thế giới thông qua hệ thống thông tin (môi trường, thị trường, khoa học công nghệ, kinh tế...). Hội nhập cũng giúp nước ta thu hút ngày càng nhiều vốn đầu tư nước ngoài, quan hệ thương mại được mở rộng, kim ngạch xuất nhập khẩu tăng nhanh, một số sản phẩm đã đủ sức cạnh tranh trên thị trường thế giới.

Tuy không có khả năng sớm tiến thẳng vào nền kinh tế tri thức, nhưng chúng ta hoàn toàn có thể lợi dụng xu thế phát triển dựa trên tri thức để thúc đẩy nền kinh tế Việt Nam đi lên. Để có thể hoạch định chiến lược, xác định các công việc cụ thể, nước ta cần phải có những nghiên cứu sâu sắc về các điểm mạnh và điểm yếu của đất nước trong bối cảnh nền kinh tế tri thức, trong bối cảnh các lợi thế so sánh không còn xuất phát từ các nguồn lực vật thể, mà xuất phát chủ yếu từ tri thức, từ các kỹ năng của con người.

II. Thực trạng trình độ và khả năng đáp ứng của thương mại Việt Nam trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức ở Việt Nam.

Việt Nam đã mở rộng quan hệ thương mại với hầu hết các nước trên thế giới, có tốc độ tăng trưởng thương mại luôn đạt mức cao, quy mô thị trường

được mở rộng, hàng hoá ngày càng phong phú, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2.1. Các hoạt động thương mại có nhiều chuyển biến tích cực và ngày càng phát triển dựa trên nền tảng thông tin và tri thức.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, Bộ Thương mại đã áp dụng nhiều biện pháp cụ thể để ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành thương mại như: phối hợp với một số Bộ, Ngành, địa phương xây dựng các sàn giao dịch điện tử nhằm khuyến khích các doanh nghiệp, người tiêu dùng tham gia thương mại điện tử. Để điều chỉnh các quan hệ thương mại điện tử, Nhà nước đã từng bước xây dựng một hệ thống pháp luật đầy đủ, thống nhất và cụ thể như luật giao dịch điện tử, chấp nhận chữ ký điện tử trong thanh toán ngân hàng... cùng với xây dựng hệ thống hạ tầng viễn thông hiện đại và hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho thương mại điện tử. Trong hoạt động kinh doanh, nhiều doanh nghiệp đã biết dựa vào thông tin và tri thức để nâng cao năng lực cạnh tranh. Các doanh nghiệp Việt Nam đã đầu tư nhiều hơn cho các ứng dụng thương mại điện tử trong kinh doanh. Dịch vụ có hàm lượng trí tuệ (dịch vụ chất xám) ngày càng chiếm vai trò quan trọng như dịch vụ thông tin, tư vấn, tài chính, tín dụng, dịch vụ thương mại điện tử...

2.2. Hàng hóa được trao đổi, mua bán trên thị trường ngày càng đa dạng, phong phú với sự gia tăng hàm lượng trí tuệ trong mỗi sản phẩm.

Các sản phẩm chế biến xuất khẩu có xu hướng ngày càng tăng trong tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước.

2.3. Hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại từng bước được đầu tư đổi mới theo hướng hiện đại, các hoạt động kinh doanh phát triển ngày càng đa dạng, phong phú và văn minh.

Nhờ có sự quan tâm của Nhà nước và đóng góp của nhân dân mà hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại nước ta ngày càng được đầu tư đổi mới theo hướng hiện đại, như trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tự chọn, các chợ đầu mối, trong đó có áp dụng nhiều trang thiết bị hiện đại, giúp cho việc giao dịch mua bán hàng hóa thuận tiện nhanh chóng với hiệu quả cao. Việc hình thành hệ thống phân phối hàng hóa hiện đại và sử dụng thương mại điện tử ngày càng nhiều trong lĩnh vực quản lý và kinh doanh.

2.4. Thị trường trong nước ngày càng hội nhập với thị trường quốc tế phù hợp với xu thế toàn cầu hóa.

Với chủ trương đa phương hoá và đa dạng hóa các quan hệ quốc tế, thị trường xuất nhập khẩu hàng hóa nước ta ngày càng được mở rộng với kim ngạch xuất nhập khẩu hàng năm đều tăng. Đến nay thị trường xuất nhập khẩu của nước ta đã được mở rộng với 220 nước và vùng lãnh thổ.

2.5. Công tác quản lý Nhà nước đối với thị trường và thương mại đã có nhiều đổi mới.

Các chính sách và công tác quản lý của Nhà nước đối với thị trường đã có nhiều thông thoáng, từ chỗ trực tiếp can thiệp, kiểm tra, kiểm soát thị trường là chủ yếu chuyển sang cơ chế tác động gián tiếp và tạo lập môi trường thuận lợi cho kinh doanh, tạo điều kiện cho các chủ thể kinh doanh theo pháp luật. Từng bước tạo sân chơi bình đẳng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Đặc biệt đối với thương mại quốc tế, Nhà nước đã áp dụng các chính sách đa dạng hóa các loại hình doanh nghiệp tham gia xuất khẩu, đa phương hóa thị trường và nhất là các chính sách về tỷ giá hối đoái linh hoạt, thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu.

Tuy đã đạt được những kết quả trên, nhưng trình độ phát triển của thương mại nước ta vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập trước yêu cầu của quá trình hình thành nền kinh tế tri thức ở Việt Nam. Cụ thể là:

- *Về ứng dụng khoa học và công nghệ trong thương mại*, nhìn chung trình độ phát triển công nghệ của Việt Nam còn thấp, mới dừng ở giai đoạn tiếp thu công nghệ của nước ngoài là chính, còn khả năng làm chủ công nghệ và sáng tạo công nghệ rất hạn chế. Hàm lượng công nghệ và chất xám trong hàng hóa của các doanh nghiệp nước ta còn thấp. Thị trường khoa học và công nghệ nước ta vẫn chưa thật sự phát triển, cả hai yếu tố cung và cầu của thị trường này đều rất yếu. Đội ngũ cán bộ thiếu các chuyên gia đầu ngành, cơ chế sử dụng cán bộ và trọng dụng nhân tài chậm được ban hành. Các ngành điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin còn rất non trẻ. Sản phẩm điện, điện tử được coi là một trong những ngành cơ bản của nền kinh tế tri thức, nhưng chỉ mới được phát triển gần đây ở Việt Nam.

- *Về lĩnh vực thương mại dịch vụ*, hầu hết các nhóm ngành dịch vụ khác như thương nghiệp, khách sạn, nhà hàng, quản lý Nhà nước, tài chính, tín dụng... đều giữ nguyên tỷ trọng hoặc giảm đi mặc dù về giá trị tuyệt đối có tăng.

+ Các loại hình dịch vụ kinh doanh nhìn chung có chất lượng thấp

+ Thị trường dịch vụ chưa hình thành một cách đầy đủ

+ Việc tổ chức quản lý đối với các hoạt động dịch vụ trong nước còn dàn trải, thiếu trọng điểm nên hiệu quả không cao.

- *Về lĩnh vực thương mại các sản phẩm trí tuệ,* Việt Nam chưa đáp ứng đủ các điều kiện cần thiết theo yêu cầu của nền kinh tế tri thức, bao gồm cả hệ thống pháp luật, phương thức phổ biến thông tin về thương mại các sản phẩm trí tuệ, chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng cơ sở hạ tầng, trình độ phát triển của nền kinh tế, và cả về thói quen, tập quán tiếp cận với thương mại trí tuệ.

- Về *lực lượng lao động thương mại*, đang còn nhiều bất cập khi phát triển thương mại trí tuệ. Thiếu hụt lớn đội ngũ cán bộ và lao động có kiến thức chuyên sâu phù hợp, trình độ ngoại ngữ còn yếu và chưa đồng đều.

- Về *công tác nghiên cứu thị trường, xúc tiến thương mại, tiếp thị...*, còn nhiều thụ động, thiếu những chiến lược dài hạn và trung hạn về thị trường, về mặt hàng. Phương thức kinh doanh xuất nhập khẩu còn lạc hậu so với thế giới, riêng về thương mại điện tử mới đang ở giai đoạn đầu.

Phần thứ ba

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI TRONG QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH NỀN KINH TẾ TRI THỨC Ở VIỆT NAM VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. Dự báo bối cảnh và các nhân tố tác động đến phát triển thương mại trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức ở Việt Nam thời kỳ đến năm 2010, 2020.

1. Bối cảnh trong nước

2. Bối cảnh quốc tế

II. Mục tiêu, quan điểm phát triển thương mại trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức ở Việt Nam thời kỳ đến năm 2010, 2020.

1. Mục tiêu:

Phát triển thương mại nước ta dựa trên nền tảng của sự phát triển thông tin và tri thức; trong đó phát triển thương mại điện tử là trọng tâm, nhằm góp phần đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong điều kiện từng bước phát triển kinh tế tri thức, để đến năm 2020, nước ta về căn bản trở thành một nước công nghiệp hóa có nền thương mại điện tử ngang tầm với các nước tiên tiến trên thế giới, đủ sức cạnh tranh và hội nhập với nền kinh tế khu vực và quốc tế, đồng thời thu hẹp khoảng cách so với các nước phát triển.

2. Các quan điểm:

- Phát triển thương mại nước ta dựa trên nền tảng của sự phát triển thông tin và tri thức là xu thế tất yếu và đòi hỏi khách quan của quá trình hội nhập với nền thương mại thế giới, là giải pháp hữu hiệu để ngành thương mại nước ta nâng cao hiệu quả và chất lượng hoạt động.

- Tập trung đầu tư phát triển thương mại điện tử, coi phát triển thương mại điện tử là trọng tâm của ngành thương mại trong thời gian tới.

- Đẩy mạnh đổi mới và hiện đại hóa các hoạt động thương mại bằng việc áp dụng công nghệ mới, mô hình tổ chức và phương thức kinh doanh tiên tiến, loại hình kinh doanh hiện đại.

- Phát triển thương mại dựa trên nền tảng của sự phát triển thông tin và tri thức cần có lộ trình và bước đi thích hợp, tránh tư tưởng cực đoan, bảo thủ hoặc chạy theo phong trào gây lãng phí.

- Đẩy mạnh phát triển và mở rộng thị trường, trong đó ưu tiên phát triển thị trường khoa học và công nghệ, tăng cường hội nhập với nền thương mại khu vực và thế giới.

III. Định hướng phát triển thương mại trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức ở Việt Nam thời kỳ đến năm 2010, 2020.

1. Phát triển thương mại Việt Nam phải dựa trên nền tảng của sự phát triển tri thức, tăng cường hàm lượng tri thức trong mỗi hoạt động của ngành.

Định hướng phát triển thương mại nước ta trong thời gian tới cũng phải phù hợp với xu thế phát triển chung của nền thương mại thế giới, đó là dựa trên nền tảng của sự phát triển tri thức, tăng hàm lượng tri thức trong mỗi hoạt động của ngành để hướng tới việc nâng cao khả năng cạnh tranh trong thương mại quốc tế và thích nghi nhanh với sự biến đổi của môi trường trong nước và trên thế giới. Trước tiên, chúng ta phải tập trung cho việc phát triển nguồn nhân lực để có được một đội ngũ quản lý, các nhà doanh nghiệp giỏi, sáng tạo trong công việc và thích nghi nhanh với sự biến động của cơ chế thị trường. Nguồn nhân lực trên đòi hỏi phải là những người có tri thức khoa học, có kỹ năng, kiến thức, kỷ luật lao động, tinh thần đổi mới và sáng tạo, khả năng thích ứng và tính linh hoạt cao, ham muốn học hỏi suốt đời. Do đó, để đáp ứng yêu cầu của sự phát triển trong thời gian tới, công tác giáo dục và đào tạo của nước ta vừa phải đáp ứng yêu cầu trước mắt của nền kinh tế dựa trên tài nguyên là chủ yếu, vừa phải chuẩn bị và hướng tới nền kinh tế tri thức. Giáo dục - đào tạo phải

được coi là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp chung, là trách nhiệm của các ngành các cấp và các lực lượng xã hội trong cả nước. Ngành thương mại cần có một lực lượng lao động đủ mạnh, có chất lượng cao với cơ cấu hợp lý; nhất là đối với các lĩnh vực dịch vụ như thông tin liên lạc, chuyển giao công nghệ, tư vấn đầu tư, khai thác thị trường, tài chính ngân hàng...

Cần có chương trình đào tạo lại, đào tạo mới liên tục, trong đó đi sâu vào trọng tâm bồi dưỡng rèn luyện phương pháp tư duy, phương pháp giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, khả năng tự đào tạo, thích nghi với sự phát triển, để mỗi cán bộ trong quản lý cũng như kinh doanh phải giỏi về nghiệp vụ, sáng tạo trong công việc, có kinh nghiệm thực tế. Đặc biệt phải giỏi về tin học và ngoại ngữ; có đủ khả năng và trình độ tham gia vào quá trình nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến của thế giới phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và phát triển ngành thương mại.

Để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đủ năng lực cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế trong xu thế mở cửa và hội nhập cần có định hướng để các doanh nghiệp đổi mới mạnh mẽ các hoạt động kinh doanh theo hướng chuyên sâu dựa trên nền tảng của sự phát triển tri thức. Trước tiên các doanh nghiệp phải tăng cường công tác nghiên cứu thị trường, lựa chọn những sản phẩm có thế mạnh, tiến hành cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm theo nhu cầu tiêu dùng ngày càng đa dạng và nâng cao của xã hội. Đổi mới cơ cấu tổ chức, phấn đấu giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, quan tâm đến xây dựng và phát triển thương hiệu doanh nghiệp, đăng ký để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của thương hiệu. Các doanh nghiệp cần đầu tư thỏa đáng để xây dựng được các kênh phân phối và mạng lưới bán hàng tối ưu. Tăng cường công tác quảng cáo, xúc tiến bán hàng và các dịch vụ trước, trong và sau bán hàng như dịch vụ chào hàng, bảo hành, sửa chữa miễn phí, vận chuyển đến tận tay người tiêu dùng... để kích thích sức mua của thị trường. Định hướng để các doanh nghiệp đầu tư mở rộng quy mô về vốn, cơ sở vật chất kỹ thuật, công nghệ, lao động và địa bàn kinh doanh, hoặc thông qua các hình thức liên doanh, liên kết các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế để thành lập các Tập đoàn kinh tế mạnh, các Tổng công ty đa ngành nghề, đa lĩnh vực và đa sở hữu.

Cần tập trung đầu tư cho nghiên cứu và triển khai để phát triển những sản phẩm hàng hóa có khả năng cạnh tranh trong hiện tại và tương lai; đồng thời có khả năng thích ứng nhanh với sự đổi mới của nhu cầu.

2. Phát triển thương mại điện tử là trọng tâm của các hoạt động thương mại trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức ở Việt Nam.

Để đẩy mạnh phát triển và tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế, chúng ta cần khắc phục những tồn tại, có định hướng và lộ trình phát triển thương mại điện tử trong thời gian tới và coi đây là nhiệm vụ trọng tâm của ngành. Thương mại điện tử sẽ là hình thức thương mại phổ biến trong một tương lai không xa và ngày càng đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế nước ta. Với phương châm tích cực, chủ động ứng dụng và phát triển thương mại điện tử, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, không chờ có đủ điều kiện mới phát triển thương mại điện tử. Do các điều kiện chưa đầy đủ và đồng bộ, nhất là về cơ sở hạ tầng thông tin, nguồn nhân lực, cơ sở pháp lý... nên cần phát triển từng bước để tránh lãng phí, sau rút kinh nghiệm rồi mở rộng dần.

Ưu tiên đầu tư hoàn thiện các cơ sở hạ tầng cho thương mại điện tử, đồng thời với các khâu chuẩn bị, ứng dụng, truyền bá, để đẩy mạnh hơn các hoạt động ứng dụng thương mại điện tử vào đời sống kinh tế - xã hội. Trước hết cần ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông, đó là một nền công nghiệp điện tử hiện đại, một hệ thống bưu chính viễn thông tiên tiến và trải rộng, một khối lượng lớn máy tính được nối mạng. Tiếp đến là đào tạo nguồn nhân lực cho thương mại điện tử, trong đó cần đào tạo được một lực lượng các nhà chuyên môn giỏi, đủ sức điều hành và khai thác mạng, có khả năng thực hiện tốt các giao dịch trên mạng, đọc biết được tiếng Anh. Ngoài ra cũng cần phát triển hệ thống thanh toán điện tử, hệ thống pháp lý, bảo mật thông tin và an toàn; xây dựng hệ thống tiêu chuẩn hoá công nghiệp và thương mại; bảo vệ sở hữu trí tuệ.

3. Phát triển thương mại Việt Nam theo hướng ngày càng hội nhập sâu, rộng vào nền thương mại thế giới.

Thương mại Việt Nam cần được đẩy mạnh phát triển theo hướng ngày càng hội nhập sâu, rộng vào nền thương mại thế giới; đây cũng là xu thế tất yếu khách quan đối với mọi quốc gia trên thế giới. Tham gia vào toàn cầu hóa, nước ta có thể đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế quốc tế với trọng tâm là mở cửa thị trường, tham dự, phân công, hợp tác quốc tế, tạo điều kiện kết hợp có hiệu quả nguồn lực trong nước và bên ngoài, mở rộng không gian và môi trường để phát triển và từng bước nâng cao vị thế của đất nước trong quan hệ kinh tế quốc tế. Với sự phát triển của công nghệ thông tin và mạng Internet, mạng lưới liên lạc viễn thông đã tạo điều kiện để các quốc gia kết nối với nhau, kèm theo là sự mở rộng thị trường hàng hóa, dịch vụ, thị trường tiền tệ, thị trường vốn với cam kết

ngày càng cao như giảm thuế nhập khẩu, bãi bỏ các hàng rào phi thuế, hàng hóa được lưu thông tự do thì ranh giới giữa thị trường trong nước và thị trường ngoài nước không đáng kể. Nhiều cơ hội sẽ mở ra cho nền kinh tế nước ta như: mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, tăng kim ngạch xuất khẩu, thu hút vốn đầu tư từ các nhà đầu tư nước ngoài, các nguồn viện trợ phát triển của các nước và các tổ chức tài chính quốc tế. Từ đó có điều kiện tiếp nhận công nghệ mới và tri thức quản lý, kỹ năng làm việc... thông qua các dự án đầu tư, nhập khẩu bằng phát minh, mua giấy phép, thuê chuyên gia tư vấn; đồng thời tham gia vào phân công lao động quốc tế, tạo thêm việc làm, cải thiện điều kiện lao động, tăng thu nhập cho người lao động. Lực lượng lao động nước ta có cơ hội tiếp cận với công nghệ tiên tiến và tác phong làm việc công nghiệp, từng bước nâng cao trình độ để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nước ta đang từng bước trở thành một khâu quan trọng trong mạng lưới sản xuất kinh doanh toàn cầu, trong đó có những hoạt động liên quan tới sự sản sinh, truyền bá và sử dụng tri thức. Để tạo điều kiện cho thương mại nước ta hội nhập sâu, rộng vào nền thương mại thế giới trong điều kiện từng bước phát triển kinh tế tri thức, nước ta cần có giải pháp đẩy mạnh phát triển thị trường khoa học và công nghệ. Đây là một nhiệm vụ có vai trò đặc biệt quan trọng, mang tính quyết định đến sự phát triển sản xuất cũng như trao đổi các sản phẩm tri thức của nước ta với các nước trên thế giới. Do đó cần có định hướng phát triển đồng bộ nhiều lĩnh vực, trong đó phải sớm thiết lập một quy chế đánh giá khoa học và công nghệ chặt chẽ, đúng đắn, trung thực, tương tự như tất cả các nước công nghiệp phát triển và nhiều nước đang phát triển. Ngoài ra, để nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm khoa học và công nghệ trên thị trường, thì Chính phủ phải sớm chỉ đạo xây dựng hệ thống đổi mới quốc gia. Đây là một mạng lưới bao gồm tất cả các cơ sở khoa học và công nghệ, các tổ chức quy hoạch chiến lược, các doanh nghiệp lớn, các tổ chức quản lý khoa học và công nghệ được nối mạng với nhau, là tổng hợp các hệ thống đổi mới của vùng, ngành, doanh nghiệp với sự phối hợp ngang, dọc trong phạm vi cả nước và được sự hỗ trợ mạnh mẽ của Chính phủ về tài chính, ngoại giao bằng các hiệp định kinh tế, các tổ chức kinh tế quốc tế... Nhà nước cần xây dựng hệ thống luật pháp về sở hữu trí tuệ và có cơ chế sử phạt hữu hiệu những hành vi vi phạm sở hữu trí tuệ.

4. Phát triển mạnh thương mại dịch vụ trong mối quan hệ với phát triển thương mại hàng hóa và vấn đề về quyền sở hữu trí tuệ.

Để đáp ứng nhu cầu phát triển trong điều kiện từng bước phát triển kinh tế tri thức ở nước ta, trong thời gian tới cần tập trung đầu tư phát triển thương mại dịch

vụ trong cơ cấu kinh tế, trong đó phát triển các hoạt động dịch vụ đa dạng cao cấp sẽ là hướng đi chủ đạo. Ưu tiên phát triển các lĩnh vực dịch vụ gắn với công nghệ hiện đại có tác động mạnh đến tăng trưởng kinh tế; đó là: Giáo dục đào tạo, thông tin liên lạc, chuyển giao công nghệ, tư vấn đầu tư và các dịch vụ nghiên cứu khai thác thị trường. Cần quan tâm khai thác các loại hình dịch vụ đặc thù như thương mại, vận tải, kho bãi, tài chính tín dụng, đây là những ngành đang giữ vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, tạo nhiều công ăn việc làm và đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế. Để góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của con người khi cuộc sống ngày càng được nâng cao, cần phát triển các loại hình dịch vụ vui chơi giải trí, học tập, du lịch, chăm sóc sức khoẻ, chăm sóc sắc đẹp và các dịch vụ văn hoá khác. Đặc biệt là khuyến khích và tạo mọi điều kiện để đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử. Phấn đấu để thương mại điện tử trở thành phương thức hoạt động thương mại chủ yếu của ngành thương mại và ngày càng được nhiều doanh nghiệp sử dụng trên thị trường.

Tuy nhiên, để đẩy mạnh phát triển, phải tính đến lợi ích của xã hội, lợi ích của người sở hữu các thành quả sáng tạo, do đó, phải tăng cường công tác quản lý Nhà nước về thương mại trong sở hữu trí tuệ. Trong bối cảnh đó, Việt Nam cần xây dựng cơ chế quản lý đồng bộ với các biện pháp quản lý cứng rắn trong phòng ngừa và ngăn chặn nguy cơ lạm dụng quyền sở hữu trí tuệ, mà điển hình nhất là tình trạng sử dụng quyền sở hữu trí tuệ để khống chế sự phát triển sáng tạo của người khác, gây sức ép đối với đối thủ cạnh tranh cũng như các doanh nghiệp trong nền kinh tế.

5. Phát triển thương mại theo hướng văn minh hiện đại, chú trọng đến bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng và bảo vệ môi trường.

Để nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế; đồng thời đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của sản xuất và dân cư, thương mại nước ta cần được phát triển theo hướng văn minh hiện đại; trong đó các cơ sở hạ tầng thương mại cùng với trang thiết bị phục vụ cần được hiện đại hóa. Trước tiên ngành thương mại cần tiến hành quy hoạch để thúc đẩy phát triển các loại hình kinh doanh hiện đại trên phạm vi toàn quốc và vùng lãnh thổ như: Trung tâm thương mại, siêu thị, các cửa hàng tự chọn, chợ bán buôn, sàn giao dịch... để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng. Đồng thời giúp các doanh nghiệp có điều kiện thuận lợi áp dụng những phương thức mua bán hiện đại, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong mua bán hàng hoá với phương thức thanh toán hiện đại, nhất là ứng dụng thương mại điện tử.

Các doanh nghiệp phải tự đổi mới, ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin và mạng Internet trong mọi hoạt động quản lý và kinh doanh thương mại. Đầu tư trang thiết bị, công nghệ cần thiết để có đủ điều kiện tham gia vào quá trình tin học cả nước, thực hiện nhiệm vụ của ngành, của đơn vị, từng bước tham gia thương mại điện tử. Tuy nhiên, với sự phát triển nhanh của khoa học và công nghệ cũng tạo điều kiện để phát triển những hành vi gian lận thương mại như sản xuất hàng nhái, hàng giả, hàng kém chất lượng... làm tổn hại đến lợi ích người tiêu dùng và môi trường sinh thái. Do đó, Nhà nước cần có giải pháp hữu hiệu để ngăn chặn những tiêu cực trên thông qua các quy định pháp luật cụ thể cùng với việc thường xuyên kiểm tra, kiểm soát thị trường.

6. Quản lý Nhà nước về thương mại phải dựa vào và gắn kết chặt chẽ với xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử.

Công tác quản lý Nhà nước về thương mại phải năng động và hiệu quả hơn, cần chuyển mạnh từ hình thức can thiệp trực tiếp sang các hình thức can thiệp gián tiếp thông qua các chính sách khuyến khích môi trường cạnh tranh phù hợp với quy luật thị trường. Nhà nước cần tích cực hơn trong việc thiết lập các mối quan hệ với các nước nhằm mở rộng hơn nữa cho các doanh nghiệp, thông qua đó mang lại nhiều hợp đồng cho giới kinh doanh. Các cơ quan quản lý Nhà nước nên trở thành "những nhà tư vấn" lớn nhất của doanh nghiệp về thông tin thị trường, về luật pháp và thông lệ quốc tế để giúp cho doanh nghiệp tránh được các rủi ro không cần thiết và là người bảo đảm chất lượng hàng hóa xuất khẩu của nước ta trên thị trường quốc tế. Cơ chế quản lý Nhà nước về thương mại phải tạo ra môi trường pháp lý mang tính rõ ràng, minh bạch, ổn định, bảo đảm tự do cho việc trao đổi các sản phẩm tri thức, khuyến khích các hoạt động kinh doanh thương mại dựa trên các nguồn lực tri thức, ứng dụng tri thức trong kinh doanh, nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế bằng sử dụng các nguồn lực tri thức. Cơ chế quản lý Nhà nước về thương mại cần linh hoạt có tính sáng tạo đòi hỏi có sự đổi mới cả về tư duy lẫn phương pháp để tạo ra môi trường kinh doanh thông thoáng, kích thích sản xuất và nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa trên thị trường. Nhà nước cần có những kỹ năng quản lý tốt để thực hiện được vai trò vừa là người sản xuất, người lưu giữ và sử dụng tri thức và trao đổi các sản phẩm tri thức ra thị trường thế giới. Nhà nước cần đầu tư mạnh vào xây dựng hệ thống thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành và quản lý các hoạt động thương mại trong nền kinh tế quốc dân, coi công nghệ thông tin là một trong những cơ sở quan trọng hàng đầu để hoà nhập thương mại trong nước với thương mại quốc tế. Công tác tin học hóa

quản lý hành chính Nhà nước cần được thực hiện quyết liệt với chất lượng hơn, bộ máy quản lý Nhà nước về thương mại đòi hỏi phải gọn nhẹ, được tin học hóa, số hóa, do đó phải đầu tư mạnh hơn cho xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và viễn thông; trong đó ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng thương mại điện tử cùng với đội ngũ cán bộ quản lý giầu tri thức. Tích cực tham gia chính phủ điện tử, gắn kết chặt chẽ với xây dựng và phát triển chính phủ điện tử chính là giải pháp hiệu quả nhất giúp cho công tác quản lý Nhà nước về thương mại đáp ứng được nhu cầu phát triển của ngành trong điều kiện từng bước phát triển kinh tế tri thức ở nước ta. Với sự phát triển của chính phủ điện tử sẽ tạo điều kiện cho ngành thương mại đẩy nhanh quá trình tin học hóa quản lý hành chính Nhà nước về thương mại, nâng cao hiệu quả cung cấp thông tin, trong các hoạt động kinh doanh, dịch vụ để phục vụ sản xuất và nâng cao đời sống dân cư.

IV. Các giải pháp chủ yếu nhằm phát triển thương mại trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức ở Việt Nam thời kỳ đến năm 2010, 2020.

1. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực cho ngành thương mại Việt Nam

- Đối với nhân lực trong lĩnh vực quản lý vĩ mô, Đào tạo và đào tạo lại về nghiệp vụ cho cán bộ quản lý của bộ, sở, ngành, mở các lớp bồi dưỡng, mời các chuyên gia có trình độ, kinh nghiệm đến tham gia đào tạo kể cả chuyên gia nước ngoài. Không ngừng nâng cao trình độ ngoại ngữ, sử dụng máy vi tính, về thương mại điện tử, trang bị kiến thức về sử lý số liệu bằng các công cụ hiện đại. Nhà nước cần có chính sách trong việc sử dụng nhân tài vào các vị trí quản lý thương mại.

- Đối với đội ngũ quản lý doanh nghiệp trong lĩnh vực thương mại cần được đào tạo một cách bài bản về kiến thức kinh doanh trong cơ chế thị trường. Tạo điều kiện cho các thương nhân đi tham quan, giao lưu học hỏi kinh nghiệm của các nước. Đào tạo sử dụng công nghệ thông tin cũng như trình độ sử dụng máy tính trong quản lý, trang bị cho các nhà kinh doanh kiến thức về thương mại điện tử.

Đối với các nhân lực khác, cần được đào tạo nghiệp vụ một cách bài bản về marketing trong bán hàng và chăm sóc khách hàng, cách thức sử dụng trang bị kỹ thuật hiện đại trong quá trình bảo quản, bảo hành, vận chuyển hàng hoá và nâng cao trình độ ngoại ngữ, vi tính.

- Tăng cường ngân sách đào tạo cho ngành thương mại

2. Giải pháp về đầu tư hiện đại hóa hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại.

Cần tập trung phát triển hệ thống giao thông vận tải, thông tin liên lạc và viễn thông; đặc biệt là hệ thống thương mại điện tử, dịch vụ điện tử với sự tham gia của Nhà nước, các Bộ, Ngành, địa phương và doanh nghiệp. Tiếp tục đẩy nhanh việc triển khai và ứng dụng chính phủ điện tử, nhất là các dịch vụ đối với doanh nghiệp để tạo điều kiện cho công tác tin học hóa quản lý hành chính Nhà nước được thực hiện tốt hơn. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cơ sở hạ tầng cần thiết để tham gia thương mại điện tử. Tranh thủ hợp tác quốc tế, học hỏi các kinh nghiệm phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin và mạng Internet từ các nước tiên tiến trên thế giới.

3. Giải pháp đổi mới quản lý Nhà nước về thương mại

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các chính sách thương mại theo hướng minh bạch hoá, giảm dần lộ trình bảo hộ bằng thuế nhập khẩu và các biện pháp bảo hộ khác phù hợp với thông lệ và cam kết quốc tế. Nhà nước cần đón đầu được những yếu tố, xu thế mới trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức, cần tính tới những hành vi thương mại mới, các hình thức kinh doanh mới, phạm vi điều chỉnh, đối tượng điều chỉnh rộng hơn để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế hoạt động kinh doanh trong môi trường thuận lợi, thông thoáng và bình đẳng. Cần ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động thương mại trong nền kinh tế quốc dân. Nhanh chóng ban hành luật giao dịch điện tử để tạo cơ sở pháp lý thúc đẩy phát triển thương mại điện tử, giúp cho các doanh nghiệp có hoạt động giao dịch thương mại trên mạng mạnh dạn hoạt động cùng với việc đổi mới các hình thức giao dịch điện tử. Mặt khác, luật giao dịch điện tử cũng tạo điều kiện để nhanh chóng triển khai mô hình chính phủ điện tử trên phạm vi cả nước. Tuy nhiên, cần đẩy nhanh tiến độ xây dựng chính phủ điện tử có hiệu quả với một lộ trình cụ thể; trong đó tập trung vào hoàn thiện và nâng cao chất lượng các trang thông tin điện tử (website) của các Bộ, Ngành, địa phương với nội dung phong phú, chất lượng, có tính cập nhật thường xuyên. Đẩy nhanh việc thực hiện Đề án tin học hóa quản lý hành chính Nhà nước; trong đó coi trọng việc cung cấp thông tin, các dịch vụ công, dịch vụ y tế, giáo dục trực tuyến ...

Tăng cường vai trò quản lý Nhà nước về thương mại trong Sở hữu trí tuệ, trong đó, tăng cường công tác giáo dục phổ biến pháp luật để mọi đối tượng nhận thức được đầy đủ về pháp luật sở hữu trí tuệ, thiết lập và củng cố một hệ thống quản lý Nhà nước về thương mại trong sở hữu trí tuệ đầy đủ và hiệu quả đồng

thời thắt chặt quản lý hàng giả, đảm bảo quyền lợi cho các hoạt động thương mại thực thi đúng pháp luật.

4. Giải pháp hợp tác quốc tế về thương mại

- Hợp tác quốc tế trong đào tạo nguồn nhân lực cho ngành thương mại với các ngành nghề mà việc phát triển kinh tế tri thức đặt ra như các ngành công nghệ cao, công nghệ sinh học...

- Hợp tác quốc tế trong thông tin và xúc tiến thương mại, nâng cao chất lượng thông tin, hiệu qủa của các hoạt động xúc tiến thương mại thông qua sự phối hợp chặt chẽ với các đại sứ, tham tán thương mại nước ngoài. Sử dụng có hiệu quả quỹ xúc tiến thương mại, ưu tiên đầu tư nâng cấp các cơ sở hạ tầng phục vụ công tác thông tin, xúc tiến thương mại, dành nguồn kinh phí thoả đáng để tham gia hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm, mở rộng thị trường v.v...

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ quản lý và kinh doanh thương mại. Nội dung hợp tác nghiên cứu cần đi sâu vào những vấn đề bức xúc nhất hiện nay như: nâng cao khả năng cạnh tranh của các sản phẩm xuất khẩu chủ lực, nội hóa các loại giống cây trồng, vật nuôi có chất lượng và giá trị kinh tế cao theo yêu cầu của thị trường hoặc những vấn đề khoa học và công nghệ có tầm tác động chiến lược dài hạn như phát triển công nghệ thông tin, vật liệu mới, chuyển đổi cơ cấu kinh tế và phát triển bền vững. Cần lựa chọn những sản phẩm mà Việt Nam có thể sản xuất mang lại hiệu quả, những sản phẩm có thể hợp tác với đối tác nước ngoài để cùng chia sẻ lợi ích.

- Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thương mại quốc tế về khoa học và công nghệ. Thông qua hợp tác quốc tế, nước ta có thể tiếp thu từ các nước các thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến nhất như máy móc thiết bị, vật liệu cao cấp, các sáng chế, phát minh, bí quyết công nghệ..., có thể thuê các chuyên gia hàng đầu của nước ngoài vào trao đổi, tư vấn, hợp tác nghiên cứu những vấn đề khoa học và công nghệ mà trong nước chưa đủ khả năng xử lý hoặc xử lý kém hiệu quả...

Việt Nam cần khẩn trương đưa ra lộ trình phát triển thương mại điện tử, coi sử dụng thương mại điện tử trong hợp tác quốc tế là một hình thức tất yếu khi kinh doanh trong nền kinh tế tri thức.

V. Một số kiến nghị

Kiến nghị với Chính phủ:

Chính phủ cần sớm nghiên cứu, xây dựng một chiến lược cho quá trình biến

môi trường kinh tế xã hội của đất nước trở nên thân thiện hơn với sự đổi mới sáng tạo và tiếp thu tri thức trong nước và ngoài nước. Tiếp tục đổi mới chính sách, tạo lập khuôn khổ pháp lý mới, hình thành đồng bộ hệ thống thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tạo môi trường pháp lý, thể chế hữu hiệu cho việc lưu thông tri thức và công nghệ; kích thích, thúc đẩy đổi mới thông qua các chính sách vĩ mô. Nhanh chóng xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ và sở hữu công nghiệp để khuyến khích đầu tư nước ngoài và chuyển giao công nghệ vào Việt Nam và khuyến khích chuyển giao công nghệ từ các kết quả nghiên cứu và triển khai trong nước cho các doanh nghiệp. Ưu tiên phát triển thị trường khoa học và công nghệ để khuyến khích phát triển sản xuất và trao đổi các sản phẩm trí thức, xây dựng cơ chế đầu tư mạo hiểm, thúc đẩy các nguồn lực hướng vào sáng tạo; đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Kiến nghị với Bộ Thương mại:

- Cần tập trung rà soát lại các văn bản pháp luật liên quan tới lộ trình kế hoạch khung về xây dựng và phát triển thương mại điện tử ở Việt Nam.

- Công khai hóa, minh bạch hóa các văn bản pháp luật và hệ thống chính sách, cơ chế đối với các tổ chức quốc tế và khu vực.

- Quá trình xây dựng nội dung và ban hành các văn bản pháp luật cần hướng vào nâng cấp tính tin cậy của việc sử dụng các phương tiện, phương pháp điện tử để thực hiện các hoạt động thương mại.

Một số khuyến nghị với hiệp hội, các doanh nghiệp:

Các doanh nghiệp cần nâng cao nhận thức và tạo lập các khả năng, điều kiện để tham gia vào nền thương mại toàn cầu như đầu tư phát triển nguồn nhân lực có đủ trình độ tiếp thu và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến, đặc biệt là ứng dụng phương thức kinh doanh thương mại điện tử, đầu tư các trang thiết bị hiện đại cần thiết để phục vụ kinh doanh và sẵn sàng chấp nhận cạnh tranh với mọi đối thủ trên thị trường trong nước và thế giới.

Kết luận

Trong những năm gần đây, xu thế chuyển sang nền kinh tế tri thức diễn ra phổ biến ở nhiều nước trên thế giới; trong đó có cả các nước đang phát triển. Để tránh nguy cơ tụt hậu, con đường tất yếu của Việt Nam là biết phát huy những lợi thế, tận dụng mọi khả năng thuận lợi nhằm từng bước phát triển kinh tế tri thức để đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Tham gia vào quá trình hình thành và phát triển nền kinh tế tri thức ở Việt Nam, đòi hỏi phải có sự đóng góp tích cực của các cấp, các ngành trong đó ngành Thương mại đóng vai trò rất quan trọng. Đề tài "Định hướng phát triển thương mại trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức ở Việt Nam" được triển khai nghiên cứu cũng nhằm mục tiêu trên.

Đề tài đã tập trung làm rõ một số vấn đề lý luận về kinh tế tri thức và phát triển thương mại trong nền kinh tế tri thức; đồng thời cũng đánh gía được thực trạng và khả năng đáp ứng của Thương mại Việt Nam trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức ở Việt Nam. Đề tài cũng đề xuất định hướng phát triển Thương mại trong quá trình hình thành nền kinh tế tri thức ở Việt Nam thời kỳ đến năm 2010, 2020 và các giải pháp thực hiện các định hướng đó.

Để tham gia vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong điều kiện từng bước phát triển kinh tế tri thức, ngành Thương mại nước ta cần xây dựng được những định hướng phát triển mang tính chiến lược dựa trên nền tảng của sự phát triển tri thức; trong đó phát triển thương mại điện tử là trọng tâm, tăng cường hội nhập sâu, rộng vào nền thương mại thế giới; đồng thời phát triển bền vững theo hướng văn minh, hiện đại cùng với việc tích cực đổi mới quản lý Nhà nước về thương mại.

Trong quá trình triển khai nghiên cứu, Ban chủ nhiệm đề tài đã nhận được sự giúp đỡ của Bộ Thương mại, các Bộ, ngành, địa phương, các chuyên gia trong việc cung cấp số liệu, đóng góp ý kiến để nội dung nghiên cứu ngày càng được hoàn thiện. Đây là đề tài nghiên cứu mang tính chiến lược đòi hỏi có cơ sở lý luận và thực tiễn cao, bao gồm nhiều nội dung phong phú liên quan đến nhiều lĩnh vực, nhưng với giới hạn của một đề tài nghuên cứu cấp Bộ sẽ không tránh khỏi những hạn chế nhất định. Ban chủ nhiệm đề tài kiến nghị với Bộ Thương mại cho tiếp tục mở rộng nghiên cứu, triển khai bổ sung những nội dung mới, những vấn đề phát sinh với quy mô lớn hơn để phục vụ tốt cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong điều kiện từng bước phát triển kinh tế tri thức ở nước ta./.